ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /ĐA-UBND	*An Giang, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN
THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC TỈNH AN GIANG

Phần thứ nhất
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC TỈNH AN GIANG

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Căn cứ chính trị

1.1. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

1.2. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

1.3. Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

1.4. Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28/6/2024 của Quốc hội quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1.5. Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW.

1.6. Nghị quyết 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

1.7. Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 03/10/2025 của Đảng bộ tỉnh An Giang về Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030; Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 13/11/2025 và Chương trình hành động số 02-CTr/ĐU ngày 12/9/2025 của Đảng ủy UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2. Căn cứ pháp lý

2.1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15).

2.2. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

2.3. Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 144/2025/QH15).

2.4. Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

2.5. Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về sửa đổi quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.6. Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

2.7. Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025.

2.8. Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

2.9. Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.10. Nghị định số 321/2025/NĐ-CP ngày 16/12/2025 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến Nhân dân về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính.

2.11. Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng điều chỉnh Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.12. Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

2.13. Quyết định số 616/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.14. Công văn số 365/TTg-TCCV ngày 06/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập đơn vị hành chính đô thị; Công văn số 2705/BNV-CQĐP ngày 25/3/2026 của Bộ Nội vụ về việc phân loại, lập hồ sơ bản đồ địa giới, công bố số liệu diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính và thành lập đơn vị hành chính đô thị;

2.15. Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 16/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt Đề án Xây dựng phát triển các đô thị động lực: Rạch Giá, Long Xuyên, Phú Quốc, Châu Đốc, Hà Tiên, Kiên Lương, An Biên, Giồng Riềng.

2.16. Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.17. Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15.

II. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC TỈNH AN GIANG

Tỉnh An Giang nằm ở vị trí cửa ngõ phía Tây Nam của đất nước, thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 185 km về phía Tây Nam, có vị trí địa lý cụ thể như sau: phía Đông giáp tỉnh Đồng Tháp và thành phố Cần Thơ, phía Tây giáp Vịnh Thái Lan, phía Nam giáp tỉnh Cà Mau và thành phố Cần Thơ, phía Bắc giáp Vương quốc Campuchia. Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, tỉnh An Giang có 9.893,92 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 5.062.758 người, với 102 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 85 xã, 14 phường và 03 đặc khu).

Tỉnh An Giang có địa hình đa dạng, bờ biển dài, với trên 145 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó lớn nhất là đảo Phú Quốc (đặc khu Phú Quốc) và xa nhất là quần đảo Thổ Chu (đặc khu Thổ Châu); nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, điều kiện tự nhiên thuận lợi đã tạo cho tỉnh nhiều tiềm năng và lợi thế trong phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp, kinh tế biển, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến nông - thủy sản và du lịch; nhiều danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử, văn hóa tiêu biểu cấp quốc gia. Nằm trên Hành lang Kinh tế phía Nam thuộc tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, An Giang là tỉnh có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, quốc phòng và đối ngoại, vừa có đường bờ biển dài hơn 200 km, vừa có tuyến biên giới trên bộ giáp Vương quốc Campuchia dài 147,888 km với 03 cửa khẩu quốc tế (Tịnh Biên, Vĩnh Xương, Hà Tiên), 03 cửa khẩu chính và 01 cửa khẩu phụ; là cửa ngõ kết nối vùng Đồng bằng sông Cửu Long với thành phố Hồ Chí Minh, Phnom Pênh và Vịnh Thái Lan. Vị trí địa lý này tạo điều kiện thuận lợi và tiềm năng rất lớn cho tỉnh An Giang phát triển kinh tế cửa khẩu, hàng hải và mậu dịch quốc tế; đẩy mạnh hoạt động giao lưu văn hóa, giao thương, phát triển logistics, du lịch và hợp tác quốc tế với các nước Đông Nam Á, đặc biệt là Campuchia và Thái Lan bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không. Ngoài ra, An Giang còn nằm trên các tuyến giao thông huyết mạch như trục ngang cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng (kết nối từ biên giới ra biển), trục dọc cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu, đường bộ ven biển đoạn Rạch Giá - Hòn Đất và từ Hòn Đất - Kiên Lương, Quốc lộ 80, Quốc lộ 91,… góp phần thúc đẩy kết nối, liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Năm 2026 là năm bản lề, cả hệ thống chính trị tỉnh An Giang tập trung cao độ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ I, nhiệm

kỳ 2025 - 2030, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng trưởng 02 con số bền vững, lan tỏa mô hình phát triển hiệu quả trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế thế giới, khu vực có nhiều biến động phức tạp, khó lường; nhiều diễn biến chưa từng có tiền lệ, vượt khỏi khả năng dự báo với một loạt thách thức, từ sụt giảm tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội, nợ xấu gia tăng, kim ngạch thương mại - đầu tư ảm đạm, cho tới những hệ lụy không mong muốn của bất ổn địa chính trị và các thách thức an ninh phi truyền thống. Trong bối cảnh đó, ngay từ đầu năm, tỉnh An Giang đã tập trung chỉ đạo, quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Bộ Chính trị, văn bản của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 theo từng tháng, từng quý nên hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh phát triển ổn định, đời sống người dân, thu nhập người lao động không ngừng được cải thiện và nâng cao. Tình hình kinh tế - xã hội đạt được nhiều kết quả khả quan, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định. Tốc độ tăng trưởng kinh tế 2025 (GRDP) đạt 8,39%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực đúng định hướng, trong đó khu vực nông - lâm - thủy sản chiếm 33,72%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 18,48%; khu vực dịch vụ chiếm 43,54% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,26%. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 12,89%, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 2,58% so với năm 2024; doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 197.404,5 tỷ đồng, tăng 17,86% so với cùng kỳ; tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt 109.509 tỷ đồng, đạt 100,2% dự toán địa phương; tổng chi ngân sách địa phương đạt 93.561 tỷ đồng, đạt 112,3% dự toán địa phương, trong đó chi thường xuyên đạt 16.175 tỷ đồng và chi đầu tư phát triển đạt 33.106 tỷ đồng. Năm 2025, toàn tỉnh thành lập mới được 3.979 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký là 32.142 tỷ đồng, tăng 75,5% so với cùng kỳ. Lĩnh vực văn hóa xã hội đều có những chuyển biến tích cực theo định hướng, hài hòa với phát triển kinh tế. Công tác giảm nghèo và chăm lo đời sống cho các đối tượng chính sách, xã hội được quan tâm thường xuyên; đến nay, toàn tỉnh hiện chỉ còn 1,03% hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều; công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và các chương trình giáo dục, y tế được thực hiện có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu học tập và khám chữa bệnh của Nhân dân trên địa bàn. Cơ sở vật chất, trường học, trang thiết bị y tế và các thiết chế văn hóa thể thao tiếp tục được đầu tư xây dựng phục vụ nhu cầu học tập, vui chơi giải trí ngày càng tăng của Nhân dân. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, tỉnh An Giang nói chung và đặc biệt là khu vực 22 xã được hình thành từ các thị trấn năm 2025 như: Châu Thành, Tân Hiệp, Giồng Riềng, Gò Quao, An Biên, An Minh, Vĩnh Phong, Hòn Đất, Kiên Lương, Ba Chúc, Thoại Sơn, Phú Hòa, An Châu, Vĩnh An, Châu Phú, Vĩnh Thạnh Trung, Vĩnh Hậu, An Phú, Phú Tân, Chợ Mới, Long Điền, Hội An có vị trí địa lý thuận lợi, phát triển nhanh về kinh tế - xã hội, tốc độ đô thị hóa cao; cùng với đó là việc tỉnh mới hình thành trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang theo Nghị quyết số

202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội và sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã làm phát sinh nhiều bất cập trong quản lý của chính quyền địa phương như: quản lý kinh tế; quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc; quản lý kết cấu hạ tầng kỹ thuật; quản lý dân cư; phòng chống các tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự công cộng, cảnh quan và bảo vệ môi trường,... mô hình quản lý chính quyền nông thôn như hiện nay không còn phù hợp, đòi hỏi sự ra đời của một bộ máy chính quyền đô thị (phường thuộc tỉnh) nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và quản trị của địa phương; đồng thời tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh theo định hướng điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang và các định hướng quy hoạch khác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Do đó, việc thành lập 22 phường gồm: Châu Thành, Tân Hiệp, Giồng Riềng, Gò Quao, An Biên, An Minh, Vĩnh Phong, Hòn Đất, Kiên Lương, Ba Chúc, Thoại Sơn, Phú Hòa, An Châu, Vĩnh An, Châu Phú, Vĩnh Thạnh Trung, Vĩnh Hậu, An Phú, Phú Tân, Chợ Mới, Long Điền và Hội An là yêu cầu khách quan, cấp thiết, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ trên địa bàn trong thời gian qua. Việc thành lập các phường không chỉ đáp ứng yêu cầu hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền đô thị, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, mà còn tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của từng địa phương và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân. Đồng thời, việc thành lập các phường sẽ góp phần đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa của tỉnh theo hướng bền vững, đồng bộ và hiện đại; từng bước hình thành mạng lưới đô thị liên kết chặt chẽ, phát triển các đô thị động lực, đô thị thông minh, tăng cường kết nối giữa các đô thị trong tỉnh với các trung tâm kinh tế, đô thị của khu vực và cả nước. Đây cũng là cơ sở để tập trung đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu theo quy hoạch được phê duyệt, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Mặt khác, việc thành lập các phường tạo tiền đề pháp lý quan trọng để kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương theo mô hình chính quyền đô thị, khắc phục những bất cập trong công tác quản lý, điều hành; bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy hoạch, định hướng phát triển đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời, việc thành lập các phường đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn của đơn vị hành chính theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; phù hợp với nguyện vọng, mong muốn của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân địa phương; góp phần củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, tạo nền tảng để nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, hướng tới mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và văn minh, hiện đại.

Phần thứ hai

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC XÃ DỰ KIẾN THÀNH LẬP PHƯỜNG THUỘC TỈNH AN GIANG

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CÓ LIÊN QUAN

1. Xã Châu Thành

1.1. Lịch sử hình thành

Sau khi hoàn thành việc chiếm đóng 03 tỉnh miền Tây Nam Kỳ, ngày 05/6/1867, thực dân Pháp ban hành nghị định chia 06 tỉnh Nam Kỳ thành 24 hạt tham biện. Lỵ sở của mỗi hạt được gọi là châu thành, giữ vai trò là trung tâm hành chính của hạt. Từ năm 1912, tên gọi Châu Thành chính thức được sử dụng để đặt cho nhiều đơn vị hành chính cấp quận tại các tỉnh Nam Kỳ. Khi các thị xã được thành lập với chức năng là tỉnh lỵ, phần diện tích còn lại của khu vực châu thành tiếp tục được tổ chức thành quận Châu Thành, về sau là huyện Châu Thành.

Ngày 20/5/1920, chính quyền thực dân Pháp thành lập quận Châu Thành thuộc tỉnh Rạch Giá, quận lỵ đặt tại làng Vĩnh Thanh Vân. Quận Châu Thành ban đầu gồm hai tổng là Kiên Hảo và Kiên Tường, quản lý nhiều làng trên địa bàn, hình thành nền tảng cho quá trình phát triển của huyện Châu Thành sau này.

Năm 1956, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đổi tên quận Châu Thành thành quận Kiên Thành thuộc tỉnh Kiên Giang mới được thành lập, quận lỵ vẫn đặt tại xã Vĩnh Thanh Vân. Đồng thời, một phần địa giới của quận Kiên Thành được tách ra để thành lập quận Kiên Tân (nay là khu vực huyện Tân Hiệp). Trong giai đoạn từ năm 1956 đến năm 1970, xã Vĩnh Thanh Vân vừa là quận lỵ quận Kiên Thành, vừa là nơi đặt tỉnh lỵ tỉnh Kiên Giang (Rạch Giá). Đến ngày 30/9/1970, chính quyền Việt Nam Cộng hòa thành lập lại thị xã Rạch Giá trên cơ sở tách hai xã Vĩnh Thanh Vân và An Hòa; đồng thời chuyển quận lỵ Kiên Thành về Rạch Sỏi.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, để phù hợp với yêu cầu lãnh đạo cách mạng, địa bàn Châu Thành được điều chỉnh nhiều lần. Huyện Châu Thành được chia thành hai huyện là Châu Thành và Châu Thành A. Trong đó, huyện Châu Thành tiếp tục thuộc tỉnh Rạch Giá; huyện Châu Thành A lần lượt trực thuộc các tỉnh Châu Hà và Long Châu Hà theo sự điều chỉnh của Trung ương Cục miền Nam. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30/4/1975), hai huyện tiếp tục được duy trì cho đến đầu năm 1976. Tháng 02/1976, thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính sau khi đất nước thống nhất, huyện Châu Thành thuộc tỉnh Kiên Giang được tái lập trên cơ sở hợp nhất huyện Châu Thành (tỉnh Rạch Giá) và huyện Châu Thành A (tỉnh Long Châu Hà). Khi mới thành lập, huyện có 10 đơn vị hành chính cấp xã gồm thị trấn Rạch Sỏi và 9 xã.

Ngày 24/5/1988, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 92-HĐBT về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành. Theo đó, huyện gồm

thị trấn Minh Lương và các xã Bình An, Giục Tượng, Minh Hòa, Mong Thọ A, Mong Thọ B và Vĩnh Hòa Hiệp. Trải qua nhiều lần điều chỉnh địa giới hành chính, đến trước năm 2025, huyện Châu Thành có thị trấn Minh Lương và các xã Bình An, Giục Tượng, Minh Hòa, Mong Thọ và Vĩnh Hòa Hiệp.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Minh Lương, xã Minh Hòa và xã Giục Tượng thành xã mới có tên gọi là xã Châu Thành và tồn tại cho đến ngày nay.

1.2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

1.2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Châu Thành có vị trí địa lý quan trọng, nằm ở khu vực trung tâm của tỉnh An Giang. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Giồng Riềng;
- Phía Tây giáp xã Bình An;
- Phía Nam giáp xã Long Thạnh và xã Định Hòa;
- Phía Bắc giáp phường Rạch Giá, xã Thạnh Lộc và xã Thạnh Đông.

1.2.2. Vai trò chức năng

Xã Châu Thành giữ vị trí quan trọng trong không gian phát triển của tỉnh An Giang, là trung tâm hành chính, kinh tế và dịch vụ của khu vực Châu Thành trước đây. Địa phương nằm trên các trục giao thông đối ngoại quan trọng, thuộc không gian phát triển của Hành lang kinh tế - xã hội Hà Tiên - Rạch Giá - Cà Mau, có vai trò kết nối thành phố Rạch Giá với các địa phương phía Nam của tỉnh và vùng Tứ giác Long Xuyên; đồng thời là đầu mối liên kết giữa các vùng sản xuất nông nghiệp, thủy sản tập trung với hệ thống đô thị, các cơ sở công nghiệp chế biến, thương mại, dịch vụ và các trung tâm logistics gắn với không gian kinh tế biển.

Trên địa bàn tập trung hệ thống hạ tầng đô thị tương đối đồng bộ, với khu vực đô thị trung tâm Minh Lương đang được đầu tư, chỉnh trang và mở rộng theo định hướng phát triển đô thị; Cụm công nghiệp Minh Hòa là hạt nhân thu hút các cơ sở sản xuất, chế biến, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Bên cạnh đó, địa phương có mạng lưới thương mại, dịch vụ phát triển với chợ Minh Lương và các tuyến phố kinh doanh sầm uất, đáp ứng nhu cầu giao thương của khu vực. Hệ thống giáo dục được đầu tư khá hoàn chỉnh với đầy đủ các cấp học, gồm nhiều trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông, tiêu biểu như Trường Trung học phổ thông Châu Thành, cùng các cơ sở giáo dục công lập khác, đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân trên địa bàn và các khu vực lân cận. Với lợi thế về vị trí địa lý,

hệ thống hạ tầng kỹ thuật - xã hội ngày càng hoàn thiện và vai trò là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ của khu vực, xã Châu Thành có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển thành đô thị hiện đại, là cực tăng trưởng quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường liên kết vùng và thực hiện mục tiêu xây dựng tỉnh An Giang phát triển nhanh, bền vững.

Trong định hướng phát triển không gian đô thị của tỉnh An Giang, xã Châu Thành được xác định là khu vực phát triển đô thị, thương mại và dịch vụ; là đầu mối kết nối giữa trung tâm tỉnh An Giang và các khu vực nằm phía Bắc tỉnh; đồng thời là địa bàn có vai trò quan trọng trong thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và nâng cao chất lượng đô thị của tỉnh trong giai đoạn tới.

1.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Châu Thành có 107,55 km^2 diện tích tự nhiên, trong đó: Đất phi nông nghiệp là 14,82 km^2, chiếm 13,78% và đất nông nghiệp là 92,73 km^2, chiếm 86,22%.

1.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

1.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, xã Châu Thành có quy mô dân số là 72.102 người, trong đó dân số thường trú là 70.992 người và dân số tạm trú là 1.110 người.

1.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã Châu Thành (từ 15 đến 60 tuổi) khoảng 39.828 người, chiếm 55,24% tổng dân số của xã.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động công nghiệp và xây dựng là 14.872 người, chiếm tỷ lệ 37,34%; lao động thương mại - dịch vụ là 13.406 người, chiếm tỷ lệ 33,66%; lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 11.550 người, chiếm tỷ lệ 29,00%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 28.278 người, chiếm tỷ lệ 71,00%.

1.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Châu Thành, cộng đồng dân cư gồm ba dân tộc chủ yếu là Kinh, Khmer và Hoa, sinh sống đoàn kết, gắn bó lâu đời, góp phần hình thành bản sắc văn hóa đa dạng và tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Dân cư phân bố không đồng đều, với mật độ trung bình khoảng 670 người/km^2, tập trung chủ yếu dọc theo các tuyến giao thông đối ngoại và các trục giao thông chính, tạo nên hai không gian dân cư đặc trưng gồm khu vực phát triển theo hướng đô thị và khu vực dân cư nông thôn truyền thống.

Khu vực có mật độ dân cư cao tập trung chủ yếu dọc Quốc lộ 61, tuyến CT.02 và khu vực trung tâm Minh Lương, nơi hội tụ các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các cơ sở thương mại, dịch vụ, sản xuất và chế biến. Đây cũng là địa bàn phát triển của Cụm công nghiệp Minh Hòa, chợ Minh Lương và

các khu dân cư, khu đô thị mới, tạo động lực thúc đẩy quá trình đô thị hóa, thu hút dân cư đến sinh sống, làm việc, đồng thời từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

Các khu vực còn lại chủ yếu là các điểm dân cư truyền thống, phân bố dọc theo các tuyến đường liên xã và hệ thống kênh, rạch, gắn với hoạt động sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, cùng với quá trình đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, mở rộng mạng lưới giao thông và phát triển các ngành kinh tế phi nông nghiệp, các khu vực này đang từng bước chuyển đổi theo hướng hình thành các điểm dân cư tập trung, gia tăng tỷ lệ lao động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ và công nghiệp, làm thay đổi rõ nét cấu trúc phân bố dân cư trên địa bàn.

Nhìn chung, cơ cấu và phân bố dân cư của xã Châu Thành đang chuyển dịch theo hướng tập trung vào khu vực đô thị, phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tốc độ đô thị hóa và định hướng quy hoạch của tỉnh An Giang. Đây là cơ sở quan trọng để tổ chức không gian đô thị, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng và xây dựng đơn vị hành chính theo mô hình phường trong giai đoạn tới.

1.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

1.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Từ một vùng đất giàu truyền thống văn hóa và cách mạng, Châu Thành hôm nay đang chuyển mình mạnh mẽ trở thành trung tâm đô thị hiện đại, năng động và giàu sức sống. Việc sáp nhập năm 2025 đánh dấu bước ngoặt quan trọng, mở ra không gian phát triển mới, phát huy hiệu quả các nguồn lực và tạo nền tảng để địa phương bứt phá, hướng tới mục tiêu xây dựng một đô thị kiểu mẫu thông minh.

Kinh tế - xã hội xã Châu Thành phát triển toàn diện trong năm 2025. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 6,29%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, đúng định hướng (tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ chiếm 80,26% trong cơ cấu kinh tế); trong đó ngành có tốc độ phát triển mạnh là công nghiệp - xây dựng (GRDP theo giá hiện hành đạt 4.649,97 tỷ đồng). Thương mại - dịch vụ bứt phá mạnh mẽ (GRDP theo giá hiện hành đạt 4.550,48 tỷ đồng). Các chỉ tiêu này phản ánh nền kinh tế địa phương đã hình thành rõ nét các yếu tố của kinh tế đô thị, kinh tế dịch vụ và công nghiệp hỗ trợ.

1.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Năm 2025, tổng thu ngân sách xã đạt 553.851,7 triệu đồng, tổng chi ngân sách xã đạt 446.215,5 triệu đồng. Cân đối thu chi ngân sách luôn luôn đạt dư, tỷ lệ thu/chi đạt 124,12%.

Nhìn chung công tác quản lý và sử dụng ngân sách được thực hiện đúng quy định, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, hiệu lực đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội trên địa bàn. Việc triển khai kế hoạch vốn đầu tư công được tập trung thực hiện đối

với các dự án hạ tầng kỹ thuật, giao thông, giáo dục, văn hóa và chỉnh trang đô thị; góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng, nâng cao chất lượng không gian đô thị và thúc đẩy phát triển toàn diện xã Châu Thành.

1.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Xã Châu Thành đã thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, tăng cường vốn và các cơ sở vật chất kỹ thuật để phát triển cả chiều rộng và chiều sâu. Trong những năm qua, bằng nhiều hình thức tỉnh An Giang và xã Châu Thành đã có những biện pháp tích cực để giải quyết việc làm cho người lao động như hỗ trợ, đầu tư xây dựng các mô hình kinh tế, phối hợp với các ngành liên quan để xúc tiến việc làm.

Theo nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội của toàn xã, đời sống dân cư tiếp tục được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người của xã không ngừng tăng qua các năm. Thu nhập bình quân đầu người của xã năm 2023 đạt 68,32 triệu đồng/người/năm, năm 2024 đạt 72,81 triệu đồng/người/năm và năm 2025 đạt 84,61 triệu đồng/người/năm; cao hơn 1,24 lần mức thu nhập bình quân đầu người tỉnh An Giang (tỉnh An Giang năm 2025 là 62,40 triệu đồng/người/năm). Với kết quả trên, Châu Thành là một trong những địa phương có bình quân thu nhập đầu người cao top đầu trong tỉnh An Giang và đạt chuẩn thành lập phường.

1.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Châu Thành là 1,25%, trong đó: năm 2023 là 1,47%, năm 2024 là 1,27% và năm 2025 là 1,02%.

1.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông - lâm - thủy sản

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò là ngành kinh tế chủ lực của xã Châu Thành, phát triển theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và thích ứng với biến đổi khí hậu. Địa phương tập trung chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, từng bước nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích canh tác. Sản xuất lúa tiếp tục đạt kết quả tích cực, chất lượng lúa hàng hóa ngày càng được nâng cao; bên cạnh đó, các loại cây ăn trái có giá trị kinh tế như rau màu, khóm và dừa được duy trì, phát triển ổn định, góp phần đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp và nâng cao thu nhập cho người dân. Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)" được quan tâm triển khai, đến nay toàn xã có 11 sản phẩm được chứng nhận OCOP, từng bước khẳng định giá trị và thương hiệu nông sản của địa phương.

Kinh tế thủy sản tiếp tục phát huy lợi thế tự nhiên, phát triển theo hướng khai thác gắn với nuôi trồng bền vững. Địa phương hiện quản lý 33 tàu cá với tổng công suất 10.680 CV, trong đó có 28 tàu khai thác và 05 tàu dịch vụ hậu cần nghề cá. Hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản được duy trì ổn định; diện tích nuôi thủy sản được khai thác hiệu quả với nhiều đối tượng nuôi phù hợp điều kiện sinh thái, góp phần nâng cao giá trị sản xuất và tạo việc làm, thu nhập cho

người dân ven biển. Việc thực hiện các quy định về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) được triển khai quyết liệt; 100% tàu cá có chiều dài từ 15 mét trở lên đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình theo quy định, công tác quản lý tàu cá, kiểm soát hoạt động khai thác và tuyên truyền pháp luật được thực hiện thường xuyên, từ đó nâng cao ý thức chấp hành của ngư dân và góp phần cùng cả nước thực hiện các khuyến nghị của Ủy ban châu Âu (EC).

Lĩnh vực chăn nuôi tiếp tục phát triển theo hướng an toàn sinh học và kiểm soát dịch bệnh. Công tác thú y được tăng cường thông qua việc chủ động xây dựng phương án phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; triển khai đồng bộ các biện pháp tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng và giám sát dịch tễ, hạn chế phát sinh và lây lan dịch bệnh. Việc kết hợp giữa sản xuất trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản đã góp phần hình thành cơ cấu sản xuất nông nghiệp tương đối đa dạng, nâng cao khả năng thích ứng trước những biến động của thị trường và điều kiện tự nhiên.

Nhìn chung, khu vực nông nghiệp, thủy sản của xã Châu Thành đang từng bước chuyển từ phát triển theo chiều rộng sang nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng; gắn sản xuất với tiêu chuẩn chất lượng, xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc và mở rộng thị trường tiêu thụ. Đây là lợi thế quan trọng, tạo nền tảng cho phát triển kinh tế nông thôn, ổn định sinh kế của người dân và khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương.

b) Công nghiệp - xây dựng

Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng trên địa bàn xã Châu Thành tiếp tục duy trì đà phát triển ổn định, từng bước khẳng định vai trò là khu vực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân. Hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề nông thôn được duy trì với quy mô ngày càng mở rộng; toàn xã hiện có 1.725 cơ sở sản xuất, kinh doanh, trong đó 86 cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, 123 doanh nghiệp và 1.516 cơ sở thương mại, dịch vụ đang hoạt động, hình thành mạng lưới sản xuất, kinh doanh tương đối đa dạng, đáp ứng nhu cầu của thị trường và góp phần giải quyết việc làm tại địa phương.

Các cơ sở sản xuất từng bước đổi mới phương thức hoạt động, chú trọng đầu tư máy móc, thiết bị, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, từng bước thích ứng với yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương tiếp tục khuyến khích phát triển doanh nghiệp, kinh tế tư nhân, các ngành nghề có lợi thế và hoạt động chế biến gắn với vùng nguyên liệu, tạo động lực thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn theo hướng bền vững.

Công tác quản lý nhà nước về xây dựng được thực hiện chặt chẽ, bảo đảm tuân thủ quy hoạch và các quy định của pháp luật. Việc quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai, hạ tầng giao thông và bảo vệ môi trường được tăng cường thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát thường xuyên; kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, bảo đảm mỹ quan, trật tự và kỷ cương trong hoạt động xây dựng trên địa bàn.

Cùng với sự phát triển của khu vực sản xuất, địa phương tiếp tục huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông, điện, cấp thoát nước và các công trình phục vụ dân sinh. Việc đầu tư đồng bộ hạ tầng không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất, kinh doanh mà còn mở rộng không gian phát triển, nâng cao năng lực thu hút đầu tư và tạo tiền đề cho quá trình phát triển đô thị trong tương lai.

c) Thương mại - dịch vụ

Hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã Châu Thành phát triển tương đối ổn định, đáp ứng yêu cầu lưu thông hàng hóa, tiêu dùng dân cư và phục vụ sản xuất. Cùng với sự phát triển của các cơ sở sản xuất, mạng lưới kinh doanh thương mại và các loại hình dịch vụ từng bước được mở rộng, tạo sự liên kết giữa sản xuất với thị trường, góp phần duy trì nhịp độ phát triển kinh tế và tạo việc làm cho lao động địa phương. Địa phương đặc biệt chú trọng nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại. Công tác kiểm soát thị trường, phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả được triển khai thường xuyên; Ban Chỉ đạo phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả được thành lập và duy trì hoạt động, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng cũng như các cơ sở sản xuất, kinh doanh chân chính trên địa bàn.

Đối với các ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, địa phương thực hiện quản lý theo đúng quy định của pháp luật; công tác cấp phép, kiểm tra và hướng dẫn được triển khai chặt chẽ, bảo đảm hoạt động kinh doanh đi vào nền nếp, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước. Việc kết hợp giữa phát triển thương mại với tăng cường kỷ cương thị trường đã góp phần hình thành môi trường kinh doanh ổn định, tạo niềm tin cho nhà đầu tư, doanh nghiệp và các hộ kinh doanh trong quá trình mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

1.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

1.6.1. Giáo dục - đào tạo

Giáo dục và đào tạo tiếp tục là một trong những lĩnh vực có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước khẳng định vai trò là nền tảng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của địa phương. Mạng lưới trường, lớp được quy hoạch phù hợp với điều kiện phát triển dân cư và nhu cầu học tập; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư theo hướng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Đến nay, toàn xã có 13/16 cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia, đạt 81,25%, tạo tiền đề quan trọng để nâng cao chất lượng dạy và học.

Điểm nổi bật của giáo dục Châu Thành không chỉ nằm ở việc mở rộng quy mô trường lớp mà còn ở việc duy trì chất lượng giáo dục phổ cập và xây dựng xã hội học tập. Địa phương giữ vững kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở; công tác xóa mù chữ đạt chuẩn mức độ 2. Tỷ lệ người dân trong độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi biết chữ đạt 99,78%, phản ánh mặt bằng dân trí ổn định và khả năng tiếp cận giáo dục của người dân ngày càng được nâng cao.

Cùng với việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới, địa phương chú trọng rà soát, sắp xếp mạng lưới trường học, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý giáo dục. Phong trào thi đua dạy tốt, học tốt được duy trì; công tác xã hội hóa giáo dục, khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập tiếp tục lan tỏa sâu rộng, huy động sự tham gia của gia đình, nhà trường và cộng đồng trong việc chăm lo sự nghiệp giáo dục.

Ngành giáo dục của Châu Thành không chỉ hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng dạy và học mà còn góp phần hình thành thế hệ công dân có tri thức, kỹ năng và ý thức trách nhiệm với cộng đồng. Việc duy trì nền giáo dục ổn định, chất lượng và có tính bao trùm đã tạo nên một lợi thế quan trọng trong phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực tiếp thu khoa học, công nghệ và khả năng thích ứng của lực lượng lao động trước yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

1.6.2. Y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn xã Châu Thành luôn được quan tâm, triển khai đồng bộ các hoạt động y tế dự phòng, khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu. Hệ thống y tế cơ sở tiếp tục được củng cố, thực hiện tốt nhiệm vụ khám, chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh, tiêm chủng mở rộng và các chương trình y tế quốc gia, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân.

Trạm Y tế xã duy trì thực hiện đầy đủ các quy định chuyên môn, tổ chức khám, chữa bệnh, sơ cấp cứu ban đầu, trực chuyên môn 24/24 giờ theo quy định; đồng thời phối hợp triển khai hiệu quả các chương trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng, phòng, chống dịch bệnh và truyền thông giáo dục sức khỏe. Công tác y tế dự phòng được chú trọng, chủ động giám sát tình hình dịch tễ, tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, góp phần bảo vệ sức khỏe Nhân dân và không để xảy ra các ổ dịch lớn trên địa bàn. Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm được tăng cường thông qua việc kiểm tra, hướng dẫn và tuyên truyền đối với các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống. Địa phương phối hợp với ngành Y tế tổ chức tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm cho các cơ sở thuộc diện quản lý; đồng thời thường xuyên kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, góp phần nâng cao nhận thức của các cơ sở sản xuất, kinh doanh và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.

Bên cạnh công tác khám, chữa bệnh, các chương trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, tiêm chủng mở rộng, dân số - kế hoạch hóa gia đình, phòng chống suy dinh dưỡng và quản lý các bệnh không lây nhiễm được triển khai thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng dân số và sức khỏe cộng đồng. Địa phương tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, từng bước hoàn thiện hệ thống y tế cơ sở theo hướng hiện đại, hiệu quả và phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân.

1.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân trên địa bàn xã Châu Thành không

ngừng được nâng cao; các phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư tiếp tục được duy trì và phát triển, tạo môi trường sinh hoạt văn hóa lành mạnh, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống được quan tâm thực hiện, đặc biệt là các hoạt động văn hóa của đồng bào dân tộc Khmer gắn với các ngày lễ, tết truyền thống, qua đó góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa đa dạng và tăng cường giao lưu, gắn kết giữa các cộng đồng dân cư trên địa bàn.

Phong trào văn hóa, văn nghệ và thể dục, thể thao quần chúng phát triển sôi nổi với nhiều hoạt động phong phú, thu hút đông đảo Nhân dân tham gia. Địa phương thường xuyên tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân, các giải thi đấu thể thao quần chúng, hội diễn văn nghệ và các hoạt động chào mừng những ngày lễ lớn của đất nước. Đặc biệt, giải đua ghe ngo mini và các hoạt động văn hóa truyền thống của đồng bào Khmer được tổ chức thường niên, tạo điểm nhấn trong đời sống văn hóa của địa phương, đồng thời góp phần quảng bá hình ảnh, con người và bản sắc văn hóa của xã Châu Thành.

Công tác thông tin và tuyên truyền được triển khai thường xuyên, kịp thời thông qua hệ thống 103 cụm loa truyền thanh FM và nhiều hình thức tuyên truyền trực quan khác. Nội dung tuyên truyền tập trung phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, cải cách hành chính, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường, phòng chống dịch bệnh và các phong trào thi đua yêu nước, góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân trong quá trình phát triển địa phương.

Song song với đó, địa phương quan tâm thực hiện công tác vệ sinh môi trường, duy trì hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt; từng bước đổi mới phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ công ích, góp phần xây dựng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

1.6.4. An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội trên địa bàn xã Châu Thành được triển khai đồng bộ, toàn diện, bảo đảm thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các nhóm yếu thế trong xã hội. Các chế độ trợ cấp thường xuyên, trợ cấp đột xuất, chính sách ưu đãi người có công, chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được thực hiện đúng đối tượng, đúng quy định, góp phần ổn định đời sống Nhân dân và bảo đảm an sinh trên địa bàn.

Công tác lao động, việc làm được quan tâm triển khai gắn với đào tạo nghề và phát triển nguồn nhân lực. Địa phương tích cực phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức đào tạo nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm và kết nối cung - cầu lao động; nhiều lao động được hỗ trợ tiếp cận cơ hội việc làm trong và ngoài tỉnh, góp phần nâng cao thu nhập, chuyển dịch cơ cấu lao động và giải quyết việc làm bền vững. Phong trào học nghề, nâng cao kỹ năng lao động ngày càng được người dân quan tâm, tạo tiền đề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của địa phương.

Công tác chăm lo người có công với cách mạng luôn được thực hiện chu đáo thông qua việc chi trả đầy đủ các chế độ ưu đãi, tổ chức thăm hỏi, tặng quà nhân các ngày lễ, tết và các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước. Các hoạt động "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn" được duy trì thường xuyên, thể hiện đạo lý tri ân đối với các gia đình chính sách và người có công, góp phần lan tỏa truyền thống tốt đẹp trong cộng đồng.

Đối với công tác giảm nghèo, địa phương tập trung thực hiện các chương trình hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề, tín dụng ưu đãi và trợ giúp tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, tạo điều kiện để hộ nghèo, hộ cận nghèo từng bước ổn định cuộc sống và nâng cao thu nhập. Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát được triển khai tích cực, góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt của người dân có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tiếp tục được duy trì ở mức cao; hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội phát huy hiệu quả, tạo điều kiện để các hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách được tiếp cận nguồn vốn ưu đãi phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, từng bước vươn lên ổn định cuộc sống.

An sinh xã hội của xã Châu Thành không chỉ được thể hiện qua việc thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ của Nhà nước mà còn ở sự kết hợp hài hòa giữa giải quyết việc làm, đào tạo nghề, tín dụng chính sách và chăm lo các đối tượng yếu thế. Đây là nền tảng quan trọng góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, củng cố sự ổn định xã hội và tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

1.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Công tác dân tộc, tôn giáo và tín ngưỡng trên địa bàn xã Châu Thành luôn được quan tâm triển khai theo đúng chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện kịp thời, tạo điều kiện để người dân cải thiện đời sống, từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các nhóm dân cư. Địa phương chú trọng triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ sinh kế, phát triển sản xuất, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Khmer. Các dự án thuộc chương trình được tổ chức thực hiện đúng mục tiêu, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đồng thời gìn giữ bản sắc văn hóa gắn với phát triển cộng đồng.

Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn diễn ra ổn định, đúng quy định của pháp luật; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân luôn được tôn trọng và bảo đảm. Chính quyền địa phương thường xuyên duy trì mối quan hệ gắn bó với các chức sắc, chức việc, người có uy tín trong các tôn giáo; quan tâm thăm hỏi, động viên các cơ sở tôn giáo nhân các dịp lễ lớn, tạo điều kiện thuận lợi để các hoạt động tôn giáo được tổ chức trang nghiêm, an toàn và đúng quy định. Các tổ chức tôn giáo và đồng bào có đạo tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, tham gia các hoạt động từ thiện, nhân đạo, bảo vệ môi trường và xây

dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, góp phần lan tỏa tinh thần đoàn kết, nhân ái và trách nhiệm với cộng đồng.

Song song với đó, công tác nắm tình hình, tuyên truyền, vận động quần chúng và bảo đảm an ninh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện thường xuyên; sự phối hợp giữa các lực lượng chức năng với các cơ sở tôn giáo và người có uy tín được tăng cường, góp phần giữ vững ổn định chính trị, tăng cường sự đồng thuận xã hội và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trong quá trình phát triển của địa phương.

1.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã Châu Thành luôn được giữ vững, tạo môi trường ổn định để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân. Nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được củng cố; lực lượng Quân sự và Công an xã được kiện toàn về tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động, phát huy tốt vai trò nòng cốt trong bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ngay từ cơ sở.

Công tác quốc phòng được triển khai toàn diện, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, quản lý lực lượng dự bị động viên và công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hằng năm. Việc tuyển quân được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy định, hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao; công tác huấn luyện, giáo dục quốc phòng - an ninh và xây dựng lực lượng vũ trang địa phương được duy trì thường xuyên, góp phần nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu và xử lý hiệu quả các tình huống phát sinh.

Lực lượng Công an xã chủ động nắm chắc tình hình, triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; tăng cường quản lý cư trú, quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và thực hiện hiệu quả Đề án phát triển dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử. Công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực công an được đẩy mạnh, tạo thuận lợi cho người dân trong thực hiện các thủ tục hành chính, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự.

Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả, gắn với việc xây dựng các mô hình tự quản về an ninh, trật tự ở khu dân cư. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, phòng chống tội phạm, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn cứu hộ và bảo đảm trật tự an toàn giao thông được triển khai thường xuyên, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của Nhân dân. Địa phương đồng thời chú trọng bảo đảm an ninh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có tôn giáo, kịp thời giải quyết các vụ việc phát sinh ngay từ cơ sở, không để hình thành điểm nóng hay các vụ việc phức tạp kéo dài.

Sự phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng Quân sự, Công an, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cùng với sự đồng thuận, tham gia tích cực của Nhân dân đã tạo nên thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc. Đây là nền tảng quan trọng để giữ vững ổn định chính

trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển bền vững của xã Châu Thành.

2. Xã Tân Hiệp

2.1. Lịch sử hình thành

Địa bàn xã Tân Hiệp ngày nay có lịch sử hình thành gắn liền với quá trình khai phá, phát triển của các làng Tân Hiệp, Tân Hội và Thạnh Đông thuộc tỉnh Rạch Giá trước đây. Trước thời kỳ Pháp thuộc, khu vực này thuộc địa bàn các làng Tân Hội, Mông Thọ (quận Châu Thành) và một phần làng Thạnh Hòa (quận Giồng Riềng). Khoảng những năm 1920, thực dân Pháp thành lập làng Tân Hiệp trên cơ sở tách một phần diện tích của các làng Tân Hội và Mông Thọ; sau đó tiếp tục thành lập làng Thạnh Đông trên cơ sở tách đất từ làng Thạnh Hòa. Đây là tiền thân của các đơn vị hành chính hợp thành xã Tân Hiệp hiện nay.

Đầu những năm 1950, quận Tân Hiệp được thành lập thuộc tỉnh Rạch Giá, quận lỵ đặt tại làng Tân Hiệp. Đến năm 1957, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đổi tên quận Tân Hiệp thành quận Kiên Tân thuộc tỉnh Kiên Giang, quận lỵ vẫn đặt tại xã Tân Hiệp. Trong khi đó, chính quyền cách mạng tiếp tục duy trì tên gọi huyện Tân Hiệp thuộc tỉnh Rạch Giá trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Sau khi đất nước thống nhất, tháng 02/1976, huyện Tân Hiệp được tái lập thuộc tỉnh Kiên Giang. Trải qua nhiều lần điều chỉnh địa giới hành chính, các xã Tân Hiệp, Tân Hội và Thạnh Đông không ngừng được đầu tư xây dựng, phát triển, từng bước trở thành trung tâm kinh tế, thương mại, dịch vụ và sản xuất nông nghiệp quan trọng của huyện Tân Hiệp.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Tân Hiệp và các xã Tân Hiệp B, Thạnh Đông B, Thạnh Đông thành xã mới có tên gọi là xã Tân Hiệp và tồn tại cho đến ngày nay.

2.2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

2.2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Tân Hiệp có vị trí chiến lược quan trọng, nằm ở khu vực phía Đông của tỉnh An Giang, thuộc không gian phát triển của Tiểu vùng phía Nam An Giang. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Thạnh Hưng;
- Phía Tây giáp xã Tân Hội;
- Phía Nam giáp xã Thạnh Đông;
- Phía Bắc giáp Thành phố Cần Thơ.

2.2.2. Vai trò chức năng

Xã Tân Hiệp có vị trí địa lý thuận lợi, nằm trên các trục giao thông huyết mạch của tỉnh An Giang, là cửa ngõ kết nối trung tâm tỉnh với các địa phương trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Địa bàn có tuyến cao tốc Mỹ An - Cao Lãnh (CT.01), Quốc lộ 80 và mạng lưới giao thông liên vùng đi qua, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu kinh tế, vận chuyển hàng hóa và thu hút đầu tư. Với lợi thế về vị trí và hạ tầng giao thông, Tân Hiệp giữ vai trò là đầu mối kết nối giữa vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của tỉnh với các trung tâm công nghiệp chế biến, thương mại, dịch vụ và hệ thống cảng biển khu vực Rạch Giá, góp phần thúc đẩy liên kết vùng và phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp.

Là trung tâm của khu vực Tân Hiệp trước đây, xã tập trung nhiều công trình hạ tầng kinh tế - xã hội, các cơ sở thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và các khu dân cư hiện hữu, giữ vai trò là trung tâm giao thương, cung ứng dịch vụ và phục vụ dân sinh cho khu vực phía đông của tỉnh. Đồng thời, đây cũng là vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, đặc biệt là lúa chất lượng cao và cây trồng ngắn ngày, gắn với phát triển công nghiệp chế biến, dịch vụ hậu cần nông nghiệp và logistics. Quá trình đầu tư đồng bộ về hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị và phát triển các ngành thương mại, dịch vụ đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đô thị và từng bước khẳng định vai trò của Tân Hiệp là một trong những cực tăng trưởng quan trọng của tỉnh An Giang trong giai đoạn mới.

2.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Tân Hiệp có 146,62 km^2 diện tích tự nhiên, trong đó: Đất phi nông nghiệp là 14,08 km^2, chiếm 9,60%; đất nông nghiệp là 132,27 km^2, chiếm 90,21% và đất chưa sử dụng là 0,27 km^2, chiếm 0,19%.

2.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

2.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, xã Tân Hiệp có quy mô dân số là 66.123 người, trong đó dân số thường trú là 65.697 người và dân số tạm trú là 426 người.

2.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Tân Hiệp là 32.949 người, trong đó: lao động công nghiệp và xây dựng là 11.762 người, chiếm tỷ lệ 37,74%; lao động thương mại - dịch vụ là 10.412 người, chiếm tỷ lệ 33,40%; lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 8.996 người, chiếm tỷ lệ 28,86%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 22.174 người, chiếm tỷ lệ 71,14%.

2.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Tân Hiệp chủ yếu là người Kinh. Phân bố dân cư trên địa bàn xã Tân Hiệp có sự chuyển biến rõ nét theo quá trình đô thị hóa, hình thành

hai khu vực chính gồm: khu dân cư phát triển theo hướng đô thị và khu dân cư truyền thống nông thôn, với mật độ dân cư phân bố không đồng đều, trung bình khoảng 451 người/km². Mật độ dân cư phân bố đa số theo các trục giao thông và tại trung tâm xã làm hình thành các điểm dân cư đô thị hoá tại địa phương.

2.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

2.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng cao và bắt đầu vào giai đoạn ổn định (sau một thời gian phát triển nhanh); mức tăng trưởng năm 2025 đạt 9,67%, trong đó ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất là thương mại - dịch vụ. Cơ cấu kinh tế của xã Tân Hiệp chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 69,74%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 9,17% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 21,09% trong cơ cấu kinh tế của xã. Các chỉ tiêu này phản ánh việc phát triển kinh tế xã hội của khu vực không phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp, điều này tác động lớn đến việc chuyển đổi căn bản cơ cấu lao động tại địa phương.

2.5.2. Thu, chi ngân sách

Xã Tân Hiệp có lợi thế về vị trí trong tỉnh cũng như có nội lực phát triển như lợi thế từ phát triển thương mại kết hợp dịch vụ nên tổng nguồn thu ngân sách phát sinh trên địa bàn đô thị khá lớn. Năm 2025, tổng thu ngân sách xã đạt 544,83 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách trên địa bàn luôn được cân đối với nguồn thu. Năm 2025, tổng chi Ngân sách xã đạt 508,59 tỷ đồng. Cân đối thu chi ngân sách luôn luôn đạt dư, đảm bảo nguồn tài chính cho sự phát triển ổn định, chủ động thực hiện các chương trình kế hoạch của địa phương.

2.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Xã Tân Hiệp đã thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, tăng cường vốn và các cơ sở vật chất kỹ thuật để phát triển cả chiều rộng và chiều sâu. Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã Tân Hiệp tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 65,66 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 72,00 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 75,00 triệu đồng/người/năm. Nền tảng kinh tế vững chắc này giúp xã Tân Hiệp khẳng định là một trong những địa phương có thu nhập bình quân đầu người cao trong tỉnh An Giang, hoàn thành xuất sắc và vượt tiêu chuẩn quy định về tiêu chí thu nhập đối với đơn vị hành chính thành lập phường.

Để đạt được kết quả trên, trong những năm qua, xã Tân Hiệp đã triển khai đồng bộ, quyết liệt nhiều giải pháp chủ động nhằm giải quyết việc làm bền vững cho người lao động. Địa phương đã tập trung hỗ trợ vốn, chuyển giao công nghệ, đầu tư xây dựng các mô hình kinh tế đô thị hiệu quả, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các ngành liên quan tổ chức các chương trình đào tạo nghề và xúc tiến việc làm gắn với nhu cầu thực tế của thị trường.

2.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Tân Hiệp là 1,00%, trong đó: năm 2023 là 1,68%, năm 2024 là 0,97% và năm 2025 là 1,02%.

2.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông - lâm - thủy sản

Sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Tân Hiệp tiếp tục phát triển ổn định, từng bước chuyển dịch theo hướng hiện đại, bền vững và nâng cao giá trị gia tăng. Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp và thủy sản (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 3.367 tỷ đồng, vượt 1,5% kế hoạch năm. Địa phương phát huy hiệu quả lợi thế về quỹ đất nông nghiệp, duy trì diện tích gieo trồng khoảng 35.609 ha với ba vụ sản xuất, tổng sản lượng lương thực đạt 246.228 tấn, góp phần quan trọng bảo đảm an ninh lương thực và cung cấp nguồn nguyên liệu ổn định cho công nghiệp chế biến.

Lĩnh vực chăn nuôi tiếp tục phát triển theo hướng an toàn sinh học, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và tăng cường kiểm soát dịch bệnh, duy trì ổn định tổng đàn gia súc, gia cầm trên 120 nghìn con. Hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản được duy trì ổn định, với sản lượng đạt 1.584 tấn, góp phần đa dạng hóa cơ cấu sản xuất nông nghiệp và nâng cao thu nhập cho người dân.

Địa phương tích cực triển khai tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã và xây dựng vùng nguyên liệu tập trung. Việc thực hiện Đề án "Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030" đạt nhiều kết quả tích cực, với 23 hợp tác xã tham gia xây dựng vùng chuyên canh lúa chất lượng cao trên diện tích 10.751 ha, từng bước hình thành nền sản xuất nông nghiệp hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Nhìn chung, sản xuất nông nghiệp của xã Tân Hiệp đang chuyển mạnh từ phát triển theo chiều rộng sang nâng cao chất lượng, hiệu quả và giá trị gia tăng; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và gắn với công nghiệp chế biến. Đây là nền tảng quan trọng để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân, đồng thời tạo nguồn lực phục vụ quá trình phát triển đô thị và xây dựng đơn vị hành chính theo mô hình phường.

b) Công nghiệp - xây dựng

Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng trên địa bàn xã Tân Hiệp tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá, từng bước khẳng định vai trò là động lực quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp năm 2025 đạt kế hoạch đề ra. Công nghiệp chế biến nông sản, đặc biệt là chế biến lúa gạo, tiếp tục giữ vai trò chủ lực, gắn với việc đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Địa phương tập trung phát triển vùng nguyên liệu ổn định, đẩy mạnh liên kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị; khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và các tiêu chuẩn sản xuất tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm. Đồng thời, việc phát triển hệ thống giao thông, hạ tầng kỹ thuật, các khu dân cư và công trình công cộng đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư xây dựng, góp phần chỉnh trang đô thị và nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng trên địa bàn.

Với lợi thế là trung tâm của khu vực Tân Hiệp, nằm trên các tuyến giao thông liên vùng quan trọng và có tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng (CT.02) đi qua, xã Tân Hiệp có nhiều điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư vào công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, thương mại, dịch vụ và logistics. Cùng với định hướng của tỉnh về phát triển hạ tầng cụm công nghiệp và nâng cao năng lực chế biến nông sản, lĩnh vực công nghiệp - xây dựng của địa phương được xác định sẽ tiếp tục là một trong những ngành kinh tế động lực, tạo việc làm, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, gia tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và xây dựng đơn vị hành chính theo mô đô thị.

c) Thương mại - dịch vụ

Hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã Tân Hiệp tiếp tục phát triển ổn định và giữ vai trò ngày càng quan trọng trong cơ cấu kinh tế địa phương. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2025 ước đạt 11.131 tỷ đồng, đạt 101,8% kế hoạch đề ra. Thị trường hàng hóa phát triển ổn định, bảo đảm cân đối cung - cầu; hoạt động kinh doanh tại các chợ, cơ sở thương mại và dịch vụ được duy trì hiệu quả, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân.

Kinh tế tư nhân tiếp tục khẳng định vai trò là một trong những động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đến năm 2025, trên địa bàn có 202 doanh nghiệp hoạt động ổn định và 668 hộ kinh doanh được cấp đăng ký trong năm, tạo thêm nhiều việc làm, mở rộng các loại hình thương mại, dịch vụ và nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương. Cùng với đó, 23 hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2023 đã phát huy hiệu quả trong cung ứng dịch vụ nông nghiệp, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, góp phần hình thành các chuỗi giá trị bền vững.

Sự phát triển đồng bộ của hệ thống thương mại, dịch vụ cùng với khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế tập thể đã từng bước khẳng định vai trò của Tân Hiệp là trung tâm giao thương của khu vực, tạo sức lan tỏa đến các địa bàn lân cận, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, gia tăng tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp và nâng cao chất lượng tăng trưởng của địa phương.

2.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

2.6.1. Giáo dục - đào tạo

Giáo dục và đào tạo là một trong những lĩnh vực phát triển nổi bật của xã Tân Hiệp, với hệ thống cơ sở giáo dục được đầu tư tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân trên địa bàn và các khu vực lân cận. Năm học

2025 - 2026, toàn xã huy động 7.879 học sinh đến trường; chất lượng giáo dục ở các cấp học được duy trì ổn định, tỷ lệ huy động học sinh và chuyên cần đạt cao. Mạng lưới trường lớp được quy hoạch hợp lý từ bậc mầm non đến trung học phổ thông; nhiều cơ sở giáo dục được đầu tư xây dựng đạt chuẩn quốc gia, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được quan tâm nâng cấp theo hướng hiện đại, tạo môi trường học tập an toàn, chất lượng và thân thiện.

Bên cạnh việc nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, địa phương chú trọng phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, đào tạo nghề và nâng cao kỹ năng cho người lao động, gắn với nhu cầu phát triển kinh tế và thị trường lao động. Với quy mô đào tạo ngày càng mở rộng, chất lượng giáo dục không ngừng được nâng lên và hệ thống trường học được đầu tư đồng bộ, xã Tân Hiệp từng bước khẳng định vai trò là trung tâm giáo dục của khu vực, tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương.

2.6.2. Y tế

Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn xã Tân Hiệp tiếp tục được quan tâm, đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân. Hệ thống y tế cơ sở được củng cố, các trạm y tế duy trì thực hiện hiệu quả công tác khám, chữa bệnh ban đầu, chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng, chống dịch bệnh và triển khai các chương trình y tế quốc gia. Việc tuân thủ quy trình kỹ thuật chuyên môn, phác đồ điều trị và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả khám, chữa bệnh và sự hài lòng của người dân. Trong năm 2025, tổng số lượt khám, chữa bệnh trên địa bàn đạt 53.116 lượt người, phản ánh năng lực tiếp nhận và phục vụ ngày càng được nâng cao của hệ thống y tế địa phương. Cùng với việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế, lĩnh vực y tế của xã Tân Hiệp từng bước đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe cộng đồng, tạo điều kiện để người dân được tiếp cận các dịch vụ y tế an toàn, thuận tiện và chất lượng ngay tại địa phương.

2.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Hoạt động văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền trên địa bàn xã Tân Hiệp được triển khai đồng bộ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị và nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tinh thần của Nhân dân. Công tác tuyên truyền, cổ động trực quan được tổ chức thường xuyên, kịp thời phục vụ các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn của đất nước, việc công bố các nghị quyết về sắp xếp đơn vị hành chính, Đại hội Đảng bộ các cấp, Đại hội Đảng bộ xã Tân Hiệp lần thứ I và đại hội của các tổ chức chính trị - xã hội. Hệ thống truyền thanh cơ sở hoạt động ổn định, bám sát tình hình thực tiễn địa phương, góp phần đưa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với Nhân dân, đồng thời lan tỏa các phong trào thi đua yêu nước, mô hình tiêu biểu và gương người tốt, việc tốt.

Phong trào văn hóa, văn nghệ và thể dục, thể thao quần chúng phát triển rộng khắp, thu hút đông đảo các tầng lớp Nhân dân tham gia. Hệ thống thiết chế

văn hóa, thể thao từng bước được đầu tư, khai thác hiệu quả; nhà thi đấu đa năng, sân vận động và các câu lạc bộ thể thao duy trì hoạt động thường xuyên, tạo môi trường rèn luyện sức khỏe và giao lưu cộng đồng. Trong năm, các hoạt động thể dục, thể thao thu hút gần 58.000 lượt người tham gia các môn như cầu lông, đá cầu, yoga và bóng đá, góp phần xây dựng lối sống lành mạnh, nâng cao thể chất và đời sống tinh thần của người dân. Sự phát triển đồng bộ của các hoạt động văn hóa, thể thao và thông tin tuyên truyền đã góp phần hình thành môi trường văn hóa lành mạnh, giữ gìn bản sắc địa phương và xây dựng hình ảnh một đô thị văn minh, giàu bản sắc trong quá trình phát triển.

2.6.4. An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội trên địa bàn xã Tân Hiệp được triển khai đồng bộ, toàn diện và kịp thời, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân và bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội. Các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các nhóm yếu thế được thực hiện đầy đủ, đúng quy định; chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công được triển khai hiệu quả, hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao, góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt và ổn định đời sống của các gia đình chính sách.

Công tác đào tạo nghề, tư vấn, giới thiệu và giải quyết việc làm tiếp tục được đẩy mạnh, tạo điều kiện để người lao động nâng cao trình độ nghề nghiệp, mở rộng cơ hội việc làm và tăng thu nhập. Công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được thực hiện thường xuyên, gắn với các giải pháp phòng, chống xâm hại, tai nạn, thương tích và bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền của trẻ em. Các chương trình phát triển thanh niên, thúc đẩy bình đẳng giới, hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và nâng cao vai trò của phụ nữ được triển khai hiệu quả, góp phần phát huy nguồn nhân lực và xây dựng cộng đồng phát triển toàn diện.

Bên cạnh đó, việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tiếp tục được quan tâm, tỷ lệ bao phủ ngày càng được nâng cao, tạo điều kiện để người dân tiếp cận các dịch vụ an sinh và chăm sóc sức khỏe một cách bền vững. Hệ thống chính sách an sinh xã hội được thực hiện hiệu quả không chỉ bảo đảm ổn định đời sống Nhân dân mà còn củng cố niềm tin xã hội, tăng cường sự gắn kết cộng đồng và tạo dựng môi trường sống an toàn, nhân văn, phù hợp với định hướng phát triển đô thị văn minh và bền vững.

2.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Công tác quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo và tín ngưỡng trên địa bàn xã Tân Hiệp được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và quyền bình đẳng giữa các dân tộc. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo được triển khai đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức tôn giáo và đồng bào có đạo sinh hoạt ổn định, thực hiện tốt phương châm "sống tốt đời, đẹp đạo", tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bên cạnh đó, các cơ sở tôn giáo thường xuyên phối hợp với chính quyền trong các hoạt động nhân đạo, từ thiện, chăm lo an sinh xã

hội và hỗ trợ các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, góp phần phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố sự đồng thuận xã hội và giữ vững môi trường ổn định phục vụ phát triển của địa phương.

2.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã Tân Hiệp luôn được giữ vững, tạo môi trường ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Lực lượng quân sự địa phương duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, thực hiện tốt công tác huấn luyện, xây dựng lực lượng, diễn tập khu vực phòng thủ và phương án ứng phó với các tình huống khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh theo quy định; đồng thời hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc.

Công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được triển khai đồng bộ, chủ động nắm chắc tình hình, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở, không để hình thành điểm nóng, vụ việc phức tạp. Lực lượng Công an tăng cường tuần tra, kiểm soát, thực hiện hiệu quả các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm; chú trọng phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng cháy, chữa cháy. Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" tiếp tục được phát huy sâu rộng, thu hút sự tham gia tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân, qua đó xây dựng thế trận an ninh vững chắc ngay từ cơ sở, góp phần giữ gìn môi trường sống an toàn, ổn định và tạo niềm tin cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình đầu tư, sản xuất và phát triển.

3. Xã Giồng Riềng

3.1. Lịch sử hình thành

Địa bàn xã Giồng Riềng ngày nay có lịch sử hình thành gắn liền với vùng trung tâm của huyện Giồng Riềng trước đây. Ngày 20/5/1920, thực dân Pháp thành lập quận Giồng Riềng thuộc tỉnh Rạch Giá, quận lỵ đặt tại làng Thạnh Hòa. Trong quá trình phát triển, khu vực trung tâm quận từng bước hình thành các điểm dân cư, cơ sở hành chính và các hoạt động thương mại, dịch vụ, tạo nền tảng cho sự phát triển của đô thị Giồng Riềng sau này.

Sau năm 1956, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đổi tên quận Giồng Riềng thành quận Kiên Bình thuộc tỉnh Kiên Giang, quận lỵ vẫn đặt tại khu vực trung tâm Giồng Riềng. Trong khi đó, chính quyền cách mạng tiếp tục duy trì tên gọi huyện Giồng Riềng thuộc tỉnh Rạch Giá trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Với vị trí là trung tâm hành chính của địa phương, khu vực Giồng Riềng không chỉ giữ vai trò quan trọng trong công tác quản lý hành chính mà còn là địa bàn có nhiều đóng góp trong các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc.

Sau khi đất nước thống nhất, tháng 02/1976, huyện Giồng Riềng được tái lập thuộc tỉnh Kiên Giang, gồm thị trấn Giồng Riềng và các xã trực thuộc. Trải qua nhiều lần điều chỉnh địa giới hành chính nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển kinh tế - xã hội, thị trấn Giồng Riềng cùng các xã khu vực trung tâm

không ngừng được đầu tư xây dựng, từng bước trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, thương mại, dịch vụ, văn hóa và giáo dục của huyện Giồng Riềng.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Giồng Riềng và các xã Bàn Tân Định, Thạnh Hòa, Bàn Thạch, Thạnh Bình thành xã mới có tên gọi là xã Giồng Riềng và tồn tại cho đến ngày nay.

3.2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

3.2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Giồng Riềng nằm ở phía Tây Nam và là 01 trong 102 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang, có địa giới hành chính cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp xã Ngọc Chúc và xã Thạnh Hưng;
- Phía Tây giáp xã Châu Thành;
- Phía Nam giáp xã Long Thạnh;
- Phía Bắc giáp xã Thạnh Đông.

3.2.2. Vai trò chức năng

Xã Giồng Riềng có vị trí địa lý thuận lợi, nằm ở khu vực trung tâm phía Tây của tỉnh An Giang, giữ vai trò là đầu mối kết nối giữa các địa phương trong vùng Tứ giác Long Xuyên với thành phố Rạch Giá và các khu vực ven biển của tỉnh. Với hệ thống giao thông tương đối đồng bộ, kết nối thuận lợi với các tuyến giao thông liên vùng, xã là cửa ngõ giao thương quan trọng, tạo điều kiện thúc đẩy lưu thông hàng hóa, phát triển thương mại, dịch vụ và mở rộng liên kết kinh tế giữa các địa phương trong tỉnh. Là địa bàn kế thừa vai trò trung tâm của huyện Giồng Riềng trước đây, xã tập trung nhiều cơ quan hành chính, cơ sở giáo dục, y tế, thương mại và các thiết chế văn hóa, giữ vai trò là trung tâm cung cấp các dịch vụ công và dịch vụ đô thị cho khu vực lân cận. Đồng thời, đây cũng là vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của tỉnh, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao, gắn với phát triển các hợp tác xã, vùng nguyên liệu tập trung và công nghiệp chế biến nông sản, góp phần bảo đảm an ninh lương thực và nâng cao giá trị chuỗi sản xuất nông nghiệp của tỉnh An Giang.

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã Giồng Riềng giữ vai trò là một trong những cực phát triển của khu vực phía Tây, vừa là trung tâm hành chính - thương mại - dịch vụ của tiểu vùng, vừa là hạt nhân thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển đô thị gắn với nông nghiệp hiện đại. Đô thị Giồng Riềng được định hướng là đô thị vệ tinh kết nối với đô thị Rạch Giá, phát triển theo mô hình đô thị

dịch vụ - thương mại, lấy sản xuất lúa chất lượng cao và chế biến nông sản làm nền tảng; đóng vai trò trung tâm dịch vụ nông sản của tiểu vùng Tây sông Hậu, gắn với cụm công nghiệp Thạnh Hưng I, hình thành trung tâm chế biến nông sản hiện đại, kết nối thuận lợi với các địa phương trong vùng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

3.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Giồng Riềng có 122,02 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: Đất nông nghiệp là 96,73 km^2, chiếm 79,27%; đất phi nông nghiệp là 20,22 km^2, chiếm 16,57% và đất khác là 5,07 km^2, chiếm 4,16%.

3.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

3.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, xã Giồng Riềng có quy mô dân số là 72.050 người, trong đó dân số thường trú là 71,475 người và dân số tạm trú là 575 người.

3.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế xã Giồng Riềng là 38.408 người, chiếm 81,58% tổng số người trong độ tuổi lao động.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động công nghiệp và xây dựng là 14.323 người, chiếm tỷ lệ 37,29%; lao động thương mại - dịch vụ là 13.216 người, chiếm tỷ lệ 34,41%; lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 10.869 người, chiếm tỷ lệ 28,30%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 27.539 người, chiếm tỷ lệ 71,70%.

3.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Giồng Riềng người Kinh chiếm đa số (chiếm 79,12%), tỷ lệ dân số là dân tộc thiểu số chiếm 20,88%. Dân cư xã Giồng Riềng phân bố chủ yếu tại vùng trung tâm của huyện Giồng Riềng cũ tạo thành chuỗi dân cư liên kết liền mạch, bổ trợ cho nhau với mật độ dân số ở mức thấp đến trung bình 590,5 người/km^2. Khu vực trung tâm hành chính có dân cư phân bố đồng đều, mang hình thái rõ nét của đô thị. Các khu dân cư phát triển mạnh dọc theo các trục giao thông và tại trung tâm xã làm hình thành các điểm dân cư đô thị hóa tại địa phương.

3.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

3.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Kinh tế - xã hội xã Giồng Riềng phát triển toàn diện trong năm 2025. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 8,10%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, đúng định hướng, trong đó: ngành thương mại - dịch vụ chiếm 42,64%, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 27,50% và ngành nông - lâm - thủy sản chiếm 29,86% trong cơ cấu kinh tế năm 2025 của xã.

3.5.2. Thu, chi ngân sách

Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 582,79 tỷ đồng; tổng chi ngân sách xã đạt 582,79 tỷ đồng. Cân đối thu chi ngân sách luôn luôn đủ, đảm bảo nguồn tài chính cho sự phát triển ổn định, chủ động thực hiện các chương trình kế hoạch của địa phương.

3.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Xã Giồng Riềng đã thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, tăng cường vốn và các cơ sở vật chất kỹ thuật để phát triển cả chiều rộng và chiều sâu. Trong những năm qua, bằng nhiều hình thức xã Giồng Riềng đã có những biện pháp tích cực để giải quyết việc làm cho người lao động như hỗ trợ, đầu tư xây dựng các mô hình kinh tế, phối hợp với các ngành liên quan để xúc tiến việc làm.

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 71,54 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 75,00 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 83,00 triệu đồng/người/năm.

3.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Giồng Riềng là 1,33%, trong đó: năm 2023 là 1,69%, năm 2024 là 1,27% và năm 2025 là 1,03%.

3.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông - lâm - thủy sản

Nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò là ngành kinh tế quan trọng của xã Giồng Riềng, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng khoa học - kỹ thuật và nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm. Năm 2025, tổng sản lượng lúa đạt 142.124 tấn, vượt kế hoạch đề ra, với năng suất bình quân 6,51 tấn/ha; diện tích sản xuất lúa chất lượng cao chiếm khoảng 98% tổng diện tích gieo trồng, khẳng định vị thế của địa phương là một trong những vùng sản xuất lúa hàng hóa trọng điểm của tỉnh An Giang. Bên cạnh cây lúa, diện tích gieo trồng rau màu đạt 2.506 ha, góp phần đa dạng hóa cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Lĩnh vực thủy sản tiếp tục duy trì tốc độ phát triển ổn định, với tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng đạt 30.351 tấn, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng khu vực nông nghiệp và tạo việc làm, thu nhập cho người dân. Đồng thời, địa phương chú trọng phát triển sản xuất theo hướng an toàn, bền vững; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, mở rộng liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm và từng bước hình thành các vùng sản xuất tập trung theo chuỗi giá trị. Công tác phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu được quan tâm triển khai thường xuyên, góp phần giảm thiểu thiệt hại, bảo đảm ổn định sản xuất và đời sống Nhân dân, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của ngành nông nghiệp trong những năm tới.

b) Công nghiệp - xây dựng

Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng trên địa bàn xã Giồng Riềng tiếp tục duy trì đà phát triển, từng bước khẳng định vai trò là động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Hoạt động công nghiệp chủ yếu tập trung vào chế biến nông sản, xay xát, bảo quản lúa gạo, sản xuất vật liệu xây dựng và các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp phục vụ sản xuất, góp phần nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp và giải quyết việc làm cho lao động địa phương.

Công tác quy hoạch và phát triển hạ tầng đô thị được quan tâm triển khai đồng bộ. Năm 2025, địa phương tiếp tục phối hợp thực hiện các dự án trọng điểm như Khu đô thị mới phía Đông, Khu đô thị mới phía Tây, dự án chỉnh trang đô thị Giồng Riềng (khu vực kênh Lò Heo) và Khu tái định cư ấp Phố 8, tạo tiền đề mở rộng không gian đô thị, từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo quy hoạch. Song song đó, công tác quản lý đất đai, quy hoạch, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được triển khai chặt chẽ, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư và khai thác hiệu quả quỹ đất phục vụ phát triển.

Địa phương cũng huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư công với tổng vốn thực hiện trên 53 tỷ đồng, đạt tỷ lệ giải ngân theo kế hoạch, ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật và các công trình phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Cùng với lợi thế là trung tâm hành chính, thương mại của khu vực Giồng Riềng trước đây, việc tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chỉnh trang đô thị và đầu tư hạ tầng đồng bộ đang tạo nền tảng để xã Giồng Riềng từng bước hình thành không gian đô thị hiện đại, nâng cao sức hấp dẫn trong thu hút đầu tư và phát huy vai trò là trung tâm phát triển của khu vực phía tây tỉnh An Giang.

c) Thương mại - dịch vụ

Thương mại - dịch vụ là một trong những lĩnh vực phát triển năng động của xã Giồng Riềng, giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế và là động lực thúc đẩy quá trình chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp. Với lợi thế kế thừa vai trò trung tâm huyện Giồng Riềng trước đây, địa phương tập trung hệ thống chợ, siêu thị mini, cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ, ngân hàng, bưu chính - viễn thông cùng nhiều cơ sở cung ứng vật tư nông nghiệp, vận tải và dịch vụ phục vụ sản xuất, đáp ứng nhu cầu giao thương của người dân trên địa bàn và các khu vực lân cận.

Năm 2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 5.926 tỷ đồng, bằng 112,48% kế hoạch, phản ánh sự tăng trưởng ổn định của thị trường và sức mua trên địa bàn. Hoạt động thương mại diễn ra sôi động, hệ thống phân phối hàng hóa được duy trì ổn định, bảo đảm cân đối cung - cầu, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và sản xuất của Nhân dân. Mạng lưới các tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại hoạt động hiệu quả, góp phần huy động nguồn vốn phục vụ đầu tư phát triển, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất kinh doanh mở rộng hoạt động.

Cùng với sự phát triển của các khu dân cư, các dự án chỉnh trang và mở rộng không gian đô thị, lĩnh vực thương mại - dịch vụ tiếp tục có nhiều dư địa phát triển, từng bước hình thành các tuyến thương mại, dịch vụ tập trung gắn với trung tâm hành chính và các trục giao thông chính. Đây là cơ sở quan trọng để xã Giồng Riềng phát huy vai trò là trung tâm giao thương, cung ứng dịch vụ tổng hợp của khu vực phía tây tỉnh An Giang, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương theo hướng hiện đại.

3.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

3.6.1. Giáo dục - đào tạo

Giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Giồng Riềng tiếp tục có bước phát triển tích cực cả về quy mô và chất lượng, từng bước đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực và phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hệ thống cơ sở giáo dục được quy hoạch tương đối đồng bộ, phân bố hợp lý, bảo đảm đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn và các khu vực lân cận. Cơ sở vật chất trường, lớp học tiếp tục được quan tâm đầu tư theo hướng kiên cố, hiện đại; trang thiết bị dạy học từng bước được bổ sung, nâng cấp, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập.

Năm học 2025 - 2026, công tác huy động học sinh đến trường đạt nhiều kết quả tích cực, với tỷ lệ huy động trẻ mầm non đạt 99,52%, học sinh tiểu học đạt 100% và học sinh trung học cơ sở đạt 99%, đều vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Chất lượng giáo dục ở các cấp học được duy trì ổn định; công tác đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý giáo dục được triển khai ngày càng hiệu quả. Đồng thời, ngành giáo dục chú trọng xây dựng môi trường học đường an toàn, thân thiện; tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe học sinh, phòng, chống dịch bệnh và giáo dục kỹ năng sống, tạo điều kiện để học sinh phát triển toàn diện.

Bên cạnh giáo dục phổ thông, công tác quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo tiếp tục được thực hiện hiệu quả sau khi tổ chức mô hình chính quyền địa phương hai cấp; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên thường xuyên được bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục. Với hệ thống trường học ngày càng được hoàn thiện, chất lượng giáo dục không ngừng được nâng lên và tỷ lệ huy động học sinh duy trì ở mức cao, xã Giồng Riềng từng bước khẳng định vai trò là trung tâm giáo dục của khu vực, tạo nền tảng quan trọng cho việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng, phục vụ mục tiêu phát triển nhanh và bền vững của địa phương trong những năm tới.

3.6.2. Y tế

Hệ thống y tế trên địa bàn xã Giồng Riềng tiếp tục được củng cố và phát triển theo hướng nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Mạng lưới các cơ sở y tế công lập được duy trì hoạt động ổn định, từng bước được đầu tư bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất và nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ y, bác sĩ, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân trên địa bàn.

Trong năm 2025, các cơ sở y tế đã thực hiện khám, chữa bệnh cho 61.090 lượt người, phản ánh khả năng đáp ứng tương đối toàn diện đối với nhu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân. Công tác y tế dự phòng được triển khai đồng bộ, bám sát diễn biến tình hình dịch bệnh; các chương trình tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, phòng, chống các bệnh truyền nhiễm được thực hiện thường xuyên, hiệu quả. Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đầy đủ đạt 95%, hoàn thành 100% kế hoạch đề ra. Đồng thời, địa phương chủ động tăng cường các biện pháp giám sát, phòng, chống dịch bệnh theo mùa, nhất là trong thời điểm mưa bão, góp phần hạn chế nguy cơ bùng phát dịch và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Song song với nhiệm vụ khám, chữa bệnh, ngành y tế còn đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe, nâng cao nhận thức của người dân về phòng bệnh, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm và xây dựng lối sống lành mạnh. Việc kết hợp hài hòa giữa y tế dự phòng và y tế điều trị đã tạo nên nền tảng vững chắc để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, từng bước hướng đến mục tiêu xây dựng hệ thống chăm sóc sức khỏe hiện đại, toàn diện và lấy người dân làm trung tâm phục vụ.

3.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân trên địa bàn xã Giồng Riềng không ngừng được nâng cao, gắn với việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh và giàu bản sắc. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức thường xuyên với nội dung phong phú, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân, đồng thời tạo không khí thi đua sôi nổi chào mừng các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước và địa phương, nổi bật như kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9, Đại hội Đảng bộ xã Giồng Riềng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và Lễ kỷ niệm 65 năm Ngày hy sinh Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Mai Thị Nương. Qua đó, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, bồi đắp niềm tự hào dân tộc và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được triển khai sâu rộng và đạt nhiều kết quả tích cực. Năm 2025, tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa đạt 97,11%, vượt chỉ tiêu kế hoạch; 100% ấp được công nhận và giữ vững danh hiệu ấp văn hóa, phản ánh chất lượng đời sống văn hóa ngày càng được nâng cao và sự đồng thuận của Nhân dân trong xây dựng nếp sống văn minh.

Lĩnh vực thông tin và truyền thông có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước và công tác tuyên truyền. Việc ứng dụng văn phòng điện tử, chữ ký số và các nền tảng số được đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành, xử lý công việc. Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh xã duy trì tốt hoạt động thông tin tuyên truyền, tập trung phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tuyên truyền về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, sắp xếp đơn vị hành chính và các phong trào thi đua yêu nước. Trong năm 2025, địa phương đã thực hiện 1.087 tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống truyền thanh cơ sở, góp phần định hướng dư luận xã hội, nâng cao nhận thức cộng đồng và tạo sự đồng thuận trong triển khai các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Sự phát triển đồng bộ giữa văn hóa, thể thao, thông tin và chuyển đổi số đã tạo nên diện mạo xã hội ngày càng văn minh, hiện đại nhưng vẫn gìn giữ được các giá trị truyền thống của địa phương. Đây cũng là nền tảng quan trọng để xây dựng Giồng Riềng trở thành đô thị có bản sắc, nơi phát triển kinh tế gắn với nâng cao chất lượng đời sống tinh thần và phát huy sức mạnh cộng đồng trong tiến trình phát triển.

3.6.4. An sinh xã hội

Cùng với phát triển kinh tế, xã Giồng Riềng luôn chú trọng thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận đầy đủ các chính sách hỗ trợ của Nhà nước và từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống. Các chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm, đào tạo nghề, chăm lo người có công với cách mạng, bảo trợ xã hội và bảo hiểm y tế được triển khai kịp thời, đúng đối tượng, góp phần củng cố hệ thống an sinh bền vững và tạo điều kiện để người dân ổn định cuộc sống, phát triển sinh kế.

Địa phương thường xuyên tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo nghề gắn với nhu cầu của thị trường lao động, tạo cơ hội chuyển dịch cơ cấu việc làm theo hướng tăng tỷ trọng lao động trong các ngành công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được triển khai hiệu quả, kết hợp với các chính sách hỗ trợ sản xuất, tín dụng ưu đãi và đào tạo nghề, qua đó từng bước nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống của người dân, nhất là các hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng yếu thế.

Các chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội và các nhóm dễ bị tổn thương được thực hiện đầy đủ, kịp thời, thể hiện đạo lý "Uống nước nhớ nguồn" và truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái của địa phương. Nhân dịp kỷ niệm 78 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7), nhiều hoạt động thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách được tổ chức chu đáo. Đồng thời, việc triển khai chủ trương của Bộ Chính trị và Chính phủ về trao quà nhân dịp kỷ niệm 80 năm Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được thực hiện nghiêm túc, với 68.937 người dân được nhận quà, đạt 98,49% kế hoạch.

Công tác phát triển bảo hiểm y tế toàn dân tiếp tục được quan tâm, với 45.832 người tham gia bảo hiểm y tế, đạt 95,39% dân số trên địa bàn. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế ở mức cao không chỉ phản ánh hiệu quả của chính sách an sinh xã hội mà còn cho thấy nhận thức của người dân về chăm sóc sức khỏe ngày càng được nâng lên. Hệ thống chính sách an sinh được triển khai đồng bộ đã tạo nên nền tảng xã hội ổn định, góp phần xây dựng cộng đồng dân cư đoàn kết, nhân văn và có khả năng thích ứng trước những biến động của quá trình phát triển.

3.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Với đặc điểm là địa bàn có nhiều thành phần dân tộc cùng sinh sống, trong đó có đồng bào Khmer, xã Giồng Riềng luôn quan tâm thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo và tín ngưỡng. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân được bảo đảm theo quy định của pháp luật; các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng diễn ra ổn định, đáp ứng

nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tinh thần của các tầng lớp Nhân dân, đồng thời góp phần giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn.

Các chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai đồng bộ, gắn với đầu tư hạ tầng, hỗ trợ sinh kế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, qua đó từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, nâng cao chất lượng cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số. Địa phương thường xuyên duy trì mối quan hệ gắn bó với các tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc và người có uy tín trong cộng đồng; kịp thời thăm hỏi, động viên các cơ sở tôn giáo nhân dịp các ngày lễ lớn như Lễ Phật đản, Giáng sinh, Lễ Sene Đôn Ta của đồng bào Khmer và nhiều sự kiện tôn giáo quan trọng khác.

Các tổ chức tôn giáo và cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn hoạt động đúng quy định của pháp luật, tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và chăm lo an sinh xã hội. Mối quan hệ đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc, các tôn giáo ngày càng được củng cố, tạo nên sự đồng thuận xã hội và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân trong xây dựng địa phương ngày càng văn minh, phát triển.

3.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Giữ vững quốc phòng, an ninh luôn được xã Giồng Riềng xác định là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, tạo môi trường ổn định để phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân. Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được củng cố vững chắc; sự phối hợp giữa lực lượng quân sự, công an và các ban, ngành, đoàn thể được duy trì chặt chẽ, phát huy hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xử lý các tình huống phát sinh trên địa bàn.

Lực lượng vũ trang địa phương duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm an toàn tuyệt đối các ngày lễ, tết và các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước và địa phương. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được thực hiện đúng quy định, hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân năm 2025; đồng thời tổ chức khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự cho 184 thanh niên chuẩn bị thực hiện nghĩa vụ quân sự năm 2026. Lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng đạt 0,85% dân số, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng trong tình hình mới. Các hoạt động "Tết Quân - Dân", phối hợp chăm lo đời sống Nhân dân và xây dựng thế trận lòng dân tiếp tục được triển khai hiệu quả, góp phần tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa lực lượng vũ trang với Nhân dân.

Công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đạt nhiều kết quả tích cực. Tình hình an ninh chính trị, an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo và an ninh nội bộ cơ bản được giữ vững; các phương án bảo vệ Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030, các ngày lễ lớn và các sự kiện chính trị quan trọng được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm được tổ chức thường xuyên, qua đó số vụ phạm pháp về trật tự xã hội giảm so với cùng kỳ; tội phạm về kinh tế, tham nhũng, môi trường và tội phạm sử dụng công nghệ cao được kiểm

soát tốt, không phát sinh vụ việc phức tạp. Công tác quản lý cư trú, quản lý hành chính về trật tự xã hội, cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số trong lực lượng Công an tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn.

Việc thực hiện nghiêm các quy chế phối hợp giữa lực lượng Công an và Quân sự theo quy định của Chính phủ đã nâng cao khả năng nắm chắc tình hình, chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa các yếu tố ảnh hưởng đến an ninh, trật tự. Nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân ngày càng được củng cố vững chắc, tạo dựng môi trường ổn định, an toàn và là điểm tựa quan trọng để địa phương thu hút đầu tư, phát triển đô thị, mở rộng các hoạt động sản xuất, kinh doanh và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

4. Xã Gò Quao

4.1. Lịch sử hình thành

Địa bàn xã Gò Quao ngày nay có lịch sử hình thành và phát triển gắn liền với vùng đất Gò Quao - một trong những địa bàn được khai phá sớm ở phía Đông tỉnh Rạch Giá trước đây. Với vị trí nằm trên tuyến giao thông thủy quan trọng nối vùng trung tâm Rạch Giá với khu vực U Minh và vùng Tây sông Hậu, nơi đây sớm trở thành điểm tụ cư, giao thương và phát triển sản xuất nông nghiệp của cư dân Nam Bộ. Trải qua quá trình khai phá, mở đất và phát triển, vùng đất Gò Quao từng bước hình thành hệ thống dân cư ổn định, tạo tiền đề cho việc thiết lập các đơn vị hành chính dưới thời Pháp thuộc.

Ngày 20/5/1920, thực dân Pháp thành lập quận Gò Quao thuộc tỉnh Rạch Giá, gồm hai tổng Kiên Định và Thanh Biên. Đến ngày 24/11/1925, tổng Thanh Biên được điều chuyển về quận An Biên, quận Gò Quao còn lại tổng Kiên Định và tiếp tục được duy trì là một đơn vị hành chính quan trọng của tỉnh Rạch Giá. Sau năm 1956, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đổi tên quận Gò Quao thành quận Kiên Hưng thuộc tỉnh Kiên Giang; đến năm 1961 chuyển về tỉnh Chương Thiện quản lý. Trong khi đó, phía chính quyền cách mạng vẫn giữ tên gọi huyện Gò Quao thuộc tỉnh Rạch Giá trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đây cũng là vùng đất giàu truyền thống cách mạng, nơi cán bộ, đảng viên và Nhân dân địa phương đã kiên cường bám đất, bám dân, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước.

Sau ngày đất nước thống nhất, tháng 02/1976, huyện Gò Quao được tái lập thuộc tỉnh Kiên Giang, gồm 07 đơn vị hành chính cấp xã. Trong quá trình phát triển, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phù hợp với tốc độ gia tăng dân số, phát triển kinh tế - xã hội, huyện đã nhiều lần điều chỉnh địa giới hành chính. Năm 1988, thị trấn Gò Quao được thành lập trên cơ sở điều chỉnh địa giới của nhiều xã trong huyện, từng bước khẳng định vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, thương mại và dịch vụ của huyện Gò Quao. Giai đoạn từ năm 1997 đến năm 2005, nhiều đơn vị hành chính tiếp tục được chia tách, điều chỉnh, góp phần hoàn thiện hệ thống quản lý hành chính và tạo điều kiện khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng khu vực. Đến trước năm 2025, huyện Gò Quao có 11 đơn vị hành chính cấp xã, gồm thị trấn Gò Quao và 10 xã: Định An, Định Hòa,

Thới Quản, Thủy Liễu, Vĩnh Hòa Hưng Bắc, Vĩnh Hòa Hưng Nam, Vĩnh Phước A, Vĩnh Phước B, Vĩnh Tuy và Vĩnh Thắng.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Gò Quao, xã Định An và xã Vĩnh Phước B thành xã mới có tên gọi là xã Gò Quao và tồn tại cho đến ngày nay.

4.2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

4.2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Gò Quao nằm ở phía Đông tỉnh An Giang. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Vĩnh Hòa Hưng;

- Phía Tây giáp xã Định Hòa;

- Phía Nam giáp xã Vĩnh Tuy và Thành phố Cần Thơ;

- Phía Bắc giáp xã Long Thạnh.

4.2.2. Vai trò chức năng

Xã Gò Quao có vị trí địa lý thuận lợi, nằm ở khu vực phía Đông tỉnh An Giang, là đầu mối kết nối giữa trung tâm tỉnh với các địa phương trong khu vực Tây sông Hậu và bán đảo Cà Mau thông qua mạng lưới giao thông đường bộ và đường thủy. Với vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế và thương mại của huyện Gò Quao trước đây, xã kế thừa hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và mạng lưới dịch vụ đã được đầu tư tương đối đồng bộ, tạo nền tảng quan trọng để tiếp tục phát triển theo mô hình đô thị trong giai đoạn mới.

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã Gò Quao thuộc không gian phát triển của vùng phía Tây Nam tỉnh, giữ vai trò là một trong những trung tâm phát triển của tiểu vùng, gắn với định hướng hình thành đô thị mới, phát triển thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến nông sản và logistics phục vụ vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm. Đồng thời, địa phương là điểm trung chuyển hàng hóa, kết nối các vùng chuyên canh lúa chất lượng cao, nuôi trồng thủy sản với các trung tâm chế biến, tiêu thụ và hệ thống cảng, đầu mối giao thông trong khu vực, góp phần thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao giá trị chuỗi sản xuất nông nghiệp.

Với lợi thế về vị trí địa lý, hệ thống kết cấu hạ tầng, quy mô dân cư tập trung và vai trò trung tâm khu vực được hình thành trong quá trình phát triển nhiều năm, xã Gò Quao có điều kiện thuận lợi để phát triển theo hướng đô thị văn minh, hiện đại; là trung tâm cung cấp các dịch vụ hành chính, thương mại, giáo dục, y tế và các dịch vụ công của khu vực phía Đông tỉnh An Giang, đồng thời là một

trong những địa bàn có vai trò thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư và tạo động lực lan tỏa phát triển đối với các địa phương lân cận.

4.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Gò Quao có 83,90 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: Đất xây dựng đô thị là 7,96 km^2, chiếm 9,49% và đất khác là 75,94 km^2, chiếm 90,51%.

4.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

4.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, xã Gò Quao có quy mô dân số là 45.865 người, trong đó dân số thường trú là 45.407 người và dân số tạm trú là 458 người.

4.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã Gò Quao (từ 15 đến 60 tuổi) là 27.759 người, chiếm 60,80% tổng dân số của xã.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế xã Gò Quao là 26.653 người, trong đó: lao động công nghiệp và xây dựng là 5.951 người, chiếm tỷ lệ 22,33%; lao động thương mại - dịch vụ là 13.078 người, chiếm tỷ lệ 49,07%; lao động nông - lâm - thủy sản là 7.624 người, chiếm tỷ lệ 28,60%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 19.029 người, chiếm tỷ lệ 71,40%.

4.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Gò Quao là xã có đông đảo đồng bào dân tộc thiểu số tập trung sinh sống, chiếm 50,32% dân số toàn xã. Công tác chăm lo cho đời sống đồng bào dân tộc cũng được quan tâm chỉ đạo, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, các chính sách an sinh - xã hội được thực hiện kịp thời, đầy đủ.

Dân cư xã Gò Quao phân bố chủ yếu tại vùng lõi của huyện Gò Quao cũ, kết nối với nhau bởi tuyến liên xã và đường tỉnh, tạo thành chuỗi dân cư liên kết liền mạch, bổ trợ cho nhau với mật độ dân số ở mức thấp đến trung bình (544 người/km^2).

Nhìn chung, xu hướng phát triển dân cư trên địa bàn xã Gò Quao đang diễn ra mạnh mẽ dọc theo các trục giao thông đối ngoại, giao thông liên vùng và xung quanh khu vực trung tâm xã. Sự chuyển dịch này đang trực tiếp thúc đẩy quá trình hình thành các điểm dân cư đô thị hóa tập trung, tạo tiền đề vững chắc về mặt không gian để đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn thành lập phường trực thuộc tỉnh.

4.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

4.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Cơ cấu kinh tế trên địa bàn xã Gò Quao đang diễn ra quá trình chuyển dịch mạnh mẽ và đúng hướng theo mục tiêu hiện đại hóa, nhằm tối ưu hóa giá trị và nâng cao hiệu quả nội lực trong từng ngành, từng lĩnh vực. Tỷ trọng các ngành

kinh tế có sự tái cấu trúc căn bản: tăng nhanh tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, đồng thời giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp theo quy luật phát triển đô thị.

Sự đóng góp của khối ngành nông nghiệp trong cơ cấu tổng sản phẩm ngày càng thu hẹp về mặt tỷ lệ nhưng tối ưu về mặt chất lượng thông qua mô hình nông nghiệp đô thị. Năm 2025, tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã đạt 12,06%; cơ cấu kinh tế của địa phương đã đạt bước ngoặt chiến lược, chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, trong đó: ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 19,46%, ngành thương mại - dịch vụ chiếm 58,81% và ngành nông - lâm - thủy sản chiếm 21,73% trong cơ cấu kinh tế của xã.

4.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Năm 2025, tổng thu ngân sách xã đạt 419.785 triệu đồng.

Công tác quản lý, điều hành chi ngân sách trên địa bàn xã trong những năm qua luôn bám sát các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích và luôn duy trì trạng thái cân đối thu - chi lành mạnh. Năm 2025, tổng chi ngân sách xã đạt 418.797 triệu đồng. Cân đối thu chi ngân sách luôn luôn đạt dư, đảm bảo nguồn tài chính cho sự phát triển ổn định, chủ động thực hiện các chương trình kế hoạch của địa phương.

4.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 74,00 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 78,00 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 82,79 triệu đồng/người/năm.

4.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Gò Quao là 1,33%, trong đó: năm 2023 là 1,69%, năm 2024 là 1,27% và năm 2025 là 1,01%.

4.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông - lâm - thủy sản

Sản xuất nông - lâm - thủy sản tiếp tục giữ vai trò là ngành kinh tế chủ lực của địa phương, duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống Nhân dân. Địa phương tập trung chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, phát triển các mô hình liên kết sản xuất, cánh đồng lớn, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, mô hình "1 phải, 5 giảm" và nông nghiệp an toàn.

Công tác chăn nuôi phát triển ổn định theo hướng an toàn sinh học; công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được triển khai thường xuyên, không để xảy ra dịch bệnh lớn. Nuôi trồng thủy sản tiếp tục được duy trì, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế hộ gia đình; công tác phòng, chống dịch bệnh trên thủy sản được thực hiện hiệu quả.

Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được quan tâm thực hiện; tăng cường tuần tra, kiểm tra, phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, đồng thời chủ động triển khai các phương án phòng cháy, chữa cháy rừng, góp phần bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường sinh thái. Bên cạnh đó, hoạt động khuyến nông được đẩy mạnh thông qua các chương trình tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, hỗ trợ nông dân nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất.

b) Công nghiệp - xây dựng

Công nghiệp - xây dựng trên địa bàn xã Gò Quao tiếp tục có bước phát triển, từng bước khẳng định vai trò là động lực quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và thương mại - dịch vụ. Hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề nông thôn được duy trì ổn định; các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh từng bước đổi mới công nghệ, đầu tư máy móc, thiết bị, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh. Nhiều ngành nghề truyền thống và ngành nghề phục vụ sản xuất nông nghiệp tiếp tục được duy trì, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

Cùng với sự phát triển của lĩnh vực sản xuất, công tác quản lý nhà nước về xây dựng được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo đúng quy hoạch và các quy định của pháp luật. Địa phương tập trung huy động, lồng ghép và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư để xây dựng, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là các công trình giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở y tế, thiết chế văn hóa và các công trình phục vụ dân sinh. Công tác quản lý chất lượng công trình, giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải ngân vốn đầu tư công và giám sát đầu tư được quan tâm chỉ đạo, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư.

Bên cạnh đó, địa phương tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, khuyến khích mở rộng sản xuất, phát triển các ngành công nghiệp chế biến, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và các ngành nghề có lợi thế của địa phương. Việc cải thiện môi trường đầu tư, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý về xây dựng đã tạo nền tảng quan trọng để phát triển công nghiệp - xây dựng theo hướng hiện đại, bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị hành chính mới sau khi thành lập.

c) Thương mại - dịch vụ

Thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã Gò Quao tiếp tục phát triển ổn định,

từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng thương mại, dịch vụ. Hệ thống chợ, cửa hàng, cơ sở kinh doanh, dịch vụ, hộ kinh doanh cá thể và các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống được duy trì và phát triển, bảo đảm nguồn cung hàng hóa phong phú, đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa của người dân trên địa bàn và khu vực lân cận. Hoạt động lưu thông, phân phối hàng hóa diễn ra ổn định, thị trường cơ bản được kiểm soát tốt, không xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa hoặc tăng giá bất hợp lý.

Các lĩnh vực dịch vụ như vận tải, bưu chính - viễn thông, tài chính - ngân hàng, ăn uống, lưu trú, sửa chữa, dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và các dịch vụ thiết yếu khác tiếp tục được mở rộng về quy mô và nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ nông sản, quảng bá sản phẩm OCOP và các sản phẩm đặc trưng của địa phương được quan tâm thực hiện, góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao giá trị sản phẩm và tăng thu nhập cho người dân.

Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ được tăng cường; việc kiểm tra, kiểm soát thị trường, phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng và bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm được thực hiện thường xuyên. Đồng thời, địa phương tiếp tục khuyến khích phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ hiện đại, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh, từng bước hình thành mạng lưới thương mại - dịch vụ đồng bộ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

4.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

4.6.1. Giáo dục - đào tạo

Giáo dục và đào tạo tiếp tục được xác định là lĩnh vực có ý nghĩa chiến lược trong nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của địa phương. Mạng lưới trường học được đầu tư tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học từng bước được chuẩn hóa, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ngày càng tăng. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; chất lượng giáo dục toàn diện từng bước được nâng lên, các chỉ tiêu về huy động học sinh đến trường, duy trì sĩ số và hoàn thành chương trình học hằng năm đều đạt và vượt kế hoạch.

Cùng với nhiệm vụ dạy học, các cơ sở giáo dục chú trọng giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, ý thức chấp hành pháp luật và chuyển đổi số trong quản lý, giảng dạy; tạo môi trường học tập an toàn, thân thiện và khuyến khích tinh thần sáng tạo của học sinh. Chất lượng giáo dục được nâng lên không chỉ phản ánh trình độ dân trí của địa phương mà còn tạo ra lực lượng lao động có khả năng tiếp cận khoa học, công nghệ và thích ứng với yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới, là yếu tố quyết định nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cạnh tranh của địa phương trong dài hạn.

4.6.2. Y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn xã Gò Quao luôn được quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện đồng bộ. Hệ thống y tế cơ sở phát huy tốt vai trò là tuyến chăm sóc sức khỏe ban đầu, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về khám, chữa bệnh, y tế dự phòng, dân số - kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em, đồng thời triển khai đầy đủ các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế. Công tác quản lý nhà nước về y tế, an toàn thực phẩm và phòng, chống dịch bệnh được tăng cường; các hoạt động kiểm tra, giám sát đối với cơ sở hành nghề y, dược và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được thực hiện thường xuyên, góp phần bảo đảm môi trường sống an toàn và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Công tác y tế dự phòng được triển khai chủ động, bám sát tình hình thực tế của địa phương. Trạm Y tế thường xuyên theo dõi, giám sát dịch tễ, phát hiện sớm và xử lý kịp thời các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm; duy trì hiệu quả các chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, chăm sóc sức khỏe sinh sản, quản lý thai sản và phòng, chống các bệnh không lây nhiễm. Các chiến dịch truyền thông nâng cao nhận thức về vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh được tổ chức thường xuyên, góp phần nâng cao ý thức phòng bệnh trong Nhân dân và không để phát sinh các ổ dịch lớn trên địa bàn.

Hoạt động khám, chữa bệnh tại Trạm Y tế tiếp tục được duy trì ổn định, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu của người dân. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế từng bước được đầu tư, bổ sung; đội ngũ cán bộ y tế được kiện toàn cả về số lượng và trình độ chuyên môn, từng bước nâng cao chất lượng khám, tư vấn, điều trị và chăm sóc sức khỏe. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi hồ sơ sức khỏe và cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế được quan tâm triển khai, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và tạo thuận lợi cho người dân khi tiếp cận các dịch vụ y tế.

Công tác bảo hiểm y tế tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ngày càng được nâng cao, tạo điều kiện để người dân được tiếp cận các dịch vụ khám, chữa bệnh có chất lượng với chi phí hợp lý. Đây là cơ sở quan trọng để thực hiện mục tiêu chăm sóc sức khỏe toàn dân, giảm gánh nặng chi phí y tế cho các hộ gia đình và từng bước nâng cao chất lượng an sinh xã hội trên địa bàn.

Hệ thống cơ sở y tế của xã được đầu tư tương đối đồng bộ, bảo đảm thực hiện tốt chức năng chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh và quản lý sức khỏe cộng đồng. Cùng với việc nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ y tế, địa phương tiếp tục ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, hướng tới xây dựng hệ thống y tế cơ sở hiện đại, hoạt động hiệu quả, lấy người dân làm trung tâm trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

4.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Lĩnh vực văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền tiếp tục được quan tâm đầu tư và phát triển, từng bước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, rèn luyện

thể chất và tiếp cận thông tin của Nhân dân. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được triển khai sâu rộng, gắn với xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa và thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Các giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc địa phương được bảo tồn, phát huy gắn với xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và nâng cao đời sống tinh thần của cộng đồng.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể dục, thể thao quần chúng diễn ra thường xuyên với nhiều hình thức phong phú, thu hút đông đảo các tầng lớp Nhân dân tham gia. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở từng bước được đầu tư, nâng cấp, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa cộng đồng, luyện tập thể dục, thể thao và tổ chức các hoạt động chính trị, xã hội tại địa phương. Các phong trào rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại tiếp tục được duy trì và phát triển, góp phần nâng cao sức khỏe, xây dựng lối sống lành mạnh và tăng cường sự gắn kết trong cộng đồng dân cư.

Công tác thông tin và tuyên truyền được triển khai đồng bộ, kịp thời thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở, các nền tảng thông tin điện tử và các hình thức tuyên truyền trực quan. Nội dung tuyên truyền tập trung phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và các phong trào thi đua yêu nước. Hoạt động thông tin cơ sở từng bước được đổi mới theo hướng hiện đại, bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời, góp phần tạo sự đồng thuận xã hội và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn.

Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, thông tin, quảng cáo, hoạt động tín ngưỡng, lễ hội và kinh doanh dịch vụ văn hóa được thực hiện chặt chẽ theo quy định của pháp luật. Địa phương thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định về hoạt động văn hóa, góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, giữ gìn mỹ quan đô thị và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong cộng đồng.

4.6.4. An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội trên địa bàn xã được triển khai đồng bộ, toàn diện, bảo đảm các chính sách của Nhà nước được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng. Hệ thống chính sách đối với người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật và các nhóm yếu thế trong xã hội được thực hiện nghiêm túc, góp phần ổn định đời sống Nhân dân, bảo đảm công bằng xã hội và củng cố niềm tin của người dân đối với các chính sách an sinh của Đảng và Nhà nước.

Địa phương thường xuyên quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho các đối tượng chính sách thông qua việc thực hiện đầy đủ các chế độ trợ cấp, hỗ trợ, thăm hỏi, tặng quà nhân các dịp lễ, Tết và các hoạt động "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn", thể hiện đạo lý, truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nhóm yếu thế được triển khai gắn

với các chương trình phát triển cộng đồng, tạo môi trường an toàn, lành mạnh và nhân văn.

Công tác lao động, việc làm và đào tạo nghề được quan tâm thực hiện theo hướng gắn với nhu cầu của thị trường lao động và điều kiện phát triển của địa phương. Hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, hỗ trợ học nghề, kết nối cung - cầu lao động được duy trì thường xuyên; chất lượng nguồn lao động từng bước được nâng lên, tạo điều kiện để người dân có việc làm ổn định, nâng cao thu nhập và chủ động cải thiện đời sống. Chương trình giảm nghèo được triển khai theo hướng hỗ trợ sinh kế, nâng cao năng lực sản xuất và khả năng tự vươn lên của người dân, góp phần giảm nghèo bền vững và thu hẹp khoảng cách về mức sống giữa các nhóm dân cư.

Bên cạnh việc bảo đảm các chính sách trợ giúp xã hội, địa phương tiếp tục huy động sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và cộng đồng trong các hoạt động nhân đạo, từ thiện và chăm lo đời sống Nhân dân. Sự kết hợp giữa chính sách của Nhà nước và nguồn lực xã hội đã hình thành mạng lưới an sinh ngày càng bền vững, tăng khả năng ứng phó của cộng đồng trước những khó khăn, rủi ro và góp phần xây dựng môi trường sống ổn định, nhân văn, nơi mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận các chính sách xã hội và các điều kiện phát triển.

4.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn xã được thực hiện theo đúng chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân theo quy định của pháp luật. Các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng diễn ra ổn định, đúng quy định, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng chính đáng của Nhân dân, góp phần giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, đạo đức tốt đẹp trong cộng đồng.

Chính quyền địa phương thường xuyên quan tâm nắm bắt tình hình, duy trì mối quan hệ gắn bó với các chức sắc, chức việc, người có uy tín trong các tổ chức tôn giáo; kịp thời hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở tôn giáo tổ chức các hoạt động lễ hội, sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tăng cường tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Các tổ chức tôn giáo và đồng bào có đạo luôn phát huy tinh thần "sống tốt đời, đẹp đạo", tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động nhân đạo, từ thiện, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư và các chương trình an sinh xã hội của địa phương. Mối quan hệ đoàn kết giữa đồng bào có đạo và không có đạo được giữ vững, tạo sự đồng thuận xã hội, góp phần xây dựng cộng đồng dân cư đoàn kết, văn minh và ổn định.

4.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quốc phòng, an ninh và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn

xã được triển khai đồng bộ, toàn diện; nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được củng cố vững chắc. Tiềm lực quốc phòng được tăng cường, khu vực phòng thủ ngày càng được xây dựng vững mạnh; lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên được kiện toàn, bảo đảm số lượng, chất lượng theo quy định. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hằng năm hoàn thành chỉ tiêu được giao, bảo đảm công khai, dân chủ, đúng quy định của pháp luật.

Lực lượng Công an và Quân sự xã duy trì tốt cơ chế phối hợp trong nắm tình hình, giữ vững an ninh chính trị, bảo vệ an ninh nội bộ, an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo và an ninh kinh tế; chủ động tham mưu xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở, không để hình thành các điểm nóng, vụ việc phức tạp kéo dài. Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" được duy trì và phát huy hiệu quả, huy động sự tham gia tích cực của Nhân dân trong công tác phòng ngừa, đấu tranh phòng, chống tội phạm và giữ gìn an ninh, trật tự tại địa bàn dân cư.

Công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được triển khai thường xuyên; việc quản lý cư trú, quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và thực hiện Đề án phát triển dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử được thực hiện nghiêm túc, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Trật tự an toàn giao thông được tăng cường thông qua công tác tuyên truyền, tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm, từng bước nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông.

Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững đã tạo môi trường ổn định, an toàn để Nhân dân yên tâm lao động, sản xuất, phát triển kinh tế, đồng thời củng cố niềm tin của Nhân dân đối với hệ thống chính quyền cơ sở, tạo tiền đề quan trọng cho sự phát triển ổn định và bền vững của địa phương.

5. Xã An Biên

5.1. Lịch sử hình thành

Vùng đất An Biên có lịch sử hình thành từ rất sớm, gắn với quá trình khai phá vùng đất cực Tây Nam Tổ quốc. Dưới triều Nguyễn, An Biên là tên của phủ An Biên thuộc tỉnh Hà Tiên, giữ vai trò quản lý một vùng lãnh thổ rộng lớn bao gồm các huyện Hà Châu, Kiên Giang và Long Xuyên. Sau khi thực dân Pháp chiếm Nam Kỳ, hệ thống hành chính cũ được tổ chức lại, phủ An Biên bị bãi bỏ. Đến ngày 01/01/1936, thực dân Pháp thành lập đại lý hành chính An Biên thuộc tỉnh Rạch Giá, đặt trụ sở tại chợ Thứ Ba trên cơ sở tách một phần địa bàn quận Phước Long; ngày 01/8/1939 được nâng cấp thành quận An Biên, đánh dấu sự hình thành đơn vị hành chính mang tên An Biên trong hệ thống hành chính hiện đại.

Sau năm 1956, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đổi tên quận An Biên thành quận Kiên An thuộc tỉnh Kiên Giang, quận lỵ vẫn đặt tại Thứ Ba. Trong quá trình quản lý hành chính, địa bàn quận nhiều lần được điều chỉnh để thành lập các quận Kiên Long và Hiếu Lễ. Trong khi đó, phía chính quyền cách mạng vẫn duy trì tên gọi huyện An Biên thuộc tỉnh Rạch Giá; năm 1964 thành lập huyện Vĩnh Thuận trên cơ sở tách một phần diện tích của huyện An Biên. Sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975), huyện An Biên tiếp tục được duy trì cho đến đầu năm 1976.

Tháng 02/1976, huyện An Biên chính thức được tái lập thuộc tỉnh Kiên Giang, gồm thị trấn Thứ Ba và các xã Đông Hòa, Đông Hưng, Đông Thái, Đông Thạnh, Đông Yên, Tây Yên và Vân Khánh. Trong những năm tiếp theo, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội, địa giới hành chính của huyện nhiều lần được điều chỉnh. Năm 1979, các xã được chia tách thành nhiều đơn vị hành chính mới; năm 1986, huyện An Minh được thành lập trên cơ sở tách phần lớn diện tích phía nam của huyện An Biên. Sau đó, các xã tiếp tục được hợp nhất, chia tách để hình thành các đơn vị hành chính mới như Nam Thái A, Tây Yên A và Thạnh Yên A. Đến trước năm 2025, huyện An Biên có 09 đơn vị hành chính cấp xã, gồm thị trấn Thứ Ba và các xã: Đông Thái, Đông Yên, Hưng Yên, Nam Thái, Nam Thái A, Nam Yên, Tây Yên, Tây Yên A.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Thứ Ba và các xã Đông Yên, Hưng Yên thành xã mới có tên gọi là xã An Biên và tồn tại cho đến ngày nay.

5.2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

5.2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã An Biên nằm ở phía Đông Nam tỉnh An Giang, cách trung tâm hành chính tỉnh khoảng 17 km về phía Nam. Có địa giới hành chính như sau:

- Phía Đông giáp xã Định Hòa;
- Phía Tây giáp xã Đông Thái;
- Phía Nam giáp xã Vĩnh Hòa và xã U Minh Thượng;
- Phía Bắc giáp xã Tây Yên và xã Bình An.

5.2.2. Vai trò chức năng

Xã An Biên có vị trí địa lý quan trọng, nằm ở khu vực phía Tây Nam tỉnh An Giang, thuộc không gian phát triển của hành lang kinh tế - xã hội Hà Tiên - Rạch Giá - Cà Mau và trục liên kết phía Nam của tỉnh. Với vị trí kết nối giữa khu vực ven biển Tây, vùng sinh thái U Minh Thượng và trung tâm đô thị Rạch Giá, xã giữ vai trò là đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa và cung ứng các dịch vụ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của khu vực phía Tây Nam tỉnh. Đây cũng là địa bàn có điều kiện thuận lợi để tăng cường liên kết giữa các vùng sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản tập trung với hệ thống đô thị, cơ sở chế biến, logistics và không gian phát triển kinh tế biển của tỉnh.

Kế thừa vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế và thương mại của huyện An Biên trước đây, xã An Biên hiện là nơi tập trung hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các cơ sở giáo dục, y tế, thương mại và dịch vụ của khu

vực. Đây là trung tâm cung cấp các dịch vụ công, dịch vụ thương mại và các hoạt động hỗ trợ sản xuất cho các địa phương lân cận, đồng thời là đầu mối kết nối giữa khu vực ven biển với vùng nội địa của tỉnh An Giang.

Theo định hướng Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, An Biên (đô thị Thứ Ba) được xác định là đô thị vệ tinh hướng biển của đô thị Rạch Giá, phát triển theo mô hình đô thị dịch vụ - công nghiệp hỗ trợ - kinh tế thủy sản, gắn chặt với hành lang kinh tế ven biển và trục Quốc lộ 63, giữ vai trò đầu mối kết nối không gian phát triển ven biển phía Nam của tỉnh với khu vực trung tâm. Khai thác hiệu quả lợi thế cụm công nghiệp An Biên, phát triển các ngành chế biến lúa gạo, chăn nuôi - thủy sản, đóng và sửa chữa tàu, cùng các ngành nghề đặc thù vùng sinh thái ngập mặn; đồng thời phát triển dịch vụ hỗ trợ du lịch sinh thái rừng U Minh Thượng, các làng văn hóa ven sông và dịch vụ phục vụ khu công nghiệp Xẻo Rô, tạo chuỗi giá trị kinh tế ven biển - nội đồng liên hoàn. Định hướng phát triển đô thị gắn với đầu tư hoàn thiện hạ tầng giao thông hành lang ven biển, tăng cường liên kết vùng, thúc đẩy lưu thông hàng hóa, dịch vụ và phát triển kinh tế biển - thủy sản, đồng thời từng bước hoàn thiện các tiêu chí đô thị, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững của khu vực ven biển của tỉnh.

5.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã An Biên có 118,34 km^2 diện tích tự nhiên.

5.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

5.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, xã An Biên có quy mô dân số là 54.170 người, trong đó dân số thường trú là 53.623 người và dân số tạm trú là 547 người.

5.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã An Biên (từ 15 đến 60 tuổi) là 20.223 người; tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 17.666 người, chiếm 87,36% số lao động trong độ tuổi.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động công nghiệp và xây dựng là 5.996 người, chiếm tỷ lệ 33,94%; lao động thương mại - dịch vụ là 6.563 người, chiếm tỷ lệ 37,15%; lao động nông - lâm - thủy sản là 5.107 người, chiếm tỷ lệ 28,91%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 12.559 người, chiếm tỷ lệ 71,09%.

5.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Thành phần dân cư trên địa bàn xã An Biên chủ yếu là người Kinh, cùng với cộng đồng người Khmer và người Hoa sinh sống lâu đời, tạo nên sự đa dạng về văn hóa và bản sắc địa phương. Dân cư phân bố không đồng đều, tập trung chủ

yếu tại khu vực trung tâm xã (thị trấn Thứ Ba trước đây), trung tâm các xã cũ và dọc theo các tuyến giao thông huyết mạch, hình thành các cụm dân cư phát triển liên tục, có mối liên kết chặt chẽ về kinh tế, văn hóa và xã hội. Mật độ dân số trung bình đạt khoảng 458 người/km², phù hợp với đặc điểm của một địa bàn đang chuyển dịch từ nông thôn sang đô thị.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của hệ thống hạ tầng giao thông, thương mại, dịch vụ và các khu dân cư mới, không gian cư trú trên địa bàn tiếp tục mở rộng theo các trục giao thông đối ngoại và liên xã, từng bước hình thành các khu dân cư tập trung có tính chất đô thị. Xu hướng phân bố dân cư ngày càng gắn với các trung tâm dịch vụ, thương mại và hành chính, góp phần tạo nên cấu trúc không gian phát triển thống nhất, nâng cao hiệu quả sử dụng hạ tầng, đồng thời thúc đẩy quá trình đô thị hóa và phát huy vai trò trung tâm của xã An Biên trong khu vực phía Tây Nam tỉnh An Giang.

5.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

5.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Năm 2025, tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 2010) trên địa bàn xã đạt 4.3732,77 triệu đồng, tăng 10,00% so với năm 2024. Trong đó, giá trị sản xuất nông nghiệp, thủy sản đạt 1.306,13 triệu đồng; giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 787,65 triệu đồng; giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ đạt 2.638,99 triệu đồng. Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ và giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp, thủy sản; trong đó năm 2025: ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 16,64%, ngành thương mại - dịch vụ chiếm 55,76% và ngành nông nghiệp, thủy sản chiếm 27,60% trong cơ cấu kinh tế của xã.

5.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Năm 2025, tổng thu ngân sách xã đạt 435,26 tỷ đồng.

Công tác quản lý, điều hành chi ngân sách trên địa bàn xã trong những năm qua luôn bám sát các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích và luôn duy trì trạng thái cân đối thu - chi lành mạnh. Năm 2025, tổng chi ngân sách xã đạt 435,16 tỷ đồng. Cân đối thu chi ngân sách luôn luôn đạt dư, đảm bảo nguồn tài chính cho sự phát triển ổn định, chủ động thực hiện các chương trình kế hoạch của địa phương.

5.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã An Biên tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 65,00 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 67,00 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 75,00 triệu đồng/người/năm.

5.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã An Biên là 0,71%, trong đó: năm 2023 là 0,78%, năm 2024 là 0,77% và năm 2025 là 0,58%.

5.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Sản xuất nông nghiệp và thủy sản tiếp tục giữ vai trò là nền tảng trong cơ cấu kinh tế của xã An Biên, phát triển theo hướng ổn định, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả và giá trị gia tăng. Địa phương tập trung chuyển dịch cơ cấu sản xuất phù hợp với điều kiện tự nhiên, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, cơ giới hóa các khâu sản xuất, mở rộng diện tích sản xuất lúa chất lượng cao và phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của người dân.

Đối với lĩnh vực trồng trọt, cây lúa tiếp tục là cây trồng chủ lực của địa phương với tổng diện tích gieo trồng trên 13.353 ha, năng suất bình quân đạt 5,9 tấn/ha, tổng sản lượng đạt gần 78.783 tấn; trong đó diện tích lúa chất lượng cao chiếm trên 98% diện tích gieo trồng. Việc duy trì tỷ lệ lớn diện tích sản xuất lúa chất lượng cao cho thấy định hướng phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường và nâng cao giá trị sản xuất trên cùng đơn vị diện tích.

Lĩnh vực thủy sản tiếp tục phát huy lợi thế của địa phương ven biển, phát triển đồng thời cả nuôi trồng và khai thác. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 4.759 ha, sản lượng nuôi trồng đạt trên 4.110 tấn, đưa tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản toàn xã đạt khoảng 5.565 tấn. Hoạt động thủy sản từng bước được tổ chức theo hướng ổn định, gắn với khai thác hợp lý nguồn lợi tự nhiên, góp phần đa dạng hóa cơ cấu sản xuất nông nghiệp và tạo việc làm, thu nhập cho đông đảo lao động địa phương.

Công tác chăn nuôi được duy trì ổn định, gắn với việc tăng cường phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; công tác tiêm phòng, vệ sinh, tiêu độc khử trùng chuồng trại được triển khai thường xuyên, góp phần bảo vệ đàn vật nuôi và hạn chế thiệt hại do dịch bệnh. Song song đó, hoạt động khuyến nông, bảo vệ thực vật và thú y được quan tâm thông qua các lớp tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, tạo điều kiện để người dân tiếp cận các mô hình sản xuất tiên tiến, nâng cao hiệu quả sản xuất và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Kinh tế tập thể tiếp tục được củng cố và phát triển với 22 hợp tác xã nông nghiệp, thu hút 1.453 thành viên tham gia sản xuất trên diện tích hơn 2.106 ha. Các hợp tác xã từng bước phát huy vai trò liên kết sản xuất, cung ứng vật tư đầu vào, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm và chuyển giao kỹ thuật cho thành viên, góp phần hình thành các vùng sản xuất tập trung, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp và thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững.

b) Công nghiệp - xây dựng

Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng trên địa bàn xã An Biên tiếp tục duy trì đà phát triển ổn định, từng bước khẳng định vai trò là động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được duy trì, gắn với chế biến nông sản, thủy sản, cơ khí phục vụ sản xuất, sản xuất vật liệu xây dựng và các ngành nghề truyền thống, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và khai thác hiệu quả tiềm năng của địa phương.

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2025 đạt 225,57 tỷ đồng, vượt kế hoạch đề ra, phản ánh sự ổn định của hoạt động sản xuất, kinh doanh và khả năng thích ứng của các cơ sở sản xuất trước những biến động của thị trường. Cùng với sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân, nhiều hộ sản xuất và doanh nghiệp tiếp tục đầu tư đổi mới trang thiết bị, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và từng bước hình thành chuỗi liên kết với khu vực sản xuất nông nghiệp, góp phần gia tăng giá trị sản phẩm và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế địa phương.

Lĩnh vực xây dựng tiếp tục phát triển gắn với quá trình đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới và chỉnh trang khu dân cư. Nguồn vốn đầu tư toàn xã hội được huy động đạt trên 1.266 tỷ đồng, tạo điều kiện triển khai nhiều công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển sản xuất và dân sinh. Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản được thực hiện theo quy định; các công trình giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở y tế và hạ tầng kỹ thuật từng bước được đầu tư, nâng cấp, góp phần hoàn thiện diện mạo địa phương và nâng cao khả năng kết nối giữa các khu vực sản xuất với thị trường.

Bên cạnh đó, địa phương chú trọng tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng, quản lý quy hoạch, trật tự xây dựng và sử dụng đất; thường xuyên kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật. Việc phát triển công nghiệp gắn với đầu tư hạ tầng và nâng cao hiệu quả quản lý xây dựng đã tạo nền tảng quan trọng để An Biên tiếp tục khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của địa phương, thúc đẩy phát triển kinh tế theo hướng bền vững và từng bước nâng cao chất lượng không gian đô thị trong tương lai.

c) Thương mại - dịch vụ

Hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã An Biên tiếp tục phát triển theo hướng đa dạng, đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân. Với lợi thế là địa phương có quy mô sản xuất nông nghiệp, thủy sản lớn, mạng lưới thương mại - dịch vụ từng bước mở rộng, hình thành hệ thống phân phối, thu mua, cung ứng vật tư sản xuất, vận tải, lưu trú, ăn uống và các loại hình dịch vụ phục vụ đời sống dân sinh, tạo động lực thúc đẩy lưu thông hàng hóa và phát triển kinh tế địa phương.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, lưu trú, ăn uống năm 2025 đạt trên 2.863 tỷ đồng, vượt kế hoạch đề ra, cho thấy sức mua của thị trường và hoạt động kinh doanh trên địa bàn tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực. Khu vực kinh tế tư nhân ngày càng phát huy vai trò quan trọng với nhiều hộ kinh

doanh và doanh nghiệp mở rộng quy mô hoạt động, góp phần tạo việc làm, tăng nguồn thu ngân sách và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng thương mại - dịch vụ.

Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thương mại được thực hiện chặt chẽ; việc đăng ký kinh doanh, quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và kiểm soát thị trường được triển khai theo đúng quy định. Trong năm, địa phương đã cấp 131 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với tổng vốn đăng ký trên 28 tỷ đồng, phản ánh môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện và sức hấp dẫn của địa phương đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Cùng với sự phát triển của hệ thống thương mại truyền thống, các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy sản, vận tải, tài chính, bưu chính, viễn thông và các dịch vụ thiết yếu khác tiếp tục được mở rộng, từng bước nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Đây là tiền đề quan trọng để An Biên phát huy vai trò là trung tâm giao thương của khu vực, thúc đẩy kết nối sản xuất với thị trường, gia tăng giá trị hàng hóa và nâng cao hiệu quả khai thác các tiềm năng, lợi thế của địa phương.

5.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

5.6.1. Giáo dục - đào tạo

Giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã An Biên tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực cả về quy mô và chất lượng, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục theo chủ trương của Đảng và Nhà nước. Mạng lưới trường, lớp được quy hoạch hợp lý, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được đầu tư, nâng cấp; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được quan tâm bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học.

Địa phương duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục và huy động học sinh đến trường đạt tỷ lệ cao. Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo đạt 100%, học sinh tiểu học đạt 99,5%, học sinh trung học cơ sở đạt 99,35%, phản ánh sự quan tâm của các cấp chính quyền, nhà trường và gia đình trong việc bảo đảm quyền được học tập của trẻ em. Công tác duy trì sĩ số, hạn chế tình trạng học sinh bỏ học được thực hiện hiệu quả, tạo nền tảng nâng cao dân trí và phát triển nguồn nhân lực ngay từ cơ sở. Chất lượng hệ thống giáo dục tiếp tục được khẳng định thông qua việc duy trì tỷ lệ 93,33% trường học đạt chuẩn quốc gia. Đây không chỉ là kết quả của quá trình đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học mà còn phản ánh sự đồng bộ trong công tác quản lý, tổ chức dạy học và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện. Các cơ sở giáo dục từng bước đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và giảng dạy; đồng thời triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông mới, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, ngành giáo dục xã An Biên chú trọng xây dựng môi trường học tập gắn với giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, ý thức chấp hành pháp luật và trách nhiệm công dân cho học sinh. Công tác khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập tiếp tục được phát huy, tạo sự gắn kết giữa

gia đình, nhà trường và cộng đồng trong sự nghiệp phát triển giáo dục. Những kết quả đạt được không chỉ góp phần nâng cao mặt bằng dân trí mà còn tạo tiền đề quan trọng để hình thành nguồn nhân lực có trình độ, kỹ năng và khả năng thích ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong giai đoạn mới.

5.6.2. Y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn xã An Biên được triển khai đồng bộ, gắn giữa y tế dự phòng với khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu. Hệ thống y tế cơ sở tiếp tục được củng cố, từng bước nâng cao chất lượng chuyên môn, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân; đồng thời thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, dân số và phòng, chống dịch bệnh.

Trạm Y tế xã duy trì tốt hoạt động khám, chữa bệnh ban đầu, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, tiêm chủng mở rộng, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, quản lý các bệnh không lây nhiễm và triển khai các chương trình y tế cộng đồng theo quy định. Công tác y tế dự phòng được chú trọng với việc tăng cường giám sát dịch tễ, chủ động xây dựng phương án phòng, chống dịch bệnh, không để phát sinh các ổ dịch lớn, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và ổn định đời sống dân cư.

Song song với đó, công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm được quan tâm thực hiện thông qua hoạt động kiểm tra, tuyên truyền và hướng dẫn các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống chấp hành các quy định của pháp luật. Việc phối hợp giữa ngành y tế và các cơ quan chức năng trong công tác thanh tra, kiểm tra được duy trì thường xuyên, góp phần hạn chế nguy cơ mất an toàn thực phẩm và nâng cao nhận thức của người dân trong bảo vệ sức khỏe.

Các chỉ tiêu về y tế cộng đồng tiếp tục được duy trì ở mức tích cực. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 96%, tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận các dịch vụ khám, chữa bệnh và giảm gánh nặng chi phí y tế. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 7,41%, phản ánh hiệu quả của các chương trình chăm sóc sức khỏe trẻ em, dinh dưỡng và truyền thông giáo dục sức khỏe được triển khai trên địa bàn trong những năm qua.

Cùng với việc từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và mở rộng độ bao phủ bảo hiểm y tế, lĩnh vực y tế của xã An Biên đã và đang hướng tới mục tiêu chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người dân, lấy phòng bệnh làm trọng tâm, nâng cao chất lượng dân số và xây dựng cộng đồng khỏe mạnh. Đây là một trong những yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo đảm sự phát triển bền vững của địa phương.

5.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân trên địa bàn xã An Biên ngày càng được nâng cao; các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phát triển rộng khắp, tạo môi trường sinh hoạt cộng đồng lành mạnh, góp phần xây dựng nếp sống văn minh, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được triển khai hiệu quả, gắn với xây dựng gia

đình văn hóa, khu dân cư văn hóa và thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Năm 2025, tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa đạt 98%, phản ánh sự lan tỏa của các giá trị văn hóa trong đời sống xã hội và ý thức chấp hành các quy ước, hương ước ở cộng đồng dân cư.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể dục, thể thao quần chúng được tổ chức thường xuyên, đa dạng về nội dung và hình thức, tạo sân chơi bổ ích, nâng cao đời sống tinh thần và tăng cường sự gắn kết trong cộng đồng. Địa phương tích cực tổ chức các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, các sự kiện chính trị quan trọng; đồng thời duy trì các giải thi đấu thể thao quần chúng, các chương trình giao lưu văn nghệ và các hoạt động hưởng ứng phong trào rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại, từng bước xây dựng lối sống tích cực và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Công tác thông tin và tuyên truyền được triển khai chủ động, kịp thời, bám sát các nhiệm vụ chính trị và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nội dung tuyên truyền tập trung phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền về cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường, phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn giao thông và các phong trào thi đua yêu nước. Hệ thống truyền thanh cơ sở cùng các hình thức tuyên truyền trực quan được phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận xã hội và khuyến khích Nhân dân tích cực tham gia các phong trào phát triển kinh tế, văn hóa và xây dựng đời sống cộng đồng.

Song song với việc phát triển các hoạt động văn hóa, địa phương tiếp tục quan tâm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh gắn với nâng cao chất lượng các thiết chế văn hóa ở cơ sở. Sự kết hợp hài hòa giữa phát triển văn hóa, thể thao và công tác thông tin, tuyên truyền đã tạo nên nền tảng tinh thần vững chắc, góp phần xây dựng cộng đồng dân cư đoàn kết, văn minh và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân trên địa bàn xã An Biên.

5.6.4. An sinh xã hội

Cùng với phát triển kinh tế, xã An Biên luôn xác định bảo đảm an sinh xã hội là nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân và tạo sự phát triển hài hòa giữa các lĩnh vực kinh tế, văn hóa và xã hội. Các chính sách đối với người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các nhóm yếu thế được thực hiện đầy đủ, đúng quy định, bảo đảm mọi đối tượng đều được tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước một cách kịp thời và công khai.

Công tác giải quyết việc làm có nhiều chuyển biến tích cực, gắn với đào tạo nghề và kết nối thị trường lao động. Trong năm 2025, địa phương đã tạo việc làm cho 1.262 lao động, vượt 26,2% so với kế hoạch, góp phần mở rộng cơ hội việc làm, nâng cao thu nhập và từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng phù hợp với quá trình phát triển kinh tế của địa phương. Song song đó, các chương trình tín dụng chính sách, hỗ trợ phát triển sản xuất và đa dạng hóa sinh kế tiếp tục được triển khai, tạo điều kiện để người dân chủ động phát triển kinh tế hộ gia đình, giảm dần sự phụ thuộc vào chính sách trợ cấp.

Hiệu quả của các chính sách giảm nghèo được thể hiện rõ thông qua việc duy trì tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn 0,58%, thấp hơn kế hoạch đề ra. Địa phương không chỉ tập trung hỗ trợ trước mắt mà còn chú trọng nâng cao năng lực sản xuất, tạo việc làm và cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, giúp người dân có điều kiện ổn định cuộc sống và phát triển bền vững. Việc triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với các dự án hỗ trợ sinh kế, phát triển sản xuất đã tạo thêm nguồn lực để nhiều hộ dân vươn lên thoát nghèo.

Bên cạnh đó, các chính sách về bảo hiểm y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và bảo vệ trẻ em tiếp tục được thực hiện đồng bộ, góp phần mở rộng mạng lưới an sinh trên địa bàn. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 96%, thể hiện mức độ bao phủ cao của chính sách bảo hiểm y tế và khả năng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe của người dân. Sự kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, giảm nghèo và mở rộng các chính sách an sinh đã tạo nền tảng xã hội ổn định, nâng cao mức sống của Nhân dân và củng cố niềm tin của người dân đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

5.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn xã An Biên diễn ra ổn định, đúng quy định của pháp luật; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân luôn được tôn trọng và bảo đảm. Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo được thực hiện thường xuyên, bám sát các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kịp thời hướng dẫn, tạo điều kiện để các tổ chức, cơ sở tôn giáo và tín ngưỡng tổ chức các hoạt động tôn giáo, lễ hội truyền thống, sinh hoạt tín ngưỡng theo đúng quy định.

Địa phương duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các chức sắc, chức việc, người có uy tín trong các tổ chức tôn giáo; thường xuyên gặp gỡ, trao đổi thông tin, nắm bắt tình hình và kịp thời giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của các tổ chức, cá nhân có đạo. Các cơ sở tôn giáo và đồng bào có đạo tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần tăng cường sự gắn kết trong cộng đồng.

Song song đó, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện thường xuyên, gắn với vận động các tổ chức, cá nhân tôn giáo thực hiện tốt phương châm "sống tốt đời, đẹp đạo", phát huy những giá trị đạo đức, nhân văn của tôn giáo trong xây dựng đời sống văn hóa và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tình hình an ninh trong lĩnh vực tôn giáo cơ bản ổn định, không phát sinh các vụ việc phức tạp, tạo điều kiện thuận lợi để các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo diễn ra hài hòa, góp phần giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

5.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã An Biên được giữ vững, tạo môi trường ổn định để phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh

nhân dân tiếp tục được củng cố; lực lượng Quân sự và Công an xã được kiện toàn về tổ chức, phát huy tốt vai trò nòng cốt trong bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xử lý hiệu quả các tình huống phát sinh ngay từ cơ sở.

Công tác quốc phòng địa phương được triển khai toàn diện, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, quản lý lực lượng dự bị động viên và tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hằng năm. Công tác huấn luyện, giáo dục quốc phòng và an ninh được tổ chức đúng kế hoạch, chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương, đáp ứng yêu cầu bảo vệ địa bàn trong tình hình mới.

Lực lượng Công an xã chủ động nắm chắc tình hình, triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; tăng cường quản lý cư trú, quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, quản lý dân cư. Công tác tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác tội phạm được thực hiện kịp thời; các vụ việc phát sinh được tập trung xử lý ngay từ cơ sở, hạn chế phát sinh điểm nóng, góp phần giữ vững ổn định tình hình an ninh trên địa bàn.

Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả, gắn với xây dựng khu dân cư an toàn, cơ quan, đơn vị và trường học đạt tiêu chuẩn về an ninh, trật tự. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, phòng chống tội phạm, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn cứu hộ và bảo đảm trật tự an toàn giao thông được triển khai thường xuyên, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và tinh thần tự quản của Nhân dân. Sự phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng Quân sự, Công an, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và Nhân dân trong xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc.

Trong bối cảnh địa phương đang đẩy mạnh phát triển kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng và nâng cao chất lượng các tiêu chí phát triển đô thị, việc giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội không chỉ bảo đảm môi trường sống an toàn cho Nhân dân mà còn tạo nền tảng quan trọng để thu hút đầu tư, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của xã An Biên trong giai đoạn phát triển mới.

6. Xã An Minh

6.1. Lịch sử hình thành

Địa bàn xã An Minh ngày nay trước đây thuộc huyện An Biên của tỉnh Rạch Giá (nay là tỉnh An Giang). Trước yêu cầu quản lý nhà nước và khai thác hiệu quả vùng đất phía tây nam của tỉnh, ngày 13/01/1986, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 07-HĐBT thành lập huyện An Minh trên cơ sở điều chỉnh địa giới hành chính của huyện An Biên. Khi mới thành lập, huyện An Minh gồm thị trấn Thứ Mười Một và các xã Thuận Hòa, Đông Hòa, Đông Hưng, Đông Thạnh, Vân Khánh và An Minh Bắc. Trong đó, khu vực Đông Hưng, Đông Thạnh và thị trấn Thứ Mười Một ngày nay giữ vai trò là hạt nhân trong quá trình hình thành và phát triển của xã An Minh hiện nay.

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao hiệu quả quản lý hành chính, hệ thống đơn vị hành chính trên địa bàn tiếp tục được điều chỉnh qua nhiều giai đoạn. Ngày 24/5/1988, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 92-HĐBT thành lập thị trấn Thứ Mười Một trên cơ sở sắp xếp lại địa giới một số xã của huyện An Minh. Kể từ đây, thị trấn Thứ Mười Một trở thành trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế và văn hóa của huyện, giữ vai trò đầu mối giao thương và điều hành các hoạt động phát triển của khu vực. Cùng thời gian này, địa giới các xã Đông Hưng và Đông Thạnh cũng được điều chỉnh, tạo nền tảng ổn định cho việc quản lý và tổ chức không gian phát triển của địa phương.

Ngày 31/5/1991, Ban Tổ chức Chính phủ ban hành Quyết định số 288-TCCP, tiếp tục điều chỉnh địa giới hành chính trên địa bàn huyện An Minh. Theo đó, xã Đông Hưng được mở rộng trên cơ sở sáp nhập xã Ngọc Hưng và một phần xã An Minh Tây; phần diện tích còn lại của xã An Minh Tây được sáp nhập vào xã Đông Thạnh. Việc điều chỉnh này góp phần ổn định địa giới hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Đến ngày 18/3/1997, Chính phủ ban hành Nghị định số 23-CP, thành lập xã Đông Hưng A và xã Đông Hưng B trên cơ sở chia tách xã Đông Hưng. Đây là dấu mốc quan trọng trong quá trình hoàn thiện hệ thống đơn vị hành chính của khu vực, đáp ứng yêu cầu quản lý đối với địa bàn có quy mô dân số và diện tích ngày càng mở rộng, đồng thời tạo điều kiện khai thác hiệu quả tiềm năng phát triển nông nghiệp, thương mại và dịch vụ của từng khu vực.

Ngày 26/7/2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 97/2005/NĐ-CP thành lập xã Tân Thạnh trên cơ sở điều chỉnh địa giới xã Đông Thạnh, góp phần tiếp tục hoàn thiện mạng lưới đơn vị hành chính của huyện An Minh. Những lần chia tách, điều chỉnh địa giới trong giai đoạn này đã tạo nên không gian phát triển hợp lý, phù hợp với tốc độ gia tăng dân số, yêu cầu đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang để thành lập tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Tiếp đó, ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Thứ Mười Một cùng các xã Đông Hưng và Đông Hưng B để thành lập xã mới có tên gọi là xã An Minh và tồn tại đến ngày hôm nay.

6.2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

6.2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã An Minh nằm ở phía Nam và là 01 trong 102 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã U Minh Thượng;

- Phía Tây giáp xã Vân Khánh, xã Đông Hưng và xã Tân Thạnh;

- Phía Nam giáp tỉnh Cà Mau;

- Phía Bắc giáp xã Đông Hòa.

6.2.2. Vai trò chức năng

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã An Minh nằm ở khu vực ven biển phía Tây Nam của tỉnh, giữ vị trí quan trọng trong không gian phát triển kinh tế biển, nông nghiệp và sinh thái của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Với lợi thế tiếp giáp biển Tây, sở hữu hệ thống kênh, rạch, sông ngòi dày đặc cùng vùng đất ngập nước rộng lớn, xã được định hướng phát triển theo mô hình kinh tế tổng hợp dựa trên ba trụ cột là nông nghiệp chất lượng cao - kinh tế biển - bảo tồn hệ sinh thái, đóng vai trò là một trong những địa bàn trọng điểm phát triển kinh tế ven biển của tỉnh.

Xã An Minh nằm trên hành lang kết nối giữa khu vực ven biển phía Nam tỉnh An Giang với thành phố Rạch Giá, khu vực U Minh Thượng và các địa phương ven biển vùng Tây Nam Bộ thông qua hệ thống các tuyến giao thông huyết mạch như Quốc lộ 63 và các tuyến đường ven biển đang được đầu tư hoàn thiện. Đây là lợi thế quan trọng để mở rộng giao thương hàng hóa, phát triển dịch vụ logistics phục vụ nông nghiệp, thủy sản và tăng cường liên kết với các trung tâm kinh tế, đô thị của tỉnh. Bên cạnh đó, An Minh được xác định là vùng sản xuất nông nghiệp và thủy sản quy mô lớn, với thế mạnh về sản xuất lúa chất lượng cao, nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước ngọt và phát triển các mô hình sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu. Địa phương đồng thời là một mắt xích quan trọng trong việc triển khai Đề án phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp vùng Đồng bằng sông Cửu Long; góp phần bảo đảm an ninh lương thực, cung cấp nguồn nguyên liệu ổn định cho công nghiệp chế biến nông sản và thủy sản của tỉnh.

Không chỉ có vai trò trong phát triển sản xuất, An Minh còn là địa bàn có giá trị đặc biệt về tài nguyên sinh thái khi nằm trong vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển thế giới Kiên Giang và khu vực Vườn quốc gia U Minh Thượng. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế xanh, bảo tồn đa dạng sinh học, khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đồng thời hình thành các loại hình du lịch sinh thái, trải nghiệm và giáo dục môi trường gắn với phát triển bền vững.

Trong định hướng phát triển lâu dài, xã An Minh được xác định là trung tâm phát triển kinh tế tổng hợp của khu vực ven biển phía Nam tỉnh An Giang, giữ vai trò kết nối giữa sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, kinh tế biển, dịch vụ hậu cần nghề cá và công nghiệp chế biến. Cùng với quá trình hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, địa phương sẽ từng bước hình thành không gian phát triển theo hướng hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, trở thành một cực tăng trưởng quan trọng, góp phần mở rộng không gian phát triển về phía biển và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh An Giang trong giai đoạn mới.

6.3. Diện tích tự nhiên

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, xã An Minh có 142,44 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: Đất xây dựng đô thị là 7,42 km^2, chiếm 5,21% và đất khác là 135,02 km^2, chiếm 94,79%.

6.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

6.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, xã An Minh có quy mô dân số là 35.918 người, trong đó dân số thường trú là 35.423 người và dân số tạm trú là 495 người.

6.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã (từ 15 đến 60 tuổi) là 27.944 người, chiếm 77,81% tổng dân số của xã. Trong đó: tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 24.074 người, chiếm tỷ lệ 86,15% lao động trong độ tuổi.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 6.981 người, chiếm tỷ lệ 29,00%; lao động công nghiệp và xây dựng là 6.259 người, chiếm tỷ lệ 26,00%; lao động thương mại - dịch vụ là 10.834 người, chiếm tỷ lệ 45,00%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 17.093 người, chiếm tỷ lệ 71,00%.

6.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã An Minh chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm các xã, thị trấn cũ trước khi sắp xếp, dọc các tuyến giao thông đối nội, đối ngoại đi ngang qua địa bàn xã.

6.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

6.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã An Minh năm 2025 theo giá hiện hành đạt 7.295,33 tỷ đồng, tăng 3,83% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 1.902,21 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 3.206,81 triệu đồng; nông - lâm - thủy sản đạt 2.186,31 tỷ đồng.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 43,96%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 26,07% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 29,97% trong cơ cấu kinh tế của xã.

6.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân

sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã An Minh năm 2025 đạt 553.560,78 triệu đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 553.560,78 triệu đồng (trong đó chi thường xuyên đạt 302.534,25 triệu đồng), cân đối đủ.

6.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 77,1 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 80,0 triệu đồng/người/năm.

6.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã An Minh là 1,30%, trong đó: năm 2023 là 1,68%, năm 2024 là 1,20% và năm 2025 là 1,03%.

6.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò là nền tảng của nền kinh tế xã An Minh, phát triển theo hướng khai thác hiệu quả lợi thế sinh thái vùng ven biển và thích ứng với biến đổi khí hậu. Địa phương tập trung duy trì ổn định diện tích sản xuất, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, từng bước hình thành nền nông nghiệp bền vững gắn với bảo vệ môi trường và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước. Năm 2025, tổng diện tích sản xuất lúa trên nền đất nuôi tôm đạt 10.652 ha, tổng sản lượng lúa đạt 52.526 tấn, vượt 4,6% kế hoạch, trong đó mô hình luân canh tôm - lúa tiếp tục khẳng định hiệu quả về kinh tế, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân và tạo ra sản phẩm nông nghiệp theo hướng an toàn, thân thiện với môi trường.

Thủy sản là lĩnh vực có tốc độ phát triển nhanh và giữ vai trò động lực trong cơ cấu kinh tế của xã. Với lợi thế về điều kiện tự nhiên, An Minh phát triển đa dạng các mô hình nuôi thủy sản kết hợp như tôm - lúa, tôm - cua, tôm - cá, từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng đất và thích ứng với điều kiện sản xuất vùng nước lợ. Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản năm 2025 đạt 12.938,02 tấn, vượt 2% kế hoạch, phản ánh xu hướng phát triển ổn định của ngành thủy sản và sự chủ động của người dân trong ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cải thiện chất lượng con giống, quản lý môi trường nuôi và nâng cao năng suất.

Lĩnh vực chăn nuôi tiếp tục được duy trì theo hướng an toàn, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và bổ trợ cho phát triển kinh tế nông hộ. Tổng đàn vật nuôi trên địa bàn đạt 96.872 con, gồm 1.234 con heo và 95.638 con gia cầm. Công tác thú y, tiêm phòng, giám sát dịch bệnh và hướng dẫn chăn nuôi an toàn sinh học được triển khai thường xuyên, góp phần kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ đàn vật nuôi và duy trì sản xuất ổn định.

Bên cạnh phát triển sản xuất, địa phương chú trọng đổi mới phương thức tổ chức sản xuất theo hướng liên kết, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ hợp tác, hợp tác xã và khuyến khích người dân tham gia các chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Việc phát huy lợi thế của mô hình nông nghiệp sinh thái kết hợp giữa trồng lúa và nuôi thủy sản không chỉ tạo ra giá trị kinh tế cao hơn mà còn mở ra hướng phát triển bền vững cho ngành nông nghiệp, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp địa phương trong những năm tới.

b) Công nghiệp - xây dựng

Hoạt động công nghiệp trên địa bàn xã An Minh phát triển theo hướng phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp và thủy sản - hai ngành kinh tế chủ lực của địa phương. Các cơ sở chế biến nông sản, thủy sản, sản xuất nước đá, cơ khí sửa chữa máy móc phục vụ nuôi trồng, khai thác thủy sản và các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp tiếp tục duy trì hoạt động ổn định, góp phần kéo dài chuỗi giá trị sản phẩm, nâng cao khả năng tiêu thụ nguyên liệu tại chỗ và giảm chi phí sản xuất cho người dân. Năm 2025, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 694,62 tỷ đồng, vượt 3,46% kế hoạch, cho thấy khu vực sản xuất đang từng bước thích ứng với yêu cầu phát triển của nền kinh tế địa phương.

Hoạt động xây dựng tập trung vào hoàn thiện hệ thống hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng đời sống dân cư sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính. Các nguồn lực đầu tư được ưu tiên cho phát triển giao thông, thủy lợi, trường học, cơ sở y tế và các công trình công cộng, từng bước khắc phục sự chênh lệch về hạ tầng giữa các khu vực sau sáp nhập. Giá trị sản xuất ngành xây dựng đạt 515,59 tỷ đồng, đạt 100,96% kế hoạch, góp phần tạo động lực thúc đẩy phát triển không gian kinh tế - xã hội của địa phương.

Trong quá trình phát triển, xã An Minh chú trọng kết hợp giữa đầu tư hạ tầng với khai thác hiệu quả lợi thế vùng ven biển, bảo đảm sự liên kết giữa các vùng sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và khu dân cư. Việc từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa, thu hút đầu tư và mở rộng sản xuất mà còn nâng cao khả năng thích ứng trước yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, góp phần hình thành nền tảng hạ tầng đồng bộ phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội lâu dài.

c) Thương mại - dịch vụ

Hoạt động thương mại trên địa bàn xã An Minh phát triển khá sôi động, giữ vai trò quan trọng trong lưu thông hàng hóa, tiêu thụ nông sản, thủy sản và đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của Nhân dân. Cùng với sự phát triển của kinh tế địa phương, hệ thống chợ, cửa hàng, đại lý và các cơ sở kinh doanh không ngừng được mở rộng, tạo nên mạng lưới phân phối hàng hóa tương đối đồng bộ từ trung tâm xã đến các khu dân cư. Toàn xã hiện có 954 cơ sở hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, góp phần thúc đẩy lưu thông hàng hóa, tạo nguồn thu cho ngân sách và duy trì sự phát triển ổn định của khu vực kinh tế tư nhân.

Lĩnh vực dịch vụ có bước phát triển tích cực, từng bước đa dạng hóa các loại hình phục vụ sản xuất và đời sống. Các hoạt động vận tải, lưu trú, ăn uống, dịch vụ phục vụ nuôi trồng thủy sản, sửa chữa cơ khí, cung ứng vật tư nông nghiệp và các dịch vụ tài chính, viễn thông tiếp tục được mở rộng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt 269,26 tỷ đồng, góp phần vào tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ toàn xã đạt 3.306,81 tỷ đồng, vượt 3,79% kế hoạch năm.

Sự phát triển của thương mại - dịch vụ gắn chặt với lợi thế sản xuất nông nghiệp và thủy sản của địa phương, từng bước hình thành chuỗi liên kết từ cung ứng vật tư, sản xuất, thu mua, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm. Đây không chỉ là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn góp phần nâng cao giá trị sản phẩm địa phương, mở rộng thị trường tiêu thụ, tạo điều kiện để các hộ sản xuất, hợp tác xã và cơ sở kinh doanh phát triển theo hướng chuyên nghiệp, thích ứng với yêu cầu của nền kinh tế thị trường và quá trình chuyển đổi số trong hoạt động thương mại.

6.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

6.6.1. Giáo dục - đào tạo

Giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã An Minh tiếp tục khẳng định vai trò là nền tảng trong phát triển nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng dân cư. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, mạng lưới các cơ sở giáo dục được duy trì ổn định, bảo đảm đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên toàn địa bàn. Công tác quản lý giáo dục từng bước được kiện toàn, việc tổ chức dạy và học diễn ra nền nếp, góp phần tạo môi trường giáo dục ổn định và liên tục cho học sinh ở tất cả các cấp học.

Địa phương đặc biệt chú trọng công tác huy động học sinh đến trường và duy trì kết quả phổ cập giáo dục. Năm 2025, tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi từ 6 đến 14 tuổi đến trường đạt 99,85%, vượt kế hoạch đề ra; 100% trẻ 5 tuổi được đến lớp mẫu giáo, tạo tiền đề quan trọng để trẻ phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và kỹ năng trước khi bước vào bậc tiểu học. Những kết quả này phản ánh sự phối hợp hiệu quả giữa nhà trường, gia đình và chính quyền địa phương trong việc bảo đảm quyền học tập của trẻ em và hạn chế tình trạng học sinh bỏ học. Bên cạnh việc duy trì quy mô giáo dục, các nhà trường tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, giảng dạy; đồng thời tăng cường giáo dục đạo đức, kỹ năng sống và ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh. Việc xây dựng môi trường học tập an toàn, thân thiện, lấy người học làm trung tâm đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Giáo dục không chỉ dừng lại ở nhiệm vụ truyền đạt tri thức mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc chuẩn bị nguồn nhân lực cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Với nền tảng phổ cập giáo dục được duy trì vững chắc, tỷ lệ huy động học sinh đạt mức cao và sự quan tâm đầu tư của địa phương đối với sự nghiệp giáo dục, xã An Minh đang từng bước xây dựng môi trường học tập chất lượng, tạo điều kiện để thế hệ trẻ phát huy năng lực, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

6.6.2. Y tế

Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn xã An Minh tiếp tục được triển khai theo hướng lấy y tế cơ sở làm nền tảng, kết hợp giữa phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh. Mạng lưới y tế trên địa bàn duy trì hoạt động ổn định, thực hiện hiệu quả các chương trình y tế quốc gia, góp phần bảo đảm người dân được tiếp cận các dịch vụ y tế thiết yếu ngay tại địa phương.

Công tác y tế dự phòng được chú trọng thông qua việc tăng cường giám sát dịch tễ, triển khai các chương trình tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, phòng chống suy dinh dưỡng, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm. Các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe được duy trì thường xuyên, nâng cao ý thức phòng bệnh của người dân, góp phần kiểm soát các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng và hạn chế phát sinh các dịch bệnh trên địa bàn.

Việc thực hiện các chính sách an sinh trong lĩnh vực y tế đạt nhiều kết quả tích cực. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 106,27% kế hoạch, thể hiện sự quan tâm của địa phương trong việc mở rộng diện bao phủ bảo hiểm y tế, tạo điều kiện để người dân được tiếp cận dịch vụ khám, chữa bệnh, giảm gánh nặng chi phí y tế và bảo đảm quyền lợi chăm sóc sức khỏe. Đây cũng là một trong những chỉ tiêu phản ánh chất lượng thực hiện chính sách an sinh và chăm sóc sức khỏe toàn dân.

Công tác chăm sóc sức khỏe trẻ em tiếp tục được quan tâm thông qua các chương trình dinh dưỡng, theo dõi sự phát triển thể chất và tư vấn chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 7,3%, cho thấy hiệu quả của các giải pháp can thiệp về dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe ban đầu và sự phối hợp giữa ngành y tế, gia đình và cộng đồng trong nâng cao chất lượng dân số. Những kết quả đạt được đã góp phần xây dựng nền tảng sức khỏe cộng đồng ổn định, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân và đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương trong giai đoạn mới.

6.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Đời sống văn hóa của Nhân dân trên địa bàn xã An Minh tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, trở thành nền tảng quan trọng trong việc củng cố sự đoàn kết cộng đồng và xây dựng môi trường sống văn minh sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được triển khai sâu rộng, gắn với xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa và thực hiện nếp sống văn minh trong cộng đồng. Năm 2025, tỷ lệ hộ gia đình và ấp đạt chuẩn văn hóa đạt 100% kế hoạch, phản ánh sự đồng thuận của Nhân dân trong việc xây dựng đời sống văn hóa và chấp hành các quy định của địa phương.

Phong trào thể dục, thể thao quần chúng tiếp tục được duy trì và phát triển theo hướng mở rộng đối tượng tham gia, tạo điều kiện để người dân rèn luyện sức khỏe, nâng cao thể chất và tăng cường giao lưu trong cộng đồng. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, hội thi, hội diễn và các giải thể thao được tổ chức gắn với các ngày lễ lớn, sự kiện chính trị của đất nước và địa phương, góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời tạo không khí thi đua sôi nổi trong các tầng lớp Nhân dân.

Công tác thông tin và tuyên truyền được triển khai theo hướng chủ động, bám sát nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý của chính quyền địa phương sau sáp nhập. Nội dung tuyên truyền tập trung vào phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền về cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, dịch bệnh và giữ gìn an ninh, trật tự. Việc phát huy hiệu quả hệ thống truyền thanh cơ sở và các nền tảng thông tin số đã góp phần đưa thông tin đến người dân nhanh chóng, chính xác, tạo sự đồng thuận trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển của địa phương.

Cùng với sự phát triển kinh tế, xã An Minh tiếp tục quan tâm xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phát huy vai trò của các thiết chế văn hóa cơ sở và nâng cao chất lượng các hoạt động phục vụ Nhân dân. Việc kết hợp hài hòa giữa phát triển văn hóa, thể thao và đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền không chỉ đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân mà còn tạo động lực tinh thần, tăng cường sự gắn kết cộng đồng và phát huy bản sắc văn hóa của địa phương trong quá trình phát triển.

6.6.4. An sinh xã hội

An sinh xã hội trên địa bàn xã An Minh được triển khai đồng bộ theo hướng bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, nhất là các nhóm yếu thế, người có công, đối tượng bảo trợ xã hội và hộ nghèo. Việc thực hiện chính sách luôn bảo đảm đúng đối tượng, công khai, minh bạch và kịp thời, góp phần ổn định đời sống Nhân dân, củng cố niềm tin của người dân đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong năm 2025, xã đã thực hiện chi trả trợ cấp thường xuyên cho 1.327 đối tượng bảo trợ xã hội với tổng kinh phí trên 7,006 tỷ đồng, bảo đảm đầy đủ quyền lợi cho các đối tượng theo quy định.

Giải quyết việc làm được xác định là giải pháp trọng tâm để nâng cao chất lượng an sinh xã hội. Địa phương tích cực phối hợp tư vấn nghề nghiệp, kết nối cung - cầu lao động và giới thiệu việc làm cho người dân, tạo điều kiện để lao động tiếp cận cơ hội việc làm phù hợp với năng lực và nhu cầu của thị trường. Trong năm, 1.750 lượt lao động đã được tư vấn, giới thiệu việc làm, đạt 100,57% kế hoạch, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện sinh kế và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực.

Hiệu quả của các chính sách giảm nghèo được thể hiện thông qua việc ưu tiên hỗ trợ phát triển sinh kế, tạo việc làm và mở rộng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Tỷ lệ hộ nghèo của xã còn 1,21%, thấp hơn mục tiêu kế hoạch, phản ánh sự chuyển biến tích cực trong công tác giảm nghèo bền vững cũng như nỗ lực vươn lên của người dân. Bên cạnh việc hỗ trợ trước mắt, địa phương chú trọng nâng cao năng lực tự chủ của các hộ nghèo thông qua các chính sách tín dụng ưu đãi, đào tạo nghề và hỗ trợ phát triển sản xuất.

Cùng với việc thực hiện các chính sách bảo trợ và giảm nghèo, xã An Minh tiếp tục quan tâm nâng cao chất lượng các dịch vụ xã hội cơ bản về giáo dục, y tế, bảo hiểm và chăm sóc các nhóm dễ bị tổn thương. Cách tiếp cận lấy người dân làm trung tâm trong thực hiện chính sách an sinh đã góp phần thu hẹp khoảng

cách về điều kiện sống giữa các nhóm dân cư, tạo nền tảng xã hội ổn định và thúc đẩy sự phát triển hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

6.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn xã.

6.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Quốc phòng và an ninh trên địa bàn xã An Minh tiếp tục được củng cố vững chắc, tạo nền tảng ổn định để phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, địa phương tập trung kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các lực lượng trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương và bảo vệ an ninh chính trị, bảo đảm mọi hoạt động của hệ thống chính trị được duy trì thông suốt, ổn định.

Công tác quốc phòng địa phương được triển khai đồng bộ, gắn với xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, quản lý lực lượng dự bị động viên và thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được tổ chức chặt chẽ, đúng quy định, hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân năm 2025, thể hiện tinh thần trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền và sự đồng thuận của Nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Lực lượng Công an xã chủ động nắm chắc tình hình địa bàn, tăng cường các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; đồng thời thực hiện hiệu quả công tác quản lý cư trú, quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy và bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" tiếp tục được phát huy, khuyến khích người dân tham gia giữ gìn an ninh, kịp thời phát hiện, cung cấp thông tin, góp phần giải quyết các vụ việc ngay từ cơ sở. Nhờ đó, tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn luôn được giữ vững, tạo môi trường ổn định cho sản xuất, kinh doanh và đời sống Nhân dân.

Bên cạnh việc giữ vững ổn định địa bàn, xã An Minh tiếp tục đổi mới công tác bảo đảm an ninh theo hướng lấy phòng ngừa là chính, kết hợp chặt chẽ giữa tuyên truyền, giáo dục pháp luật với phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư. Việc xây dựng địa bàn an toàn, không có tệ nạn xã hội, từng bước thực hiện mục tiêu xây dựng xã không có ma túy, cùng với việc kéo giảm tội phạm về trật tự xã hội đã và đang tạo nền tảng quan trọng để địa phương phát triển bền vững, nâng cao chất lượng quản trị và xây dựng môi trường sống an toàn cho Nhân dân.

7. Xã Vĩnh Phong

7.1. Lịch sử hình thành

Vùng đất Vĩnh Phong ngày nay nằm ở khu vực trung tâm huyện Vĩnh

Thuận (cũ), là vùng đất được bồi tụ bởi hệ thống sông Cái Lớn, sông Cái Bé cùng mạng lưới kênh rạch dày đặc của vùng U Minh Thượng. Trước đây, khu vực này chủ yếu là rừng tràm, đồng cỏ ngập nước và vùng đất phèn rộng lớn. Trải qua nhiều thế hệ khai hoang, mở đất của lưu dân người Việt kết hợp với cộng đồng người Khmer và người Hoa, vùng đất dần được cải tạo thành những cánh đồng lúa, khu dân cư và trung tâm giao thương quan trọng ở phía Đông tỉnh Kiên Giang (cũ). Với lợi thế nằm trên các tuyến giao thông thủy, bộ kết nối giữa vùng U Minh Thượng với thành phố Rạch Giá và các địa phương lân cận, khu vực Vĩnh Phong từng bước trở thành đầu mối phát triển kinh tế, văn hóa và hành chính của vùng.

Sau ngày đất nước thống nhất, công tác tổ chức lại đơn vị hành chính được triển khai trên phạm vi cả nước. Ngày 24/02/1976, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Nghị định số 03/NQ/1976 thành lập tỉnh Kiên Giang trên cơ sở hợp nhất tỉnh Rạch Giá với một số địa phương của tỉnh Long Châu Hà. Huyện Vĩnh Thuận trở thành đơn vị hành chính thuộc tỉnh Kiên Giang; trong đó, xã Vĩnh Phong là một trong những địa bàn có diện tích tự nhiên lớn, giữ vai trò quan trọng trong phát triển sản xuất nông nghiệp và khai thác tiềm năng vùng U Minh Thượng.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và tổ chức dân cư trong giai đoạn mới, ngày 10/10/1981, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 109-HĐBT chia xã Vĩnh Phong thành ba đơn vị hành chính gồm xã Vĩnh Phong, xã Phong Đông và xã Phong Tây. Việc chia tách tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý địa bàn, phát triển sản xuất và đầu tư kết cấu hạ tầng tại từng khu vực.

Đến ngày 24/5/1988, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 92-HĐBT điều chỉnh địa giới hành chính, sáp nhập hai xã Phong Đông và Phong Tây trở lại xã Vĩnh Phong, đồng thời nhập phần diện tích còn lại của xã Vĩnh Thuận cũ vào thị trấn Vĩnh Thuận. Sau khi hợp nhất, xã Vĩnh Phong trở thành một trong những xã có quy mô lớn của huyện Vĩnh Thuận, giữ vai trò là vùng sản xuất lúa trọng điểm, đồng thời là khu vực kết nối trực tiếp với trung tâm huyện lỵ.

Tiếp tục thực hiện chủ trương điều chỉnh địa giới hành chính phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, ngày 06/4/2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 58/2007/NĐ-CP thành lập lại xã Phong Đông trên cơ sở điều chỉnh 2.557 ha diện tích tự nhiên và 5.949 nhân khẩu của xã Vĩnh Phong. Sau khi điều chỉnh, xã Vĩnh Phong còn 9.224,98 ha diện tích tự nhiên và 13.226 nhân khẩu. Từ đây, khu vực thị trấn Vĩnh Thuận, xã Vĩnh Phong và xã Phong Đông từng bước phát triển đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, mở rộng không gian dân cư, hình thành các vùng sản xuất lúa chất lượng cao, nuôi trồng thủy sản và thương mại - dịch vụ, trở thành khu vực trung tâm phát triển của huyện Vĩnh Thuận.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025. Theo đó, sắp xếp toàn bộ

diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Vĩnh Thuận, xã Phong Đông và xã Vĩnh Phong thành xã mới có tên gọi là xã Vĩnh Phong và tồn tại cho đến ngày nay.

7.2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

7.2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Vĩnh Phong nằm ở phía Nam và là 01 trong 102 đơn vị hành chính của tỉnh An Giang. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông và Nam giáp tỉnh Cà Mau;

- Phía Tây giáp xã Vĩnh Thuận;

- Phía Bắc giáp xã Vĩnh Bình.

7.2.2. Vai trò chức năng

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã Vĩnh Phong thuộc tiểu vùng phía Nam An Giang, có vai trò là vùng sản xuất nông nghiệp trọng yếu của tỉnh, chuyên về trồng lúa và hoa màu, cung cấp quỹ đất lớn và ổn định để bảo đảm an ninh lương thực và phục vụ công nghiệp chế biến; trung tâm năng lượng sạch mới, ngoài điện gió và điện mặt trời còn phát triển điện sinh khối dựa trên phụ phẩm nông nghiệp, tạo hệ sinh thái năng lượng tái tạo đa dạng và gắn chặt với lợi thế sản xuất nông nghiệp của vùng; trong đó, lấy đô thị Vĩnh Thuận làm trung tâm, được định hướng phát triển, mở rộng các khu chức năng đô thị gắn với các khu hành chính, trung tâm thương mại, tài chính - ngân hàng, trung tâm giáo dục đào tạo, y tế, trung tâm thể dục thể thao, vui chơi giải trí. Hình thành một khu đô thị sầm uất, có sức sống, trở thành khu vực hạt nhân phát triển của cụm liên xã phía Nam tỉnh. Lấy khu vực ngã ba kênh Xáng Chắc Băng và kênh Làng Thứ Bảy làm trung tâm phát triển đô thị; phát triển đô thị kết hợp với phát triển du lịch sinh thái gắn với khu vực U Minh Thượng và các điểm di tích ở huyện; Tận dụng lợi thế của Quốc lộ 63 và đường Hồ Chí Minh dự kiến để tập trung phát triển đô thị gắn với phát triển thương mại, công nghiệp và dịch vụ, thu hút các nhà đầu tư. Các hoạt động kinh tế chính: Phát triển thương mại dịch vụ, buôn bán giao thương trao đổi hàng hóa; phát triển du lịch dựa trên hệ thống cảnh quan kênh Xáng Chắc Băng kết nối với chợ Nổi Vĩnh Thuận, Vườn tràm Ban Biện Phú...; phát triển các sản phẩm nông sản, thủy sản mang hình ảnh của Vĩnh Thuận cũ.

7.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Vĩnh Phong có 133,95 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: Đất xây dựng đô thị là 12,34 km^2, chiếm 9,21% và đất khác là 121,61 km^2, chiếm 90,79%.

7.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

7.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, xã Vĩnh Phong có quy mô dân số là 44.057 người, trong đó dân số thường trú là 43.757 người và dân số tạm trú là 300 người.

7.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã (từ 15 đến 60 tuổi) là 34.643 người, chiếm 78,63% tổng dân số của xã. Trong đó: tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 34.643 người, chiếm tỷ lệ 100% lao động trong độ tuổi.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 17.184 người, chiếm tỷ lệ 49,60%; lao động công nghiệp và xây dựng là 6.209 người, chiếm tỷ lệ 17,92%; lao động thương mại - dịch vụ là 11.250 người, chiếm tỷ lệ 32,47%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 17.459 người, chiếm tỷ lệ 50,40%.

7.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Vĩnh Phong chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm các đơn vị hành chính cũ trước khi sắp xếp, dọc các tuyến Quốc lộ và các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

7.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

7.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Vĩnh Phong năm 2025 theo giá hiện hành đạt 4.473,30 tỷ đồng, tăng 9,60% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 936,70 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 1.405,40 tỷ đồng, nông - lâm - thủy sản đạt 2.131,20 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 9,33%, trong đó: năm 2023 tăng 9,00%, năm 2024 tăng 9,40% và năm 2025 tăng 9,60%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 42,59%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 29,88% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 27,52% trong cơ cấu kinh tế của xã.

7.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Vĩnh Long năm 2025 đạt 616,23 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 573,79 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 362,43 tỷ đồng. Cân đối có dư.

7.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 62,03 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 65,20 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 70,00 triệu đồng/người/năm.

7.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Vĩnh Phong là 1,09%, trong đó: năm 2023 là 1,50%, năm 2024 là 0,96% và năm 2025 là 0,82%.

7.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Lĩnh vực sản xuất nông - lâm - thủy sản tiếp tục giữ vai trò là ngành kinh tế chủ lực, là nền tảng quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của xã Vĩnh Phong. Với lợi thế về diện tích đất sản xuất rộng lớn, hệ thống sông ngòi, kênh rạch dày đặc và điều kiện tự nhiên thuận lợi, địa phương tập trung phát triển nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn sản xuất với nhu cầu thị trường và nâng cao giá trị gia tăng. Công tác chỉ đạo sản xuất được triển khai đồng bộ theo từng mùa vụ; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, cơ giới hóa các khâu sản xuất, chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, đồng thời phát triển các mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích canh tác. Công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ và bảo đảm an toàn thực phẩm được thực hiện thường xuyên, tạo điều kiện cho ngành chăn nuôi phát triển ổn định, an toàn và bền vững.

Phát huy lợi thế là địa phương nằm trong vùng sinh thái ngọt hóa của khu vực Tây sông Hậu, xã Vĩnh Phong chú trọng phát triển nuôi trồng và khai thác thủy sản theo hướng tập trung, từng bước ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm. Cùng với đó, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng luôn được quan tâm thực hiện, tăng cường phối hợp với các ngành chức năng trong quản lý tài nguyên rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống cháy rừng và phát triển cây xanh phân tán, góp phần giữ gìn cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp tiếp tục được quan tâm đầu tư theo hướng đồng bộ, hiện đại. Các công trình thủy lợi, đê bao, cống điều tiết, hệ thống kênh mương nội đồng thường xuyên được duy tu, nạo vét, bảo đảm chủ động tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất và phòng, chống thiên tai. Hệ thống giao thông nông thôn tiếp tục được đầu tư nâng cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ giới hóa sản xuất, vận chuyển nông sản và kết nối với các vùng sản xuất lân cận. Song song đó, các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, hạ tầng điện phục vụ sản xuất và các thiết chế nông thôn tiếp tục được hoàn thiện, góp phần nâng cao chất lượng đời sống người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai quyết liệt, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp. Các tiêu chí về hạ tầng, môi trường, tổ chức sản xuất và đời sống dân cư không ngừng được nâng cao, tạo nên diện mạo nông thôn ngày càng khang trang, hiện đại. Những kết quả đạt được đã khẳng định vai trò của nông nghiệp là trụ đỡ của nền kinh tế địa phương, đồng

thời tạo nền tảng quan trọng để xã Vĩnh Phong phát triển theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

b) Công nghiệp - xây dựng

Trong những năm qua, lĩnh vực công nghiệp - xây dựng trên địa bàn xã Vĩnh Phong tiếp tục duy trì đà phát triển ổn định, từng bước khẳng định vai trò là một trong những động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động của địa phương. Hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và chế biến nông, thủy sản được duy trì, gắn với lợi thế vùng nguyên liệu và nhu cầu thị trường, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân. Cùng với đó, hoạt động xây dựng diễn ra sôi động, nhiều công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi, trường học, cơ sở y tế, thiết chế văn hóa và các công trình dân sinh tiếp tục được đầu tư, nâng cấp theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới.

Năm 2025, xã triển khai thực hiện nhiều công trình đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các chương trình mục tiêu quốc gia, tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn đầu tư công đạt mức cao, góp phần đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn. Công tác quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai và đầu tư xây dựng được tăng cường; việc thẩm định, cấp phép, kiểm tra các hoạt động xây dựng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Hệ thống giao thông nông thôn, cầu, cống, điện, cấp thoát nước và các công trình phục vụ sản xuất tiếp tục được cải tạo, mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa, thu hút đầu tư và phát triển sản xuất.

Việc đẩy mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng gắn với khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế về vị trí và liên kết vùng đã góp phần tạo diện mạo nông thôn ngày càng khang trang, nâng cao năng lực kết nối giữa các khu dân cư, vùng sản xuất và trung tâm hành chính của xã. Đây là nền tảng quan trọng để Vĩnh Phong tiếp tục phát triển theo hướng công nghiệp - xây dựng gắn với dịch vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

c) Thương mại - dịch vụ

Lĩnh vực thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã Vĩnh Phong tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân, đồng thời góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng thương mại, dịch vụ. Với lợi thế là địa bàn hợp nhất từ thị trấn Vĩnh Thuận và các xã Vĩnh Phong, Phong Đông trước đây, xã hình thành mạng lưới kinh doanh tương đối phát triển, tập trung tại khu vực trung tâm hành chính, chợ truyền thống, các tuyến giao thông chính và các khu dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động trao đổi, lưu thông hàng hóa trong và ngoài địa phương.

Hoạt động thương mại diễn ra sôi động với sự tham gia của nhiều cơ sở kinh doanh, hộ thương mại, dịch vụ và doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực bán lẻ, vật tư nông nghiệp, dịch vụ vận tải, cơ khí, sửa chữa, chế biến nông - thủy sản, ăn uống và các dịch vụ phục vụ sản xuất, tiêu dùng. Hệ thống chợ, cửa hàng,

điểm kinh doanh được duy trì hoạt động ổn định, bảo đảm nguồn cung hàng hóa thiết yếu, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân và góp phần thúc đẩy lưu thông hàng hóa giữa xã với các địa phương lân cận. Các hoạt động xúc tiến thương mại, bình ổn thị trường, bảo đảm an toàn thực phẩm, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả được tăng cường, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, lành mạnh.

Cùng với sự phát triển của thương mại, các ngành dịch vụ như tài chính - ngân hàng, bưu chính, viễn thông, logistics, vận tải, dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, giáo dục, y tế và các dịch vụ dân sinh tiếp tục được mở rộng cả về quy mô và chất lượng. Việc ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh, thanh toán không dùng tiền mặt và cung cấp dịch vụ công trực tuyến ngày càng được đẩy mạnh, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở kinh doanh và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Sự phát triển đồng bộ của lĩnh vực thương mại - dịch vụ không chỉ tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân mà còn góp phần khai thác hiệu quả vị trí trung tâm của xã trong khu vực phía tây tỉnh An Giang, tăng cường kết nối với các vùng sản xuất nông nghiệp, vùng nuôi trồng thủy sản và các địa phương lân cận, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại, bền vững.

7.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

7.6.1. Giáo dục - đào tạo

Trong những năm qua, giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Vĩnh Phong luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, hệ thống giáo dục trên địa bàn tiếp tục được củng cố, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả; mạng lưới trường, lớp được bố trí hợp lý, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên toàn địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận các dịch vụ giáo dục có chất lượng.

Năm học 2024 - 2025, các cơ sở giáo dục trên địa bàn đã hoàn thành tốt chương trình, kế hoạch năm học theo quy định; đồng thời chủ động xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm học 2025 - 2026 gắn với việc chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, trang thiết bị dạy học và công tác huy động học sinh đến trường. Theo báo cáo của địa phương, tỷ lệ huy động trẻ em ra lớp ở các cấp học đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, góp phần duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Công tác tuyển sinh đầu cấp được triển khai đúng quy định, bảo đảm mọi trẻ em trong độ tuổi đều được đến trường; đồng thời chú trọng thực hiện các giải pháp hạn chế tình trạng học sinh bỏ học, nâng cao tỷ lệ chuyên cần và duy trì sĩ số trong suốt năm học.

Song song với việc nâng cao chất lượng giáo dục, địa phương tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất trường học theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại; tăng cường sửa chữa, nâng cấp phòng học, các công trình phụ trợ, bổ sung trang thiết bị dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, giảng dạy.

Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên thường xuyên được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; các phong trào thi đua "Dạy tốt - Học tốt", xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả.

Cùng với đó, công tác quản lý nhà nước về giáo dục được thực hiện chặt chẽ, nhất là sau khi triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp; việc phối hợp giữa ngành giáo dục với gia đình và xã hội trong quản lý, giáo dục học sinh ngày càng được tăng cường. Các hoạt động tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh học đường, bảo đảm an toàn trường học, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục pháp luật, bảo vệ môi trường và chuyển đổi số trong giáo dục được triển khai đồng bộ, góp phần xây dựng môi trường học tập an toàn, lành mạnh và toàn diện.

Những kết quả đạt được trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã góp phần nâng cao dân trí, từng bước phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương trong giai đoạn mới. Đây đồng thời là nền tảng quan trọng để xã Vĩnh Phong tiếp tục phát huy lợi thế về nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân và thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng của tỉnh An Giang.

7.6.2. Y tế

Công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn xã Vĩnh Phong luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đồng bộ, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo đảm an sinh xã hội. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, hệ thống y tế cơ sở tiếp tục được củng cố, kiện toàn, bảo đảm hoạt động ổn định, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân trên toàn địa bàn. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế từng bước được đầu tư, nâng cấp; đội ngũ cán bộ y tế được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, từng bước nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và tinh thần phục vụ người dân.

Trong năm 2025, các cơ sở y tế trên địa bàn đã thực hiện tốt công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu và triển khai đầy đủ các chương trình y tế quốc gia theo kế hoạch. Hoạt động khám, điều trị cho người dân được duy trì thường xuyên, bảo đảm quyền tiếp cận các dịch vụ y tế thiết yếu, đồng thời nâng cao chất lượng chuyên môn và hiệu quả phục vụ. Công tác y tế dự phòng được chú trọng triển khai đồng bộ; các chương trình tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, phòng, chống suy dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe sinh sản và phòng, chống các bệnh không lây nhiễm tiếp tục được thực hiện hiệu quả, góp phần nâng cao các chỉ số về sức khỏe cộng đồng.

Địa phương thường xuyên tăng cường công tác giám sát dịch tễ, chủ động xây dựng phương án phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt đối với các bệnh truyền nhiễm theo mùa, không để dịch bệnh lớn phát sinh trên địa bàn. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe được đẩy mạnh thông qua nhiều hình thức, góp phần nâng cao nhận thức của người dân về vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng, chống dịch bệnh và thực hiện lối sống lành mạnh. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám, chữa bệnh, quản lý hồ sơ sức khỏe

điện tử và cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế tiếp tục được quan tâm triển khai, từng bước nâng cao chất lượng phục vụ và hiệu quả quản lý nhà nước.

Song song với nhiệm vụ chuyên môn, ngành y tế địa phương còn phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thực hiện các chương trình mục tiêu về dân số, bảo hiểm y tế toàn dân, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, người có công, hộ nghèo và các đối tượng bảo trợ xã hội. Việc duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống y tế cơ sở đã góp phần xây dựng mạng lưới chăm sóc sức khỏe ngày càng hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương trong giai đoạn mới, đồng thời tạo nền tảng quan trọng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của xã Vĩnh Phong.

7.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Trong những năm qua, lĩnh vực văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền trên địa bàn xã Vĩnh Phong luôn được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, đồng thời tạo sự đồng thuận xã hội trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và công tác thông tin tuyên truyền tiếp tục được duy trì ổn định, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân, đồng thời phục vụ hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Trong năm 2025, địa phương đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao thiết thực chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, các sự kiện chính trị quan trọng và các ngày kỷ niệm của địa phương; đồng thời tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do Trung ương, tỉnh và địa phương phát động. Các hoạt động được tổ chức với nhiều hình thức phong phú, thu hút đông đảo cán bộ, đảng viên và Nhân dân tham gia, góp phần tạo không khí phấn khởi, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và xây dựng đời sống văn hóa ngày càng phát triển.

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được triển khai sâu rộng, gắn với xây dựng nông thôn mới, xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa và thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Công tác bình xét, công nhận các danh hiệu văn hóa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, qua đó góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, giữ gìn an ninh trật tự và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp trong cộng đồng dân cư.

Hoạt động thể dục, thể thao quần chúng tiếp tục được duy trì và phát triển, tạo điều kiện để người dân thường xuyên luyện tập, nâng cao sức khỏe, góp phần thực hiện hiệu quả Cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại". Các giải thi đấu thể thao, hoạt động giao lưu văn hóa - thể thao giữa các ấp, đơn vị được tổ chức thường xuyên, góp phần tăng cường tinh thần đoàn kết, giao lưu học hỏi và xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở.

Công tác thông tin và tuyên truyền được triển khai kịp thời, toàn diện, tập trung tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng nông thôn mới, chuyển đổi số và cải cách hành chính. Hệ thống truyền thanh cơ sở, các nền tảng thông tin điện tử và các hình thức tuyên truyền trực quan tiếp tục được khai thác hiệu quả, góp phần đưa chủ trương, chính sách đến với Nhân dân một cách nhanh chóng, chính xác và tạo sự thống nhất trong nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị.

Bên cạnh đó, địa phương tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành, từng bước nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, cải cách hành chính và cung cấp dịch vụ công. Việc khai thác hiệu quả các nền tảng số, hệ thống quản lý văn bản điện tử, chữ ký số và các ứng dụng phục vụ công tác chuyên môn đã góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy chính quyền, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính hiện đại, công khai, minh bạch và phục vụ Nhân dân ngày càng tốt hơn.

7.6.4. An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội trên địa bàn xã Vĩnh Phong luôn được cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai đồng bộ, kịp thời, góp phần bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, nhất là các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng bảo trợ xã hội. Việc thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội không chỉ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân mà còn tạo nền tảng quan trọng để giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững trên địa bàn.

Trong năm 2025, địa phương đã triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách của Trung ương và của tỉnh về giảm nghèo, giải quyết việc làm, đào tạo nghề, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và trợ giúp xã hội thường xuyên theo đúng quy định. Công tác rà soát, quản lý đối tượng chính sách được thực hiện chặt chẽ, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng; các chế độ trợ cấp xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công, hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng bảo trợ xã hội được chi trả đầy đủ, đúng thời gian, góp phần ổn định đời sống của người dân.

Địa phương đặc biệt quan tâm thực hiện tốt các hoạt động chăm lo cho người có công với cách mạng, gia đình chính sách, thương binh, bệnh binh, thân nhân liệt sĩ và các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn vào các dịp lễ, tết và các ngày kỷ niệm lớn của đất nước. Các chương trình vận động nguồn lực xã hội hóa, hoạt động nhân đạo, từ thiện, chăm lo người nghèo, hỗ trợ xây dựng nhà ở, trao học bổng, hỗ trợ sinh kế và các hoạt động đền ơn đáp nghĩa tiếp tục được triển khai hiệu quả, huy động sự tham gia tích cực của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân, qua đó lan tỏa tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái trong cộng đồng.

Song song đó, công tác giải quyết việc làm, đào tạo nghề và phát triển nguồn nhân lực được quan tâm thực hiện gắn với nhu cầu của thị trường lao động

và định hướng phát triển kinh tế của địa phương. Hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, hỗ trợ người lao động tiếp cận các chính sách vay vốn ưu đãi, khởi nghiệp và phát triển sản xuất tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống Nhân dân và thực hiện hiệu quả mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Việc triển khai đồng bộ các chính sách an sinh xã hội, kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội đã tạo điều kiện để người dân được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đây cũng là cơ sở quan trọng để xã Vĩnh Phong phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng cộng đồng dân cư ổn định, phát triển và hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân trong giai đoạn tiếp theo.

7.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Công tác dân tộc, tôn giáo và tín ngưỡng trên địa bàn xã Vĩnh Phong luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, bảo đảm đúng chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; đồng thời gắn với nhiệm vụ củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng diễn ra ổn định, đúng quy định của pháp luật, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng chính đáng của Nhân dân; các tổ chức, chức sắc, chức việc và tín đồ tôn giáo luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do địa phương phát động.

Địa phương thường xuyên duy trì mối quan hệ gắn bó, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở tôn giáo tổ chức các hoạt động lễ hội tôn giáo theo quy định; đồng thời tổ chức các đoàn thăm hỏi, chúc mừng các cơ sở tôn giáo nhân dịp các ngày lễ trọng như Đại lễ Phật đản, Lễ Vu Lan, Lễ Giáng sinh và các sự kiện tôn giáo quan trọng khác, góp phần tăng cường mối quan hệ đoàn kết, gắn bó giữa chính quyền với các tổ chức tôn giáo trên địa bàn. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện chặt chẽ, hiệu quả; kịp thời nắm bắt tình hình, giải quyết các vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở, không để hình thành các điểm nóng, khiếu kiện hoặc các hoạt động lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng để gây mất ổn định an ninh, trật tự.

Bên cạnh đó, việc triển khai các chính sách dân tộc và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục được quan tâm thực hiện đồng bộ, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước. Các tổ chức tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng còn tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, nhân đạo, từ thiện, chăm lo người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, góp phần lan tỏa các giá trị nhân văn, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư và tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân. Đây là nền tảng quan trọng để xã Vĩnh Phong tiếp tục phát huy sự đồng thuận xã hội, tạo môi trường chính trị - xã hội ổn định, phục vụ hiệu quả mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng chính quyền địa phương sau sắp xếp đơn vị hành chính.

7.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quốc phòng, quân sự địa phương trên địa bàn xã Vĩnh Phong luôn được cấp ủy, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc. Ban Chỉ huy Quân sự xã duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; xây dựng, bổ sung đầy đủ các phương án bảo vệ địa bàn, bảo đảm an toàn tuyệt đối các ngày lễ, tết, các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước và địa phương. Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ được thực hiện chặt chẽ, công khai, đúng quy định, hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân hằng năm; lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên tiếp tục được củng cố cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng trong tình hình mới. Đồng thời, công tác huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh, diễn tập khu vực phòng thủ, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được tổ chức thường xuyên, góp phần nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu và xử lý hiệu quả các tình huống phát sinh ngay từ cơ sở.

Cùng với nhiệm vụ quốc phòng, công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được triển khai quyết liệt và đạt nhiều kết quả tích cực. Lực lượng Công an xã chủ động nắm chắc tình hình, tăng cường công tác quản lý địa bàn, quản lý cư trú, triển khai hiệu quả các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm về ma túy, trộm cắp tài sản, vi phạm pháp luật trên không gian mạng và các hành vi gây mất an ninh, trật tự. Công tác phối hợp giữa Công an và Ban Chỉ huy Quân sự xã tiếp tục được thực hiện chặt chẽ theo các quy định của Chính phủ, bảo đảm xử lý kịp thời các tình huống liên quan đến quốc phòng, an ninh, không để phát sinh điểm nóng hoặc các vụ việc phức tạp trên địa bàn.

Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" được duy trì và phát huy hiệu quả, huy động sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự ngay từ cơ sở. Song song đó, địa phương thường xuyên đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân; tăng cường tuần tra, kiểm soát, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, từng bước xây dựng môi trường sống an toàn, văn minh. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý dân cư, giải quyết thủ tục hành chính và bảo đảm an ninh, trật tự tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ Nhân dân.

Những kết quả đạt được trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh đã khẳng định năng lực tổ chức, điều hành của chính quyền địa phương trong xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Đây cũng là yếu tố quan trọng bảo đảm cho xã Vĩnh Phong duy trì môi trường sống an toàn, củng cố niềm tin của Nhân dân, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để thu hút nguồn lực đầu tư, phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế và thực hiện các mục tiêu phát triển của địa phương trong giai đoạn mới.

8. Xã Hòn Đất

8.1. Lịch sử hình thành

Vùng đất Hòn Đất ngày nay là một trong những địa bàn có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời ở phía Tây Nam Tổ quốc, gắn liền với quá trình khai phá vùng đất Hà Tiên - Rạch Giá và lịch sử mở cõi của dân tộc Việt Nam. Trước thế kỷ XIX, khu vực này thuộc phủ An Biên, tỉnh Hà Tiên dưới triều Nguyễn; cư dân sinh sống chủ yếu là đồng bào Khmer, cùng với cộng đồng người Kinh và người Hoa đến khai hoang, lập nghiệp dọc theo chân núi Hòn Đất, vùng đồng bằng ven biển và hệ thống sông, kênh rạch tự nhiên. Với địa hình vừa có đồng bằng rộng lớn, vừa có dãy núi đá vôi Hòn Đất - Thổ Sơn án ngữ, nơi đây sớm trở thành địa bàn có vị trí quan trọng về kinh tế, quốc phòng và giao thương của vùng Tây Nam Bộ.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, khu vực Hòn Đất giữ vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng đối với cách mạng miền Tây Nam Bộ. Dãy núi Hòn Đất, Thổ Sơn cùng hệ thống đồng ruộng, kênh rạch là căn cứ hoạt động của lực lượng cách mạng, nơi diễn ra nhiều trận chiến đấu anh dũng, gắn liền với những địa danh và nhân vật lịch sử tiêu biểu như Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Phan Thị Ràng (chị Sứ), góp phần làm nên truyền thống cách mạng vẻ vang của vùng đất Hòn Đất. Về mặt hành chính, sau năm 1956, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đổi quận Châu Thành thành quận Kiên Thành; đến năm 1961 thành lập quận Kiên Lương trên cơ sở điều chỉnh địa giới từ quận Kiên Thành và quận Hà Tiên, nên khu vực xã Hòn Đất hiện nay thuộc địa bàn quản lý của hai quận Kiên Thành và Kiên Lương. Trong khi đó, phía chính quyền cách mạng vẫn duy trì huyện Châu Thành A thuộc tỉnh Rạch Giá; từ năm 1971 đến năm 1974, địa bàn này lần lượt thuộc tỉnh Châu Hà và tỉnh Long Châu Hà trước khi đất nước thống nhất.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính, tháng 02 năm 1976 Chính phủ quyết định thành lập tỉnh Kiên Giang trên cơ sở tỉnh Rạch Giá và một số địa phương thuộc tỉnh Long Châu Hà. Ngày 03/6/1978, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 125-CP chia huyện Châu Thành thành hai huyện Châu Thành và Hòn Đất. Huyện Hòn Đất khi mới thành lập gồm các xã Bình Sơn, Mỹ Lâm, Sóc Sơn, Nam Thái Sơn và tiếp nhận thêm xã Bình Sơn từ huyện Hà Tiên, tạo tiền đề hình thành không gian hành chính của khu vực xã Hòn Đất ngày nay.

Trong quá trình phát triển, địa giới hành chính khu vực Hòn Đất nhiều lần được điều chỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội. Năm 1979, xã Nam Thái Sơn được chia thành các xã Nam Thái Sơn, Hà Sơn, Thổ Sơn, Hải Sơn và Trung Sơn. Năm 1983 tiếp tục điều chỉnh địa giới các xã Bình Sơn, Mỹ Lâm và Sóc Sơn. Đến năm 1988, Hội đồng Bộ trưởng thực hiện sắp xếp lại các đơn vị hành chính, sáp nhập một số xã và thành lập thị trấn Hòn Đất trên cơ sở một phần diện tích xã Thổ Sơn và xã Nam Thái Sơn. Đây là dấu mốc quan trọng, đưa khu vực Hòn Đất trở thành trung tâm hành chính, chính trị và kinh tế của huyện Hòn Đất. Những năm tiếp theo, địa phương tiếp tục được

điều chỉnh địa giới thông qua việc thành lập các xã Bình Giang (1997), Mỹ Phước (2003), thị trấn Sóc Sơn và xã Mỹ Thuận (2004), xã Lình Huỳnh và xã Mỹ Thái (2005), xã Sơn Bình (2007), từng bước hoàn thiện hệ thống đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn.

Trước thời điểm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, khu vực xã Hòn Đất ngày nay bao gồm thị trấn Hòn Đất cùng các xã Thổ Sơn, Mỹ Thái và một phần không gian hành chính của xã Nam Thái Sơn thuộc huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Đây là khu vực giữ vai trò trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ của huyện, đồng thời là vùng phát triển nông nghiệp trọng điểm gắn với các giá trị lịch sử, văn hóa và cảnh quan đặc sắc của danh thắng Hòn Đất.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Hòn Đất, xã Thổ Sơn, xã Lình Huỳnh và xã Nam Thái Sơn thành đơn vị hành chính mới có tên gọi là xã Hòn Đất và tồn tại cho đến ngày nay.

8.2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

8.2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Hòn Đất nằm ở khu vực phía Tây Bắc của tỉnh An Giang. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Sơn Kiên;
- Phía Tây giáp xã Bình Sơn;
- Phía Nam giáp vịnh Thái Lan;
- Phía Bắc giáp các xã Cô Tô và Ô Lâm.

8.2.2. Vai trò chức năng

Theo Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, xã Hòn Đất nằm trong không gian phát triển phía Tây của tỉnh, thuộc vùng Tứ giác Long Xuyên, được định hướng phát huy lợi thế về nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, công nghiệp chế biến, thương mại - dịch vụ, du lịch và phát triển đô thị gắn với hệ thống hạ tầng giao thông liên vùng. Với vị trí nằm trên Quốc lộ 80 - tuyến giao thông huyết mạch kết nối thành phố Rạch Giá, Hà Tiên, Kiên Lương và các địa phương trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời là đầu mối liên kết với các tuyến giao thông hướng về vùng ven biển Tây và vùng nội địa Tứ giác Long Xuyên, xã Hòn Đất có vai trò quan trọng trong việc kết nối các trung tâm kinh tế của tỉnh, thúc đẩy lưu thông hàng hóa, phát triển dịch vụ và tăng cường liên kết vùng.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã Hòn Đất được hình thành trên cơ sở hợp nhất thị trấn Hòn Đất cùng các xã Thổ Sơn, Lình Huỳnh và Nam Thái Sơn, tạo nên một đơn vị hành chính có quy mô lớn, hội tụ đầy đủ

các điều kiện về quỹ đất, dân số, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội để phát triển theo hướng đô thị - dịch vụ gắn với sản xuất nông nghiệp hiện đại. Khu vực trung tâm thị trấn Hòn Đất trước đây tiếp tục được xác định là hạt nhân phát triển của địa phương, tập trung hệ thống cơ quan hành chính, các thiết chế văn hóa, giáo dục, y tế, thương mại và dịch vụ, giữ vai trò trung tâm phục vụ không chỉ địa bàn xã mà còn đối với khu vực phía Bắc huyện Hòn Đất trước đây.

Theo định hướng phát triển không gian của tỉnh, xã Hòn Đất thuộc vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của Tứ giác Long Xuyên, được ưu tiên phát triển các vùng chuyên canh lúa chất lượng cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch và xây dựng chuỗi giá trị nông sản. Cùng với lợi thế về quỹ đất rộng, địa hình bằng phẳng, hệ thống thủy lợi tương đối hoàn chỉnh và khả năng kết nối thuận lợi với các trung tâm logistics, địa phương có nhiều điều kiện để phát triển các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp, thương mại, dịch vụ hậu cần và các ngành nghề hỗ trợ, góp phần nâng cao giá trị gia tăng của sản xuất nông nghiệp và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng bền vững. Bên cạnh đó, xã Hòn Đất còn là địa phương sở hữu nhiều giá trị nổi bật về lịch sử, văn hóa và cảnh quan thiên nhiên. Quần thể Khu di tích lịch sử Hòn Đất, núi Hòn Đất, Thổ Sơn cùng hệ thống di tích cách mạng tiêu biểu được quy hoạch gắn với phát triển du lịch văn hóa, lịch sử, du lịch sinh thái và giáo dục truyền thống. Đây là lợi thế đặc thù mà không nhiều địa phương trong tỉnh có được, tạo điều kiện để hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng, kết nối với các tuyến du lịch Hà Tiên - Kiên Lương - Rạch Giá - vùng Tứ giác Long Xuyên, từng bước đưa du lịch trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng của địa phương.

Với vị trí địa lý thuận lợi, hệ thống kết cấu hạ tầng ngày càng hoàn thiện, không gian phát triển được mở rộng sau sắp xếp đơn vị hành chính cùng truyền thống lịch sử, văn hóa đặc sắc, xã Hòn Đất được xác định là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ, văn hóa và du lịch của khu vực phía Bắc huyện Hòn Đất trước đây, đồng thời là một trong những hạt nhân phát triển của vùng Tứ giác Long Xuyên trong không gian phát triển phía Tây tỉnh An Giang. Đây là địa bàn có vai trò quan trọng trong việc tổ chức không gian đô thị, phát triển kinh tế nông nghiệp hiện đại, thúc đẩy liên kết vùng và khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của khu vực theo định hướng phát triển của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

8.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Hòn Đất có 281,27 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: Đất xây dựng đô thị là 15,99 km^2, chiếm 5,68% và đất khác là 265,28 km^2, chiếm 94,32%.

8.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

8.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, xã Hòn Đất có quy mô dân số là 62.665 người, trong đó dân số thường trú là 61.948 người và dân số tạm trú là 717 người.

8.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã Hòn Đất (từ 15 đến 60 tuổi) là 41.918 người, chiếm 66,89% tổng dân số của xã. Trong đó: tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 38.860 người, chiếm tỷ lệ 92,70% lao động trong độ tuổi.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 11.390 người, chiếm tỷ lệ 29,31%; lao động công nghiệp và xây dựng là 9.860 người, chiếm tỷ lệ 25,37%; lao động thương mại - dịch vụ là 17.610 người, chiếm tỷ lệ 45,32%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã Hòn Đất năm 2025 là 27.470 người, chiếm tỷ lệ 70,69%.

8.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Hòn Đất chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm các xã cũ trước khi sắp xếp, các tuyến giao thông đối nội, đối ngoại trên địa bàn xã.

8.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

8.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Hòn Đất năm 2025 theo giá hiện hành đạt 12.571,69 tỷ đồng, tăng 9,29% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 3.855,56 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 4.970,85 tỷ đồng, nông - lâm - thủy sản đạt 3.745,28 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 9,75%, trong đó: năm 2023 tăng 8,01%, năm 2024 tăng 11,94% và năm 2025 tăng 9,29%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 39,54%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 30,67% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 29,79% trong cơ cấu kinh tế của xã.

8.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn xã Hòn Đất năm 2025 đạt 436,68 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 429,71 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 358,70 tỷ đồng. Cân đối có dư.

8.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 60,00 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 65,43 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 75,00 triệu đồng/người/năm.

8.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Hòn Đất là 1,31%, trong đó: năm 2023 là 1,68%, năm 2024 là 1,25% và năm 2025 là 1,02%.

8.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò là nền tảng quan trọng trong cơ cấu kinh tế của xã Hòn Đất, từng bước phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm. Năm 2025, tổng giá trị sản xuất lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (theo giá so sánh năm 2010) đạt 476,36 tỷ đồng, đạt 100,16% kế hoạch và tăng 0,81% so với năm 2024, khẳng định sự ổn định của khu vực kinh tế nông nghiệp trong bối cảnh còn nhiều khó khăn do biến động thời tiết và thị trường. Diện tích gieo trồng lúa đạt 4.755,6 ha, năng suất bình quân 6,92 tấn/ha, sản lượng đạt 32.602 tấn, đạt 100,64% kế hoạch; trong đó, tỷ lệ sử dụng giống lúa chất lượng cao tiếp tục được duy trì ở mức cao, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Cùng với cây lúa, sản xuất rau màu và cây thực phẩm được duy trì ổn định với diện tích gieo trồng 313 ha, sản lượng đạt 4.309 tấn; nhiều mô hình sản xuất theo hướng an toàn, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật được triển khai, từng bước nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích. Chương trình trồng cây phân tán tiếp tục được thực hiện hiệu quả, góp phần tăng cường độ che phủ cây xanh, cải thiện cảnh quan và bảo vệ môi trường sinh thái trên địa bàn. Công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được triển khai thường xuyên; việc dự báo sâu bệnh, hướng dẫn kỹ thuật và quản lý vật tư nông nghiệp được thực hiện chặt chẽ, tạo điều kiện để sản xuất phát triển ổn định.

Lĩnh vực thủy sản tiếp tục là thế mạnh nổi bật của địa phương, phát triển theo hướng khai thác hiệu quả lợi thế hệ thống sông, kênh, rạch và vùng nước tự nhiên. Năm 2025, tổng sản lượng thủy sản đạt 313 tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng đạt 163 tấn, đạt 100% kế hoạch, góp phần đa dạng hóa cơ cấu sản xuất nông nghiệp và nâng cao thu nhập cho người dân. Song song với phát triển sản xuất, xã tăng cường công tác quản lý, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kiểm soát dịch bệnh trong nuôi trồng, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng các mô hình nuôi thủy sản phù hợp với điều kiện tự nhiên, từng bước phát triển theo hướng bền vững.

Những kết quả đạt được trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản đã khẳng định vai trò của Hòn Đất là một trong những vùng sản xuất nông nghiệp quan trọng của khu vực, tạo nguồn cung lương thực, thực phẩm ổn định, đồng thời là nền tảng quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống Nhân dân và xây dựng địa phương phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

b) Công nghiệp - xây dựng

Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng trên địa bàn xã Hòn Đất tiếp tục duy trì đà phát triển ổn định, từng bước khẳng định vai trò là động lực quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng. Cùng với việc khai thác hiệu quả lợi thế về vị trí địa lý, hệ thống giao thông kết nối liên vùng và nguồn nguyên liệu phục vụ chế biến nông sản, nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xây dựng tiếp tục được

duy trì và mở rộng quy mô hoạt động, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương. Song song đó, công tác quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng, đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng phục vụ dân sinh được triển khai đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương trong giai đoạn mới.

Năm 2025, xã được giao kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản 40,546 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư công 11,101 tỷ đồng và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư 29,445 tỷ đồng. Đến cuối năm, tổng giá trị giải ngân ước đạt 40,0/40,546 tỷ đồng, tương đương 98,7% kế hoạch; riêng nguồn vốn đầu tư công giải ngân 10,702/11,101 tỷ đồng, đạt 96,4% kế hoạch. Kết quả này cho thấy năng lực tổ chức thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của địa phương ngày càng được nâng cao, góp phần đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu, cải thiện điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

Bên cạnh đó, các Chương trình mục tiêu quốc gia tiếp tục được triển khai hiệu quả, tập trung đầu tư nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn, thủy lợi, trường học, cơ sở y tế, thiết chế văn hóa và các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất, dân sinh. Việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư không chỉ góp phần hoàn thiện diện mạo nông thôn mà còn tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, dịch vụ và thương mại trong những năm tới. Đây cũng là tiền đề quan trọng để nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, hướng đến phát triển đô thị theo quy hoạch.

Theo định hướng Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, khu vực Hòn Đất được xác định là một trong những không gian phát triển quan trọng ở phía Đông Bắc của tỉnh, ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến nông sản, vật liệu xây dựng, hạ tầng logistics và hệ thống đô thị gắn với các trục giao thông đối ngoại. Đồng thời, việc triển khai lập Quy hoạch chung đô thị mới Hòn Đất đến năm 2050 sẽ tạo cơ sở để đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, mở rộng không gian phát triển công nghiệp - dịch vụ và nâng cao năng lực liên kết vùng. Những điều kiện này sẽ tạo động lực mạnh mẽ để lĩnh vực công nghiệp - xây dựng của xã tiếp tục phát triển theo hướng hiện đại, bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

c) Thương mại - dịch vụ

Với lợi thế là trung tâm hành chính, kinh tế của khu vực Hòn Đất trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, xã Hòn Đất hiện nay tập trung mạng lưới thương mại, dịch vụ khá phát triển, đáp ứng nhu cầu giao thương, tiêu dùng của người dân trong xã và các địa phương lân cận. Hệ thống chợ truyền thống, các cơ sở kinh doanh bán lẻ, dịch vụ vận tải, tài chính - ngân hàng, bưu chính, viễn thông cùng nhiều loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống được duy trì ổn định, tạo nên mạng lưới lưu thông hàng hóa tương đối hoàn chỉnh. Đây là đầu mối quan trọng trong việc tiêu thụ nông sản, cung ứng vật tư sản xuất và kết nối hoạt động kinh tế giữa khu vực nông thôn với các đô thị trong tỉnh.

Trong năm 2025, địa phương tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp bình ổn thị trường, bảo đảm cân đối cung - cầu hàng hóa, nhất là các mặt hàng thiết yếu

phục vụ đời sống Nhân dân và sản xuất nông nghiệp. Công tác quản lý thị trường, kiểm tra chất lượng hàng hóa, an toàn thực phẩm, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả được thực hiện thường xuyên, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh và nâng cao niềm tin của người tiêu dùng. Bên cạnh đó, hoạt động của các tổ chức tín dụng, ngân hàng, dịch vụ thanh toán điện tử và chuyển đổi số trong kinh doanh ngày càng phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và hộ kinh doanh tiếp cận các dịch vụ tài chính hiện đại.

Định hướng phát triển của tỉnh An Giang trong giai đoạn tới xác định Hòn Đất là khu vực có vai trò quan trọng trong chuỗi liên kết giữa sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến và hệ thống logistics của vùng. Trên cơ sở đó, lĩnh vực thương mại - dịch vụ của xã sẽ có điều kiện mở rộng theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển các điểm trung chuyển, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ sản xuất và phân phối hàng hóa, từng bước hình thành không gian thương mại hiện đại gắn với quá trình phát triển đô thị và nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương.

8.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

8.6.1. Giáo dục - đào tạo

Giáo dục và đào tạo luôn được xác định là một trong những lĩnh vực ưu tiên trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của xã Hòn Đất, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của địa phương. Những năm qua, cùng với sự quan tâm đầu tư của Nhà nước và sự đồng thuận của Nhân dân, mạng lưới trường lớp trên địa bàn từng bước được hoàn thiện theo hướng đồng bộ, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh ở tất cả các cấp học. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được đầu tư, nâng cấp; môi trường giáo dục ngày càng khang trang, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý, giảng dạy.

Năm học 2024 - 2025, các cơ sở giáo dục trên địa bàn đã hoàn thành chương trình, kế hoạch năm học theo đúng quy định; đồng thời chủ động chuẩn bị các điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị và phương án tổ chức để triển khai năm học 2025 - 2026. Công tác huy động trẻ em đến trường, duy trì sĩ số học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện được triển khai đồng bộ và đạt nhiều kết quả tích cực. Các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức, ý thức chấp hành pháp luật và xây dựng môi trường học đường an toàn, thân thiện tiếp tục được chú trọng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn.

Song song với công tác giảng dạy, địa phương quan tâm thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; tạo điều kiện để mọi trẻ em đều được đến trường và hạn chế tình trạng bỏ học. Việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quản lý, giáo dục học sinh ngày càng được tăng cường; các phong trào thi đua dạy tốt - học tốt, xây dựng trường học hạnh phúc, trường học xanh - sạch - đẹp tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả. Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, công tác quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo được triển khai thông suốt, bảo

đảm không làm gián đoạn các hoạt động chuyên môn cũng như việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với đội ngũ giáo viên và học sinh.

Theo định hướng phát triển của tỉnh An Giang trong thời kỳ 2021-2030, nguồn nhân lực chất lượng là một trong những yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của địa phương. Với hệ thống giáo dục ngày càng được đầu tư đồng bộ, chất lượng dạy và học không ngừng được nâng lên, xã Hòn Đất đang từng bước xây dựng nền tảng vững chắc cho việc đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, thương mại, dịch vụ và quá trình đô thị hóa trong giai đoạn tới.

8.6.2. Y tế

Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân luôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được xã Hòn Đất quan tâm triển khai đồng bộ, gắn với mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển nguồn nhân lực. Mạng lưới y tế cơ sở trên địa bàn tiếp tục được củng cố theo hướng hiện đại, từng bước đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh ban đầu, chăm sóc sức khỏe dự phòng và thực hiện hiệu quả các chương trình y tế quốc gia. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được quan tâm đầu tư, đội ngũ cán bộ y tế thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh và phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân.

Trong năm 2025, các cơ sở y tế trên địa bàn duy trì hoạt động khám, chữa bệnh thường xuyên, bảo đảm đầy đủ thuốc, vật tư y tế và các điều kiện phục vụ người bệnh; đồng thời thực hiện hiệu quả công tác cấp cứu, điều trị và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Công tác y tế dự phòng được triển khai đồng bộ với nhiều giải pháp kiểm soát dịch bệnh, giám sát vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm và phòng, chống các bệnh truyền nhiễm theo mùa, góp phần hạn chế nguy cơ phát sinh và lây lan dịch bệnh trên địa bàn. Bên cạnh đó, các chương trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dinh dưỡng học đường, dân số - kế hoạch hóa gia đình, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em và các chương trình mục tiêu về y tế đều được thực hiện theo đúng kế hoạch, đạt nhiều kết quả tích cực.

Song song với công tác khám, chữa bệnh, địa phương tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về phòng bệnh hơn chữa bệnh; khuyến khích xây dựng lối sống lành mạnh, chủ động phòng ngừa các bệnh không lây nhiễm, tăng cường rèn luyện thể chất và thực hiện các biện pháp bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý hồ sơ sức khỏe, quản lý khám, chữa bệnh và giải quyết thủ tục hành chính từng bước được mở rộng, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế và chất lượng phục vụ người dân.

Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng đời sống dân cư, hệ thống y tế của xã Hòn Đất tiếp tục được định hướng đầu tư theo hướng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng ngay tại cơ sở. Đây là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng dân số, tăng cường sức khỏe cộng đồng và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của địa phương trong giai đoạn mới.

8.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Đời sống văn hóa của Nhân dân xã Hòn Đất ngày càng được nâng cao cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình xây dựng nông thôn mới. Các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng dân cư Kinh, Khmer, Hoa được gìn giữ và phát huy thông qua các hoạt động văn hóa cộng đồng, lễ hội truyền thống, phong trào văn hóa cơ sở và việc bảo tồn các di tích lịch sử cách mạng trên địa bàn. Hòn Đất không chỉ là vùng đất giàu truyền thống yêu nước mà còn là địa phương có nhiều giá trị văn hóa đặc sắc, tạo nên bản sắc riêng trong không gian văn hóa của tỉnh An Giang sau sắp xếp đơn vị hành chính.

Năm 2025, địa phương tập trung tổ chức các hoạt động tuyên truyền và cổ động trực quan phục vụ các ngày lễ lớn của đất nước, các sự kiện chính trị trọng đại và Đại hội Đảng bộ các cấp; đồng thời duy trì thường xuyên các chương trình văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng tại cơ sở. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được triển khai sâu rộng, góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, giữ gìn nếp sống văn minh và tăng cường sự gắn kết trong cộng đồng dân cư. Hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở được duy trì hiệu quả, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, vui chơi, giải trí và rèn luyện thể chất của Nhân dân.

Song song với đó, công tác thông tin và tuyên truyền được đổi mới cả về nội dung và hình thức, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin và nền tảng số để truyền tải kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến Nhân dân. Nội dung tuyên truyền tập trung vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, cải cách hành chính, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng - an ninh và các phong trào thi đua yêu nước. Việc kết hợp hài hòa giữa tuyên truyền trực tiếp với truyền thông trên môi trường số đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo sự đồng thuận xã hội và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với chủ trương phát triển của địa phương.

Hoạt động thể dục, thể thao tiếp tục phát triển theo hướng xã hội hóa, thu hút đông đảo các tầng lớp Nhân dân tham gia luyện tập thường xuyên, từng bước hình thành môi trường sống năng động, khỏe mạnh và văn minh. Đây cũng là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đời sống tinh thần, xây dựng cộng đồng dân cư đoàn kết, phát huy bản sắc văn hóa địa phương và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của xã Hòn Đất.

8.6.4. An sinh xã hội

Việc chăm lo đời sống Nhân dân luôn được xã Hòn Đất xác định là nhiệm vụ thường xuyên, xuyên suốt trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở triển khai đầy đủ các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh, địa phương đã thực hiện đồng bộ các giải pháp về giải quyết việc làm, giảm nghèo, bảo trợ xã hội, chăm lo người có công với cách mạng và mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn.

Trong năm 2025, công tác giải quyết việc làm và đào tạo nghề tiếp tục được quan tâm gắn với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và định hướng chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn. Các chương trình hỗ trợ sinh kế, giảm nghèo bền vững được triển khai đồng bộ, tạo điều kiện để người dân phát triển sản xuất, ổn định thu nhập và từng bước vươn lên trong cuộc sống. Cùng với đó, các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và các nhóm yếu thế khác được thực hiện đầy đủ, đúng quy định, bảo đảm công khai, minh bạch và kịp thời.

Hoạt động đền ơn đáp nghĩa tiếp tục được duy trì với nhiều hình thức thiết thực, góp phần thể hiện truyền thống "Uống nước nhớ nguồn", chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho các gia đình chính sách, thương binh, bệnh binh, thân nhân liệt sĩ và người có công với cách mạng. Đồng thời, công tác vận động các nguồn lực xã hội tham gia chăm lo an sinh ngày càng được mở rộng, huy động sự chung tay của các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng trong hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn, nhất là trong các dịp lễ, Tết và khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh.

Song song đó, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội tiếp tục được duy trì và từng bước nâng cao; các chính sách hỗ trợ về y tế, giáo dục, nhà ở, tín dụng ưu đãi và trợ giúp pháp lý được triển khai đồng bộ, giúp người dân tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ xã hội cơ bản. Qua đó, mạng lưới an sinh xã hội trên địa bàn ngày càng được củng cố theo hướng toàn diện, không chỉ bảo đảm hỗ trợ kịp thời cho các đối tượng yếu thế mà còn khuyến khích người dân chủ động phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập và từng bước xây dựng cuộc sống ổn định, lâu dài.

8.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Trong năm 2025, công tác tôn giáo - tín ngưỡng trên địa bàn xã Hòn Đất được triển khai toàn diện, gắn với nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. UBND xã đã tổ chức thành công nhiều hoạt động trọng điểm như Lễ Dâng hương kỷ niệm 63 năm ngày hy sinh Anh hùng LLVTND Phan Thị Ràng, Lễ khánh thành Đền tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ, qua đó khơi dậy truyền thống cách mạng và lòng tự hào dân tộc trong nhân dân. Công tác quản lý và tổ chức lễ hội, tín ngưỡng dân gian được chú trọng, tạo không khí phấn khởi, thu hút đông đảo người dân tham gia.

Đối với đồng bào dân tộc thiểu số, xã đã quan tâm chăm lo đời sống tinh thần, tổ chức thăm và tặng quà cho 05 chùa Khmer và 01 gia đình thương binh nhân dịp Lễ Sên Đônta, đồng thời đưa 04 đại biểu là các vị Sư sãi, người có uy tín tiêu biểu dự họp mặt Tết cổ truyền Chôl Chnăm Thmây tại Tỉnh ủy. Ngoài ra, xã còn tổ chức hội nghị phổ biến pháp luật và tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc thiểu số với sự tham gia của 40 đại biểu, qua đó nâng cao nhận thức, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Những hoạt động này đã góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, đồng thời khẳng định vai trò quan trọng của

công tác tôn giáo - tín ngưỡng trong việc xây dựng đời sống văn hóa tinh thần phong phú, lành mạnh tại địa phương.

8.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Trong năm 2025, tình hình quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã Hòn Đất được giữ vững ổn định. Các lực lượng vũ trang duy trì chế độ trực, sẵn sàng chiến đấu, quyết liệt tấn công, trấn áp tội phạm, đảm bảo an ninh trật tự trong các dịp Lễ, Tết và sự kiện chính trị - xã hội quan trọng. Công tác tuyển quân năm 2025 hoàn thành 100% chỉ tiêu, chuẩn bị tốt cho công tác tuyển quân năm 2026 với 185 công dân đủ điều kiện thực hiện nghĩa vụ quân sự và 20 công dân đủ điều kiện tham gia Công an nhân dân.

Trong năm, xã phát hiện 09 vụ phạm pháp hình sự với 11 đối tượng, 08 vụ ma túy với 09 đối tượng, 23 vụ vi phạm pháp luật về môi trường, cùng 05 vụ tai nạn giao thông làm chết 04 người, bị thương 02 người. Công tác tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác tội phạm được thực hiện nghiêm túc, đúng pháp luật. UBND xã đã tổ chức nhiều đợt ra quân cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, đảm bảo an ninh trật tự các hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám, Quốc khánh 2/9 và Đại hội Đảng các cấp.

Đồng thời, xã triển khai hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ, đẩy mạnh làm sạch dữ liệu dân cư, cấp căn cước công dân, định danh điện tử, quản lý chặt chẽ cư trú, vũ khí, vật liệu nổ và các ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự. Năm 2025, xã công nhận đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" đối với 23 ấp và 18 cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục. Các tổ bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở ký kết quy chế phối hợp, góp phần xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

9. Xã Kiên Lương

9.1. Lịch sử hình thành

Xã Kiên Lương là vùng đất mang trong mình truyền thống lâu đời, gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của khu vực ven biển Tây Nam Bộ. Từ trước năm 1975, nơi đây đã là thị tứ Kiên Lương, quận lỵ của quận Kiên Lương, trở thành trung tâm hành chính, kinh tế và giao thương quan trọng của cả vùng. Với vị trí chiến lược bên bờ biển, Kiên Lương vừa là cửa ngõ giao thương, vừa là vùng đất kiên cường chống chọi thiên nhiên, tạo nên bản sắc riêng của cộng đồng cư dân nơi đây.

Sau ngày đất nước thống nhất, Kiên Lương bước vào giai đoạn mới với nhiều lần điều chỉnh địa giới hành chính. Năm 1983, thị tứ Kiên Lương được nâng lên thành thị trấn Kiên Lương, mở ra bước phát triển mạnh mẽ về đô thị và kinh tế. Đến năm 1999, khi huyện Hà Tiên đổi tên thành huyện Kiên Lương, thị trấn Kiên Lương chính thức trở thành huyện lỵ, khẳng định vai trò trung tâm chính trị - kinh tế của cả khu vực. Đây là giai đoạn Kiên Lương vươn mình trở thành điểm sáng trong tiến trình phát triển của tỉnh Kiên Giang.

Trong những năm đầu thế kỷ XXI, Kiên Lương tiếp tục mở rộng địa bàn, thành lập thêm xã Kiên Bình (2003) và xã Bình Trị (2007), đồng thời được công

nhận là đô thị loại IV (2012). Những sự kiện này không chỉ là dấu mốc hành chính mà còn thể hiện sức sống mạnh mẽ, sự phát triển năng động của vùng đất Kiên Lương, nơi vừa giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống, vừa phát triển mạnh mẽ về công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

Tính đến cuối năm 2024, huyện Kiên Lương đã có thị trấn Kiên Lương với 10 khu phố, xã Bình An với 7 ấp, và xã Bình Trị với 4 ấp. Đây là giai đoạn Kiên Lương khẳng định vị thế là trung tâm hành chính, kinh tế và văn hóa của vùng ven biển Kiên Giang, nơi hội tụ sức mạnh của cộng đồng dân cư gắn bó với biển cả, núi non và truyền thống lao động cần cù.

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Kiên Lương, xã Bình An và xã Bình Trị thành xã mới có tên gọi là xã Kiên Lương và tồn tại cho đến ngày nay.

9.2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

9.2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Kiên Lương nằm ở khu vực phía Tây Bắc của tỉnh An Giang; là một xã có vị trí chiến lược, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh, có hệ thống giao thông kết nối vùng thuận lợi, trong thời gian vừa qua có sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, xã hội. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông xã Bình Giang và vịnh Thái Lan.

- Phía Tây và Nam giáp Vịnh Thái Lan;

- Phía Bắc giáp phường Tô Châu và xã Hòa Điền.

9.2.2. Vai trò chức năng

Theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, khu vực xã Kiên Lương được xác định là một trong những địa bàn trọng điểm thuộc tiểu vùng ven biển - biên giới phía Tây Nam của tỉnh, có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển công nghiệp, kinh tế biển - đảo, thương mại dịch vụ và quốc phòng - an ninh.

Xã Kiên Lương được định hướng phát triển đô thị gắn với các trục giao thông liên vùng, kết nối hiệu quả với hệ thống cao tốc và quốc lộ, khai thác lợi thế cảng biển để thúc đẩy logistics, xuất nhập khẩu và kinh tế biển, đồng thời tối ưu hóa sử dụng đất và mở rộng không gian phát triển; hình thành trung tâm công nghiệp vật liệu xây dựng, năng lượng tái tạo và logistics biển - sông - biên giới**,** gắn với lợi thế về tài nguyên đá vôi, cảng biển và hệ thống giao thông kết nối quốc tế. Đây là vùng động lực tăng trưởng cao, có khả năng thu hút các dự án quy mô lớn trong lĩnh vực công nghiệp sạch, công nghiệp chế biến, dịch vụ thương mại

và du lịch sinh thái biển. Ngoài ra, Kiên Lương còn được định hướng phát triển các khu, điểm du lịch trọng điểm như cụm thắng cảnh Hòn Phụ Tử, Hang Moso, Chùa Hang, kết hợp với hệ sinh thái biển - đảo, tạo thành chuỗi điểm đến liên hoàn trong không gian du lịch của tỉnh.

Theo quy hoạch, xã Kiên Lương giữ vai trò cửa ngõ giao thương quốc tế của An Giang, kết nối trực tiếp với Campuchia và các nước trong khu vực Mê Công. Đây là địa bàn chiến lược về quốc phòng - an ninh, gắn phát triển kinh tế - - xã hội với củng cố thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trên hướng biển, đảo và biên giới. Đồng thời, Kiên Lương còn là trung tâm văn hóa - xã hội của vùng ven biển, nơi hội tụ các hoạt động giáo dục, y tế, dịch vụ công cộng, góp phần nâng cao chất lượng sống của nhân dân. Xã Kiên Lương được xác định là hạt nhân phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics ven biển**,** vừa là trung tâm kinh tế biển mạnh của tỉnh An Giang, vừa là cửa ngõ giao thương chiến lược, đóng vai trò lan tỏa phát triển cho toàn bộ khu vực Tây Bắc của tỉnh.

9.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Kiên Lương có 138,08 km^2 diện tích tự nhiên.

9.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

9.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, xã Kiên Lương có quy mô dân số là 58.997 người, trong đó dân số thường trú là 57.531 người và dân số tạm trú là 1.466 người.

9.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã Kiên Lương (từ 15 đến 60 tuổi) là 46.329 người, chiếm 78,53% tổng dân số của xã. Trong đó: tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 39.321 người, chiếm tỷ lệ 84,87% lao động trong độ tuổi.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 11.098 người, chiếm tỷ lệ 28,22%; lao động công nghiệp và xây dựng là 11.320 người, chiếm tỷ lệ 28,79%; lao động thương mại - dịch vụ là 16.903 người, chiếm tỷ lệ 42,99%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã Kiên Lương năm 2025 là 28.223 người, chiếm tỷ lệ 71,78%.

9.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Kiên Lương, thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh, chiếm đa số tuyệt đối. Bên cạnh đó, còn có một bộ phận nhỏ đồng bào dân tộc Khmer và Hoa sinh sống rải rác, gắn bó lâu đời với vùng ven biển và tham gia vào các hoạt động kinh tế truyền thống như đánh bắt thủy sản, buôn bán nhỏ và dịch vụ du lịch.

Quá trình đô thị hóa mạnh mẽ và sự phát triển công nghiệp - đặc biệt là ngành vật liệu xây dựng, khai thác đá vôi và xi măng - đã thúc đẩy sự phân bố lại

lực lượng sản xuất và dân cư trên địa bàn. Sự thay đổi này diễn ra theo xu hướng tập trung hóa và hiện đại hóa, hình thành các khu dân cư tập trung, các tuyến phố thương mại sầm uất và các khu đô thị mới gắn với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

Cấu trúc dân cư nông thôn dạng làng xã truyền thống đang từng bước chuyển đổi sang mô hình không gian đô thị - công nghiệp, với mật độ dân số cao hơn hẳn so với các xã thuần nông trong tỉnh. Theo số liệu sắp xếp hành chính năm 2025, xã Kiên Lương có diện tích tự nhiên 138,07 km² và dân số 58.312 người, tương ứng mật độ bình quân khoảng 422 người/km². Tuy mật độ này thấp hơn các đô thị trung tâm, nhưng lại phản ánh đặc trưng của một xã ven biển - công nghiệp, nơi dân cư tập trung quanh các khu công nghiệp, cảng biển và cụm dân cư đô thị hóa, đồng thời phân tán ở các làng nghề ven biển và vùng nông thôn.

Sự đa dạng về thành phần dân cư cùng với quá trình đô thị hóa đã tạo nên một không gian xã hội năng động, vừa giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng người Kinh và Khmer, vừa mở ra diện mạo mới của một trung tâm công nghiệp - dịch vụ ven biển, có sức hút cơ học mạnh mẽ đối với lao động nhập cư từ các vùng khác.

9.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

9.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả trong từng ngành, lĩnh vực. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp. Trong đó tỷ lệ kinh tế nông nghiệp ngày càng thu hẹp; đến năm 2025, cơ cấu ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ chiếm 75,49% trong cơ cấu kinh tế của xã.

9.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn xã Kiên Lương năm 2025 đạt 494,09 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 494,09 tỷ đồng, cân đối đủ.

9.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã Kiên Lương tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 89,25 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 96,69 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 102,48 triệu đồng/người/năm.

9.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Kiên Lương là 1,10%, trong đó: năm 2023 là 1,25%, năm 2024 là 1,09% và năm 2025 là 0,94%.

9.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Trong năm 2025, nông nghiệp và thủy sản tiếp tục giữ vai trò nền tảng trong cơ cấu kinh tế của xã Kiên Lương, đồng thời phản ánh đặc trưng của một địa bàn

ven biển có sự kết hợp hài hòa giữa sản xuất lúa nước và nuôi trồng thủy sản. Tổng diện tích gieo sạ lúa đạt gần 2.945 ha, với năng suất bình quân 6,4 tấn/ha, sản lượng cả năm vượt kế hoạch đề ra. Đáng chú ý, mô hình luân canh lúa - tôm trên diện tích hơn 1.800 ha đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, vừa đảm bảo an ninh lương thực, vừa tạo thêm nguồn thu từ thủy sản, thể hiện sự thích ứng linh hoạt của nông dân trước biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn.

Chăn nuôi trên địa bàn duy trì ổn định, không xảy ra dịch bệnh lớn. Công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm được triển khai đồng bộ, kết hợp kiểm soát giết mổ và vệ sinh tiêu độc khử trùng, góp phần bảo đảm an toàn thực phẩm và sức khỏe cộng đồng.

Đối với thủy sản, xã Kiên Lương phát huy lợi thế ven biển, vừa khai thác truyền thống, vừa mở rộng nuôi trồng hiện đại. Tổng sản lượng thủy sản năm 2025 đạt hơn 38.000 tấn, trong đó nuôi trồng chiếm hơn 10.700 tấn, vượt xa kế hoạch. Đây là lĩnh vực có tiềm năng lớn, tạo động lực tăng trưởng mới cho kinh tế địa phương, đồng thời gắn với định hướng phát triển nuôi biển bền vững và xây dựng thương hiệu thủy sản Kiên Lương.

Song song với nông - ngư nghiệp, công tác bảo vệ và phát triển rừng cũng được chú trọng. Tổng diện tích rừng của xã là 1.841 ha, gồm rừng đặc dụng, phòng hộ và rừng sản xuất. Việc ban hành phương án phòng cháy chữa cháy rừng, kết hợp tuyên truyền bảo vệ rừng tại các ấp, cho thấy sự quan tâm đến cân bằng sinh thái và phát triển bền vững.

Nhìn tổng thể, sản xuất nông nghiệp - thủy sản của xã Kiên Lương không chỉ đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm cho dân cư, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc đa dạng hóa cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân, và tạo nền tảng vững chắc cho định hướng phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn trong giai đoạn tới.

b) Công nghiệp - xây dựng

Hạ tầng sản xuất công nghiệp của xã Kiên Lương trong năm 2025 tiếp tục được mở rộng và hiện đại hóa, tạo nên diện mạo mới cho một trung tâm công nghiệp ven biển. Giá trị sản xuất công nghiệp đạt hơn 10.042 tỷ đồng, vượt 115,34% kế hoạch, cho thấy sức bật mạnh mẽ của khu vực này. Các ngành chủ lực gồm khai thác và chế biến đá xây dựng, xi măng, thủy sản đông lạnh, gạch nung, nước đá và xay xát gạo - những lĩnh vực vừa tận dụng lợi thế tài nguyên khoáng sản, vừa đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài tỉnh.

Song song với đó, xã Kiên Lương đã và đang triển khai quy hoạch chung đô thị mới đến năm 2045, rà soát và điều chỉnh quy hoạch xây dựng để phù hợp với thực tiễn phát triển. Công tác quản lý trật tự xây dựng, cấp phép xây dựng, cải tạo công trình thoát nước được thực hiện đồng bộ, tạo tiền đề cho việc hình thành không gian đô thị - công nghiệp hiện đại, có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Sự bứt phá mạnh mẽ của hệ thống sản xuất công nghiệp đã tạo ra những tác động lan tỏa tích cực đến toàn bộ đời sống kinh tế - xã hội của địa phương. Công

nghiệp không chỉ đóng vai trò là nền tảng tăng trưởng, mà còn kiến tạo nên diện mạo đô thị năng động, thúc đẩy thương mại - dịch vụ và thu hút đầu tư. Kiên Lương vì thế khẳng định vị thế là một trong những trung tâm công nghiệp vật liệu xây dựng lớn nhất vùng Tây Nam, giữ mắt xích chiến lược trong hệ thống phát triển công nghiệp động lực của tỉnh An Giang.

Trong giai đoạn tới, xã Kiên Lương được định hướng trở thành hạt nhân công nghiệp ven biển, nơi hội tụ các dự án quy mô lớn, kết nối trực tiếp với hành lang kinh tế biển - biên giới, đồng thời là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn đầu tư trong và ngoài nước. Đây chính là nền tảng để Kiên Lương vươn lên trở thành trung tâm công nghiệp - đô thị - dịch vụ hiện đại, tạo sức lan tỏa phát triển cho toàn bộ khu vực Tây Nam của tỉnh.

c) Thương mại - dịch vụ

Năm 2025, thương mại và dịch vụ tại xã Kiên Lương tiếp tục có bước phát triển khá, phản ánh rõ vai trò của một trung tâm kinh tế ven biển năng động. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 10.635 tỷ đồng, vượt 109,37% kế hoạch, cho thấy sức mua và nhu cầu tiêu dùng của người dân ngày càng tăng, đồng thời khẳng định sức hút của địa bàn đối với các hoạt động dịch vụ.

Thị trường hàng hóa trên địa bàn phong phú, đa dạng, được duy trì thông qua các chương trình bình ổn giá, đưa hàng Việt về nông thôn, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân. Các hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống cũng tăng trưởng mạnh, đạt 119% kế hoạch, góp phần hình thành diện mạo đô thị - dịch vụ mới cho Kiên Lương.

Đặc biệt, du lịch là một điểm nhấn quan trọng. Năm 2025, xã Kiên Lương đón khoảng 387.000 lượt khách tham quan, trong đó riêng khu thắng cảnh Hòn Phụ Tử thu hút hơn 183.000 lượt khách. Đây là minh chứng cho tiềm năng du lịch biển - đảo và sinh thái của địa phương, đồng thời mở ra cơ hội phát triển dịch vụ gắn với bảo tồn di sản và cảnh quan thiên nhiên.

Có thể nói, thương mại - dịch vụ không chỉ đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng kinh tế, mà còn tạo ra tác động lan tỏa tích cực đến đời sống xã hội, nâng cao chất lượng sống của người dân, đồng thời củng cố vị thế Kiên Lương như một trung tâm dịch vụ - du lịch ven biển của tỉnh An Giang.

9.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

9.6.1. Giáo dục - đào tạo

Năm 2025, lĩnh vực giáo dục - đào tạo của xã Kiên Lương được triển khai trên quy mô rộng, gắn với mục tiêu chuẩn hóa và hiện đại hóa hệ thống trường lớp. Mạng lưới cơ sở giáo dục từ mầm non đến trung học cơ sở được duy trì đầy đủ, đảm bảo nhu cầu học tập của trẻ em trong xã. Đặc biệt, xã đã hoàn thành các điều kiện để đề nghị công nhận Trường THCS Kiên Lương đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, tạo điểm nhấn quan trọng trong tiến trình nâng cao chất lượng giáo dục cơ sở.

Công tác phổ cập giáo dục được duy trì toàn diện: phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập tiểu học mức độ 3 và phổ cập trung học cơ sở mức độ 3. Đây

là nền tảng để xã Kiên Lương giữ vững vị thế trong việc đảm bảo quyền học tập cho mọi trẻ em, đồng thời nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại địa phương.

Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý được tập huấn theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, từng bước tiếp cận phương pháp giảng dạy mới, phù hợp với xu thế đổi mới giáo dục quốc gia. Công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS được thực hiện hiệu quả, đạt tỷ lệ 87,59%, góp phần định hướng học sinh theo học nghề hoặc tiếp tục học lên các bậc cao hơn, gắn đào tạo với nhu cầu lao động trong các ngành công nghiệp - dịch vụ đang phát triển mạnh tại Kiên Lương.

Giáo dục - đào tạo tại Kiên Lương năm 2025 vì vậy không chỉ dừng lại ở việc duy trì phổ cập, mà đã hình thành một không gian giáo dục đồng bộ, vừa đáp ứng yêu cầu học tập của thế hệ trẻ, vừa tạo nền tảng cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

9.6.2. Y tế

Năm 2025, công tác y tế trên địa bàn xã Kiên Lương được triển khai đồng bộ, hướng tới mục tiêu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Các chương trình phòng, chống dịch bệnh được thực hiện thường xuyên, đảm bảo kiểm soát và xử lý kịp thời các loại dịch bệnh phát sinh. Công tác tiêm chủng mở rộng được duy trì, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng, đặc biệt là trẻ em và người cao tuổi.

Hoạt động kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm được tổ chức trước, trong và sau các dịp lễ, Tết, nhằm đảm bảo chất lượng thực phẩm lưu thông trên thị trường và tại các cơ sở dịch vụ ăn uống. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 86,05%, bằng 90,58% kế hoạch; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội đạt 21,52%, vượt 103,61% kế hoạch. Đây là những chỉ số quan trọng phản ánh sự mở rộng của hệ thống an sinh y tế tại địa phương.

Song song với đó, xã Kiên Lương chú trọng công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, gắn với các chương trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Các hoạt động khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế được triển khai thường xuyên, tạo điều kiện để người dân tiếp cận dịch vụ y tế cơ bản và nâng cao.

9.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Năm 2025, các hoạt động văn hóa, thể thao và công tác thông tin - tuyên truyền trên địa bàn xã Kiên Lương được tổ chức rộng khắp, tạo nên không khí sôi động và gắn kết cộng đồng. Các chương trình văn hóa - nghệ thuật được triển khai nhân dịp mừng Đảng - mừng Xuân, kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện chính trị trọng đại, đồng thời duy trì lễ hội truyền thống tại địa phương. Đặc biệt, xã đã tổ chức Lễ tưởng niệm các Anh hùng Liệt sĩ tại Khu di tích lịch sử núi Mo So và chương trình văn nghệ "Vui hội trăng rằm" nhân dịp Tết Trung thu, thu hút đông đảo nhân dân tham gia.

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được triển khai hiệu quả, gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới. Kết quả năm 2025 có 12.671/13.078 hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa (93,3%), toàn bộ 21/21 ấp đạt chuẩn văn hóa. Đây là minh chứng cho sự lan tỏa mạnh mẽ của phong trào

văn hóa cơ sở. Hoạt động thể dục - thể thao quần chúng diễn ra sôi nổi, với nhiều môn thể thao truyền thống, trò chơi dân gian và các giải đấu phong trào, góp phần nâng cao thể lực, cải thiện sức khỏe và xây dựng lối sống tích cực trong cộng đồng.

Công tác thông tin - tuyên truyền được triển khai thường xuyên, tập trung phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến nhân dân. Các hình thức tuyên truyền được đổi mới, gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương, đồng thời kết hợp với hoạt động trợ giúp pháp lý, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong cộng đồng.

9.6.4. An sinh xã hội

Trong năm 2025, công tác an sinh xã hội trên địa bàn xã Kiên Lương được triển khai toàn diện, bảo đảm hỗ trợ kịp thời cho các đối tượng chính sách và người dân có hoàn cảnh khó khăn. Các hoạt động chăm lo người có công với cách mạng được thực hiện đầy đủ, tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình chính sách, Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân vào các dịp lễ, Tết và ngày kỷ niệm trọng đại.

Chính sách bảo trợ xã hội được triển khai đồng bộ, gắn với các chương trình hành động vì trẻ em và an toàn lao động. Công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo được thực hiện thường xuyên, kết quả tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm còn 1,75%, góp phần nâng cao chất lượng đời sống nhân dân.

Trong lĩnh vực lao động - việc làm, xã Kiên Lương phối hợp với Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh tổ chức Ngày hội việc làm, tạo điều kiện cho người lao động tiếp cận thông tin tuyển dụng. Kết quả trong năm đã giải quyết việc làm cho 1.268 lượt người, vượt 116% kế hoạch. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 74%, trong đó lao động có bằng cấp, chứng chỉ chiếm 56%. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghiệp - dịch vụ tại địa phương.

Công tác an sinh xã hội gắn liền với việc triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo hỗ trợ đúng đối tượng, kịp thời và hiệu quả. Nhờ đó, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế - xã hội của xã Kiên Lương.

9.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Trên địa bàn Kiên Lương, đời sống tôn giáo và tín ngưỡng hiện diện như một phần quan trọng trong cấu trúc xã hội, gắn kết cộng đồng và tạo sự ổn định về tinh thần. Các nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân được giải quyết đúng pháp luật, đảm bảo sự hài hòa giữa truyền thống và quy định quản lý nhà nước.

Hoạt động gắn kết với đồng bào dân tộc Khmer được triển khai thường xuyên, tiêu biểu là việc tham dự Ngày hội Văn hóa - Thể thao - Du lịch đồng bào Khmer tại xã Gò Quao, tổ chức thăm hỏi nhân dịp lễ Sene Đônta, đồng thời cử 12 người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số tham gia lớp tập huấn tại phường Hà Tiên. Đây là những hoạt động vừa mang tính văn hóa, vừa có ý nghĩa chính trị - xã hội, củng cố niềm tin và sự đồng thuận trong cộng đồng.

Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và pháp

luật của Nhà nước đến các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo được duy trì thường xuyên, giúp nâng cao nhận thức và tạo sự gắn bó giữa chính quyền với nhân dân. Song song với đó, xã Kiên Lương đã xây dựng và triển khai kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2025, tạo điều kiện để đồng bào tôn giáo và dân tộc thiểu số tham gia phát triển kinh tế, ổn định đời sống.

9.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Trên địa bàn xã Kiên Lương, công tác quốc phòng - an ninh được triển khai đồng bộ, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống lực lượng dân quân tự vệ được củng cố, duy trì chế độ huấn luyện thường xuyên, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu và tham gia các nhiệm vụ phòng thủ địa phương. Công tác giáo dục quốc phòng - an ninh được tổ chức cho các đối tượng theo quy định, góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong bảo vệ Tổ quốc.

Hoạt động giữ gìn an ninh trật tự được triển khai thường xuyên, tập trung vào công tác tuần tra, kiểm soát địa bàn, phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Các vụ việc phát sinh được xử lý kịp thời, không để hình thành điểm nóng về an ninh trật tự. Công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ được chú trọng, với việc tổ chức diễn tập, kiểm tra phương tiện, trang thiết bị tại các khu dân cư và cơ sở sản xuất.

Song song với đó, xã Kiên Lương đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, gắn với xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội. Các mô hình tự quản về an ninh trật tự tại các ấp được duy trì, phát huy hiệu quả trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm ngay từ cơ sở.

Nhờ sự phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng công an, quân sự và các tổ chức đoàn thể, tình hình quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã Kiên Lương được giữ vững, tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế, văn hóa và nâng cao đời sống nhân dân.

10. Xã Ba Chúc

10.1. Lịch sử hình thành

Vùng đất Ba Chúc nằm ở phía tây tỉnh An Giang, thuộc vùng Bảy Núi (Thất Sơn), là địa bàn có lịch sử hình thành gắn liền với quá trình khai phá vùng biên giới Tây Nam của dân tộc. Từ thế kỷ XVIII - XIX, cùng với chính sách mở mang bờ cõi của các chúa Nguyễn và triều Nguyễn, cư dân người Kinh, Khmer và Hoa đã đến khai khẩn đất đai, lập làng, hình thành các phum, sóc và khu dân cư dọc theo chân núi, tạo nên cộng đồng cư dân đa dân tộc đoàn kết, gắn bó. Với vị trí tiếp giáp Vương quốc Campuchia, Ba Chúc từ lâu giữ vai trò là vùng cửa ngõ quan trọng về kinh tế, văn hóa, quốc phòng và an ninh của khu vực biên giới Tây Nam.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Ba Chúc cùng toàn huyện Tri Tôn là địa bàn có vị trí chiến lược, là nơi xây dựng cơ sở cách mạng, căn cứ hoạt động của lực lượng vũ trang và Nhân dân địa phương, góp phần quan trọng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Đặc biệt, trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc, từ tháng 4 năm 1978, quân Khmer Đỏ đã nhiều lần tiến công qua biên giới và gây ra cuộc thảm sát đặc biệt nghiêm trọng tại Ba Chúc, sát hại hàng nghìn thường dân vô tội, tàn phá nhiều làng mạc, cơ sở kinh tế, văn hóa và tôn giáo. Sự kiện này đã trở thành một trong những chứng tích đau thương nhất trong lịch sử chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, đồng thời thể hiện tinh thần kiên cường, bất khuất của quân và dân Ba Chúc trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Sau chiến tranh, địa phương từng bước được khôi phục, tái thiết, ổn định đời sống Nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội.

Ngày 17/10/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 119/2003/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Tri Tôn. Theo đó, thành lập thị trấn Ba Chúc trên cơ sở 2.056 ha diện tích tự nhiên và 13.122 nhân khẩu của xã Ba Chúc; đồng thời đổi tên phần xã Ba Chúc còn lại thành xã Vĩnh Phước (nay thuộc xã Vĩnh Gia). Từ đây, Ba Chúc trở thành trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế và văn hóa của khu vực phía tây huyện Tri Tôn, giữ vai trò là đầu mối giao thương, dịch vụ của vùng Bảy Núi.

Theo Quyết định số 241/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030 và Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, thị trấn Ba Chúc được định hướng phát triển trở thành đô thị loại IV trước năm 2030, là đô thị thương mại, dịch vụ, du lịch văn hóa - lịch sử, gắn với phát huy giá trị các di tích lịch sử chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và tiềm năng du lịch sinh thái vùng Thất Sơn.

Thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, ngày 12/6/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang được sắp xếp thành tỉnh An Giang mới. Tiếp đó, ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang. Theo nghị quyết này, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Ba Chúc, xã Lê Trì và xã Lạc Quới để thành lập xã Ba Chúc.

Sau khi thành lập, xã Ba Chúc có không gian hành chính được mở rộng, bao gồm khu vực đô thị trung tâm Ba Chúc và vùng nông thôn, khu vực biên giới của các xã Lê Trì và Lạc Quới trước đây. Xã có 13 ấp trực thuộc, gồm: An Bình, An Hòa A, An Hòa B, An Định A, An Định B, Thanh Lương, Núi Nước, An Thạnh, Trung An, Sóc Tức, Vĩnh Hòa, Vĩnh Thuận và Vĩnh Phú. Việc thành lập xã Ba Chúc tạo điều kiện mở rộng không gian phát triển, khai thác hiệu quả tiềm năng về thương mại, dịch vụ, nông nghiệp và du lịch văn hóa - lịch sử; đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường xây dựng khu vực biên giới vững mạnh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống Nhân dân trong giai đoạn mới.

10.2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

10.2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Ba Chúc nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh An Giang. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp phường Tịnh Biên và xã An Cư;

- Phía Tây giáp xã Vĩnh Gia;

- Phía Nam giáp xã Ô Lâm và xã Tri Tôn;

- Phía Bắc giáp Vương quốc Campuchia.

10.2.2. Vai trò chức năng

Theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, xã Ba Chúc (được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích của thị trấn Ba Chúc, xã Lạc Quới và xã Lê Trì cũ) nằm ở khu vực Tiểu vùng phía Tây An Giang. Đây là khu vực hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi về vị trí biên giới chiến lược, hạ tầng giao thông và tiềm năng phát triển tổng hợp. Xã Ba Chúc được định vị là cực phát triển về thương mại - dịch vụ, kinh tế cửa khẩu, du lịch lịch sử - văn hóa - tâm linh, nông nghiệp và kinh tế biên mậu, đồng thời là đầu mối giao thương, giao thông đối ngoại quan trọng của tỉnh An Giang. Địa phương đóng vai trò hạt nhân thúc đẩy giao lưu, hợp tác phát triển kinh tế thương mại mậu dịch giữa Việt Nam - Campuchia nói chung, cũng như giữa tỉnh An Giang với các tỉnh Kandal, Takeo, Kampot nói riêng nhờ vào hệ thống cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền và các tuyến hạ tầng kết nối.

Bên cạnh chức năng giao thương quốc tế thuộc Hành lang kinh tế - xã hội biên giới, xã Ba Chúc còn nằm trên Trục phía Bắc và Trục Đông Tây, giữ vai trò xương sống liên kết đa chiều giữa đô thị, vùng nông thôn sinh thái, giúp điều phối không gian và nâng cao hiệu quả hạ tầng logistics. Trong định hướng phát triển không gian, xã Ba Chúc là một trong những trung tâm du lịch đặc thù của tỉnh, kết hợp hài hòa giữa du lịch sinh thái vùng Bảy Núi, du lịch hành hương văn hóa tín ngưỡng chất lượng cao và tuyến du lịch kết nối xuyên biên giới. Ngoài ra, khu vực này còn giữ vai trò chiến lược về quốc phòng - an ninh, là phòng tuyến hợp tác vững chắc vùng biên giới Tây Nam, đồng thời là trọng điểm đầu tư hạ tầng nông thôn bền vững và an sinh xã hội thông qua mô hình "Điểm sáng văn hóa biên giới" và các Chương trình mục tiêu quốc gia.

10.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Ba Chúc có 70,94 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: Đất xây dựng đô thị là 8,79 km^2, chiếm 12,39% và đất khác là 62,15 km^2, chiếm 87,61%.

10.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

10.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, xã Ba Chúc có quy mô dân số là 32.996 người, trong đó dân số thường trú là 32.790 người và dân số tạm trú là 206 người.

10.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên

địa bàn xã (từ 15 đến 60 tuổi) là 15.652 người, chiếm 48,79% tổng dân số của xã. Trong đó: tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 15.652 người, chiếm tỷ lệ 100% lao động trong độ tuổi.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 5.161 người, chiếm tỷ lệ 32,97%; lao động công nghiệp và xây dựng là 4.495 người, chiếm tỷ lệ 28,72%; lao động thương mại - dịch vụ là 5.996 người, chiếm tỷ lệ 38,31%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 10.491 người, chiếm tỷ lệ 67,03%.

10.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Ba Chúc có đông các dân tộc đang sinh sống trên địa bàn. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

10.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

10.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Cơ cấu kinh tế của xã Ba Chúc năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 34,60%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 15,60% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 49,80% trong cơ cấu kinh tế của xã.

10.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Ba Chúc năm 2025 đạt 221,70 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 221,70 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 191,98 tỷ đồng. Cân đối đủ.

10.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 61,22 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 62,79 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 75,5 triệu đồng/người/năm.

10.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Ba Chúc là 1,71%, trong đó: năm 2023 là 2,19%, năm 2024 là 1,64% và năm 2025 là 1,31%.

10.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Mặc dù định hướng phát triển theo mô hình đô thị, lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn vẫn được duy trì ổn định, từng bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi được thực hiện phù hợp với điều kiện tự nhiên và nhu cầu thị trường, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân và tạo nền tảng cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - thương mại - dịch vụ.

Tổng diện tích gieo trồng hằng năm đạt 13.458 ha, trong đó diện tích sản xuất lúa 11.442 ha, hoa màu 332 ha và cây ăn trái 1.684 ha. Địa phương tích cực ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, mở rộng mô hình sản xuất lúa chất lượng cao theo tiêu chuẩn VietGAP, triển khai các mô hình "Cánh đồng 1 phải 5 giảm", sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ và từng bước hình thành các vùng sản xuất tập trung gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. Năng suất lúa bình quân đạt 6,7 tấn/ha, sản lượng lương thực đạt 72.503 tấn, hệ số sử dụng đất đạt 2,3 lần, góp phần bảo đảm an ninh lương thực và nâng cao hiệu quả sản xuất.

Cùng với đó, địa phương đã chuyển đổi khoảng 650 ha đất trồng lúa sang phát triển cây ăn trái, rau màu và cây công nghiệp ngắn ngày có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện sản xuất và nhu cầu thị trường. Hiện nay, diện tích cây ăn trái đạt 480,7 ha, với nhiều loại cây có giá trị như xoài, chuối, sầu riêng, dừa, bưởi, mít, quýt và các loại cây ăn trái khác; diện tích cây công nghiệp đạt 9 ha, góp phần đa dạng hóa cơ cấu sản xuất nông nghiệp và nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích.

Lĩnh vực chăn nuôi tiếp tục phát triển theo hướng nâng cao hiệu quả, gắn với bảo đảm an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường. Công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được triển khai thường xuyên, không để phát sinh các ổ dịch lớn, tạo điều kiện cho người dân ổn định sản xuất.

Lĩnh vực lâm nghiệp được quan tâm quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững. Địa phương hiện có 1.314,1 ha diện tích rừng, tỷ lệ che phủ đạt 31,97%; công tác quản lý tài nguyên rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, bảo vệ đa dạng sinh học và ngăn chặn các hành vi xâm hại rừng được thực hiện nghiêm túc, góp phần giữ gìn môi trường sinh thái và cảnh quan tự nhiên.

Nuôi trồng thủy sản tiếp tục phát triển theo hướng đa dạng hóa đối tượng nuôi, với tổng diện tích 63 ha, tổng số lượng giống thả nuôi khoảng 171.500 con, tập trung vào các đối tượng có giá trị kinh tế như cá tra, cá rô phi, cá mè vinh, cá thát lát, cá tượng... Công tác phòng, chống dịch bệnh trên thủy sản được thực hiện hiệu quả, góp phần duy trì sản xuất ổn định.

Bên cạnh đó, công tác khuyến nông được chú trọng thông qua các chương trình tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, hướng dẫn người dân áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng nông sản, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm và từng bước xây dựng nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả, thích ứng với quá trình phát triển đô thị.

b) Công nghiệp - xây dựng

Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng trên địa bàn tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định, từng bước khẳng định vai trò là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế và quá trình đô thị hóa. Hiện nay, trên địa bàn có khoảng 455 cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chủ yếu hoạt động trong các ngành nghề truyền thống như chế biến nông sản, cơ khí, mộc dân dụng, may mặc và các ngành nghề phục vụ sản xuất, đời sống. Các cơ sở sản xuất cơ bản hoạt động ổn định, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ.

Cùng với phát triển sản xuất, địa phương thường xuyên tuyên truyền, vận động, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất và sức cạnh tranh, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển trong điều kiện đô thị.

Hoạt động đầu tư xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng được quan tâm triển khai đồng bộ. Địa phương đang thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ Dự án Cụm công trình thủy lợi vùng cao, đồng thời triển khai các thủ tục thu hồi đất để thực hiện Dự án Trường mẫu giáo Lạc Quới (Vĩnh Thuận). Bên cạnh đó, địa phương đã phê duyệt và triển khai danh mục các công trình chỉnh trang, nâng cấp đô thị năm 2025, trong đó có các công trình trọng điểm như nâng cấp, cải tạo hệ thống hạ tầng giao thông tuyến từ cổng Sập Gia đến ngã ba Nhà Bia, nâng cấp Trường Tiểu học A Ba Chúc (điểm phụ) và nâng cấp hệ thống vỉa hè tuyến đường Thủy Đài Sơn; các công trình còn lại đang được hoàn thiện hồ sơ, triển khai theo kế hoạch.

Việc đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cùng với sự phát triển ổn định của lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đã từng bước tạo diện mạo đô thị ngày càng khang trang, hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân và tạo tiền đề thuận lợi để xây dựng địa phương trở thành phường theo định hướng phát triển đô thị trong thời gian tới.

c) Thương mại - dịch vụ

Lĩnh vực thương mại - dịch vụ trên địa bàn tiếp tục phát triển ổn định, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và quá trình đô thị hóa. Mạng lưới thương mại, dịch vụ ngày càng được mở rộng với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, góp phần thúc đẩy lưu thông hàng hóa, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân và phục vụ hiệu quả nhu cầu sản xuất, kinh doanh cũng như đời sống dân sinh.

Đến nay, trên địa bàn đã hình thành hệ thống các cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ tương đối đa dạng, bao gồm các lĩnh vực tài chính - ngân hàng, bưu chính - viễn thông, điện máy và nhiều loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất, tiêu dùng. Hoạt động kinh doanh diễn ra ổn định, nguồn cung hàng hóa được bảo đảm, đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân; công tác quản lý thị trường được thực hiện thường xuyên, góp phần kiểm soát giá cả, ngăn chặn tình trạng đầu cơ, gian lận thương mại, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Kinh tế tư nhân tiếp tục phát triển, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương. Toàn xã hiện có khoảng 1.805 cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động trên nhiều lĩnh vực; trong đó có 11 hộ sản xuất xoài theo tiêu chuẩn VietGAP với diện tích 20 ha, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ và từng bước xây dựng thương hiệu nông sản địa phương.

Kinh tế tập thể tiếp tục được củng cố và phát triển. Trên địa bàn hiện có 02 hợp tác xã đang hoạt động, gồm Hợp tác xã Nông nghiệp Lạc Quới với 15 thành

viên, vốn điều lệ 350 triệu đồng, liên kết sản xuất trên diện tích 104 ha; và Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Bến Bà Chi với 11 thành viên, vốn điều lệ khoảng 530 triệu đồng, liên kết sản xuất trên diện tích 64 ha. Các hợp tác xã từng bước phát huy vai trò liên kết sản xuất, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế và thu nhập cho thành viên.

Công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh được quan tâm thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, sản xuất và kinh doanh. Trong năm, tổng số vốn đăng ký kinh doanh đạt 7.491,7 triệu đồng; công tác cấp mới, điều chỉnh, cấp lại và quản lý giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thực hiện đúng quy định, góp phần tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch và thúc đẩy phát triển các thành phần kinh tế trên địa bàn.

Sự phát triển ổn định của lĩnh vực thương mại - dịch vụ cùng với mạng lưới cơ sở sản xuất, kinh doanh ngày càng mở rộng đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng thương mại - dịch vụ, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân và tạo nền tảng quan trọng cho quá trình xây dựng, phát triển địa phương theo định hướng đô thị.

10.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

10.6.1. Giáo dục - đào tạo

Công tác giáo dục và đào tạo trên địa bàn tiếp tục được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đạt nhiều kết quả tích cực, chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong giai đoạn mới. Mạng lưới trường, lớp được duy trì ổn định; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp theo hướng đồng bộ, đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu học tập của Nhân dân. Các chính sách về giáo dục được triển khai đầy đủ, kịp thời; công tác miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ chuyển trường được thực hiện đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, sinh viên học tập.

Địa phương chú trọng đầu tư phát triển cơ sở vật chất trường học, từng bước hoàn thiện hệ thống giáo dục theo hướng hiện đại; đồng thời đề xuất đầu tư Trường Phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học - Trung học cơ sở phục vụ nhu cầu học tập của học sinh khu vực biên giới. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được triển khai thường xuyên gắn với Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo tỉnh An Giang giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tỷ lệ huy động trẻ đến lớp đạt chỉ tiêu kế hoạch; chất lượng giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở tiếp tục được giữ vững; Chương trình giáo dục phổ thông mới được triển khai đồng bộ, cùng với việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác quản lý, giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Bên cạnh đó, công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội được tăng cường, góp phần hạn chế tình trạng học sinh nghỉ học, bỏ học và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. Phong trào xây dựng xã hội học tập tiếp tục được quan

tâm; địa phương đã hoàn thành hồ sơ đề nghị thành lập Trung tâm học tập cộng đồng nhằm tạo điều kiện để người dân được tiếp cận các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và quá trình xây dựng địa phương theo định hướng phát triển đô thị.

10.6.2. Y tế

Mạng lưới y tế trên địa bàn được duy trì ổn định, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng lên, các dịch vụ y tế cơ bản được thực hiện đầy đủ, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân. Trong năm, tổng số lượt khám, chữa bệnh đạt 6.324 lượt, trong đó khám tại Trạm Y tế 2.223 lượt (gồm 1.711 lượt khám bảo hiểm y tế và 512 lượt khám dịch vụ), khám lưu động 1.215 lượt và khám dự phòng 2.886 lượt, qua đó phản ánh khả năng đáp ứng tương đối tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe của cộng đồng. Song song với hoạt động khám, chữa bệnh, y tế dự phòng tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm. Việc giám sát, phòng, chống dịch bệnh được triển khai chủ động, không để phát sinh các ổ dịch lớn; các chương trình tiêm chủng mở rộng được thực hiện đầy đủ, bảo đảm tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đạt kế hoạch. Hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe, phòng chống các bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm và công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm được duy trì thường xuyên, góp phần nâng cao ý thức phòng bệnh và bảo vệ sức khỏe Nhân dân.

Cùng với đó, các chính sách chăm sóc sức khỏe và bảo vệ trẻ em được triển khai đồng bộ, bảo đảm mọi trẻ em đều được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc, giáo dục và bảo vệ theo quy định. Hiện địa phương có 4.579 trẻ em dưới 16 tuổi, trong đó 60 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và 394 trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; các chế độ hỗ trợ được thực hiện kịp thời, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao chất lượng dân số trong quá trình phát triển đô thị.

10.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân không ngừng được nâng lên, các phong trào văn hóa, văn nghệ và thể dục, thể thao phát triển rộng khắp, tạo môi trường sinh hoạt lành mạnh, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và xây dựng nếp sống văn minh. Việc triển khai Chiến lược phát triển gia đình, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, thực hiện hương ước, quy ước cộng đồng và các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước được thực hiện đồng bộ, gắn với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", qua đó tạo chuyển biến tích cực về ý thức chấp hành pháp luật, giữ gìn bản sắc văn hóa và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh tại địa phương. Đến nay, 13/13 ấp đạt danh hiệu Ấp văn hóa, đạt tỷ lệ 100%; có 6.356/6.934 hộ gia đình được công nhận Gia đình văn hóa, đạt 91,66%.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức thường xuyên, đặc biệt trong các dịp lễ, tết và các sự kiện chính trị quan trọng của địa phương, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của Nhân dân. Hệ thống thiết chế văn hóa và các công trình phục vụ sinh hoạt cộng đồng được khai thác hiệu quả; hệ thống truyền thanh cơ sở tiếp tục được duy trì, nâng cấp, góp phần nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời tạo sự đồng thuận xã hội trong quá trình phát triển địa phương.

Với lợi thế về tài nguyên du lịch văn hóa, lịch sử và tâm linh, hoạt động du lịch trên địa bàn tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác quản lý các điểm tham quan được thực hiện chặt chẽ, bảo đảm môi trường du lịch an toàn, văn minh và thân thiện; các hoạt động quảng bá hình ảnh địa phương được đẩy mạnh, góp phần thu hút khoảng 145.000 lượt khách đến tham quan các di tích và danh lam thắng cảnh trong năm. Đây là nền tảng quan trọng để phát triển ngành du lịch gắn với thương mại - dịch vụ, từng bước khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương trong quá trình phát triển theo định hướng đô thị.

10.6.4. An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội trên địa bàn được triển khai đồng bộ, kịp thời và đúng đối tượng, góp phần bảo đảm đời sống Nhân dân, nhất là các gia đình chính sách, người có công, hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và các nhóm yếu thế. Các chế độ, chính sách ưu đãi của Đảng và Nhà nước được thực hiện đầy đủ, công khai, minh bạch; đồng thời địa phương tích cực huy động các nguồn lực xã hội để chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, tạo sự đồng thuận và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Công tác đền ơn đáp nghĩa và chăm sóc người có công với cách mạng luôn được quan tâm thực hiện. Địa phương đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách, người có công nhân dịp kỷ niệm 78 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2025); hỗ trợ mai táng phí, điều dưỡng, cấp phát quà thường xuyên và lập danh sách đề nghị hưởng các chế độ theo quy định. Hiện địa phương quản lý 1.027 đối tượng người có công và thân nhân người có công, trong đó có 156 thương binh và 871 thân nhân liệt sĩ; đồng thời thành lập Quỹ Đền ơn đáp nghĩa và Ban quản lý Quỹ nhằm huy động nguồn lực chăm lo tốt hơn cho các đối tượng chính sách.

Các chính sách trợ giúp xã hội được triển khai đầy đủ, góp phần bảo đảm an sinh và ổn định đời sống cho các đối tượng bảo trợ xã hội. Hiện địa phương đang quản lý 1.524 đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng; công tác rà soát, hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, hỏa hoạn và các sự cố được thực hiện kịp thời. Bên cạnh đó, địa phương đặc biệt quan tâm công tác giải quyết việc làm và phát triển nguồn nhân lực; hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được đẩy mạnh, góp phần mở rộng cơ hội việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân. Trong năm, địa phương đã tiếp nhận và giải quyết 928/680 hồ sơ xác nhận nhu cầu việc làm trong và ngoài tỉnh, đồng thời hoàn thành 54,77% chỉ tiêu điều tra cung - cầu lao động theo kế hoạch của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh.

10.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Địa phương là nơi có nhiều thành phần dân tộc cùng sinh sống, tạo nên sự đa dạng về văn hóa và bản sắc cộng đồng. Công tác dân tộc luôn được quan tâm thực hiện gắn với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Qua rà soát, trên địa bàn hiện có 1.241 hộ với 5.185 nhân khẩu là đồng bào dân tộc thiểu số; các chính sách dân tộc, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội

vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được triển khai kịp thời, góp phần tạo sinh kế, giảm nghèo bền vững, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc và tôn giáo được thực hiện thường xuyên, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân. Địa phương đã phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho 40 học viên, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực dân tộc, tôn giáo và phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ, người có uy tín trong cộng đồng.

Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn diễn ra ổn định, đúng quy định của pháp luật; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân được bảo đảm và tôn trọng. Việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung được thực hiện kịp thời, đúng trình tự, thủ tục; trong năm đã tiếp nhận và thông báo chấp thuận 04 hồ sơ sinh hoạt tôn giáo. Các cơ sở tôn giáo chấp hành tốt các quy định của pháp luật, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, hoạt động an sinh xã hội và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và tạo nền tảng thuận lợi cho quá trình phát triển địa phương theo định hướng đô thị.

10.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Với vị trí là địa bàn giáp biên giới, công tác quốc phòng, quân sự địa phương luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Địa phương tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận biên phòng toàn dân ngày càng vững chắc; phát huy vai trò của lực lượng vũ trang trong tham mưu cấp ủy, chính quyền thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương, góp phần giữ vững chủ quyền, an ninh khu vực biên giới và tạo môi trường ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng bảo đảm về số lượng, chất lượng và cơ cấu theo quy định; hiện có 337 cán bộ, chiến sĩ, đạt 1,17% dân số, trong đó đảng viên chiếm 13,33% tổng số lực lượng dân quân. Công tác huấn luyện, giáo dục chính trị, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh được triển khai nghiêm túc, đúng chương trình, kế hoạch; nội dung huấn luyện bám sát yêu cầu thực tiễn, phù hợp với đặc điểm địa bàn biên giới. Kết quả kiểm tra các khoa mục huấn luyện đều đạt yêu cầu trở lên, góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn, khả năng sẵn sàng chiến đấu và xử lý kịp thời các tình huống phát sinh tại cơ sở.

Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình, bảo đảm dân chủ, công khai và đúng quy định của pháp luật. Trong năm 2025, địa phương hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân, đồng thời thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, tổ chức sơ tuyển sức khỏe, xét duyệt chính trị và quản lý nguồn sẵn sàng nhập ngũ theo đúng quy định, tạo nguồn tuyển quân ổn định, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng trong những năm tiếp theo.

Song song với nhiệm vụ quốc phòng, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn luôn được giữ vững. Công tác nắm tình hình, quản lý địa

bàn, quản lý đối tượng được thực hiện thường xuyên; các lực lượng chức năng chủ động phối hợp trong công tác tuần tra, kiểm soát, phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, không để phát sinh các vụ việc phức tạp, hình thành điểm nóng hoặc ảnh hưởng đến an ninh, trật tự. Đối với địa bàn biên giới, địa phương duy trì tốt cơ chế phối hợp giữa lực lượng quân sự, công an và các lực lượng chức năng trong quản lý, bảo vệ khu vực biên giới, góp phần giữ vững chủ quyền lãnh thổ, bảo đảm an ninh biên giới quốc gia.

Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được đẩy mạnh, gắn với xây dựng khu dân cư an toàn, cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự. Vai trò của các tổ tự quản, lực lượng nòng cốt ở cơ sở và Nhân dân trong công tác phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm ngày càng được phát huy; công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, xây dựng môi trường sống an toàn, văn minh và ổn định. Đây là nền tảng quan trọng để địa phương duy trì ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng địa phương theo định hướng trở thành phường trong thời gian tới.

11. Xã Thoại Sơn

11.1. Lịch sử hình thành

Vùng đất xã Thoại Sơn ngày nay là một bộ phận của vùng Tứ giác Long Xuyên, được hình thành từ quá trình bồi tụ lâu dài của phù sa hệ thống sông Hậu kết hợp với sự tác động của điều kiện địa hình bán sơn địa đặc trưng. Từ rất sớm, cư dân người Việt cùng với cộng đồng người Khmer đã đến khai khẩn đất hoang, lập làng, mở ruộng, hình thành các điểm dân cư dọc theo chân núi, ven kênh rạch và các tuyến giao thông thủy. Trải qua quá trình khai phá và phát triển, vùng đất này từng bước trở thành một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa và giao thương quan trọng ở phía Tây Nam của tỉnh An Giang.

Tên gọi Thoại Sơn gắn liền với danh tướng Thoại Ngọc Hầu (Nguyễn Văn Thoại) - người có công đặc biệt trong việc khai mở vùng đất Tây Nam Bộ dưới triều Nguyễn. Năm 1817, khi được triều đình cử giữ chức Trấn thủ trấn Vĩnh Thanh, nhận thấy việc giao thông giữa Châu Đốc, Hà Tiên và Rạch Giá chủ yếu phải đi theo đường biển, vừa xa vừa nhiều hiểm nguy, Thoại Ngọc Hầu đã dâng sớ xin vua Gia Long cho đào một tuyến kênh nối Đông Xuyên với Rạch Giá nhằm khai thông đường thủy, phục vụ giao thương, quân sự và mở mang sản xuất. Đến năm 1818, công trình hoàn thành sau hơn một tháng thi công với sự tham gia của hàng vạn dân binh. Để ghi nhận công lao của ông, vua Gia Long đã cho đổi tên kênh Đông Xuyên thành kênh Thoại Hà, đồng thời đặt tên ngọn núi nằm bên dòng kênh là Thoại Sơn. Từ đó, địa danh Thoại Sơn chính thức xuất hiện trong lịch sử và trở thành biểu tượng gắn liền với quá trình khai phá, xác lập chủ quyền và phát triển vùng đất An Giang.

Dưới triều Nguyễn, vùng đất xã Thoại Sơn ngày nay thuộc tổng Định Phước, huyện Tây Xuyên, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang. Theo địa bạ An Giang lập năm 1836, tổng Định Phước có chín thôn gồm Mỹ Phước, Mỹ Thạnh, Tân Thuận Đông, Thạnh Hòa Trung, Thoại Sơn, Thới Thuận, Vĩnh Chánh, Vĩnh Phú và Vĩnh Trinh.

Đây là giai đoạn vùng đất tiếp tục được mở rộng khai hoang, phát triển sản xuất nông nghiệp, đồng thời hình thành hệ thống làng xã ổn định, tạo nền tảng cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong các giai đoạn tiếp theo.

Trong thời kỳ thực dân Pháp đô hộ, địa bàn huyện Thoại Sơn hiện nay thuộc hai tổng Định Phú và Định Phước của quận Châu Thành, tỉnh Long Xuyên. Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chính quyền cách mạng tiến hành điều chỉnh đơn vị hành chính, tách ba xã Thoại Sơn, Vọng Thê và Định Mỹ để thành lập quận Núi Sập. Đến năm 1948, quận Núi Sập được đổi tên thành huyện Thoại Sơn, trực thuộc tỉnh Long Châu Hậu; sau đó thuộc tỉnh Long Châu Hà và đến năm 1950 được sáp nhập trở lại huyện Châu Thành. Những thay đổi này phản ánh yêu cầu tổ chức bộ máy hành chính phù hợp với tình hình kháng chiến và quản lý địa bàn ở vùng Tây Nam Bộ.

Trong giai đoạn 1954 - 1975, chính quyền Việt Nam Cộng hòa tiếp tục duy trì đơn vị quận Núi Sập thuộc tỉnh Long Xuyên; sau khi thành lập tỉnh An Giang, quận Núi Sập trực thuộc tỉnh An Giang. Năm 1961, quận lỵ được chuyển từ xã Thoại Sơn về xã Vọng Thê và đổi tên thành quận Huệ Đức. Về phía chính quyền cách mạng, địa bàn này vẫn giữ vai trò quan trọng trong hệ thống căn cứ cách mạng của tỉnh An Giang. Năm 1961, liên huyện Châu Thành - Huệ Đức được thành lập; đến năm 1971 huyện Huệ Đức thuộc tỉnh Châu Hà và từ năm 1974 thuộc tỉnh Long Châu Hà. Trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, vùng đất Thoại Sơn là địa bàn diễn ra nhiều hoạt động cách mạng, vừa là hậu phương sản xuất, vừa là nơi xây dựng lực lượng, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của quân và dân tỉnh An Giang.

Sau ngày đất nước thống nhất, huyện Huệ Đức thuộc tỉnh An Giang. Ngày 11/3/1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 56-CP sáp nhập huyện Huệ Đức vào huyện Châu Thành nhằm kiện toàn tổ chức hành chính sau chiến tranh. Đến ngày 23/8/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 300-CP chia huyện Châu Thành để thành lập lại huyện Thoại Sơn. Khi mới tái lập, huyện gồm thị trấn Núi Sập và 11 xã: Định Mỹ, Định Thành, Phú Hòa, Tây Phú, Thoại Giang, Vĩnh Chánh, Vĩnh Khánh, Vĩnh Phú, Vĩnh Trạch, Vọng Đông và Vọng Thê. Đây là dấu mốc quan trọng, mở đầu cho quá trình xây dựng và phát triển huyện Thoại Sơn trong thời kỳ đổi mới.

Từ năm 1993 đến năm 2005, huyện Thoại Sơn tiếp tục được điều chỉnh địa giới hành chính nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Năm 1993 thành lập xã Mỹ Phú Đông; năm 2002 thành lập thị trấn Phú Hòa và đổi tên xã Phú Hòa thành xã Phú Thuận; năm 2003 thành lập thị trấn Óc Eo và xã Bình Thành; năm 2005 thành lập xã An Bình. Sau các lần điều chỉnh, huyện Thoại Sơn có 17 đơn vị hành chính, gồm 03 thị trấn và 14 xã. Ngày 12/01/2016, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 13/QĐ-BXD công nhận thị trấn Núi Sập đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV, đánh dấu bước phát triển quan trọng về kết cấu hạ tầng đô thị và vị thế trung tâm của huyện.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Núi Sập, xã Thoại Giang và xã Bình Thành để thành lập xã Thoại Sơn. Xã Thoại Sơn chính thức trở thành đơn vị hành chính mới của tỉnh An Giang và tồn tại cho đến ngày nay.

11.2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

11.2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Thoại Sơn nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh An Giang. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp thành phố Cần Thơ;
- Phía Tây giáp xã Mỹ Thuận và xã Óc Eo;
- Phía Nam giáp xã Tân Hội;
- Phía Bắc giáp xã Tây Phú và xã Định Mỹ.

11.2.2. Vai trò chức năng

Theo Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thoại Sơn đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, khu vực xã Thoại Sơn ngày nay thuộc cực phát triển trung tâm của huyện Thoại Sơn cũ, được định hướng là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế và đầu mối giao thương của toàn huyện. Với hạt nhân là khu vực đô thị Núi Sập trước đây cùng hệ thống giao thông kết nối thuận lợi thông qua các tuyến Đường tỉnh 943, Đường tỉnh 947, Đường tỉnh 960 và mạng lưới giao thông liên vùng, khu vực này giữ vai trò là trung tâm phát triển thương mại, dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và logistics phục vụ khu vực phía Đông tỉnh An Giang. Đồng thời, đây cũng là vùng có điều kiện thuận lợi để phát triển đô thị gắn với các không gian sinh thái đặc trưng của vùng Bảy Núi và Tứ giác Long Xuyên, tạo động lực thúc đẩy quá trình đô thị hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển bền vững của toàn huyện Thoại Sơn cũ.

Bên cạnh lợi thế về vị trí địa lý và hạ tầng giao thông, xã Thoại Sơn còn là trung tâm hội tụ các thiết chế hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và thương mại của địa phương; đồng thời sở hữu nhiều tiềm năng nổi bật để phát triển du lịch lịch sử, văn hóa, tâm linh và sinh thái với các giá trị đặc sắc như Khu lưu niệm Thoại Ngọc Hầu, quần thể Núi Sập - hồ Ông Thoại, Thiền viện Trúc lâm An Giang, khu di tích quốc gia đặc biệt Óc Eo - Ba Thê cùng hệ thống cảnh quan núi, hồ và đồng bằng đặc trưng. Đây cũng là vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của huyện Thoại Sơn cũ, phát triển theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyên canh lúa chất lượng cao, cây màu, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, gắn với công nghiệp chế biến và chuỗi giá trị nông sản.

Theo Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã Thoại Sơn nằm trong tiểu vùng phát triển phía

Đông của tỉnh An Giang, được xác định là một trong những cực tăng trưởng quan trọng của tỉnh, giữ vai trò trung tâm phát triển nông nghiệp công nghệ cao tích hợp của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Khu vực này được định hướng trở thành hạt nhân nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ, phát triển giống cây trồng, vật nuôi, công nghệ sinh học và công nghiệp chế biến nông sản hiện đại; đồng thời là trung tâm phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch và đô thị của khu vực phía Đông tỉnh. Trên cơ sở phát huy lợi thế về vị trí trung tâm, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, mạng lưới giao thông kết nối thuận lợi và quỹ đất phát triển đô thị, xã Thoại Sơn được định hướng xây dựng theo mô hình đô thị hiện đại, xanh, thông minh, phát triển hài hòa giữa đô thị, công nghiệp, dịch vụ, du lịch và nông nghiệp sinh thái; tập trung đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nâng cao chất lượng các công trình giáo dục, y tế, văn hóa, đồng thời bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa Óc Eo - Ba Thê và cảnh quan đặc trưng vùng Bảy Núi gắn với phát triển du lịch bền vững.

Đồng thời, theo định hướng phát triển không gian đô thị của tỉnh, cụm đô thị Núi Sập (trước đây gồm thị trấn Núi Sập và các xã Bình Thành, Thoại Giang, Định Thành) tiếp tục được xác định là hạt nhân phát triển đô thị của khu vực Thoại Sơn, từng bước hoàn thiện các tiêu chí đô thị theo quy hoạch, nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và năng lực cung cấp các dịch vụ công, tạo tiền đề xây dựng khu vực Thoại Sơn trở thành đô thị phát triển theo hướng văn minh, hiện đại, là trung tâm kinh tế - văn hóa - dịch vụ quan trọng của phía Đông tỉnh An Giang trong giai đoạn tiếp theo.

11.3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Thoại Sơn có 68,91 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: Đất nông nghiệp là 56,46 km^2, chiếm 81,93%; đất phi nông nghiệp là 12,36 km^2, chiếm 17,94% và đất chưa sử dụng là 0,09 km^2, chiếm 0,13%.

11.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

11.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, xã Thoại Sơn có quy mô dân số là 52.651 người, trong đó dân số thường trú là 52.516 người và dân số tạm trú là 135 người.

11.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã (từ 15 đến 60 tuổi) là 35.661 người, chiếm 67,73% tổng dân số của xã. Trong đó: tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 26.210 người, chiếm tỷ lệ 73,50% lao động trong độ tuổi.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 6.764 người, chiếm tỷ lệ 25,81%; lao động công nghiệp và xây dựng là 9.539 người, chiếm tỷ lệ 36,39%; lao động thương mại - dịch vụ là 9.907 người, chiếm tỷ lệ 37,80%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 19.446 người, chiếm tỷ lệ 74,19%.

11.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Thoại Sơn chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm các xã, thị trấn cũ trước khi sắp xếp, dọc theo Quốc lộ và các tuyến đường giao thông chính trên địa bàn xã. Mật độ dân số của xã Thoại Sơn là 763 người/km^2.

11.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

11.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Thoại Sơn năm 2025 theo giá hiện hành đạt 1.969,89 tỷ đồng, tăng 9,08% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 1.150,34 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 890,98 tỷ đồng; nông - lâm - thủy sản đạt 853,35 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 7,45%, trong đó: năm 2023 tăng 5,83%, năm 2024 tăng 7,47% và năm 2025 tăng 9,08%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 30,78%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 39,74% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 29,48% trong cơ cấu kinh tế của xã.

11.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Thoại Sơn năm 2025 đạt 421,98 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 421,98 tỷ đồng. Cân đối đủ.

11.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 75,62 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 79,60 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 87,09 triệu đồng/người/năm.

11.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Thoại Sơn là 0,38%, trong đó: năm 2023 là 0,88%, năm 2024 là 0,14% và năm 2025 là 0,13%.

11.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò là nền tảng quan trọng trong cơ cấu kinh tế của xã Thoại Sơn, phát triển theo hướng hàng hóa tập trung, ứng dụng khoa

học kỹ thuật, từng bước chuyển đổi sang mô hình nông nghiệp xanh, tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu. Với lợi thế về quỹ đất sản xuất rộng lớn, hệ thống thủy lợi hoàn chỉnh và điều kiện tự nhiên thuận lợi, địa phương đã hình thành các vùng chuyên canh lúa chất lượng cao, kết hợp phát triển cây màu, cây ăn trái, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Trong lĩnh vực trồng trọt, năm 2025 xã đã tổ chức sản xuất 03 vụ lúa gồm Đông Xuân, Hè Thu và Thu Đông với tổng diện tích gieo trồng 16.152 ha, đạt 100% kế hoạch, trong đó mỗi vụ thực hiện 5.384 ha. Tổng sản lượng lúa cả năm ước đạt 107.358 tấn, tiếp tục khẳng định vai trò là một trong những vùng sản xuất lúa trọng điểm của tỉnh An Giang. Bên cạnh sản xuất lúa, địa phương còn phát triển 179 ha cây màu, đạt 157% kế hoạch, chủ yếu là các loại rau màu ngắn ngày có giá trị kinh tế cao; diện tích đã thu hoạch đạt 102 ha, năng suất bình quân từ 20 - 30 tấn/ha, mang lại thu nhập khoảng 100 - 150 triệu đồng/ha, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất và tăng thu nhập cho người dân. Song song đó, sản xuất cây ăn trái tiếp tục được quan tâm phát triển với tổng diện tích 88,78 ha, gồm nhiều loại cây có giá trị như sầu riêng, xoài, cam, bưởi, chanh, quýt, dừa, ổi, na và nhãn. Sản lượng thu hoạch đạt khoảng 7,5 tấn, lợi nhuận bình quân đạt 60 - 70 triệu đồng/ha, góp phần đa dạng hóa cơ cấu cây trồng, nâng cao giá trị sản xuất trên cùng đơn vị diện tích. Địa phương cũng chú trọng xây dựng vùng nguyên liệu đáp ứng yêu cầu xuất khẩu khi đã được cấp 04 mã số vùng trồng với tổng diện tích 295,6 ha, tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy xuất nguồn gốc, mở rộng thị trường tiêu thụ và nâng cao năng lực cạnh tranh của nông sản.

Thực hiện chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, xã Thoại Sơn tích cực triển khai Đề án phát triển bền vững 01 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Giai đoạn 2025 - 2030, địa phương đăng ký thực hiện 3.997 ha vùng sản xuất lúa chất lượng cao, đồng thời đăng ký cùng diện tích theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ. Đặc biệt, xã đã triển khai mô hình thí điểm 50 ha sản xuất lúa chất lượng cao tại Tổ hợp tác ấp Tây Bình với 11 hộ dân tham gia, sử dụng các giống lúa OM18 và OM5451 theo quy trình sản xuất giảm phát thải, hướng tới xây dựng nền nông nghiệp xanh, bền vững và đáp ứng các tiêu chuẩn xuất khẩu.

Lĩnh vực chăn nuôi phát triển theo hướng an toàn sinh học, kiểm soát tốt dịch bệnh và bảo vệ môi trường. Công tác tiêm phòng vắc xin cho đàn vật nuôi được triển khai thường xuyên, góp phần duy trì tổng đàn gia súc, gia cầm đạt 55.895 con, gồm 118 con bò, 1.490 con heo, 8.589 con gà và 45.698 con vịt. Địa phương tăng cường quản lý hoạt động chăn nuôi, đặc biệt là quản lý đàn vịt chạy đồng nhằm hạn chế nguy cơ phát sinh dịch bệnh, bảo vệ nguồn nước và môi trường sinh thái, góp phần phát triển ngành chăn nuôi theo hướng bền vững.

Nuôi trồng thủy sản tiếp tục phát huy lợi thế của hệ thống kênh rạch và nguồn nước tự nhiên, với tổng diện tích thả nuôi đạt 29,2 ha của 138 hộ dân, chủ yếu là các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế như cá lóc, cá rô và cá tra thịt. Trong năm, diện tích thu hoạch đạt 7,72 ha, sản lượng 198,2 tấn, mang lại lợi nhuận khoảng 315

triệu đồng, góp phần đa dạng hóa sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân khu vực nông thôn.

Đối với lĩnh vực lâm nghiệp, xã hiện quản lý 52 ha rừng, tập trung chủ yếu tại khu vực Núi Sập. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được thực hiện thường xuyên thông qua việc phối hợp với lực lượng kiểm lâm tăng cường tuần tra, kiểm soát, phòng chống chặt phá rừng, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về đất đai, lâm nghiệp và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, góp phần giữ gìn hệ sinh thái, cảnh quan môi trường và phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững.

Với quy mô sản xuất lớn, cơ cấu nông nghiệp đa dạng cùng việc tích cực ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng vùng sản xuất tập trung và tham gia các chương trình, đề án trọng điểm của Chính phủ và tỉnh An Giang, lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của xã Thoại Sơn đang từng bước chuyển dịch theo hướng hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh, tạo nền tảng quan trọng cho phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, xanh, bền vững trong những năm tới.

b) Công nghiệp - xây dựng

Lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng trên địa bàn xã Thoại Sơn tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, từng bước chuyển dịch theo hướng mở rộng quy mô sản xuất, đa dạng hóa ngành nghề và nâng cao chất lượng hoạt động sản xuất, kinh doanh. Phát huy lợi thế là trung tâm phát triển của khu vực phía Đông tỉnh An Giang theo định hướng Quy hoạch tỉnh, địa phương chú trọng cải thiện môi trường đầu tư, khuyến khích phát triển các cơ sở sản xuất, kinh doanh, đồng thời từng bước hình thành các vùng sản xuất tập trung gắn với chế biến nông sản, dịch vụ hỗ trợ sản xuất và các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế địa phương.

Trong năm 2025, toàn xã có 117 cơ sở sản xuất, kinh doanh thành lập mới, đạt 137,64% kế hoạch. Các cơ sở phát triển chủ yếu trong các lĩnh vực thương mại, dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp như kinh doanh tạp hóa và bán lẻ hàng hóa (55 cơ sở), dịch vụ giáo dục (30 cơ sở), kinh doanh ăn uống, cà phê và các dịch vụ khác (11 cơ sở), kinh doanh mua bán lúa gạo (07 cơ sở), dịch vụ mua bán và chăm sóc xe (06 cơ sở), dịch vụ bơm tưới tiêu (03 cơ sở), kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (02 cơ sở), dịch vụ cầm đồ (02 cơ sở) và trang trí nội thất (01 cơ sở). Sự gia tăng mạnh về số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh không chỉ phản ánh môi trường đầu tư, kinh doanh ngày càng thuận lợi mà còn góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực thuần nông sang lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

Bên cạnh phát triển các cơ sở sản xuất hiện có, địa phương tích cực triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực sản xuất và đổi mới công nghệ. Trong năm, xã đã phối hợp hỗ trợ Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Ngây Thu hoàn thiện hồ sơ đăng ký tham gia Chương trình Khuyến công quốc gia năm 2026, tạo điều kiện tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ đầu tư máy móc, thiết bị, ứng dụng công nghệ mới và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Đồng thời, xã chủ động rà soát, đề xuất điều chỉnh danh mục phát triển các cụm công nghiệp để tích hợp vào Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, góp phần hoàn thiện quy hoạch không gian phát triển công nghiệp, thu hút đầu tư và tạo quỹ đất phục vụ phát triển sản xuất trong giai đoạn tiếp theo.

Song song với phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, lĩnh vực xây dựng tiếp tục được quan tâm đầu tư theo hướng đồng bộ, hiện đại, gắn với quá trình chỉnh trang đô thị và xây dựng nông thôn mới nâng cao. Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi, điện, cấp nước và các công trình hạ tầng xã hội được từng bước hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Việc triển khai đồng bộ các dự án đầu tư xây dựng cùng với sự phát triển của các ngành công nghiệp, thương mại và dịch vụ đã tạo động lực quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của xã theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, phù hợp với định hướng xây dựng Thoại Sơn trở thành trung tâm kinh tế tổng hợp, đô thị động lực của khu vực phía Đông tỉnh An Giang trong thời kỳ quy hoạch mới.

c) Thương mại - Dịch vụ

Hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã Thoại Sơn tiếp tục phát triển ổn định, từng bước khẳng định vai trò là trung tâm giao thương, cung ứng hàng hóa và dịch vụ của khu vực trung tâm phía Đông tỉnh An Giang. Với lợi thế là đầu mối kết nối giữa các vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm với hệ thống giao thông đối ngoại, thương mại của địa phương không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân mà còn đóng vai trò quan trọng trong tiêu thụ nông sản, cung ứng vật tư nông nghiệp, dịch vụ sản xuất và thúc đẩy lưu thông hàng hóa giữa các địa phương trong khu vực.

Hệ thống hạ tầng thương mại tiếp tục được củng cố và phát huy hiệu quả. Hiện nay, trên địa bàn có 02 chợ truyền thống, gồm chợ Thoại Sơn đạt tiêu chuẩn chợ loại II và chợ Bình Thành đạt tiêu chuẩn chợ loại III, cùng với 02 khu bách hóa tổng hợp do doanh nghiệp tư nhân đầu tư tại ấp Trung Bình và ấp Bắc Sơn. Các điểm kinh doanh này hình thành mạng lưới phân phối hàng hóa khá hoàn chỉnh, chủ yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng thiết yếu, đồng thời là nơi thu mua, trao đổi các sản phẩm nông nghiệp do người dân địa phương trực tiếp sản xuất, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế hộ gia đình và kinh tế nông thôn.

Công tác quản lý thị trường được tăng cường theo hướng chủ động, quyết liệt và hiệu quả. Trong năm 2025, xã đã thành lập Ban Chỉ đạo chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, tập trung triển khai nhiều giải pháp nhằm kiểm soát thị trường, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch. Qua phối hợp kiểm tra liên ngành 06 cơ sở kinh doanh, lực lượng chức năng đã phát hiện và xử lý 02 trường hợp vi phạm liên quan đến hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ, thiếu hóa đơn chứng từ và ghi nhãn hàng hóa không đúng quy định, với tổng số tiền xử phạt 116,184 triệu đồng. Kết quả này góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các cơ sở kinh doanh, đồng thời tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, ổn định hoạt động thương mại trên địa bàn.

Lĩnh vực vận tải hành khách tiếp tục đáp ứng tốt nhu cầu đi lại, giao thương và kết nối của người dân. Hoạt động của hệ thống bến tàu, bến xe được tổ chức an toàn, đúng quy định của pháp luật, bảo đảm phục vụ hiệu quả nhu cầu vận chuyển trong và ngoài địa phương. Trong năm, tổng lượng hành khách xuất bến đạt 13.910 lượt, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước, với doanh thu đạt 211 triệu đồng, phản ánh nhu cầu giao lưu kinh tế - xã hội ngày càng gia tăng cùng với quá trình phát triển đô thị và mở rộng các hoạt động thương mại, dịch vụ.

Song song với đó, công tác quản lý hạ tầng điện, nước được triển khai đồng bộ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân. Địa phương đã rà soát 66 hộ lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà phục vụ tự sản xuất, tự tiêu dùng; trong đó có 49 hộ đấu nối và bán sản lượng điện dư vào lưới điện quốc gia, góp phần thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo, giảm áp lực cho hệ thống điện và thực hiện mục tiêu phát triển xanh. Đồng thời, xã tổ chức kiểm tra, xác định phạm vi bảo hộ đối với 03 công trình cấp nước sinh hoạt, gồm Nhà máy nước Núi Sập, Trạm cấp nước Bình Thành và Hệ thống cấp nước Tây Huề, bảo đảm nguồn nước sạch ổn định, an toàn phục vụ sinh hoạt và sản xuất của người dân.

Với mạng lưới thương mại ngày càng hoàn thiện, hệ thống dịch vụ phát triển đa dạng, kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và dân sinh được đầu tư đồng bộ cùng môi trường kinh doanh ngày càng minh bạch, lĩnh vực thương mại - dịch vụ của xã Thoại Sơn đang từng bước phát huy vai trò là động lực quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo sức lan tỏa đối với các ngành sản xuất, du lịch và đô thị, phù hợp với định hướng xây dựng Thoại Sơn trở thành trung tâm kinh tế tổng hợp của tỉnh An Giang trong giai đoạn tới.

11.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

11.6.1. Giáo dục - đào tạo

Giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Thoại Sơn tiếp tục được quan tâm đầu tư, phát triển theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong giai đoạn mới. Hệ thống giáo dục được quy hoạch tương đối đồng bộ với 14 cơ sở giáo dục công lập, gồm 01 trường mầm non, 02 trường mẫu giáo, 07 trường tiểu học, 03 trường trung học cơ sở, 01 trường trung học phổ thông, cùng Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và 05 cơ sở giáo dục mầm non độc lập tư thục, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân trên địa bàn. Trong năm học 2024 - 2025, các trường học hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn, đồng thời chủ động sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học, vệ sinh môi trường, khử khuẩn trường lớp và chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để tổ chức khai giảng năm học 2025 - 2026 theo đúng kế hoạch của ngành Giáo dục.

Chất lượng giáo dục tiếp tục được duy trì và từng bước nâng cao thông qua việc thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục, huy động học sinh đến trường và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Năm học 2025 - 2026, tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đạt 86%, trẻ mẫu giáo đạt 99%, học sinh tiểu học đạt 99,7% và học sinh trung học cơ sở đạt 95%. Đến nay, toàn xã có 09/14 trường đạt chuẩn quốc

gia, chiếm 64,28%, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, từng bước hoàn thiện các tiêu chí giáo dục trong xây dựng nông thôn mới nâng cao. Song song đó, địa phương tiếp tục quan tâm phát triển xã hội học tập khi ban hành Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 thành lập Trung tâm Học tập cộng đồng xã Thoại Sơn, đồng thời kiện toàn Hội đồng tư vấn chuyên môn các môn học và hoạt động giáo dục ở các cấp học nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý và bồi dưỡng chuyên môn.

Cùng với việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xã Thoại Sơn luôn chú trọng thực hiện tốt công tác khuyến học, khuyến tài và chăm lo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Nhân dịp khai giảng năm học mới 2025 - 2026, Quỹ học bổng Nguyễn Văn Thoại đã trao 40 suất học bổng, mỗi suất trị giá 1,5 triệu đồng cho học sinh vượt khó học giỏi; Quỹ Hạnh Đức trao 03 suất học bổng tiếp sức đến trường, mỗi suất gồm tiền mặt và quà tặng, với tổng giá trị 62,4 triệu đồng. Đồng thời, địa phương tổ chức họp mặt kỷ niệm 43 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982 - 20/11/2025) với sự tham dự của 150 đại biểu, góp phần tôn vinh đội ngũ nhà giáo, lan tỏa phong trào thi đua dạy tốt - học tốt và tiếp tục củng cố sự nghiệp giáo dục trở thành một trong những nền tảng quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

11.6.2. Y tế

Hệ thống y tế trên địa bàn xã Thoại Sơn được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu của Nhân dân. Các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, công tác y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, tiêm chủng mở rộng, dân số - kế hoạch hóa gia đình được triển khai đồng bộ, đạt kết quả tích cực với hầu hết các chỉ tiêu chuyên môn đạt từ 95% trở lên. Địa phương tiếp tục duy trì đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT của Bộ Y tế, đồng thời thực hiện hiệu quả các giải pháp cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Công tác phát triển bảo hiểm y tế toàn dân được quan tâm thực hiện, đến năm 2025 có 32.134 người tham gia bảo hiểm y tế, đạt 91,27% dân số, tương đương 104,2% chỉ tiêu được giao, tạo điều kiện để người dân tiếp cận ngày càng thuận lợi với các dịch vụ y tế.

Hoạt động khám, chữa bệnh tại tuyến y tế cơ sở được duy trì thường xuyên, bảo đảm phục vụ tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân ngay tại địa phương. Tính từ thời điểm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính đến ngày 20/11/2025, Trạm Y tế xã đã thực hiện 3.849 lượt khám, chữa bệnh; công tác giám sát dịch tễ được tăng cường với 53 ca sốt xuất huyết và 72 ca tay chân miệng được phát hiện, theo dõi và xử lý kịp thời theo đúng quy định chuyên môn. Bên cạnh đó, các hoạt động tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường, chăm sóc sức khỏe ban đầu và nâng cao ý thức bảo vệ sức khỏe trong cộng đồng được triển khai thường xuyên, góp phần hạn chế nguy cơ phát sinh và lây lan dịch bệnh.

Song song với nhiệm vụ chuyên môn, công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế và an toàn thực phẩm được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Xã đã triển khai đầy đủ các nội dung của Chỉ thị số 08-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường

sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; đồng thời hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống và hành nghề y, dược thực hiện việc rà soát, cập nhật hồ sơ pháp lý, giấy phép hoạt động và chứng chỉ hành nghề theo các quy định mới. Việc kết hợp chặt chẽ giữa quản lý chuyên ngành với công tác tuyên truyền, hướng dẫn đã góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực y tế, bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn thực phẩm trên địa bàn.

11.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân xã Thoại Sơn ngày càng được nâng cao thông qua việc tổ chức đa dạng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và tuyên truyền chính trị, góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Trong năm 2025, địa phương tập trung tuyên truyền sâu rộng các ngày lễ, kỷ niệm trọng đại của đất nước; chủ trương tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030; Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc; công tác chuẩn bị bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, cùng nhiều chủ trương, chính sách, quy định mới của Đảng và Nhà nước. Công tác thông tin, tuyên truyền được thực hiện bằng nhiều hình thức phong phú như hội thi, hội diễn, treo 26 băng rôn, pa nô, áp phích, phát thanh trên hệ thống truyền thanh cơ sở với 226 chương trình, 540 tin, 195 bài viết và chuyên mục, kết hợp hiệu quả với các nền tảng mạng xã hội, góp phần đưa thông tin chính thống đến người dân một cách nhanh chóng, kịp thời và rộng khắp.

Việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống được chú trọng gắn với phát triển du lịch và xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Trong năm, xã đã tổ chức thành công Lễ hội Kỳ yên đình Thoại Ngọc Hầu và đình Bình Thành, góp phần gìn giữ các giá trị tín ngưỡng dân gian, giáo dục truyền thống lịch sử và tăng cường sự gắn kết cộng đồng. Đồng thời, địa phương xây dựng Kế hoạch giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, con người Thoại Sơn giai đoạn 2025 - 2030, tạo cơ sở cho việc bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương trong quá trình phát triển. Công tác quản lý hoạt động văn hóa và du lịch được tăng cường thông qua việc rà soát 36 cơ sở kinh doanh du lịch, quản lý 06 cơ sở karaoke, 07 điểm hát với nhau và 02 điểm Internet công cộng, bảo đảm các hoạt động kinh doanh văn hóa diễn ra đúng quy định của pháp luật. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục lan tỏa sâu rộng với 8.385/8.562 hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 97,93%, cùng 13/13 ấp được công nhận danh hiệu Ấp văn hóa, phản ánh rõ nét chất lượng đời sống văn hóa ở khu dân cư.

Phong trào thể dục, thể thao quần chúng phát triển sôi nổi, từng bước hình thành thói quen rèn luyện sức khỏe trong Nhân dân. Toàn xã có 16.000/35.150 người tham gia tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên và 4.280/9.348 hộ đạt tiêu chuẩn Gia đình thể thao. Trong năm 2025, địa phương tổ chức 15 giải thể thao cấp xã cùng nhiều hoạt động thi đấu dân gian, văn hóa - thể thao chào mừng các ngày lễ lớn, tạo sân chơi lành mạnh, tăng cường giao lưu giữa các khu dân cư. Bên cạnh đó, chương trình sinh hoạt hè được tổ chức thiết thực với việc phổ cập bơi cho 50 trẻ em, góp phần trang bị kỹ năng phòng, chống tai nạn đuối nước và

nâng cao thể chất cho thế hệ trẻ. Những kết quả này đã tạo nên diện mạo đời sống văn hóa phong phú, từng bước khẳng định vai trò của văn hóa và thể thao trong nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân trên địa bàn xã.

11.6.4. An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội trên địa bàn xã được triển khai đồng bộ, kịp thời và đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác giải quyết việc làm được quan tâm thực hiện thông qua các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối tuyển dụng và xuất khẩu lao động; trong năm đã giải quyết việc làm cho 378 lao động, đạt 107,69% kế hoạch, trong đó có 25 lao động đi làm việc ở nước ngoài, đạt 113,6% kế hoạch. Các chương trình tín dụng chính sách tiếp tục phát huy hiệu quả với 2.677 hộ được vay vốn, tổng dư nợ trên 106 tỷ đồng, góp phần tạo việc làm, phát triển sản xuất và nâng cao thu nhập cho người dân.

Công tác chăm lo người có công, đối tượng bảo trợ xã hội và các nhóm yếu thế được thực hiện đầy đủ, đúng quy định. Xã đang quản lý 59 người có công và 2.200 đối tượng bảo trợ xã hội, các chế độ trợ cấp được chi trả kịp thời, đúng đối tượng. Bên cạnh đó, địa phương đã tổ chức nhiều hoạt động chăm lo đời sống Nhân dân như thăm, tặng quà gia đình chính sách nhân dịp lễ, tết; trao quà Tết Trung thu cho trẻ em; chúc thọ 321 người cao tuổi; đồng thời đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về bình đẳng giới, bảo vệ phụ nữ và trẻ em, góp phần nâng cao chất lượng an sinh xã hội và đời sống của Nhân dân trên địa bàn.

11.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn xã Thoại Sơn diễn ra ổn định, đúng quy định của pháp luật, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo chính đáng của Nhân dân. Toàn xã hiện có 03 cơ sở tín ngưỡng và 06 tôn giáo với 40 cơ sở tôn giáo, tạo nên đời sống văn hóa, tinh thần phong phú và đa dạng. Các tổ chức tôn giáo tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, tham gia các hoạt động an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và giữ gìn khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đồng bào các dân tộc, tôn giáo luôn đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần xây dựng môi trường xã hội ổn định, tạo nền tảng thuận lợi cho sự phát triển chung của địa phương.

11.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã Thoại Sơn được giữ vững, tạo môi trường ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân. Lực lượng vũ trang địa phương duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, thường xuyên luyện tập các phương án bảo vệ cơ quan, đơn vị; phối hợp bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối trong các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn của đất nước, hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội và các nhiệm vụ chính trị quan trọng của địa phương. Công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được củng cố; Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự xã được thành lập và từng bước kiện toàn, đáp ứng yêu cầu ứng phó với các tình huống về quốc phòng, an ninh, thiên tai và sự cố trên địa bàn.

Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được triển khai chặt chẽ, đúng quy trình và đảm bảo dân chủ, công khai. Hội đồng Nghĩa vụ quân sự xã đã tổ chức bình chọn và sơ tuyển 374 thanh niên, trong đó có 274 thanh niên đủ điều kiện sức khỏe các loại A, B, C, D; đồng thời có 07 thanh niên tình nguyện viết đơn nhập ngũ và 07 công dân đăng ký thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm 2026. Địa phương cũng đang tích cực triển khai các hoạt động "Tết Quân - Dân" năm 2026, góp phần tăng cường mối quan hệ đoàn kết, gắn bó giữa lực lượng vũ trang với Nhân dân.

Công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và đấu tranh phòng, chống tội phạm được triển khai quyết liệt, đồng bộ. Trong năm, lực lượng chức năng đã xử phạt hành chính 31 trường hợp vi phạm với tổng số tiền 39,5 triệu đồng, tạm giữ 27 xe mô tô và 09 giấy phép lái xe; tình hình tội phạm được kiểm soát, chỉ phát sinh 01 vụ phạm pháp về trật tự xã hội và 01 vụ phạm tội về ma túy, đều được phát hiện, xử lý kịp thời. Bên cạnh đó, xã tổ chức 04 đợt tuyên truyền về an ninh trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống ma túy và bạo lực học đường với 513 lượt người tham dự, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong cộng đồng.

Công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự tiếp tục được tăng cường gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số. Toàn xã hiện có 81 cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự được quản lý, kiểm tra thường xuyên và chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật. Đồng thời, lực lượng Công an xã đã tiếp nhận, giải quyết 192 hồ sơ đăng ký xe, 65 hồ sơ cấp đổi giấy phép lái xe, thu nhận 4.324 hồ sơ cấp căn cước cho công dân dưới 14 tuổi, 193 hồ sơ định danh điện tử mức 2 và kích hoạt 333 tài khoản định danh điện tử, từng bước xây dựng nền hành chính hiện đại, phục vụ người dân ngày càng hiệu quả và góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn.

12. Xã Phú Hòa

12.1. Lịch sử hình thành

Vùng đất xã Phú Hòa ngày nay nằm ở phía Đông Bắc huyện Thoại Sơn (nay thuộc tỉnh An Giang), là một bộ phận của vùng Tứ giác Long Xuyên, được hình thành qua quá trình bồi tụ lâu dài của hệ thống sông Hậu kết hợp với mạng lưới kênh rạch chằng chịt và điều kiện địa hình đồng bằng phù sa màu mỡ. Từ rất sớm, cư dân người Việt cùng với cộng đồng người Khmer đã đến khai hoang, lập làng, mở rộng diện tích canh tác nông nghiệp, hình thành các cụm dân cư dọc theo các tuyến kênh thủy lợi và trục giao thông thủy. Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, vùng đất này từng bước phát triển thành một địa bàn sản xuất nông nghiệp quan trọng của tỉnh An Giang, nổi bật với nghề trồng lúa, cây ăn trái và nuôi trồng thủy sản.

Dưới triều Nguyễn, vùng đất xã Phú Hòa ngày nay thuộc tổng Định Phước, huyện Tây Xuyên, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang, nằm trên địa bàn của hai thôn Phú Hòa và Vĩnh Chánh. Đây là giai đoạn triều đình nhà Nguyễn đẩy mạnh công cuộc khai hoang, lập ấp, mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp và củng cố hệ thống quản lý hành chính ở vùng biên Tây Nam, tạo nền tảng cho sự hình thành và phát triển ổn định của các làng xã trong khu vực.

Trong thời kỳ thực dân Pháp đô hộ, địa bàn Phú Hòa thuộc quận Châu Thành, tỉnh Long Xuyên. Sau khi chính quyền Việt Nam Cộng hòa thành lập tỉnh An Giang trên cơ sở hợp nhất hai tỉnh Long Xuyên và Châu Đốc, hai xã Phú Hòa và Vĩnh Chánh tiếp tục thuộc quận Châu Thành. Đến năm 1961, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính và tình hình an ninh, hai xã được chuyển về quận Huệ Đức và duy trì cho đến trước ngày đất nước thống nhất năm 1975. Trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, địa bàn Phú Hòa là nơi diễn ra nhiều hoạt động cách mạng, vừa là vùng sản xuất nông nghiệp, vừa là hậu phương góp phần phục vụ công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của tỉnh An Giang.

Sau ngày đất nước thống nhất, tháng 02 năm 1976, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam quyết định tái lập tỉnh An Giang và huyện Huệ Đức. Ngày 11/3/1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 56-CP sáp nhập huyện Huệ Đức vào huyện Châu Thành, theo đó hai xã Phú Hòa và Vĩnh Chánh trở lại thuộc huyện Châu Thành. Ngày 25/4/1979, theo Quyết định số 181-CP, một phần diện tích xã Vĩnh Chánh được tách để thành lập xã Vĩnh Khánh, đồng thời một phần nhập vào xã Vĩnh Trạch. Tiếp đó, ngày 23/8/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 300-CP chia huyện Châu Thành để thành lập huyện Thoại Sơn; từ đây, hai xã Phú Hòa và Vĩnh Chánh chính thức trực thuộc huyện Thoại Sơn.

Trong giai đoạn đổi mới, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện Thoại Sơn, địa giới hành chính khu vực tiếp tục được điều chỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và quản lý nhà nước. Ngày 22/3/2002, Chính phủ ban hành Nghị định số 29/2002/NĐ-CP thành lập thị trấn Phú Hòa trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và dân số của xã Phú Hòa và xã Vĩnh Trạch; đồng thời đổi tên xã Phú Hòa thành xã Phú Thuận. Việc thành lập thị trấn Phú Hòa đã góp phần thúc đẩy quá trình đô thị hóa, từng bước hình thành trung tâm kinh tế, thương mại và hành chính của khu vực phía Đông huyện Thoại Sơn.

12.2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

12.2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Phú Hòa nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh An Giang. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp phường Mỹ Thới;
- Phía Tây giáp xã Vĩnh Trạch;
- Phía Nam giáp Thành phố Cần Thơ;
- Phía Bắc giáp xã An Châu và phường Long Xuyên.

12.2.2. Vai trò chức năng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã Phú Hòa thuộc Tiểu vùng phía Đông An Giang, được định hướng là trung tâm sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tích hợp và đô thị tri thức của tỉnh. Cùng với các địa phương như Thoại Sơn, Óc Eo,

Định Mỹ, Vĩnh Trạch và Long Xuyên, xã Phú Hòa giữ vai trò là một bộ phận quan trọng trong vùng động lực phát triển nông nghiệp công nghệ cao của toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Địa phương được định hướng phát triển theo mô hình kinh tế nông nghiệp hiện đại, ứng dụng mạnh khoa học công nghệ, công nghệ sinh học, chuyển đổi số và canh tác thông minh; hình thành hệ sinh thái nông nghiệp tích hợp từ vùng nguyên liệu, sản xuất công nghệ cao đến chế biến sâu, logistics và xuất khẩu nông sản, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của ngành nông nghiệp tỉnh An Giang.

Theo định hướng tổ chức không gian phát triển của tỉnh, xã Phú Hòa nằm trên trục phát triển của tiểu vùng phía Đông An Giang, gắn kết chặt chẽ với đô thị Long Xuyên, trung tâm nghiên cứu, đào tạo, thương mại, dịch vụ và logistics nông nghiệp của tỉnh. Đồng thời, địa phương được hưởng lợi từ hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông liên vùng, các hành lang kinh tế và các trục liên kết nội tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, công nghiệp chế biến nông sản, thương mại, dịch vụ và logistics phục vụ chuỗi giá trị nông nghiệp. Đây cũng là khu vực được định hướng phát triển theo mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu và xây dựng nông thôn mới hiện đại, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh. Kế thừa định hướng phát triển của vùng huyện Thoại Sơn trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, xã Phú Hòa tiếp tục giữ vai trò là một trong những trung tâm kinh tế, thương mại, dịch vụ và đầu mối giao thông quan trọng ở khu vực phía Đông huyện Thoại Sơn, đồng thời là trung tâm phục vụ hành chính, văn hóa, giáo dục, y tế và cung ứng các dịch vụ công cho khu vực sau sắp xếp. Với lợi thế là địa bàn hợp nhất từ thị trấn Phú Hòa, xã Phú Thuận và xã Vĩnh Chánh, xã Phú Hòa có điều kiện mở rộng không gian phát triển đô thị, nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, phát huy vai trò là hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực phía Đông Thoại Sơn và tăng cường liên kết với các trung tâm động lực của tỉnh An Giang.

Trong định hướng phát triển lâu dài, xã Phú Hòa được xác định là địa phương có vai trò quan trọng trong xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển kinh tế nông thôn hiện đại gắn với chuyển đổi số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn; đồng thời là đầu mối liên kết giữa vùng nguyên liệu với các cơ sở chế biến, thương mại và xuất khẩu nông sản. Việc thành lập xã Phú Hòa sau sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 không chỉ góp phần tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước mà còn tạo điều kiện tập trung các nguồn lực đầu tư, mở rộng không gian phát triển, xây dựng địa phương trở thành trung tâm phát triển nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ và đô thị của khu vực phía Đông Thoại Sơn và khu vực phía Đông Bắc của tỉnh An Giang trong giai đoạn mới.

12.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Phú Hòa có 71,81 km^2 diện tích tự nhiên.

12.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

12.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, xã Phú Hòa có quy mô dân số là 41.507 người, trong đó dân số thường trú là 40.855 người và dân số tạm trú là 652 người.

12.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã (từ 15 đến 60 tuổi) là 28.068 người, chiếm 67,62% tổng dân số của xã. Trong đó: tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 22.735 người, chiếm tỷ lệ 81,00% lao động trong độ tuổi.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 5.912 người, chiếm tỷ lệ 26,00%; lao động công nghiệp và xây dựng là 12.276 người, chiếm tỷ lệ 54,00%; lao động thương mại - dịch vụ là 4.547 người, chiếm tỷ lệ 20,00%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 16.823 người, chiếm tỷ lệ 74,00%.

12.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã Phú Hòa được tổ chức thành 13 ấp, có mật độ dân số khoảng 575 người/km². Dân cư trên địa bàn chủ yếu là người Kinh, ngoài ra còn có một bộ phận đồng bào Khmer và Hoa sinh sống đan xen, tạo nên sự đa dạng về bản sắc văn hóa của địa phương. Dân cư phân bố tương đối tập trung tại khu vực trung tâm xã (thị trấn Phú Hòa trước đây), dọc theo các tuyến giao thông và hệ thống kênh thủy lợi; các khu vực còn lại phân bố chủ yếu theo mô hình dân cư tuyến gắn với vùng sản xuất nông nghiệp. Đặc điểm phân bố dân cư này tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư kết cấu hạ tầng và tổ chức không gian phát triển đô thị - nông thôn theo định hướng quy hoạch của tỉnh.

12.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

12.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Phú Hòa năm 2025 theo giá hiện hành đạt 6.632 tỷ đồng; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 2.986 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 1.787 tỷ đồng; nông - lâm - thủy sản đạt 1.859 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 7,57%, trong đó: năm 2023 tăng 6,76%, năm 2024 tăng 6,95% và năm 2025 tăng 9,03%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ; đồng thời vẫn duy trì tỷ trọng khu vực nông - lâm - thủy sản nhằm bảo đảm an ninh lương thực. Năm 2025, tỷ trọng các khu vực tương ứng là: thương mại - dịch vụ 26,95%; công nghiệp - xây dựng 45,02%; nông - lâm - thủy sản 28,03%.

12.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Phú Hòa năm 2025 đạt 227,63 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 227,63 tỷ đồng (trong đó chi thường xuyên đạt 177,80 tỷ đồng). Cân đối đủ.

12.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 71,80 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 76,88 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 86,26 triệu đồng/người/năm.

12.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Phú Hòa là 0,65%, trong đó: năm 2023 là 1,28%, năm 2024 là 0,42% và năm 2025 là 0,26%.

12.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Năm 2025, xã Phú Hòa tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa và chuyển đổi số trong sản xuất. Tổng diện tích gieo trồng đạt khoảng 16.900 ha, trong đó cây lúa vẫn là cây trồng chủ lực với năng suất bình quân đạt từ 6,5 - 7,5 tấn/ha, sản lượng trên 116 nghìn tấn; đồng thời tiếp tục phát triển các vùng chuyên canh cây ăn trái, mở rộng diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, OCOP và tăng cường liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp tiếp tục được củng cố, góp phần hỗ trợ nông dân ứng dụng cơ giới hóa, máy bay không người lái, giảm lượng giống, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, nâng cao hiệu quả sản xuất.

Ngành chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản tiếp tục phát triển ổn định. Tổng đàn gia súc đạt trên 108 nghìn con, đàn gia cầm trên 100 nghìn con; công tác phòng, chống dịch bệnh được triển khai thường xuyên, không để xảy ra dịch bệnh lớn. Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt khoảng 339 ha, sản lượng trên 1.650 tấn, tập trung các đối tượng nuôi chủ lực như cá tra, cá rô phi, cá lóc và một số loài thủy sản nước ngọt khác. Cùng với đó, địa phương tăng cường quản lý môi trường nuôi, kiểm soát dịch bệnh, khuyến khích áp dụng các mô hình nuôi an toàn sinh học, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập của người dân.

Nhìn chung, sản xuất nông nghiệp và thủy sản trên địa bàn xã năm 2025 duy trì mức tăng trưởng ổn định, từng bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Hệ thống thủy lợi, đê bao và công tác phòng, chống thiên tai được quan tâm đầu tư, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất, góp phần bảo đảm phát triển nông nghiệp bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Công nghiệp - xây dựng

Trong những năm gần đây, lĩnh vực công nghiệp - xây dựng trên địa bàn xã Phú Hòa có bước phát triển tích cực, từng bước trở thành động lực quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Địa phương tập trung cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất, kinh doanh mở rộng quy mô hoạt động; khuyến khích ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh, đặc biệt đối với các ngành chế biến nông sản, cơ khí phục vụ sản xuất nông nghiệp, vật liệu xây dựng, thương mại và dịch vụ. Khu vực trung tâm Phú Hòa tiếp tục phát huy vai trò là đầu mối giao thương của khu vực phía Đông huyện Thoại Sơn trước đây, góp phần thu hút các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động.

Cùng với sự phát triển của khu vực sản xuất, công tác đầu tư xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng tiếp tục được quan tâm, tạo nền tảng cho quá trình phát triển đô thị của địa phương. Nhiều công trình giao thông, thủy lợi, trường học, cơ sở y tế, thiết chế văn hóa và hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng, nâng cấp, từng bước hoàn thiện mạng lưới hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại. Công tác quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng và giải ngân vốn đầu tư công được triển khai chặt chẽ, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới nâng cao.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã Phú Hòa được mở rộng về quy mô không gian, dân số và nguồn lực phát triển, tạo điều kiện thuận lợi để hình thành các khu chức năng tập trung, phát triển thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến và các ngành nghề phi nông nghiệp gắn với vùng nguyên liệu nông nghiệp công nghệ cao. Theo định hướng Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, xã Phú Hòa được xác định là trung tâm sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tích hợp và đô thị tri thức của tiểu vùng phía Đông tỉnh An Giang. Đây là tiền đề quan trọng để địa phương tiếp tục đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đẩy mạnh quá trình đô thị hóa, phát triển các ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao và từng bước trở thành một trong những cực tăng trưởng của khu vực phía Đông tỉnh An Giang trong giai đoạn tới.

c) Thương mại - Dịch vụ

Hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã Phú Hòa tiếp tục phát triển ổn định, từng bước đáp ứng nhu cầu giao thương, tiêu dùng và phục vụ sản xuất của người dân. Với lợi thế kế thừa khu vực trung tâm của thị trấn Phú Hòa trước đây, hệ thống chợ, cửa hàng kinh doanh, dịch vụ vận tải, tài chính, bưu chính, viễn thông và các cơ sở cung ứng vật tư nông nghiệp, tiêu dùng thiết yếu được duy trì và mở rộng, góp phần thúc đẩy lưu thông hàng hóa và phát triển kinh tế địa phương. Năm 2025, trên địa bàn xã có 18 doanh nghiệp đang hoạt động cùng nhiều hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã và cơ sở sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm ổn định cho lao động địa phương và từng bước hình thành mạng lưới dịch vụ phục vụ khu vực phía Đông huyện Thoại Sơn trước đây.

Cùng với sự phát triển của nông nghiệp hàng hóa và quá trình đầu tư hạ tầng, lĩnh vực thương mại - dịch vụ ngày càng khẳng định vai trò là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng thương mại, dịch vụ. Địa phương thường xuyên tăng cường công tác quản lý thị trường, kiểm tra việc chấp hành các quy định về kinh doanh, giá cả, an toàn thực phẩm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, ổn định. Đồng thời, việc đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt và phát triển dịch vụ công trực tuyến đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người dân, góp phần từng bước xây dựng môi trường thương mại hiện đại, phù hợp với định hướng phát triển đô thị và chuyển đổi số của tỉnh An Giang.

12.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

12.6.1. Giáo dục - đào tạo

Công tác giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Phú Hòa luôn được địa phương xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới. Mạng lưới trường học được quy hoạch tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được quan tâm đầu tư theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ chuyên môn, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác quản lý, dạy học. Chất lượng giáo dục tiếp tục được duy trì ổn định, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình và lên lớp hằng năm đạt trên 99%; công tác phổ cập giáo dục ở các cấp học được giữ vững, nhiều trường học tiếp tục duy trì và nâng cao các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia.

Cùng với việc nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, địa phương đặc biệt quan tâm thực hiện các chính sách khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện để học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách được tiếp cận giáo dục đầy đủ. Phong trào thi đua "Dạy tốt - Học tốt", công tác xã hội hóa giáo dục và sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Đồng thời, việc đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất trường học, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện và từng bước triển khai các mô hình trường học thông minh, ứng dụng chuyển đổi số đã tạo nền tảng quan trọng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của địa phương.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, quy mô dân số và không gian phát triển của xã Phú Hòa được mở rộng, kéo theo nhu cầu ngày càng cao về giáo dục và đào tạo. Đây vừa là động lực, vừa là yêu cầu để địa phương tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống trường lớp, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục, từng bước xây dựng nền giáo dục hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị, xây dựng chính quyền số và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo định hướng Quy hoạch tỉnh An Giang thời

kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Qua đó, giáo dục và đào tạo tiếp tục giữ vai trò là nền tảng quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dân số, phát triển nguồn nhân lực và tạo động lực cho sự phát triển bền vững của xã Phú Hòa trong giai đoạn tới.

12.6.2. Y tế

Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn xã Phú Hòa tiếp tục được quan tâm chỉ đạo và đạt nhiều kết quả tích cực. Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố, từng bước nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh ban đầu, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân. Trạm Y tế xã duy trì thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, công tác y tế dự phòng, phòng, chống dịch bệnh, tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số và kế hoạch hóa gia đình được triển khai đồng bộ, góp phần kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh trên địa bàn, không để xảy ra các ổ dịch lớn. Đồng thời, công tác tuyên truyền, giáo dục sức khỏe được tăng cường, nâng cao nhận thức của người dân trong việc chủ động phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Cùng với việc nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, địa phương chú trọng thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, bảo đảm quyền tiếp cận dịch vụ y tế của người dân. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tiếp tục duy trì và đạt chỉ tiêu theo kế hoạch; công tác quản lý hành nghề y, dược tư nhân, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm và phòng, chống ngộ độc thực phẩm được tăng cường kiểm tra, giám sát thường xuyên. Bên cạnh đó, ngành y tế từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý hồ sơ sức khỏe và khám, chữa bệnh, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, quy mô dân số và phạm vi phục vụ của xã Phú Hòa được mở rộng, đặt ra yêu cầu tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế. Đây là điều kiện quan trọng để địa phương từng bước hoàn thiện hệ thống y tế cơ sở theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đô thị văn minh và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân trong giai đoạn mới.

12.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Công tác văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền trên địa bàn xã Phú Hòa tiếp tục được quan tâm chỉ đạo và triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của địa phương. Các phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", xây dựng gia đình văn hóa, ấp văn hóa tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức thường xuyên, đặc biệt trong các dịp lễ, tết và các sự kiện chính trị quan trọng, tạo không khí vui tươi, đoàn kết trong cộng đồng dân cư. Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, lễ hội địa phương, tiêu biểu như Lễ hội Kỳ Yên, được quan tâm thực hiện, góp phần giáo dục truyền thống, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và quảng bá hình ảnh địa phương.

Hoạt động thông tin và tuyên truyền được triển khai kịp thời, bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương; nội dung tuyên truyền tập trung phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, chuyển đổi số, cải cách hành chính và các phong trào thi đua yêu nước. Hệ thống truyền thanh cơ sở được duy trì hoạt động ổn định, bảo đảm thông tin nhanh chóng, chính xác đến người dân; đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng số trong công tác tuyên truyền, từng bước nâng cao hiệu quả truyền thông và khả năng tiếp cận thông tin của Nhân dân.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã Phú Hòa có điều kiện thuận lợi để khai thác hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao hiện có, đồng thời tiếp tục đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động văn hóa, thể thao và sinh hoạt cộng đồng. Việc phát triển đời sống văn hóa gắn với xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao chất lượng phong trào thể dục thể thao quần chúng, đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực thông tin, tuyên truyền sẽ góp phần xây dựng con người Phú Hòa phát triển toàn diện, nâng cao chất lượng đời sống tinh thần của Nhân dân và tạo nền tảng vững chắc cho quá trình xây dựng xã phát triển theo hướng văn minh, hiện đại.

12.6.4. An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội trên địa bàn xã Phú Hòa luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo thực hiện đồng bộ, kịp thời và hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân và bảo đảm ổn định xã hội. Các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng yếu thế được triển khai đầy đủ, đúng quy định, bảo đảm công khai, minh bạch và đúng đối tượng. Công tác giảm nghèo được thực hiện gắn với hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, tạo điều kiện để người dân phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập và từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững. Các hoạt động chăm lo gia đình chính sách, người có công, người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng bảo trợ xã hội được tổ chức thường xuyên, đặc biệt trong các dịp lễ, tết, góp phần phát huy truyền thống "Uống nước nhớ nguồn", "Đền ơn đáp nghĩa" và tinh thần đoàn kết trong cộng đồng dân cư.

Bên cạnh đó, công tác lao động, việc làm và đào tạo nghề tiếp tục được quan tâm thực hiện, thông qua các chương trình tư vấn, giới thiệu việc làm, hỗ trợ học nghề và kết nối cung - cầu lao động, góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và giải quyết việc làm cho người dân địa phương. Việc thực hiện các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chương trình hỗ trợ của Nhà nước được triển khai kịp thời, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, ổn định đời sống Nhân dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, với quy mô dân số lớn hơn và phạm vi quản lý được mở rộng, xã Phú Hòa tiếp tục phát huy hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Đây

là nền tảng quan trọng để xây dựng cộng đồng dân cư ổn định, phát triển toàn diện, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương trong giai đoạn mới.

12.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Công tác tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn xã Phú Hòa được thực hiện theo đúng chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân. Các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng hoạt động ổn định, chấp hành tốt các quy định của pháp luật và tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động nhân đạo, từ thiện, an sinh xã hội và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Địa phương thường xuyên quan tâm nắm bắt tình hình hoạt động của các tổ chức, chức sắc, chức việc và tín đồ tôn giáo; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

Hoạt động tín ngưỡng dân gian và các lễ hội truyền thống trên địa bàn được tổ chức phù hợp với thuần phong mỹ tục và quy định của pháp luật, tiêu biểu như Lễ hội Kỳ Yên, góp phần gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện chặt chẽ, kịp thời giải quyết các nhu cầu chính đáng của các tổ chức, cá nhân theo quy định; đồng thời tăng cường vận động các tổ chức tôn giáo tham gia các phong trào xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội. Qua đó, tình hình an ninh tôn giáo trên địa bàn luôn ổn định, khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển bền vững của địa phương.

12.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã Phú Hòa luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ, góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được củng cố vững chắc; lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên được xây dựng theo đúng quy định, bảo đảm chất lượng, số lượng và khả năng sẵn sàng chiến đấu. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hằng năm được thực hiện chặt chẽ, hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân; công tác huấn luyện, diễn tập, giáo dục quốc phòng và an ninh được triển khai đầy đủ theo kế hoạch.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản được giữ vững. Lực lượng Công an xã chủ động nắm chắc tình hình, triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; tăng cường quản lý cư trú, quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông được quan tâm thực hiện, góp phần kiềm chế tai nạn giao thông và hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật. Đồng thời, địa phương tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ, đẩy mạnh ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn

cước và định danh điện tử trong công tác quản lý nhà nước, từng bước xây dựng nền hành chính hiện đại, phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, với quy mô dân số và địa bàn quản lý được mở rộng, xã Phú Hòa tiếp tục kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng quân sự và công an cơ sở, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc". Việc giữ vững quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội không chỉ tạo môi trường ổn định để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế mà còn là nền tảng quan trọng để xây dựng xã Phú Hòa phát triển theo hướng văn minh, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

13. Xã An Châu

13.1. Lịch sử hình thành

Vùng đất xã An Châu ngày nay nằm ở trung tâm huyện Châu Thành (cũ), là một bộ phận của vùng tả ngạn sông Hậu, được hình thành trên nền địa hình đồng bằng phù sa màu mỡ do hệ thống sông Hậu bồi đắp qua nhiều thế kỷ. Từ rất sớm, cư dân người Việt cùng với cộng đồng người Khmer đã đến khai hoang, lập làng, mở rộng diện tích canh tác, hình thành các khu dân cư tập trung dọc theo sông Hậu, các tuyến kênh thủy lợi và trục giao thông thủy, bộ. Với vị trí thuận lợi về giao thông và điều kiện tự nhiên, khu vực này từng bước trở thành trung tâm giao thương, dịch vụ và hành chính quan trọng của vùng Châu Thành, giữ vai trò kết nối giữa thành phố Long Xuyên với các địa phương phía Đông của tỉnh An Giang.

Dưới triều Nguyễn, vùng đất xã An Châu ngày nay thuộc địa bàn huyện Tây Xuyên, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang, là khu vực được triều đình quan tâm khai khẩn, mở rộng sản xuất nông nghiệp và phát triển hệ thống làng xã. Trong thời kỳ thực dân Pháp và sau đó là chính quyền Việt Nam Cộng hòa, địa bàn này thuộc quận Châu Thành, tỉnh Long Xuyên; sau khi tỉnh Long Xuyên và Châu Đốc được hợp nhất thành tỉnh An Giang, khu vực tiếp tục giữ vai trò là trung tâm hành chính của quận Châu Thành, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, thương mại và dịch vụ của địa phương.

Sau ngày đất nước thống nhất, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính và phát triển kinh tế - xã hội, ngày 25/4/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 181-CP thành lập thị trấn An Châu trên cơ sở ấp Hòa Long, ấp Hòa Phú của xã Hòa Bình Thạnh, một phần ấp Bình Phú của xã Bình Hòa và một phần ấp Bình Thạnh của phường Bình Đức, thị xã Long Xuyên. Việc thành lập thị trấn An Châu đã đánh dấu bước phát triển quan trọng trong quá trình đô thị hóa của huyện Châu Thành, từng bước hình thành trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa và thương mại của huyện.

Trong giai đoạn đổi mới, cùng với sự phát triển chung của tỉnh An Giang, thị trấn An Châu được đầu tư đồng bộ về kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, từng bước mở rộng không gian đô thị, phát triển thương mại, dịch vụ và các ngành kinh tế phi nông nghiệp. Ngày 29/4/2022, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 352/QĐ-BXD công nhận đô thị An Châu mở rộng (gồm thị trấn An Châu

và xã Bình Hòa) đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV, khẳng định vai trò là trung tâm đô thị, hành chính và dịch vụ của huyện Châu Thành, đồng thời tạo nền tảng quan trọng cho quá trình phát triển đô thị theo quy hoạch.

Thực hiện chủ trương của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính nhằm tinh gọn tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, ngày 12/6/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó hợp nhất toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Tiếp đó, ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang. Theo đó, toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn An Châu, xã Hòa Bình Thạnh và xã Vĩnh Thành được sắp xếp để thành lập xã mới có tên gọi là xã An Châu.

13.2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

13.2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã An Châu nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh An Giang. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp phường Bình Đức;
- Phía Tây giáp xã Cần Đăng;
- Phía Nam giáp các xã Phú Hòa, Vĩnh Trạch, Định Mỹ;
- Phía Bắc giáp xã Bình Hòa và xã Nhơn Mỹ.

13.2.2. Vai trò chức năng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã An Châu thuộc tiểu vùng trung tâm của tỉnh An Giang, nằm trên hành lang phát triển đô thị và dịch vụ dọc theo Quốc lộ 91 kết nối thành phố Long Xuyên với Châu Đốc và các khu vực phía Bắc của tỉnh. Với vị trí tiếp giáp trực tiếp trung tâm đô thị Long Xuyên và là đầu mối giao thông quan trọng của khu vực, An Châu được định hướng phát triển trở thành trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ và logistics của khu vực phía Đông thành phố Long Xuyên, đồng thời là đô thị động lực hỗ trợ quá trình phát triển không gian đô thị trung tâm của tỉnh.

Theo điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị An Châu đến năm 2035 được phê duyệt tại Quyết định số 3182/QĐ-UBND ngày 30/12/2019, đô thị An Châu được định hướng phát triển theo mô hình đô thị hiện đại, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; giữ vai trò là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế và thương mại của khu vực Châu Thành trước đây. Đô thị phát triển theo hướng mở rộng không gian về phía các khu vực Hòa Bình Thạnh và Vĩnh Thành, hình thành các khu dân cư mới, trung tâm thương mại - dịch vụ, các công trình công cộng, hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị loại IV và từng bước nâng cao chất lượng đô thị theo định hướng quy hoạch.

Kế thừa vai trò của thị trấn An Châu - trung tâm huyện lỵ Châu Thành trước đây, sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã An Châu tiếp tục giữ vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa và dịch vụ của khu vực; là đầu mối giao thương, cung cấp các dịch vụ công, giáo dục, y tế, thương mại và tài chính phục vụ Nhân dân trên địa bàn và các khu vực lân cận. Với lợi thế nằm trên trục Quốc lộ 91, kết nối trực tiếp với thành phố Long Xuyên, thành phố Châu Đốc và các huyện phía Bắc của tỉnh, xã An Châu có điều kiện thuận lợi để phát triển thương mại, dịch vụ, logistics, công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu nông nghiệp, đồng thời là cửa ngõ giao lưu kinh tế giữa khu vực đô thị trung tâm với các vùng nông thôn của tỉnh.

Trong định hướng phát triển lâu dài, xã An Châu được xác định là một trong những đô thị hạt nhân của khu vực trung tâm tỉnh An Giang, phát triển theo hướng đô thị văn minh, hiện đại, gắn với chuyển đổi số, phát triển thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và các ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao. Việc thành lập xã An Châu trên cơ sở hợp nhất thị trấn An Châu, xã Hòa Bình Thạnh và xã Vĩnh Thành không chỉ mở rộng không gian phát triển, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước mà còn tạo điều kiện tập trung nguồn lực đầu tư, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công và từng bước xây dựng An Châu trở thành trung tâm đô thị, thương mại và dịch vụ quan trọng của tỉnh An Giang trong giai đoạn mới.

13.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã An Châu có 70,23 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: Đất xây dựng đô thị là 6,05 km^2, chiếm 8,61% và đất khác là 64,18 km^2, chiếm 91,39%.

13.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

13.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, xã An Châu có quy mô dân số là 66.538 người, trong đó dân số thường trú là 65.588 người và dân số tạm trú là 727 người.

13.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã (từ 15 đến 60 tuổi) là 29.537 người, chiếm 45,05% tổng dân số của xã. Trong đó: tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 27.324 người, chiếm tỷ lệ 92,51% lao động trong độ tuổi.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 6.279 người, chiếm tỷ lệ 22,98%; lao động công nghiệp và xây dựng là 10.976 người, chiếm tỷ lệ 40,17%; lao động thương mại - dịch vụ là 10.069 người, chiếm tỷ lệ 36,85%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 21.045 người, chiếm tỷ lệ 77,02%.

13.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã An Châu chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã

phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm xã, thị trấn cũ trước khi sắp xếp, dọc Quốc lộ và các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

13.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

13.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã An Châu năm 2025 theo giá so sánh đạt 4.522,09 tỷ đồng; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 1.582,73 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 1.627,95 tỷ đồng; nông - lâm - thủy sản đạt 1.311,41 tỷ đồng.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 36%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 35% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 29% trong cơ cấu kinh tế của xã.

13.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã An Châu năm 2025 đạt 645,05 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 399,22 tỷ đồng. Cân đối có dư.

13.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 73,50 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 77,84 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 82,42 triệu đồng/người/năm.

13.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã An Châu là 1,33%, trong đó: năm 2023 là 1,69%, năm 2024 là 1,27% và năm 2025 là 1,02%.

13.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Sản xuất nông nghiệp - thủy sản tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế của xã An Châu. Năm 2025, tổng diện tích gieo trồng đạt 15.636,81 ha; trong đó diện tích gieo trồng lúa đạt 15.259,41 ha (không kể diện tích lúa kết hợp nuôi thủy sản), diện tích cây ăn trái 136,41 ha và diện tích rau màu 240,93 ha. Địa phương tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển đổi diện tích đất lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn trái và rau màu có giá trị kinh tế cao; đồng thời tăng cường liên kết sản xuất, ứng dụng cơ giới hóa, khoa học kỹ thuật và các tiến bộ công nghệ vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh

tế. Công tác phòng, chống dịch hại trên cây trồng được triển khai đồng bộ, góp phần bảo đảm sản xuất ổn định, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ và phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Lĩnh vực chăn nuôi và thủy sản tiếp tục phát triển theo hướng an toàn sinh học, bảo đảm kiểm soát tốt dịch bệnh. Tổng đàn gia súc, gia cầm phát triển ổn định với khoảng 100.400 con, tăng 25,34% so với năm 2024; công tác thú y, phòng chống dịch bệnh được thực hiện thường xuyên, không để xảy ra dịch bệnh nguy hiểm trên diện rộng. Hoạt động nuôi trồng thủy sản tiếp tục được duy trì với diện tích 42,5 ha/40,32 ha, đạt 107,87% kế hoạch, sản lượng thu hoạch đạt 1.527 tấn. Bên cạnh các mô hình nuôi thủy sản truyền thống, địa phương còn triển khai hiệu quả các mô hình nuôi mới như nuôi ốc bươu đen thương phẩm, góp phần đa dạng hóa đối tượng nuôi, nâng cao giá trị sản xuất và tăng thu nhập cho người dân.

Hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp tiếp tục được củng cố và phát huy hiệu quả trong liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản và phát triển các sản phẩm đặc trưng của địa phương. Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP) được triển khai tích cực, nhiều doanh nghiệp và cơ sở sản xuất tham gia trưng bày, quảng bá sản phẩm; đến nay xã có 05 sản phẩm OCOP được công nhận đạt tiêu chuẩn 3 sao, góp phần nâng cao giá trị nông sản, thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, bền vững.

b) Công nghiệp - xây dựng

Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng trên địa bàn xã An Châu tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Địa phương tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh; khuyến khích ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới thiết bị và phát triển các ngành nghề sản xuất gắn với lợi thế địa phương. Năm 2025, toàn xã có 110 cơ sở sản xuất, kinh doanh và 36 doanh nghiệp đang hoạt động, tạo việc làm ổn định cho trên 1.250 lao động, với tổng doanh thu ước đạt 594 tỷ đồng. Các cơ sở sản xuất chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực chế biến nông sản, cơ khí phục vụ nông nghiệp, vật liệu xây dựng và các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, góp phần nâng cao giá trị sản xuất và giải quyết việc làm cho lao động địa phương.

Công tác đầu tư xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, tập trung huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư. Năm 2025, tổng kế hoạch vốn đầu tư công đạt 6,66 tỷ đồng, giá trị giải ngân đạt trên 6,13 tỷ đồng, tương đương 92% kế hoạch; đồng thời có 39 công trình được hoàn thành và đưa vào sử dụng với tổng vốn đầu tư gần 69,40 tỷ đồng. Nhiều công trình giao thông, thủy lợi, trường học, hạ tầng kỹ thuật và các công trình dân sinh được triển khai, góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, nâng cao khả năng kết nối giữa khu vực trung tâm với các vùng sản xuất và khu dân cư.

Bên cạnh đó, công tác quy hoạch, quản lý đô thị và trật tự xây dựng được thực hiện chặt chẽ theo quy hoạch được phê duyệt. Địa phương thường xuyên rà soát, điều chỉnh quy hoạch, tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm về trật tự xây dựng, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư và phát triển

các dự án trên địa bàn. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, với vai trò là trung tâm của xã An Châu mới, địa phương có điều kiện thuận lợi để mở rộng không gian phát triển đô thị, hình thành các khu dân cư, thương mại và dịch vụ tập trung, từng bước xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa theo định hướng Quy hoạch tỉnh An Giang.

c) Thương mại - dịch vụ

Hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã An Châu tiếp tục phát triển ổn định, từng bước khẳng định vai trò là trung tâm thương mại, dịch vụ của khu vực Châu Thành trước đây. Với lợi thế kế thừa không gian đô thị An Châu và vị trí nằm trên Quốc lộ 91, hoạt động lưu thông hàng hóa, mua bán, vận tải và các loại hình dịch vụ diễn ra sôi động, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân. Trên địa bàn hiện có 01 trung tâm thương mại, 02 chợ truyền thống, 02 điểm kinh doanh siêu thị cùng mạng lưới cửa hàng, cơ sở kinh doanh phát triển đa dạng. Năm 2025, xã có khoảng 4.022 cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh cá thể, tăng đáng kể so với thời điểm năm 2021, góp phần giải quyết việc làm ổn định cho trên 10.000 lao động; tổng doanh thu thương mại - dịch vụ ước đạt 723,97 tỷ đồng.

Địa phương tiếp tục triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh mở rộng thị trường, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, phát triển thương mại gắn với chuyển đổi số và thương mại điện tử. Công tác bình ổn thị trường, quản lý giá cả, kiểm tra hoạt động kinh doanh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm được thực hiện thường xuyên, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, ổn định. Bên cạnh đó, xã tích cực tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu, quảng bá sản phẩm OCOP và các sản phẩm đặc trưng của địa phương, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và hộ kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ.

Cùng với quá trình mở rộng không gian đô thị sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, lĩnh vực thương mại - dịch vụ được xác định là một trong những ngành kinh tế quan trọng của xã An Châu. Việc tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng thương mại, phát triển các loại hình dịch vụ hiện đại, logistics, tài chính, ngân hàng, bưu chính - viễn thông và dịch vụ phục vụ sản xuất sẽ góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng đô thị và phát huy vai trò của An Châu là trung tâm thương mại, dịch vụ và đầu mối giao thương của khu vực phía Đông thành phố Long Xuyên theo định hướng Quy hoạch tỉnh An Giang.

13.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

13.6.1. Giáo dục - đào tạo

Công tác giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã An Châu tiếp tục được quan tâm đầu tư và đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Mạng lưới trường học được duy trì ổn định, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học từng bước được đầu tư, nâng cấp theo hướng đồng bộ, hiện đại; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Năm 2025, toàn xã có 13 trường

học, trong đó 08 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 61,54%. Công tác huy động học sinh đến trường được thực hiện hiệu quả, tỷ lệ huy động trẻ em đến lớp ở các cấp học đều đạt và vượt kế hoạch; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,54%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 77,52%, góp phần duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trên địa bàn.

Địa phương tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, giảng dạy; đồng thời quan tâm thực hiện các chính sách hỗ trợ học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách, tạo điều kiện để mọi trẻ em đều được đến trường. Công tác phổ cập giáo dục, xây dựng xã hội học tập, khuyến học, khuyến tài được duy trì thường xuyên; phong trào thi đua "Dạy tốt - Học tốt" tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của địa phương.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, hệ thống giáo dục của xã An Châu được kế thừa và phát huy trên cơ sở hợp nhất các đơn vị hành chính, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác tốt cơ sở vật chất hiện có và đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân. Việc tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, hoàn thiện cơ sở vật chất trường học và đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục sẽ góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo nền tảng quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của địa phương.

13.6.2. Y tế

Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn xã An Châu tiếp tục được quan tâm chỉ đạo và triển khai đồng bộ, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân. Hệ thống y tế cơ sở được củng cố, cơ sở vật chất và trang thiết bị từng bước được đầu tư, nâng cấp; đội ngũ cán bộ y tế thường xuyên được bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao chất lượng phục vụ. Công tác khám, chữa bệnh ban đầu, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, kế hoạch hóa gia đình, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em được thực hiện hiệu quả; các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được triển khai đầy đủ, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Công tác y tế dự phòng tiếp tục được chú trọng; địa phương chủ động triển khai các biện pháp giám sát, phòng, chống dịch bệnh, không để phát sinh các ổ dịch lớn trên địa bàn. Hoạt động tiêm chủng mở rộng được thực hiện đúng quy định, tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đầy đủ đạt kế hoạch; công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm, quản lý hành nghề y, dược tư nhân và kiểm soát các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng được tăng cường. Bên cạnh đó, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tiếp tục được duy trì ở mức cao, góp phần bảo đảm quyền tiếp cận các dịch vụ y tế và thực hiện hiệu quả chính sách an sinh xã hội.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, mạng lưới y tế trên địa bàn được tổ chức theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động và mở rộng phạm vi phục vụ. Việc tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi

số trong quản lý, khám chữa bệnh sẽ góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân và đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương.

13.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Công tác văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền trên địa bàn xã An Châu tiếp tục được quan tâm triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả; việc xây dựng gia đình văn hóa, ấp văn hóa gắn với thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh được Nhân dân tích cực hưởng ứng. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức thường xuyên nhân các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị của đất nước và địa phương, thu hút đông đảo Nhân dân tham gia, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

Hoạt động thông tin và tuyên truyền được triển khai kịp thời, bám sát nhiệm vụ chính trị và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nội dung tuyên truyền tập trung phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới, cải cách hành chính, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường, phòng, chống dịch bệnh và các phong trào thi đua yêu nước. Hệ thống truyền thanh cơ sở được duy trì hoạt động ổn định, bảo đảm truyền tải thông tin nhanh chóng, chính xác đến Nhân dân; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng số trong công tác truyền thông, từng bước nâng cao hiệu quả tuyên truyền và khả năng tiếp cận thông tin của người dân.

Cùng với quá trình phát triển đô thị và mở rộng không gian hành chính sau khi sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã An Châu tiếp tục phát huy hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao hiện có, từng bước đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ sinh hoạt cộng đồng, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, luyện tập thể dục thể thao và tiếp cận thông tin của Nhân dân. Đây là nền tảng quan trọng góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao chất lượng đời sống tinh thần, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và thúc đẩy sự phát triển toàn diện của địa phương.

13.6.4. An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội trên địa bàn xã An Châu tiếp tục được triển khai đồng bộ, kịp thời và hiệu quả, góp phần ổn định đời sống Nhân dân và bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội. Các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng yếu thế được thực hiện đầy đủ, đúng quy định, bảo đảm công khai, minh bạch và đúng đối tượng. Công tác chi trả các chế độ trợ cấp thường xuyên, hỗ trợ đột xuất, chăm lo các gia đình chính sách, người có công, người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được thực hiện kịp thời, nhất là trong các dịp lễ, Tết, góp phần phát huy truyền thống "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn" và tinh thần tương thân tương ái trong cộng đồng.

Công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm và đào tạo nghề tiếp tục được địa phương quan tâm thực hiện thông qua các chương trình hỗ trợ sinh kế, vay vốn ưu đãi, tư vấn, giới thiệu việc làm và đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chương trình hỗ trợ của Nhà nước được triển khai đầy đủ, tạo điều kiện để người dân tiếp cận các chính sách an sinh, nâng cao thu nhập và cải thiện chất lượng cuộc sống. Đồng thời, địa phương đẩy mạnh công tác huy động các nguồn lực xã hội hóa, vận động các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã An Châu tiếp tục kế thừa và phát huy hiệu quả các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn, đồng thời nâng cao chất lượng quản lý và cung cấp các dịch vụ xã hội. Việc thực hiện tốt các chính sách an sinh không chỉ góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân mà còn tạo nền tảng vững chắc để phát triển nguồn nhân lực, giữ vững ổn định xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

13.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc; thực hiện tốt công tác chăm cho các hộ dân tộc, nhất là các hộ dân tộc nghèo, khó khăn. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn xã.

13.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã An Châu tiếp tục được tăng cường, góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được củng cố vững chắc; lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên được xây dựng bảo đảm về số lượng, chất lượng và khả năng sẵn sàng chiến đấu. Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ được thực hiện chặt chẽ, hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân; công tác huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh, diễn tập khu vực phòng thủ và xây dựng lực lượng vũ trang địa phương được triển khai đúng kế hoạch, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản được giữ vững. Lực lượng Công an xã chủ động nắm chắc tình hình, triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật; tăng cường quản lý cư trú, quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả, thu hút sự tham gia tích cực của Nhân dân trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự tại cơ sở. Đồng thời, địa phương đẩy mạnh triển khai Đề án 06 của Chính phủ, ứng dụng hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước công dân và định danh điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phục vụ người dân ngày càng tốt hơn.

Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ và quản lý trật tự công cộng được thực hiện thường xuyên; các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo vệ các ngày lễ, tết và các sự kiện chính trị quan trọng được triển khai nghiêm túc, góp phần kiềm chế tai nạn giao thông, kéo giảm tội phạm và giữ vững môi trường an toàn, ổn định. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã An Châu tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của lực lượng quân sự, công an và hệ thống chính trị ở cơ sở, nâng cao chất lượng công tác quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu quản lý địa bàn có quy mô lớn hơn, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

14. Xã Vĩnh An

14.1. Lịch sử hình thành

Vùng đất xã Vĩnh An ngày nay nằm ở phía Đông huyện Châu Thành (cũ), thuộc vùng đồng bằng phù sa ven sông Hậu, được hình thành từ quá trình bồi tụ lâu dài của hệ thống sông ngòi và kênh rạch của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Từ rất sớm, cư dân người Việt cùng với cộng đồng người Khmer đã đến khai hoang, lập làng, mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp, hình thành các điểm dân cư dọc theo các tuyến giao thông thủy, bộ và hệ thống kênh nội đồng. Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, vùng đất này từng bước phát triển thành khu vực sản xuất nông nghiệp trọng điểm, đồng thời là địa bàn có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện Châu Thành.

Dưới triều Nguyễn, vùng đất xã Vĩnh An ngày nay thuộc huyện Tây Xuyên, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang, là khu vực được đẩy mạnh khai hoang, lập ấp và phát triển sản xuất nông nghiệp. Trong thời kỳ thực dân Pháp và chính quyền Việt Nam Cộng hòa, địa bàn này thuộc quận Châu Thành, tỉnh Long Xuyên; sau khi hai tỉnh Long Xuyên và Châu Đốc được hợp nhất thành tỉnh An Giang, khu vực tiếp tục thuộc quận Châu Thành, giữ vai trò là vùng sản xuất nông nghiệp và cung cấp lương thực quan trọng của địa phương.

Sau ngày đất nước thống nhất, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính và phát triển kinh tế - xã hội, ngày 25/4/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 181-CP điều chỉnh địa giới hành chính một số xã thuộc tỉnh An Giang, theo đó tách một phần ấp Vĩnh Bình của xã Vĩnh Hanh để thành lập xã Vĩnh An. Tiếp đó, ngày 23/8/1979, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 300-CP về việc chia huyện Châu Thành thành hai huyện Châu Thành và Thoại Sơn, theo đó xã Vĩnh An trực thuộc huyện Châu Thành. Việc thành lập xã Vĩnh An đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý hành chính, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Trong thời kỳ đổi mới, cùng với quá trình phát triển chung của huyện Châu Thành, xã Vĩnh An từng bước đầu tư hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở y tế và các công trình hạ tầng xã hội; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, phát triển thương mại, dịch vụ và từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Chương trình xây dựng nông thôn mới được triển khai đồng bộ, góp phần làm thay đổi diện mạo nông thôn, nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của địa phương.

Thực hiện chủ trương của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính nhằm tinh gọn tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang được sắp xếp để thành lập tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Tiếp đó, ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025. Theo đó, toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Vĩnh Bình, xã Tân Phú và xã Vĩnh An được sắp xếp để thành lập xã mới có tên gọi là xã Vĩnh An.

14.2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

14.2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Vĩnh An nằm ở phía Bắc của tỉnh An Giang. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Vĩnh Hanh;
- Phía Tây giáp xã Cô Tô;
- Phía Nam giáp xã Tây Phú;
- Phía Bắc giáp các xã Núi Cấm, Thạnh Mỹ Tây, Châu Phú và Bình Mỹ.

14.2.2. Vai trò chức năng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã Vĩnh An thuộc tiểu vùng phía Đông tỉnh An Giang, nằm trên hành lang phát triển kết nối thành phố Long Xuyên với các địa phương phía Đông của tỉnh. Với vị trí tiếp giáp các tuyến giao thông quan trọng và kế thừa vai trò của thị trấn Vĩnh Bình trước đây, xã Vĩnh An được định hướng phát huy lợi thế về phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các ngành kinh tế gắn với chế biến nông sản, từng bước hình thành không gian phát triển đồng bộ giữa khu vực đô thị và nông thôn. Kế thừa vai trò của thị trấn Vĩnh Bình - trung tâm hành chính, chính trị của huyện Châu Thành trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, xã Vĩnh An tiếp tục giữ vai trò là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ và cung cấp các dịch vụ công của khu vực. Đồng thời, địa phương là đầu mối giao lưu kinh tế, văn hóa,

giáo dục, y tế giữa các xã phía Đông với trung tâm tỉnh An Giang; có điều kiện thuận lợi để phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ, logistics nông nghiệp, công nghiệp chế biến và các ngành nghề phi nông nghiệp, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, việc hợp nhất thị trấn Vĩnh Bình, xã Tân Phú và xã Vĩnh An đã mở rộng quy mô không gian phát triển đô thị, tạo điều kiện khai thác hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có, nâng cao năng lực quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ công. Với lợi thế là địa phương có khu vực đô thị phát triển kết hợp với vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, xã Vĩnh An có điều kiện hình thành các khu dân cư mới, phát triển thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến và các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới.

14.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Vĩnh An có 93,40 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: Đất nông nghiệp là 84,38 km^2, chiếm 90,34% và đất phi nông nghiệp là 9,02 km^2, chiếm 9,66%.

14.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

14.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, xã Vĩnh An có quy mô dân số là 33.453 người, trong đó dân số thường trú là 33.254 người và dân số tạm trú là 199 người.

14.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã (từ 15 đến 60 tuổi) là 13.030 người, chiếm 38,95% tổng dân số của xã. Trong đó: tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 9.529 người, chiếm tỷ lệ 73,13% lao động trong độ tuổi.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 2.998 người, chiếm tỷ lệ 23,93%; lao động công nghiệp và xây dựng là 3.902 người, chiếm tỷ lệ 31,15%; lao động thương mại - dịch vụ là 5.627 người, chiếm tỷ lệ 44,92%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 9.529 người, chiếm tỷ lệ 73,13%.

14.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Dân cư trên địa bàn xã Vĩnh An, tỉnh An Giang chủ yếu là người Kinh, ngoài ra có một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống đan xen; các cộng đồng dân cư có truyền thống đoàn kết, gắn bó trong lao động, sản xuất và xây dựng địa phương. Dân cư phân bố không đồng đều, tập trung đông tại khu vực thị trấn Vĩnh Bình trước đây, nơi tập trung các cơ quan hành chính, cơ sở thương mại, dịch vụ, giáo dục và y tế; đồng thời phân bố dọc theo các tuyến giao thông, kênh rạch và các trục kết nối vùng sản xuất. Tại khu vực xã Tân Phú và xã Vĩnh An trước đây, dân cư chủ yếu phân bố theo mô hình tuyến, xen kẽ với các vùng

sản xuất nông nghiệp, có mật độ thấp hơn khu vực trung tâm. Với mật độ dân số trung bình khoảng 354 người/km², xã Vĩnh An có đặc điểm kết hợp giữa khu vực dân cư tập trung mang tính đô thị và không gian nông thôn sản xuất nông nghiệp, tạo điều kiện tổ chức hệ thống dân cư, đầu tư kết cấu hạ tầng và cung cấp dịch vụ công phù hợp với từng khu vực.

14.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

14.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Vĩnh An năm 2025 theo giá so sánh đạt 3.441,27 tỷ đồng, tăng 7,97% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 895,36 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 1.531,59 tỷ đồng; nông - lâm - thủy sản đạt 1.014,32 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 6,67%, trong đó: năm 2023 tăng 5,43%, năm 2024 tăng 6,63% và năm 2025 tăng 7,97%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 44,51%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 26,02% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 29,48% trong cơ cấu kinh tế của xã.

14.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Vĩnh An năm 2025 đạt 156,80 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 152,86 tỷ đồng. Cân đối có dư.

14.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 63,33 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 67,70 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 80,80 triệu đồng/người/năm.

14.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Vĩnh An là 1,32%, trong đó: năm 2023 là 1,69%, năm 2024 là 1,26% và năm 2025 là 1,02%.

14.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế của xã Vĩnh An. Năm 2025, tổng diện tích gieo trồng đạt 22.793,8 ha, bằng 100,97% kế hoạch. Trong đó, diện tích xuống giống lúa đạt 22.419,54 ha, năng suất bình quân 6,68 tấn/ha, sản lượng đạt 149.802,86 tấn. Việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và cơ giới hóa trong sản xuất được đẩy mạnh; diện tích áp dụng chương trình "3 giảm, 3 tăng" đạt 21.739,8 ha, chương trình "1 phải, 5 giảm" đạt 15.426,5 ha và diện tích sản xuất lúa giống đạt 2.184,22 ha. Công tác liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản từng bước được mở rộng, với diện tích lúa ký hợp đồng thu mua đạt

5.341,8 ha, góp phần ổn định đầu ra, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất cho nông dân.

Cơ cấu cây trồng tiếp tục được chuyển đổi theo hướng nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích. Diện tích rau màu đạt 374,26 ha, bằng 122,4% kế hoạch, tập trung vào các loại cây có giá trị kinh tế như bắp, bầu, bí, dưa và các loại rau thực phẩm; diện tích cây ăn trái đạt 151,13 ha, trong đó có 14,54 ha được chuyển đổi từ đất trồng lúa. Toàn xã có 03 mã số vùng trồng với tổng diện tích 148,4 ha, gồm vùng trồng lúa 124,8 ha và vùng cây ăn trái 23,6 ha. Địa phương đã triển khai 17 mô hình ứng dụng công nghệ cao trên cây lúa, cây ăn trái và vật nuôi; đồng thời thực hiện các mô hình sản xuất hữu cơ, canh tác giảm phát thải, trồng nấm bào ngư và tham gia Đề án phát triển bền vững một triệu ha lúa chất lượng cao, phát thải thấp với diện tích 2.032 ha, có 422 hộ dân tham gia.

Hoạt động chăn nuôi trên địa bàn được duy trì ổn định, từng bước phát triển theo hướng an toàn sinh học và kiểm soát dịch bệnh. Tổng đàn gia súc, gia cầm đạt khoảng 91.219 con, được nuôi tại 173 hộ. Công tác giám sát dịch bệnh, vệ sinh, tiêu độc khử trùng và phòng, chống các bệnh nguy hiểm trên đàn vật nuôi được triển khai thường xuyên; địa phương chủ động xây dựng phương án phòng, chống dịch tả heo châu Phi, qua đó tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm cơ bản được kiểm soát, không để phát sinh dịch bệnh nguy hiểm trên diện rộng.

Lĩnh vực thủy sản được quản lý gắn với bảo vệ nguồn lợi và môi trường sinh thái. Địa phương tăng cường tuyên truyền, kiểm tra và thực hiện nghiêm các quy định về phòng, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp; thường xuyên kiểm soát hoạt động đánh bắt trên sông, kênh, rạch, kịp thời ngăn chặn việc sử dụng ngư cụ cấm và các phương thức khai thác mang tính tận diệt. Việc kết hợp phát triển sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và thủy sản với ứng dụng khoa học - công nghệ, liên kết tiêu thụ sản phẩm và bảo vệ môi trường đã góp phần nâng cao thu nhập, ổn định đời sống người dân và phát triển kinh tế nông thôn theo hướng hiệu quả, bền vững.

b) Công nghiệp - xây dựng

Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng trên địa bàn xã Vĩnh An tiếp tục được duy trì và từng bước phát triển, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân. Hoạt động của các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ sản xuất cơ bản ổn định; địa phương chú trọng hỗ trợ các cơ sở tiếp cận chính sách, đổi mới phương thức hoạt động, ứng dụng khoa học - công nghệ và mở rộng sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường. Sự phát triển của khu vực sản xuất phi nông nghiệp, cùng với lợi thế của khu vực thị trấn Vĩnh Bình trước đây, đã tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động xây dựng, thương mại và dịch vụ, từng bước hình thành không gian kinh tế kết hợp hài hòa giữa khu vực trung tâm và vùng nông thôn sản xuất nông nghiệp.

Công tác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng được tập trung triển khai gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Trong giai đoạn 2021 - 2025, tổng nguồn vốn đầu tư được giao cho địa bàn xã đạt khoảng 36,724 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn đầu tư công năm 2025 là 11,042 tỷ đồng. Các nguồn lực được

ưu tiên cho công trình giao thông, thủy lợi, cơ sở hành chính và các hạng mục hạ tầng dân sinh thiết yếu; đồng thời tiếp tục triển khai, hoàn thiện các công trình xây dựng nông thôn mới năm 2025. Việc đầu tư từng bước nâng cao khả năng kết nối giữa khu vực trung tâm xã, các điểm dân cư và vùng sản xuất, góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt, sản xuất và diện mạo của địa phương.

Công tác quy hoạch, quản lý xây dựng và trật tự đô thị được tăng cường. Xã phối hợp triển khai lập Quy hoạch chung xã Vĩnh An, Quy hoạch chung đô thị Vĩnh Bình và rà soát danh mục đầu tư công trung hạn; đồng thời thực hiện quản lý đất đai, cấp phép xây dựng, kiểm tra và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định. Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, việc kế thừa khu vực đô thị Vĩnh Bình cùng hệ thống hạ tầng của xã Tân Phú và xã Vĩnh An trước đây đã tạo không gian phát triển rộng hơn, thuận lợi cho đầu tư xây dựng, bố trí các khu dân cư, công trình công cộng và phát triển các hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Đây là cơ sở để xã tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, nâng cao chất lượng không gian đô thị - nông thôn và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

c) Thương mại - dịch vụ

Hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã Vĩnh An tiếp tục duy trì ổn định, hàng hóa lưu thông tương đối thuận lợi, nguồn cung các mặt hàng thiết yếu cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của Nhân dân, giá cả thị trường không có biến động lớn. Các hoạt động mua bán tập trung chủ yếu tại khu vực thị trấn Vĩnh Bình trước đây, các tuyến giao thông chính, khu vực chợ và các điểm dân cư tập trung; đồng thời từng bước phát triển tại khu vực Tân Phú và Vĩnh An trước đây, hình thành mạng lưới thương mại, dịch vụ kết nối khu vực trung tâm với các vùng sản xuất nông nghiệp. Các loại hình bán lẻ, cung ứng vật tư phục vụ sản xuất, vận tải, sửa chữa, ăn uống và dịch vụ dân sinh tiếp tục phát triển, góp phần giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

Năm 2025, toàn xã có khoảng 440 hộ kinh doanh đang hoạt động. Công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục đăng ký kinh doanh được thực hiện kịp thời; trong năm, địa phương đã tiếp nhận, xử lý 54 trường hợp liên quan đến cấp mới, điều chỉnh, tạm ngừng và chấm dứt hoạt động kinh doanh. Xã đồng thời triển khai kế hoạch phát triển thương mại - dịch vụ, tăng cường kiểm tra, sắp xếp hoạt động mua bán tại các chợ, vận động các tổ chức, cá nhân chấp hành quy định về trật tự kinh doanh, niêm yết giá, vệ sinh môi trường và văn minh thương mại. Công tác quản lý hoạt động kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng và các ngành nghề kinh doanh có điều kiện được thực hiện theo quy định.

Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm được chú trọng, gắn với kiểm tra các cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm, nhất là trong các dịp lễ, Tết và thời điểm nhu cầu tiêu dùng tăng cao. Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, việc hợp nhất khu vực trung tâm Vĩnh Bình với các vùng sản xuất của Tân Phú và Vĩnh An đã mở rộng không gian thị trường, tạo điều kiện phát triển mạng lưới phân phối hàng hóa và các dịch vụ phục vụ nông nghiệp, sản xuất và đời sống. Sự phát triển của thương mại - dịch vụ góp phần tăng cường liên kết giữa sản xuất với tiêu

thụ, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao vai trò trung tâm dịch vụ của xã Vĩnh An.

14.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

14.6.1. Giáo dục - đào tạo

Công tác giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Vĩnh An tiếp tục được duy trì ổn định, chất lượng dạy và học từng bước được nâng lên. Mạng lưới trường, lớp được tổ chức tương đối phù hợp với phân bố dân cư, gồm các cấp học từ mầm non, tiểu học đến trung học cơ sở; cơ sở vật chất, phòng học và trang thiết bị dạy học tiếp tục được quan tâm đầu tư, sửa chữa, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản bảo đảm về số lượng và chuyên môn, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, dạy học. Công tác huy động học sinh đến trường, duy trì sĩ số, phổ cập giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện được thực hiện thường xuyên, góp phần bảo đảm quyền học tập của trẻ em trên địa bàn.

Năm học 2025 - 2026, xã tiếp tục triển khai đồng bộ các nhiệm vụ năm học, chú trọng giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, nâng cao chất lượng học sinh đại trà và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu. Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được duy trì; các chính sách hỗ trợ học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách và học sinh có hoàn cảnh khó khăn được thực hiện kịp thời, góp phần hạn chế tình trạng bỏ học. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, ứng dụng nền tảng số trong quản lý học sinh, trao đổi thông tin giữa nhà trường và gia đình đã từng bước nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục và chất lượng phục vụ.

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã Vĩnh An có điều kiện kế thừa hệ thống trường học và cơ sở giáo dục của thị trấn Vĩnh Bình, xã Tân Phú và xã Vĩnh An trước đây, tạo thuận lợi cho việc tổ chức lại mạng lưới trường lớp, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng giáo dục. Việc tiếp tục đầu tư trường lớp, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, đẩy mạnh chuyển đổi số và tăng cường phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội sẽ góp phần nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực và tạo nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

14.6.2. Y tế

Năm 2025, hoạt động chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn xã Vĩnh An được duy trì ổn định; công tác khám, chữa bệnh ban đầu, y tế dự phòng, tiêm chủng và phòng, chống dịch bệnh được triển khai thường xuyên. Các cơ sở y tế trên địa bàn đã thực hiện khoảng 21.250 lượt khám ngoại trú, trong đó có 3.596 lượt khám tại trạm y tế; tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 96%. Công tác giám sát dịch tễ được thực hiện chặt chẽ, các trường hợp mắc bệnh được phát hiện, xử lý kịp thời, không để hình thành ổ dịch lớn. Các chương trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, phòng chống suy dinh dưỡng, dân số và truyền thông giáo dục sức khỏe tiếp tục được tổ chức phù hợp với nhu cầu của người dân. Tỷ lệ người dân tham

gia bảo hiểm y tế đạt 94,34%, góp phần mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ khám, chữa bệnh và giảm chi phí chăm sóc sức khỏe cho các hộ gia đình. Bên cạnh đó, công tác quản lý hành nghề y, dược tư nhân và kiểm tra an toàn thực phẩm được tăng cường; trong năm không ghi nhận vụ ngộ độc thực phẩm trên địa bàn. Nhìn chung, hệ thống y tế cơ sở cơ bản đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu, tuy nhiên vẫn cần tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và nâng cao chất lượng đội ngũ để phục vụ tốt hơn nhu cầu ngày càng tăng của Nhân dân.

14.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Công tác văn hóa, thông tin và tuyên truyền trên địa bàn xã Vĩnh An được triển khai gắn với các nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ lớn và sự kiện quan trọng của đất nước, của tỉnh và địa phương; qua đó kịp thời phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thông tin về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, cải cách hành chính và chuyển đổi số đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được duy trì và phát triển sâu rộng; năm 2025, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 71,35%, có 10/10 ấp được công nhận ấp văn hóa. Việc quản lý, khai thác các thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, tín ngưỡng và lễ hội được quan tâm, góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh và nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân.

Phong trào thể dục, thể thao quần chúng được tổ chức sôi nổi, thu hút đông đảo người dân tham gia; tỷ lệ người luyện tập thể thao thường xuyên đạt 51,5%, tỷ lệ gia đình thể thao đạt 40,5%. Trong năm, xã tổ chức 02 giải cầu lông, tham gia các giải thể thao do cấp trên tổ chức và triển khai Đại hội Thể dục thể thao xã Vĩnh An lần thứ I năm 2025 với 08 môn thi đấu, tạo khí thế thi đua phấn khởi trong các tầng lớp Nhân dân. Hoạt động thông tin cơ sở tiếp tục được duy trì, nội dung tuyên truyền từng bước được đổi mới, góp phần nâng cao nhận thức, tăng cường sự đồng thuận xã hội và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

14.6.4. An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội trên địa bàn xã Vĩnh An được triển khai đầy đủ, kịp thời và đúng quy định, bảo đảm các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng yếu thế. Trong năm 2025, địa phương thực hiện đầy đủ việc chi trả trợ cấp thường xuyên, trợ cấp đột xuất; tổ chức nhiều hoạt động thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách, người có công, hộ nghèo và các đối tượng bảo trợ xã hội nhân dịp Tết Nguyên đán và các ngày lễ lớn, góp phần thực hiện hiệu quả phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn". Công tác giảm nghèo tiếp tục được quan tâm thông qua việc triển khai các chương trình hỗ trợ sinh kế, vay vốn ưu đãi, đào tạo nghề và giới thiệu việc làm, tạo điều kiện để người dân ổn định cuộc sống và nâng cao thu nhập.

Bên cạnh đó, công tác lao động, việc làm, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, phòng chống tệ nạn xã hội được thực hiện thường xuyên và đạt nhiều kết quả tích cực. Các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chương trình an sinh của Nhà nước được triển khai đồng bộ, góp

phần bảo đảm quyền lợi của người dân. Đồng thời, địa phương đẩy mạnh xã hội hóa công tác an sinh, huy động sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp và các nhà hảo tâm trong các hoạt động nhân đạo, từ thiện, chăm lo các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Việc thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, giữ vững ổn định xã hội và tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

14.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương.

14.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã Vĩnh An được triển khai đồng bộ, góp phần giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Địa phương duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng quân sự và công an trong công tác nắm tình hình, bảo vệ an toàn các mục tiêu trọng điểm, các sự kiện chính trị và các ngày lễ lớn. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được thực hiện đúng quy trình, bảo đảm công khai, dân chủ và hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao. Lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên được xây dựng bảo đảm về số lượng, chất lượng; công tác huấn luyện, giáo dục quốc phòng và an ninh, diễn tập khu vực phòng thủ, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn được tổ chức theo đúng kế hoạch, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản được giữ vững. Lực lượng Công an xã chủ động triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; tăng cường quản lý cư trú, quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Việc thực hiện Đề án 06 của Chính phủ và chuyển đổi số trong quản lý dân cư được đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính và phục vụ người dân. Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" tiếp tục được duy trì, phát huy hiệu quả, huy động sự tham gia tích cực của Nhân dân trong giữ gìn an ninh, trật tự ngay từ cơ sở. Đồng thời, địa phương tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật, thực hiện hiệu quả các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng, chống tệ nạn xã hội và xây dựng địa bàn an toàn, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

15. Xã Châu Phú

15.1. Lịch sử hình thành

Vùng đất xã Châu Phú ngày nay nằm ở trung tâm huyện Châu Phú (cũ), thuộc vùng đồng bằng phù sa ven sông Hậu, được hình thành từ quá trình bồi tụ lâu dài của hệ thống sông Hậu và mạng lưới kênh, rạch tự nhiên. Từ rất sớm, cư

dân người Việt cùng với cộng đồng người Khmer và người Chăm đã đến khai hoang, lập làng, phát triển sản xuất nông nghiệp và hình thành các điểm dân cư dọc theo các tuyến giao thông thủy, bộ. Với điều kiện tự nhiên thuận lợi và vị trí nằm trên trục giao thông quan trọng nối phường Long Xuyên với phường Châu Đốc, khu vực này từng bước trở thành trung tâm kinh tế, thương mại và giao thương quan trọng của vùng phía Bắc tỉnh An Giang.

Dưới triều Nguyễn, vùng đất xã Châu Phú ngày nay thuộc huyện Đông Xuyên, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang, là khu vực được triều đình quan tâm khai khẩn, mở rộng diện tích canh tác và hình thành hệ thống làng xã ổn định. Trong thời kỳ thực dân Pháp và chính quyền Việt Nam Cộng hòa, địa bàn này thuộc quận Châu Phú, tỉnh Châu Đốc; sau khi hai tỉnh Châu Đốc và Long Xuyên được hợp nhất thành tỉnh An Giang, khu vực tiếp tục là trung tâm hành chính của huyện Châu Phú, giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, thương mại và dịch vụ của địa phương.

Sau ngày đất nước thống nhất, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính và phát triển kinh tế - xã hội, ngày 25/4/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 181-CP thành lập thị trấn Cái Dầu trên cơ sở tách các ấp Bình Nghĩa, Bình Hòa 1 của xã Bình Long và các ấp Vĩnh Tiền, Vĩnh Quới của xã Vĩnh Thạnh Trung. Kể từ khi được thành lập, thị trấn Cái Dầu giữ vai trò là huyện lỵ huyện Châu Phú, trở thành trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa và thương mại của huyện, tạo động lực thúc đẩy phát triển khu vực phía Bắc tỉnh An Giang.

Trong thời kỳ đổi mới, cùng với sự phát triển chung của tỉnh An Giang, thị trấn Cái Dầu được đầu tư đồng bộ về kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, từng bước mở rộng không gian đô thị, phát triển thương mại, dịch vụ và các ngành kinh tế phi nông nghiệp. Ngày 29/4/2022, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 354/QĐ-BXD công nhận đô thị Cái Dầu mở rộng (gồm thị trấn Cái Dầu, xã Bình Long và xã Bình Mỹ) đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV, đánh dấu bước phát triển quan trọng trong quá trình đô thị hóa, khẳng định vai trò là trung tâm tổng hợp của huyện Châu Phú.

Thực hiện chủ trương của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính nhằm tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó hợp nhất toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Tiếp đó, ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025. Theo đó, toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Cái Dầu, xã Bình Long và xã Bình Phú được sắp xếp để thành lập xã mới có tên gọi là xã Châu Phú.

15.2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

15.2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Châu Phú nằm ở phía Bắc và là 01 trong 102 đơn vị hành chính thuộc

tỉnh An Giang, nằm trong khu vực trung tâm của huyện Châu Phú cũ, có vị trí địa lý thuận lợi về giao thông và liên kết vùng, là địa bàn có nhiều tiềm năng và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội theo hướng đô thị, đặc biệt là phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Bình Mỹ;
- Phía Tây giáp xã Thạnh Mỹ Tây;
- Phía Nam giáp xã Vĩnh An;
- Phía Bắc giáp xã Vĩnh Thạnh Trung và xã Bình Thạnh Đông.

15.2.2. Vai trò chức năng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, xã Châu Phú thuộc không gian phát triển trung tâm của tỉnh An Giang, nằm trên hành lang kinh tế Quốc lộ 91 kết nối thành phố Long Xuyên với thành phố Châu Đốc và khu vực cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên. Với vị trí thuận lợi về giao thông và điều kiện phát triển kinh tế, xã Châu Phú được định hướng phát huy vai trò là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ và đầu mối giao thương của khu vực phía Bắc tỉnh An Giang; đồng thời là địa bàn phát triển đô thị, công nghiệp chế biến nông sản, logistics và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp.

Theo Đồ án Quy hoạch chung đô thị Cái Dầu đến năm 2035 được phê duyệt tại Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh An Giang, khu vực Cái Dầu được định hướng là đô thị trung tâm của huyện Châu Phú, giữ vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục và y tế; đồng thời là đầu mối thương mại, dịch vụ và giao thông quan trọng trên trục Quốc lộ 91. Không gian đô thị được quy hoạch phát triển theo hướng mở rộng, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, gắn với phát triển các khu dân cư mới, trung tâm thương mại, dịch vụ, công nghiệp sạch và hệ thống công trình công cộng, đáp ứng yêu cầu phát triển của đô thị loại IV và tiến tới đô thị loại III.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã Châu Phú được thành lập trên cơ sở hợp nhất thị trấn Cái Dầu, xã Bình Long và xã Bình Phú, tạo nên một không gian phát triển thống nhất giữa khu vực đô thị và vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Xã tiếp tục kế thừa vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, thương mại, dịch vụ và cung cấp các dịch vụ công của khu vực Châu Phú trước đây; đồng thời là đầu mối kết nối giữa các vùng sản xuất nông nghiệp với hệ thống tiêu thụ, chế biến và lưu thông hàng hóa, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng thương mại, dịch vụ và công nghiệp gắn với nông nghiệp công nghệ cao. Đặc biệt, từ ngày 01/01/2026, xã Châu Phú được chuyển tiếp thành đô thị Châu Phú (đô thị loại III) trên cơ sở đô thị Cái Dầu mở rộng theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15. Đây là cơ sở quan trọng để địa phương tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng đô thị, mở rộng không gian phát triển thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và các ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao; đồng thời nâng cao chất lượng quản lý đô thị, thu hút đầu tư và từng bước khẳng định vai trò là một trong những trung tâm đô thị quan trọng của tỉnh An Giang.

15.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Châu Phú có 80,11 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: đất xây dựng đô thị là 5,02 km^2, chiếm 6,26% và đất khác là 75,09 km^2, chiếm 93,74%.

15.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

15.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, xã Châu Phú có quy mô dân số là 60.445 người, trong đó dân số thường trú là 59.906 người và dân số tạm trú là 539 người.

15.4.2. Cơ cấu lao động

Cơ cấu lao động từng bước giảm dần tỷ trọng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng lao động trong các ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại và dịch vụ. Cụ thể: lao động nông nghiệp chiếm 29,91%; lao động công nghiệp - xây dựng chiếm 11,29%; lao động thương mại - dịch vụ chiếm 58,80%. Như vậy, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp trên địa bàn đạt 70,09%, phản ánh rõ xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - đô thị.

Sự phát triển mạnh của các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ và các hoạt động kinh doanh trên địa bàn đã tạo việc làm ổn định, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho Nhân dân; đồng thời hình thành lực lượng lao động có trình độ, kỹ năng và tác phong lao động phù hợp với môi trường đô thị. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng khẳng định xã Châu Phú đã cơ bản đáp ứng các tiêu chí về cơ cấu lao động của đơn vị hành chính đô thị, tạo điều kiện thuận lợi để thành lập phường và tiếp tục thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại, bền vững trong thời gian tới.

15.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Dân cư trên địa bàn xã Châu Phú chủ yếu là người Kinh, ngoài ra có cộng đồng người Hoa, Khmer và Chăm sinh sống đan xen, tạo nên sự đa dạng về bản sắc văn hóa và truyền thống cộng đồng. Dân cư phân bố tập trung tại khu vực thị trấn Cái Dầu trước đây và dọc theo Quốc lộ 91, các tuyến giao thông chính, khu vực chợ, trung tâm thương mại và các khu dân cư hiện hữu; trong khi khu vực Bình Long và Bình Phú trước đây có dân cư phân bố gắn với các vùng sản xuất nông nghiệp, các tuyến kênh, rạch và hệ thống giao thông nông thôn.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã Châu Phú có quy mô dân số lớn, mật độ dân cư cao, mang đặc trưng của khu vực đang phát triển theo hướng đô thị. Cơ cấu dân cư có sự chuyển dịch tích cực từ sản xuất nông nghiệp sang thương mại, dịch vụ, công nghiệp và các ngành nghề phi nông nghiệp; lực lượng lao động trẻ chiếm tỷ trọng lớn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế của địa phương. Với việc kế thừa không gian đô thị Cái Dầu mở rộng (đô thị loại IV) và từ ngày 01/01/2026 được chuyển tiếp thành đô thị Châu Phú (đô thị loại III), đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ngày càng được nâng cao; nhu cầu về nhà ở, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, giáo dục, y tế, thương mại và

các dịch vụ công cộng ngày càng gia tăng. Cùng với đó, ý thức chấp hành pháp luật, xây dựng nếp sống văn minh đô thị và bảo vệ môi trường của người dân không ngừng được nâng lên, tạo nền tảng thuận lợi cho quá trình phát triển đô thị và nâng cao chất lượng quản lý nhà nước trên địa bàn.

15.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

15.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Kinh tế xã Châu Phú tiếp tục tăng trưởng ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Tổng giá trị sản xuất các ngành chủ yếu năm 2025 thực hiện đạt 3.661,54 tỷ đồng (giá hiện hành), cụ thể: ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 10,17% tổng giá trị sản xuất, tương ứng 372,33 tỷ đồng; ngành thương mại - dịch vụ chiếm 62,88%, tương ứng 2.302,33 tỷ đồng; ngành nông - lâm - thủy sản chiếm 26,95%, tương ứng 986,88 tỷ đồng.

15.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Châu Phú năm 2025 đạt 865,04 tỷ đồng; tổng chi ngân sách đạt 506,25 tỷ đồng. Cân đối có dư.

15.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 70,05 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 74,20 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 83,14 triệu đồng/người/năm.

15.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Châu Phú là 1,52%, trong đó: năm 2023 là 2,06%, năm 2024 là 1,48% và năm 2025 là 1,02%.

15.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Sản xuất nông nghiệp - thủy sản tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế của xã Châu Phú, từng bước phát triển theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, ứng dụng khoa học - công nghệ và thích ứng với biến đổi khí hậu. Năm 2025, giá trị sản xuất nông nghiệp ước đạt 296,8 triệu đồng, đạt 110% kế hoạch. Tổng diện tích gieo trồng đạt 6.803 ha, trong đó diện tích sản xuất lúa 6.722 ha, chia thành 22 tiểu vùng; sản lượng lúa đạt khoảng 145.958 tấn, năng suất bình quân 6,43 tấn/ha. Địa phương tiếp tục đẩy mạnh cơ giới hóa, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, thực hiện hiệu quả chương trình "1 triệu héc-ta lúa chất lượng cao và phát thải thấp vùng Đồng bằng sông Cửu Long", với 50 ha và 28 hộ dân tham gia mô hình, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm chi phí và tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

Cơ cấu cây trồng tiếp tục được chuyển dịch theo hướng nâng cao chất lượng và giá trị kinh tế. Diện tích cây ăn trái đạt 154,6 ha, tập trung vào các loại cây có giá trị như xoài, mít, sầu riêng và một số cây đặc sản của địa phương; diện tích

rau màu được duy trì ổn định, đáp ứng nhu cầu thị trường. Địa phương đã được cấp 03 mã số vùng trồng, đồng thời triển khai thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn 2026-2030, từng bước hình thành các vùng sản xuất tập trung gắn với liên kết tiêu thụ và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Công tác thủy lợi, điều tiết nước, phòng chống thiên tai và bảo vệ sản xuất được quan tâm thực hiện, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Lĩnh vực chăn nuôi và thủy sản được duy trì ổn định theo hướng an toàn sinh học và phát triển bền vững. Công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được triển khai đồng bộ; việc tiêm phòng, vệ sinh, tiêu độc khử trùng và kiểm soát dịch bệnh được thực hiện thường xuyên, không để phát sinh dịch bệnh nguy hiểm trên diện rộng. Địa phương tiếp tục khuyến khích phát triển mô hình kinh tế nông thôn xanh, kinh tế tuần hoàn và các mô hình sản xuất hữu cơ; sản phẩm chanh không hạt của xã được công nhận đạt OCOP 3 sao, góp phần nâng cao giá trị nông sản và phát triển kinh tế nông thôn. Bên cạnh đó, xã đã hoàn thành Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025, tạo cơ sở phục vụ công tác quy hoạch, phát triển các vùng sản xuất tập trung và định hướng phát triển ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững.

b) Công nghiệp - xây dựng

Công nghiệp - xây dựng tiếp tục là một trong những lĩnh vực tạo động lực tăng trưởng và thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của xã Châu Phú. Kế thừa vai trò là trung tâm huyện lỵ Châu Phú trước đây và hạt nhân của đô thị Cái Dầu, địa phương đang hình thành không gian phát triển theo hướng đô thị hiện đại, lấy thương mại - dịch vụ, công nghiệp chế biến và xây dựng kết cấu hạ tầng làm nền tảng. Các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục duy trì hoạt động ổn định, tập trung vào các ngành chế biến nông sản, cơ khí, sửa chữa máy nông nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ dân dụng và các ngành nghề phục vụ sản xuất, tiêu dùng. Đặc biệt, Khu công nghiệp Bình Long với quy mô 30,57 ha tiếp tục phát huy hiệu quả, từng bước thu hút doanh nghiệp đầu tư sản xuất, góp phần mở rộng quy mô công nghiệp, giải quyết việc làm và nâng cao giá trị sản xuất trên địa bàn.

Cùng với phát triển công nghiệp, công tác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng được tập trung triển khai đồng bộ, tạo động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội và chỉnh trang đô thị. Trong năm 2025, xã đã huy động nhiều nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, trường học, cơ sở văn hóa, hạ tầng kỹ thuật và các công trình phục vụ dân sinh; đồng thời tiếp tục triển khai các dự án chỉnh trang đô thị, mở rộng không gian phát triển và nâng cao chất lượng hạ tầng theo tiêu chí đô thị. Tổng vốn đầu tư công năm 2025 đạt trên 10.963,430/11.462,985 triệu đồng đạt 95,65%, tập trung thực hiện các công trình trọng điểm về giao thông, chống sạt lở, xây dựng trường học, thiết chế văn hóa và hạ tầng kỹ thuật, góp phần hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, nâng cao năng lực kết nối giữa khu vực trung tâm với các vùng sản xuất và khu dân cư.

Công tác quy hoạch, quản lý xây dựng và phát triển đô thị được thực hiện chặt chẽ, gắn với định hướng phát triển đô thị Châu Phú trong giai đoạn mới. Địa

phương tập trung rà soát quy hoạch, tăng cường quản lý đất đai, trật tự xây dựng, huy động các nguồn lực xã hội hóa để đầu tư hạ tầng, tạo quỹ đất phục vụ phát triển các khu dân cư, trung tâm thương mại, dịch vụ và các công trình công cộng. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, việc hợp nhất thị trấn Cái Dầu, xã Bình Long và xã Bình Phú đã tạo không gian phát triển rộng lớn hơn, phát huy hiệu quả hệ thống hạ tầng hiện có, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, mở rộng các hoạt động công nghiệp, xây dựng và dịch vụ đô thị. Với lợi thế là địa phương được chuyển tiếp thành đô thị Châu Phú (đô thị loại III) từ ngày 01/01/2026, xã đang từng bước khẳng định vai trò là một trong những trung tâm phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và đô thị quan trọng của tỉnh An Giang, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao chất lượng sống của Nhân dân.

c) Thương mại - dịch vụ

Thương mại - dịch vụ là lĩnh vực có tốc độ phát triển nhanh và giữ vai trò động lực trong cơ cấu kinh tế của xã Châu Phú. Kế thừa vị thế là trung tâm huyện lỵ Châu Phú trước đây và hạt nhân của đô thị Cái Dầu, xã có lợi thế nổi bật về vị trí địa lý khi nằm trên Quốc lộ 91 - tuyến giao thông huyết mạch kết nối phường Long Xuyên với phường Châu Đốc, các cửa khẩu quốc tế và vùng Tứ giác Long Xuyên. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ, logistics, trung chuyển hàng hóa và các loại hình kinh doanh tổng hợp, tạo nên sức lan tỏa đối với toàn khu vực phía Bắc của tỉnh An Giang.

Hoạt động thương mại trên địa bàn diễn ra sôi động với hệ thống chợ truyền thống, siêu thị, cửa hàng tiện ích, trung tâm phân phối vật tư nông nghiệp, hệ thống ngân hàng, dịch vụ tài chính, vận tải, lưu trú, ăn uống và nhiều loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất, tiêu dùng phát triển mạnh. Đặc biệt, Trung tâm thương mại Khô nông sản Cái Dầu đã từng bước khẳng định vai trò là đầu mối thu mua, chế biến và phân phối nông sản lớn của khu vực, góp phần kết nối sản xuất với thị trường trong và ngoài tỉnh, nâng cao giá trị hàng hóa nông sản địa phương. Bên cạnh đó, hoạt động thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số trong kinh doanh ngày càng được mở rộng, từng bước hình thành môi trường kinh doanh hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Năm 2025, toàn xã có hơn 80 doanh nghiệp và 3.805 hộ kinh doanh đang hoạt động trên nhiều lĩnh vực, tạo việc làm cho hàng nghìn lao động và đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của địa phương. Cùng với sự phát triển của Khu công nghiệp Bình Long, hệ thống thương mại - dịch vụ tiếp tục được mở rộng cả về quy mô và chất lượng, thúc đẩy sự phát triển của các ngành logistics, vận tải, kho bãi, tài chính, ngân hàng và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất. Việc hợp nhất thị trấn Cái Dầu, xã Bình Long và xã Bình Phú đã tạo ra một không gian kinh tế thống nhất giữa khu vực đô thị với vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, phát huy hiệu quả chuỗi liên kết từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm.

Với định hướng trở thành đô thị Châu Phú (đô thị loại III) từ ngày 01/01/2026, xã Châu Phú đang từng bước khẳng định vị thế là trung tâm thương mại, dịch vụ tổng hợp và đầu mối giao thương quan trọng của tỉnh An Giang, giữ

vai trò kết nối các vùng sản xuất nông nghiệp với hệ thống chế biến, phân phối và tiêu thụ hàng hóa. Sự phát triển mạnh mẽ của khu vực thương mại - dịch vụ không chỉ thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành dịch vụ mà còn tạo động lực thu hút đầu tư, mở rộng không gian đô thị và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân, từng bước đưa Châu Phú trở thành một trong những cực tăng trưởng mới của tỉnh An Giang.

15.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

15.6.1. Giáo dục - đào tạo

Giáo dục và đào tạo tiếp tục là một trong những lĩnh vực được xã Châu Phú quan tâm đầu tư, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương trong giai đoạn mới. Với lợi thế kế thừa hệ thống cơ sở giáo dục của thị trấn Cái Dầu và các xã Bình Long, Bình Phú trước đây, mạng lưới trường học trên địa bàn được quy hoạch tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh ở tất cả các cấp học. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được quan tâm đầu tư, từng bước hoàn thiện theo hướng hiện đại; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, giảng dạy.

Năm học 2025 - 2026, ngành Giáo dục của xã tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018, duy trì chất lượng giáo dục đại trà, đồng thời chú trọng bồi dưỡng học sinh giỏi, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống và phát triển toàn diện cho học sinh. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, huy động học sinh đến trường và duy trì sĩ số được thực hiện hiệu quả; các chính sách hỗ trợ học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách và học sinh có hoàn cảnh khó khăn được triển khai đầy đủ, góp phần bảo đảm quyền học tập của mọi trẻ em trên địa bàn. Phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập tiếp tục được phát huy với sự tham gia tích cực của các tổ chức, đoàn thể và cộng đồng dân cư.

Cùng với quá trình phát triển đô thị và mở rộng không gian hành chính sau khi sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã Châu Phú tiếp tục phát huy vai trò là trung tâm giáo dục của khu vực phía Bắc tỉnh An Giang, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đầu tư hoàn thiện hệ thống trường lớp, đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục và xây dựng môi trường học tập hiện đại, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa của địa phương.

15.6.2. Y tế

Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn xã Châu Phú tiếp tục được duy trì ổn định, chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng cao, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân trên địa bàn và các khu vực lân cận. Hệ thống cơ sở y tế được đầu tư tương đối đồng bộ; đội ngũ cán bộ y tế thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và thực hiện hiệu quả các chương trình y tế quốc gia. Trong năm 2025,

công tác y tế dự phòng, giám sát dịch tễ, tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, phòng chống suy dinh dưỡng và dân số - kế hoạch hóa gia đình được triển khai đầy đủ, không để xảy ra dịch bệnh lớn trên địa bàn.

Song song với hoạt động khám, chữa bệnh, địa phương tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế; thường xuyên kiểm tra các cơ sở hành nghề y, dược tư nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, bảo đảm thực hiện đúng các quy định về chuyên môn và vệ sinh an toàn thực phẩm. Việc tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe, xây dựng lối sống lành mạnh và tham gia bảo hiểm y tế tiếp tục được chú trọng, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cộng đồng và thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội.

Với lợi thế là trung tâm hành chính và dịch vụ của khu vực Châu Phú trước đây, xã có điều kiện thuận lợi để phát triển hệ thống y tế theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe. Đây là nền tảng quan trọng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện chất lượng cuộc sống và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

15.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Công tác văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền trên địa bàn xã Châu Phú được triển khai toàn diện, bám sát nhiệm vụ chính trị và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong năm 2025, địa phương đã tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước và của tỉnh; đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường và các nhiệm vụ chính trị trọng tâm của địa phương. Hệ thống truyền thanh cơ sở và các nền tảng thông tin điện tử được khai thác hiệu quả, góp phần đưa thông tin chính thống đến người dân nhanh chóng, kịp thời và tạo sự đồng thuận trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ phát triển địa phương.

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả; các danh hiệu gia đình văn hóa, ấp văn hóa được bình xét, công nhận đúng quy định, gắn với việc xây dựng nếp sống văn minh, giữ gìn an ninh trật tự và bảo vệ môi trường. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng được tổ chức thường xuyên tại các khu dân cư, trường học và cơ quan, đơn vị, thu hút đông đảo Nhân dân tham gia. Nhiều giải thi đấu thể thao, hội diễn văn nghệ và các hoạt động giao lưu được tổ chức, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, tăng cường giao lưu cộng đồng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Với vai trò là trung tâm hành chính, thương mại và dịch vụ của khu vực Châu Phú trước đây, xã có điều kiện thuận lợi để phát triển các hoạt động văn hóa, thể thao theo hướng chuyên nghiệp và đa dạng hơn. Việc khai thác hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao hiện có, kết hợp với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền đã góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành

mạnh, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của Nhân dân, đồng thời tạo động lực thúc đẩy phát triển con người và nâng cao chất lượng cuộc sống trên địa bàn.

15.6.4. An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội trên địa bàn xã Châu Phú được triển khai đồng bộ, bảo đảm thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng yếu thế. Trong năm 2025, địa phương thực hiện đầy đủ chế độ trợ cấp thường xuyên, trợ cấp đột xuất; tổ chức thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách, người có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng bảo trợ xã hội nhân dịp lễ, Tết, góp phần thực hiện hiệu quả chính sách "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn" và chăm lo đời sống Nhân dân. Đồng thời, các chương trình giảm nghèo, hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề, vay vốn ưu đãi và giải quyết việc làm tiếp tục được triển khai, tạo điều kiện để người dân ổn định thu nhập và từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống.

Công tác lao động, việc làm, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, phòng, chống tệ nạn xã hội được thực hiện thường xuyên và đạt nhiều kết quả tích cực. Các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chương trình hỗ trợ của Nhà nước được triển khai đúng quy định, góp phần mở rộng diện bao phủ an sinh xã hội. Bên cạnh đó, địa phương đẩy mạnh huy động các nguồn lực xã hội hóa, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và các nhà hảo tâm trong các hoạt động nhân đạo, từ thiện, chăm lo người có hoàn cảnh khó khăn, xây dựng nhà Đại đoàn kết và hỗ trợ các đối tượng dễ bị tổn thương. Những kết quả đạt được đã góp phần bảo đảm ổn định đời sống dân cư, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và tạo nền tảng xã hội vững chắc cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

16.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Công tác tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn xã Châu Phú được triển khai đúng chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân. Các tổ chức tôn giáo và cơ sở tín ngưỡng hoạt động ổn định, tuân thủ quy định của pháp luật, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác tuyên truyền, vận động chức sắc, chức việc và tín đồ thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tham gia các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, bảo vệ môi trường và các hoạt động an sinh xã hội.

Địa phương thường xuyên quan tâm nắm bắt tình hình hoạt động của các tổ chức tôn giáo, kịp thời hướng dẫn, giải quyết các nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo theo đúng quy định; tạo điều kiện để các cơ sở tôn giáo tổ chức các ngày lễ trọng và các hoạt động tôn giáo diễn ra an toàn, trang nghiêm, đúng pháp luật. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện chặt chẽ, gắn với tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

15.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã Châu Phú tiếp tục được triển khai đồng bộ, góp phần giữ vững ổn định chính trị và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Địa phương duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên vững mạnh; tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo đúng kế hoạch, đồng thời hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ. Công tác phối hợp giữa lực lượng quân sự, công an và các ngành, đoàn thể trong bảo vệ các mục tiêu trọng điểm, bảo đảm an ninh chính trị, an ninh nông thôn và xử lý các tình huống phát sinh được thực hiện chặt chẽ, góp phần giữ vững thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn.

Với đặc điểm là trung tâm hành chính, thương mại và dịch vụ của khu vực Châu Phú trước đây, công tác bảo đảm an ninh, trật tự được địa phương đặc biệt quan tâm. Lực lượng Công an xã chủ động nắm chắc tình hình, triển khai hiệu quả các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm; tăng cường quản lý cư trú, quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, phòng, chống cháy nổ, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Việc triển khai Đề án 06 của Chính phủ, ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước công dân và định danh điện tử tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính và phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả với sự tham gia tích cực của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và Nhân dân. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, xây dựng các mô hình tự quản về an ninh, trật tự được triển khai thường xuyên, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong cộng đồng. Việc giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội không chỉ bảo đảm cuộc sống bình yên cho Nhân dân mà còn tạo nền tảng vững chắc để xã Châu Phú phát huy vai trò là trung tâm phát triển kinh tế, thương mại và dịch vụ của khu vực trong giai đoạn mới.

16. Xã Vĩnh Thạnh Trung

16.1. Lịch sử hình thành

Vùng đất xã Vĩnh Thạnh Trung ngày nay nằm ở phía Đông Bắc tỉnh An Giang, thuộc vùng đồng bằng phù sa ven sông Hậu, được hình thành từ quá trình bồi tụ lâu dài của hệ thống sông Hậu và mạng lưới kênh, rạch tự nhiên. Từ rất sớm, cư dân người Việt cùng với cộng đồng người Khmer đã đến khai khẩn đất hoang, lập làng, mở rộng diện tích canh tác và hình thành các điểm dân cư dọc theo các tuyến giao thông thủy, bộ. Với điều kiện tự nhiên thuận lợi cùng vị trí nằm trên tuyến Quốc lộ 91, khu vực này từng bước trở thành một trong những vùng sản xuất nông nghiệp, thương mại và giao thương quan trọng của huyện Châu Phú trước đây.

Dưới triều Nguyễn, vùng đất xã Vĩnh Thạnh Trung ngày nay thuộc huyện Đông Xuyên, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang, là khu vực được đẩy mạnh khai

hoang, mở rộng sản xuất nông nghiệp và hình thành hệ thống làng xã ổn định. Trong thời kỳ thực dân Pháp và chính quyền Việt Nam Cộng hòa, địa bàn này thuộc quận Châu Phú, tỉnh Châu Đốc, giữ vai trò là vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm gắn với mạng lưới giao thông và thương mại của khu vực.

Sau ngày đất nước thống nhất, cùng với việc tái lập tỉnh An Giang năm 1976, địa bàn Vĩnh Thạnh Trung tiếp tục thuộc huyện Châu Phú. Ngày 25/4/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 181-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính một số xã thuộc tỉnh An Giang. Theo đó, địa giới xã Vĩnh Thạnh Trung được điều chỉnh để thành lập thị trấn Cái Dầu, xã Mỹ Phú và xã Ô Long Vĩ; đồng thời tiếp nhận một số ấp của xã Thạnh Mỹ Tây và xã Mỹ Đức. Tiếp đó, ngày 12/01/1984, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 8-HĐBT điều chỉnh một phần địa giới xã Vĩnh Thạnh Trung sang xã Thạnh Mỹ Tây. Những lần điều chỉnh này góp phần hoàn thiện tổ chức hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Trong thời kỳ đổi mới, cùng với quá trình phát triển chung của huyện Châu Phú, Vĩnh Thạnh Trung được đầu tư mạnh về kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế và thương mại, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng thương mại, dịch vụ và phát triển đô thị. Với tốc độ đô thị hóa nhanh, quy mô dân số lớn và hệ thống hạ tầng ngày càng hoàn thiện, ngày 09/12/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1107/NQ-UBTVQH14, thành lập thị trấn Vĩnh Thạnh Trung trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Vĩnh Thạnh Trung. Đây là dấu mốc quan trọng, khẳng định vị thế của Vĩnh Thạnh Trung là một trong những trung tâm phát triển của huyện Châu Phú.

Thực hiện chủ trương của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính nhằm tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang được sắp xếp để thành lập tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Tiếp đó, ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025. Theo đó, toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Vĩnh Thạnh Trung và xã Mỹ Phú được sắp xếp để thành lập xã mới có tên gọi là xã Vĩnh Thạnh Trung.

16.2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

16.2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Vĩnh Thạnh Trung nằm ở phía Bắc của tỉnh An Giang. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Bình Thạnh Đông;
- Phía Tây giáp xã Thạnh Mỹ Tây;
- Phía Nam giáp Châu Phú;
- Phía Bắc giáp xã Mỹ Đức.

16.2.2. Vai trò chức năng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã Vĩnh Thạnh Trung thuộc không gian phát triển phía Bắc của tỉnh An Giang, nằm trên hành lang kinh tế Quốc lộ 91 kết nối thành phố Long Xuyên với thành phố Châu Đốc và các cửa khẩu quốc tế của tỉnh. Với vị trí thuận lợi về giao thông và vai trò là một trong những trung tâm của huyện Châu Phú trước đây, địa phương được định hướng phát triển theo mô hình đô thị - dịch vụ gắn với thương mại, công nghiệp chế biến, logistics nông nghiệp và vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

Theo Đồ án Quy hoạch chung đô thị Vĩnh Thạnh Trung đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 của UBND tỉnh An Giang, khu vực Vĩnh Thạnh Trung được định hướng là đô thị trung tâm phía Đông của huyện Châu Phú, giữ vai trò là trung tâm thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và giao lưu kinh tế của khu vực; đồng thời là đầu mối phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông sản và các dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp. Không gian đô thị được quy hoạch phát triển theo hướng đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, gắn với bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sống của người dân.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã Vĩnh Thạnh Trung được thành lập trên cơ sở hợp nhất thị trấn Vĩnh Thạnh Trung và xã Mỹ Phú, tạo nên một không gian phát triển thống nhất giữa khu vực đô thị hiện hữu với vùng sản xuất nông nghiệp tập trung. Việc hợp nhất đã mở rộng quy mô dân số, quỹ đất và hệ thống hạ tầng, tạo điều kiện khai thác hiệu quả các nguồn lực hiện có, phát triển mạng lưới thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến, logistics nông sản và các ngành kinh tế phi nông nghiệp; đồng thời nâng cao năng lực cung cấp các dịch vụ hành chính, giáo dục, y tế và văn hóa cho người dân trên địa bàn.

Hiện nay, xã Vĩnh Thạnh Trung đang triển khai Quy hoạch chung xã đến năm 2050, hướng tới xây dựng không gian phát triển hiện đại, đồng bộ, khai thác hiệu quả lợi thế về vị trí giao thông và vai trò trung tâm của khu vực. Định hướng phát triển tập trung vào hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật, mở rộng không gian đô thị, phát triển các khu thương mại - dịch vụ, cụm công nghiệp, logistics, đồng thời xây dựng nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, từng bước đưa Vĩnh Thạnh Trung trở thành một trong những trung tâm phát triển quan trọng của tỉnh An Giang trong giai đoạn mới.

16.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Vĩnh Thạnh Trung có 64,97 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: Đất phi xây dựng đô thị là 6,65 km^2, chiếm 10,24% và đất khác là 58,32 km^2, chiếm 89,76%.

16.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

16.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, xã Vĩnh Thạnh Trung có quy mô dân số là 65.106 người, trong đó dân số thường trú là 64.802 người và dân số tạm trú là 304 người.

16.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã (từ 15 đến 60 tuổi) là 41.545 người, chiếm 63,81% tổng dân số của xã. Trong đó: tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 38.348 người, chiếm tỷ lệ 92,30% lao động trong độ tuổi.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 11.460 người, chiếm tỷ lệ 29,88%; lao động công nghiệp và xây dựng là 4.029 người, chiếm tỷ lệ 10,51%; lao động thương mại - dịch vụ là 22.859 người, chiếm tỷ lệ 59,61%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 26.888 người, chiếm tỷ lệ 70,12%.

16.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Vĩnh Thạnh Trung chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc Quốc lộ và các đường tỉnh lộ, tuyến đường chính trên địa bàn xã.

16.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

16.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Vĩnh Thạnh Trung năm 2025 theo giá hiện hành đạt 6.579,94 tỷ đồng, tăng 10,80% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 662,24 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 4.019,79 tỷ đồng; nông - lâm - thủy sản đạt 1.897,91 tỷ đồng.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 61,09%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 10,06% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 28,84 % trong cơ cấu kinh tế của xã.

16.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Vĩnh Thạnh Trung năm 2025 đạt 219,43 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 219,16 tỷ đồng. Cân đối có dư.

16.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 74,35 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 77,37 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 86,59 triệu đồng/người/năm.

16.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025

của xã Vĩnh Thạnh Trung là 1,32%, trong đó: năm 2023 là 1,68%, năm 2024 là 1,26% và năm 2025 là 1,01%.

16.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Sản xuất nông nghiệp - thủy sản tiếp tục giữ vai trò là nền tảng quan trọng trong phát triển kinh tế của xã Vĩnh Thạnh Trung, từng bước chuyển dịch theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Năm 2025, tổng diện tích gieo trồng lúa đạt 2.034 ha, đạt 100% kế hoạch, năng suất bình quân 6,68 tấn/ha, sản lượng đạt khoảng 13.600 tấn. Địa phương tiếp tục chỉ đạo sản xuất đúng khung thời vụ, tăng cường ứng dụng cơ giới hóa, sử dụng giống chất lượng cao, thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống sâu bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất. Bên cạnh cây lúa, diện tích cây ăn trái đạt 542,6 ha, sản lượng khoảng 3.273 tấn; diện tích xuống giống rau màu 86,5 ha, tập trung vào các loại cây trồng có giá trị kinh tế, đáp ứng nhu cầu thị trường và nâng cao thu nhập cho người dân.

Địa phương tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án "Phát triển bền vững một triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030", với diện tích đăng ký tham gia 3.238 ha, đồng thời mở rộng các mô hình liên kết sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Song song đó, công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu và bảo vệ sản xuất được triển khai đồng bộ; địa phương thường xuyên nạo vét kênh mương, gia cố đê bao, tuyên truyền các biện pháp phòng, chống ngập úng, hạn hán, góp phần bảo đảm điều kiện sản xuất ổn định và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

Lĩnh vực chăn nuôi và thủy sản tiếp tục phát triển theo hướng an toàn sinh học và bền vững. Đàn gia súc, gia cầm được duy trì ổn định với tổng đàn khoảng 182.600 con; công tác tiêm phòng, giám sát dịch bệnh, vệ sinh tiêu độc khử trùng được thực hiện thường xuyên, không để phát sinh dịch bệnh nguy hiểm trên diện rộng. Hoạt động nuôi trồng thủy sản tiếp tục được duy trì gắn với khai thác hiệu quả điều kiện tự nhiên và phát triển kinh tế hộ gia đình. Việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, xây dựng các vùng sản xuất tập trung và liên kết tiêu thụ sản phẩm đang tạo nền tảng để nông nghiệp Vĩnh Thạnh Trung phát triển theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị sản xuất và sức cạnh tranh của nông sản địa phương.

b) Công nghiệp - xây dựng

Công nghiệp - xây dựng tiếp tục có bước phát triển tích cực, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng. Địa phương tập trung tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh duy trì và mở rộng hoạt động; khuyến khích phát triển các ngành chế biến nông sản, cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, sửa chữa máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp và các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp gắn với lợi thế của địa phương. Bên cạnh đó, xã tiếp

tục hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Mỹ Phú, từng bước hình thành không gian sản xuất tập trung, tạo điều kiện thu hút doanh nghiệp đầu tư, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động.

Công tác đầu tư xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng được triển khai đồng bộ, tập trung vào các công trình giao thông, chỉnh trang đô thị, thủy lợi và hạ tầng dân sinh. Trong năm 2025, địa phương đã cấp phép xây dựng 29 trường hợp, triển khai nhiều công trình nâng cấp, mở rộng đường giao thông, cải tạo trụ sở làm việc và các công trình phục vụ dân sinh; đồng thời tiếp tục thực hiện các dự án mở rộng mặt đường Đỗ Tường Hải, tuyến Bảy Vinh Tre, cải tạo trụ sở UBND xã và Văn phòng ấp Mỹ Thuận, Mỹ Lợi, Vĩnh Thuận,... góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, nâng cao khả năng kết nối giữa khu vực trung tâm với các vùng sản xuất và khu dân cư.

Cùng với việc đẩy mạnh đầu tư xây dựng, địa phương tăng cường công tác quản lý quy hoạch, quản lý đất đai và trật tự xây dựng; thường xuyên kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định, bảo đảm phát triển không gian đô thị và nông thôn theo đúng quy hoạch được phê duyệt. Việc hợp nhất thị trấn Vĩnh Thạnh Trung và xã Mỹ Phú đã tạo điều kiện khai thác hiệu quả hệ thống hạ tầng hiện có, mở rộng không gian phát triển, đồng thời tạo dư địa để phát triển công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ, góp phần đưa Vĩnh Thạnh Trung trở thành một trong những cực tăng trưởng quan trọng của khu vực phía Bắc tỉnh An Giang trong giai đoạn tới.

c) Thương mại - dịch vụ

Thương mại - dịch vụ tiếp tục là một trong những lĩnh vực phát triển năng động của xã Vĩnh Thạnh Trung, đóng góp quan trọng vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp. Với lợi thế nằm trên Quốc lộ 91 và kế thừa vai trò trung tâm của thị trấn Vĩnh Thạnh Trung trước đây, địa phương có điều kiện thuận lợi để phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ, vận tải, tài chính, ngân hàng và cung ứng vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp. Hệ thống chợ, cửa hàng kinh doanh, siêu thị mini, cơ sở dịch vụ, nhà hàng, lưu trú và các loại hình kinh doanh cá thể phát triển đa dạng, đáp ứng tốt nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của người dân trong và ngoài địa bàn. Trong năm 2025, thị trường hàng hóa cơ bản ổn định, nguồn cung dồi dào, giá cả ít biến động, các hoạt động lưu thông hàng hóa diễn ra thuận lợi, góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng thương mại của địa phương.

Môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện theo hướng công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và hộ kinh doanh phát triển sản xuất, mở rộng quy mô hoạt động. Địa phương thực hiện hiệu quả cơ chế "chính quyền đồng hành cùng doanh nghiệp và người dân", đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh; trong năm đã cấp mới 30 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, cấp đổi 12 giấy chứng nhận, đồng thời rà soát và quản lý 105 tổ hợp tác đang hoạt động trên địa bàn. Hoạt động thương mại gắn với dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, vận tải, logistics và tiêu thụ nông sản tiếp tục được mở rộng, tạo thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

Việc hợp nhất thị trấn Vĩnh Thạnh Trung và xã Mỹ Phú đã tạo nên một không gian kinh tế thống nhất giữa khu vực đô thị và vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, mở rộng thị trường tiêu dùng và nâng cao khả năng kết nối giữa sản xuất với tiêu thụ. Đây là điều kiện thuận lợi để địa phương tiếp tục phát triển thương mại theo hướng văn minh, hiện đại; mở rộng các dịch vụ tài chính, logistics, thương mại điện tử và các loại hình dịch vụ chất lượng cao, từng bước khẳng định vai trò là một trong những trung tâm thương mại, dịch vụ quan trọng của khu vực phía Bắc tỉnh An Giang.

16.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

16.6.1. Giáo dục - đào tạo

Giáo dục và đào tạo tiếp tục được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế - xã hội của xã Vĩnh Thạnh Trung. Mạng lưới trường học trên địa bàn được quy hoạch tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh ở các cấp học. Hiện nay, toàn xã có 11 cơ sở giáo dục, gồm 06 trường tiểu học, 03 trường trung học cơ sở và 02 trường mầm non; trong đó 06/11 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 54,55%. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được quan tâm đầu tư; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được bố trí đầy đủ về số lượng, từng bước nâng cao chất lượng chuyên môn, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tỷ lệ cán bộ, giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn đạt 100%.

Năm học 2025 - 2026, địa phương tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018, chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác quản lý, giảng dạy. Công tác phổ cập giáo dục, huy động học sinh đến trường và duy trì sĩ số được thực hiện hiệu quả; tỷ lệ huy động học sinh mầm non 5 tuổi đạt 100%, tỷ lệ huy động học sinh trung học cơ sở đạt 100%. Các phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập tiếp tục được phát huy; sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội ngày càng chặt chẽ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, hạn chế tình trạng học sinh bỏ học và tạo môi trường học tập lành mạnh cho học sinh.

Với quy mô dân số lớn và nhu cầu học tập ngày càng tăng, địa phương tiếp tục ưu tiên đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất trường lớp, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học. Đây là nền tảng quan trọng để xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động của địa phương trong những năm tới.

16.6.2. Y tế

Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn xã Vĩnh Thạnh Trung tiếp tục được quan tâm chỉ đạo và triển khai đồng bộ, đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân. Hệ thống y tế cơ sở duy trì hoạt động ổn định, thực hiện hiệu quả công tác khám, chữa bệnh ban đầu, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số - kế hoạch hóa gia đình và các chương

trình y tế quốc gia. Trong năm 2025, các cơ sở y tế trên địa bàn đã thực hiện 15.078 lượt khám bệnh, trong đó 9.014 lượt khám có bảo hiểm y tế và 6.064 lượt khám dịch vụ. Công tác phòng, chống dịch bệnh được triển khai thường xuyên, chủ động giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời các ca bệnh truyền nhiễm; toàn xã ghi nhận 128 ca sốt xuất huyết và 131 ca tay chân miệng, các ổ dịch đều được kiểm soát, không để bùng phát trên diện rộng.

Cùng với hoạt động khám, chữa bệnh, địa phương tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế, thường xuyên kiểm tra các cơ sở hành nghề y, dược tư nhân, cơ sở kinh doanh thực phẩm và triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng ngừa ngộ độc thực phẩm. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu và tham gia bảo hiểm y tế được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cộng đồng và cải thiện chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

Trong thời gian tới, địa phương tiếp tục ưu tiên đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, khám chữa bệnh nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân trong điều kiện quy mô dân số ngày càng tăng.

16.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Công tác văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền tiếp tục được triển khai toàn diện, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân và tạo sự đồng thuận trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong năm 2025, xã đã tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, các sự kiện chính trị quan trọng của tỉnh và địa phương; đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, công tác chuyển đổi số, cải cách hành chính, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường và các nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Hệ thống truyền thanh cơ sở được duy trì hoạt động thường xuyên, bảo đảm chuyển tải kịp thời các thông tin chính thống đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả, gắn với xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa và thực hiện nếp sống văn minh. Công tác quản lý, khai thác các thiết chế văn hóa được quan tâm; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng được tổ chức thường xuyên, thu hút đông đảo cán bộ, đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia. Các giải thi đấu thể thao, hội diễn văn nghệ và các hoạt động giao lưu được tổ chức sôi nổi, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng, tăng cường tinh thần đoàn kết và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh tại cơ sở.

Bên cạnh đó, địa phương tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thông tin, tuyên truyền; khai thác hiệu quả các nền tảng số và hệ thống truyền thông cơ sở nhằm nâng cao chất lượng cung cấp thông tin đến người dân. Việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, kết

hợp với xây dựng đời sống văn hóa mới, từng bước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của Nhân dân, góp phần xây dựng cộng đồng đoàn kết, văn minh và tạo động lực cho sự phát triển bền vững của địa phương.

16.6.4. An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội trên địa bàn xã Vĩnh Thạnh Trung được triển khai đầy đủ, kịp thời và đúng quy định, góp phần bảo đảm đời sống Nhân dân và giữ vững ổn định xã hội. Trong năm 2025, địa phương thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng yếu thế; đồng thời tổ chức thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách, người có công, hộ nghèo và các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp lễ, Tết, thể hiện đạo lý "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn". Công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm và đào tạo nghề tiếp tục được quan tâm; địa phương phối hợp triển khai các chương trình hỗ trợ vay vốn, tư vấn việc làm, đào tạo nghề và giới thiệu việc làm, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người dân.

Các chính sách về lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, chăm sóc người cao tuổi và người khuyết tật được triển khai đồng bộ, bảo đảm đúng đối tượng và đúng quy định. Cùng với nguồn lực của Nhà nước, địa phương tiếp tục phát huy hiệu quả công tác xã hội hóa, huy động sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và các nhà hảo tâm trong các hoạt động nhân đạo, từ thiện, hỗ trợ xây dựng nhà ở, chăm lo đời sống cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Việc thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

16.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương.

16.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã Vĩnh Thạnh Trung được triển khai đồng bộ, góp phần giữ vững ổn định chính trị và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Địa phương duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; tổ chức huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ, xây dựng lực lượng dự bị động viên đúng quy định; hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ. Công tác phối hợp giữa lực lượng quân sự và công an được thực hiện thường xuyên, bảo đảm an toàn các mục tiêu trọng điểm, các sự kiện chính trị, văn hóa và các hoạt động của địa phương.

Là địa bàn có quy mô dân số lớn, tập trung nhiều hoạt động thương mại, dịch vụ và nằm trên tuyến Quốc lộ 91, xã đặc biệt chú trọng công tác quản lý địa

bàn, phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng cháy, chữa cháy. Lực lượng Công an xã chủ động nắm chắc tình hình, tăng cường tuần tra, kiểm soát tại các khu dân cư, khu vực chợ, tuyến giao thông trọng điểm và các địa bàn phức tạp về an ninh, trật tự; đồng thời thực hiện hiệu quả công tác quản lý cư trú, quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và triển khai Đề án 06 của Chính phủ, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân.

Cùng với đó, địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết kịp thời các vụ việc phát sinh ngay từ địa bàn dân cư, hạn chế khiếu kiện kéo dài và các điểm nóng về an ninh, trật tự. Việc phát huy sự phối hợp giữa chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong quản lý địa bàn đã góp phần xây dựng môi trường sống an toàn, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng đời sống của người dân.

17. Xã Vĩnh Hậu

17.1. Lịch sử hình thành

Vùng đất xã Vĩnh Hậu ngày nay nằm ở phía Bắc tỉnh An Giang, thuộc vùng đầu nguồn sông Hậu, tiếp giáp biên giới Việt Nam - Campuchia. Đây là vùng đất được bồi đắp bởi phù sa sông Hậu, có hệ thống sông ngòi, kênh rạch dày đặc, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và giao thương đường thủy. Từ rất sớm, cư dân người Việt cùng với cộng đồng người Chăm và người Khmer đã đến khai khẩn đất đai, lập làng, phát triển sản xuất, hình thành các điểm dân cư dọc theo các tuyến sông và trục giao thông quan trọng của vùng đầu nguồn.

Dưới triều Nguyễn, vùng đất xã Vĩnh Hậu ngày nay thuộc thôn Vĩnh Hậu, tổng An Lương, huyện Đông Xuyên, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang. Theo địa bạ An Giang lập năm 1836, đây là một trong những địa bàn được hình thành sớm của vùng đầu nguồn, gắn với quá trình khai phá, mở rộng diện tích canh tác và phát triển các làng xã ven sông Hậu. Trong thời kỳ thực dân Pháp và chính quyền Việt Nam Cộng hòa, địa bàn này tiếp tục thuộc khu vực An Phú, giữ vai trò là vùng sản xuất nông nghiệp kết hợp giao thương đường thủy và là địa bàn có ý nghĩa quan trọng về quốc phòng, an ninh khu vực biên giới.

Sau ngày đất nước thống nhất, cùng với việc thành lập tỉnh An Giang năm 1976, xã Vĩnh Hậu thuộc huyện Phú Châu. Ngày 25/4/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 181-CP, điều chỉnh địa giới hành chính, theo đó sáp nhập Cù Lao Cở Túc (ấp Vĩnh Thạnh) của xã Vĩnh Trường vào xã Vĩnh Hậu, góp phần mở rộng địa giới và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý hành chính cũng như phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Ngày 13/11/1991, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 373-HĐBT về việc chia huyện Phú Châu thành hai huyện An Phú và Tân Châu. Theo đó, xã Vĩnh Hậu cùng các xã Đa Phước và Vĩnh Trường thuộc huyện An Phú, tỉnh An Giang. Trong những năm tiếp theo, địa phương từng bước được đầu tư phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế và hạ tầng phục vụ sản xuất, phát huy

lợi thế của vùng đầu nguồn gắn với kinh tế nông nghiệp, thương mại biên giới và giao lưu kinh tế với các địa phương trong khu vực.

Trong quá trình phát triển đô thị, ngày 13/02/2023, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 721/NQ-UBTVQH15 thành lập thị trấn Đa Phước trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Đa Phước. Đây là dấu mốc quan trọng, tạo động lực thúc đẩy quá trình phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ và hoàn thiện hệ thống hạ tầng huyện An Phú.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó hợp nhất toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Tiếp đó, ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025. Theo đó, toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Đa Phước, xã Vĩnh Hậu và xã Vĩnh Trường được sắp xếp để thành lập xã mới có tên gọi là xã Vĩnh Hậu và tồn tại cho đến ngày nay.

17.2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

17.2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Vĩnh Hậu nằm ở phía Bắc và là 01 trong 102 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Tân An và xã Châu Phong;
- Phía Tây giáp xã An Phú;
- Phía Nam giáp phường Châu Đốc;
- Phía Bắc giáp xã Phú Hữu.

17.2.2. Vai trò chức năng

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/20226 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã Vĩnh Hậu thuộc không gian phát triển vùng kinh tế biên giới và vùng đầu nguồn sông Hậu, giữ vai trò là khu vực phát triển tổng hợp về nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, logistics biên giới và kinh tế cửa khẩu; đồng thời là địa bàn quan trọng trong bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác phát triển với Campuchia. Với lợi thế nằm trên hành lang kinh tế dọc Quốc lộ 91C, tiếp giáp sông Hậu và gần Cửa khẩu quốc tế Long Bình, địa phương được định hướng phát huy vai trò là đầu mối kết nối giao thương, trung chuyển hàng hóa và phát triển các ngành dịch vụ phục vụ khu vực biên giới.

Theo Quy hoạch chung đô thị Đa Phước đến năm 2035 được phê duyệt tại Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh An Giang, khu vực thị trấn Đa Phước (nay là một phần của xã Vĩnh Hậu) được xác định là đô thị loại V, có tính chất là đô thị thương mại - dịch vụ, du lịch sông nước, văn hóa và là đầu mối giao lưu, kết nối khu vực phía Nam huyện An Phú với thành phố Châu Đốc theo tuyến Quốc lộ 91C. Đồng thời, đây là khu vực có vai trò quan trọng trong

phát triển kinh tế - xã hội của huyện An Phú, gắn với các hoạt động thương mại, dịch vụ, logistics, du lịch và khai thác hiệu quả lợi thế cảnh quan ven sông Hậu.

Đối với khu vực xã Vĩnh Hậu (cũ), Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hậu đến năm 2035 định hướng phát triển theo mô hình nông thôn mới nâng cao, gắn với vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển cây ăn trái, nuôi trồng thủy sản, thương mại - dịch vụ và du lịch sinh thái ven sông Hậu. Không gian phát triển được tổ chức theo các trục giao thông và tuyến dân cư hiện hữu, trong đó khu trung tâm xã tiếp tục là trung tâm hành chính, thương mại, giáo dục, y tế và văn hóa; các khu dân cư mới được hình thành gắn với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân và từng bước hoàn thiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Đối với khu vực xã Vĩnh Trường (cũ), Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Trường đến năm 2035 xác định đây là vùng phát triển nông nghiệp hàng hóa kết hợp nuôi trồng thủy sản, đồng thời khai thác hiệu quả lợi thế ven sông Hậu để phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch cộng đồng và kinh tế gắn với văn hóa của đồng bào Chăm. Quy hoạch cũng định hướng tăng cường kết nối hạ tầng giao thông với trung tâm xã, đô thị Đa Phước và các khu vực lân cận, tạo động lực mở rộng không gian phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng hạ tầng nông thôn.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã Vĩnh Hậu được hình thành trên cơ sở hợp nhất thị trấn Đa Phước, xã Vĩnh Hậu và xã Vĩnh Trường, tạo nên một không gian phát triển thống nhất giữa khu vực đô thị với vùng nông thôn và khu vực biên giới. Với lợi thế về vị trí địa lý, hệ thống giao thông đối ngoại, sông Hậu và điều kiện phát triển kinh tế cửa khẩu, xã Vĩnh Hậu được định hướng trở thành trung tâm thương mại - dịch vụ, logistics biên giới, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế thủy sản và du lịch sinh thái - văn hóa, đồng thời là đầu mối kết nối giao thương giữa khu vực đầu nguồn sông Hậu với thành phố Châu Đốc, Cửa khẩu quốc tế Long Bình và các địa phương trong vùng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới của tỉnh An Giang.

17.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Vĩnh Hậu có 48,45 km^2 diện tích tự nhiên.

17.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

17.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, xã Vĩnh Hậu có quy mô dân số là 61.058 người, trong đó dân số thường trú là 61.015 người và dân số tạm trú là 43 người.

17.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã Vĩnh Hậu (từ 15 đến 60 tuổi) là 25.566 người, chiếm 41,87% tổng dân số của xã. Trong đó: tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 25.202 người, chiếm tỷ lệ 98,58% lao động trong độ tuổi.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 7.491 người, chiếm tỷ lệ 29,72%; lao động công nghiệp và xây dựng là 7.450 người, chiếm tỷ lệ 29,56%; lao động thương mại - dịch vụ là 10.261 người, chiếm tỷ lệ 40,72%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã Vĩnh Hậu năm 2025 là 17.711 người, chiếm tỷ lệ 70,28%.

17.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Vĩnh Hậu chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm các xã cũ trước khi sắp xếp và dọc các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

17.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

17.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Vĩnh Hậu năm 2025 theo giá hiện hành đạt 4.360 tỷ đồng, tăng 8,03% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 736 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 2.617 tỷ đồng; nông - lâm - thủy sản đạt 1.007 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 6,46%, trong đó: năm 2023 tăng 6,86%, năm 2024 tăng 4,50% và năm 2025 tăng 8,03%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 60,02%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 16,88% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 23,10% trong cơ cấu kinh tế của xã.

17.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn xã Vĩnh Hậu năm 2025 đạt 221,19 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 201,67 tỷ đồng. Cân đối có dư.

17.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã Vĩnh Hậu tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 60,16 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 66,10 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 70,30 triệu đồng/người/năm.

17.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Vĩnh Hậu là 1,33%, trong đó: năm 2023 là 1,69%, năm 2024 là 1,27% và năm 2025 là 1,02%.

17.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò là ngành kinh tế quan trọng của xã Vĩnh Hậu, phát triển theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, ứng dụng khoa học

kỹ thuật, thích ứng với biến đổi khí hậu và gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Địa phương đã đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao, mở rộng các mô hình sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, SRP và sản xuất hữu cơ; đồng thời tăng cường quản lý mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Đề án phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp vùng Đồng bằng sông Cửu Long được triển khai hiệu quả với khoảng 800 ha tham gia trên địa bàn xã. Cây lúa vẫn là cây trồng chủ lực của địa phương, với tổng sản lượng năm 2025 đạt 50.707 tấn, đạt 100,78% kế hoạch. Bên cạnh đó, diện tích cây lâu năm đạt khoảng 150 ha, sản lượng ước đạt 2.302,8 tấn, tăng 18,27% so với cùng kỳ, góp phần đa dạng hóa cơ cấu cây trồng và nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.

Lĩnh vực chăn nuôi tiếp tục phát triển ổn định theo hướng tập trung, an toàn sinh học và ứng dụng công nghệ. Tổng đàn gia súc, gia cầm đạt khoảng 59.159 con, vượt kế hoạch đề ra; nhiều mô hình chăn nuôi như heo nái sinh sản, heo rừng lai, dê, bò và gia cầm trên nền đệm lót sinh học được duy trì và nhân rộng, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và kiểm soát tốt dịch bệnh.

Thủy sản là ngành kinh tế có nhiều tiềm năng và tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá nhờ lợi thế sông Hậu và hệ thống kênh, rạch. Tổng sản lượng thủy sản năm 2025 ước đạt 6.000 tấn, vượt 1,3% kế hoạch và tăng 3,46% so với cùng kỳ; trong đó sản lượng nuôi trồng tăng mạnh, vượt kế hoạch đề ra. Địa phương đang tập trung rà soát, quy hoạch vùng nuôi thủy sản tập trung, đồng thời tăng cường thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nuôi trồng, chế biến và tiêu thụ thủy sản, từng bước hình thành chuỗi giá trị sản phẩm thủy sản bền vững, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của xã trong giai đoạn tới.

b) Công nghiệp - xây dựng

Công nghiệp - xây dựng trên địa bàn xã Vĩnh Hậu tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, từng bước chuyển dịch theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát huy lợi thế về nguồn nguyên liệu nông nghiệp, thủy sản và vị trí kết nối vùng biên giới. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2025 đạt 158 tỷ đồng, đạt 103,94% kế hoạch, tăng 8,22% so với năm 2024; trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm trên 60% cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp, giữ vai trò động lực trong phát triển kinh tế địa phương. Các cơ sở sản xuất, chế biến nông sản, lúa gạo, thủy sản và các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp tiếp tục duy trì hoạt động ổn định, từng bước mở rộng quy mô sản xuất, đáp ứng nhu cầu thị trường và tạo việc làm cho lao động địa phương.

Cùng với đó, địa phương tập trung cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tiếp cận các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tư nhân, khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông sản, thủy sản, logistics và các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Toàn xã hiện có 63 doanh nghiệp và 1.333 hộ kinh doanh đang hoạt động; khu vực kinh tế tư nhân ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong phát triển sản xuất, tạo việc làm và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế địa phương.

Công tác đầu tư xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng tiếp tục được quan tâm, huy động nhiều nguồn lực để đầu tư các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng phục vụ dân sinh. Trong năm 2025, địa phương tập trung triển khai các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đồng thời hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công trình có ý nghĩa kết nối như cầu Đa Phước - Vĩnh Trường, nâng cấp tuyến đường nối ấp Vĩnh Bình đến ấp Vĩnh Thành và mở rộng các tuyến giao thông nội đồng, góp phần tăng cường liên kết giữa các khu dân cư, vùng sản xuất và trung tâm thương mại của xã. Công tác quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng được thực hiện chặt chẽ; hạ tầng điện, nước sạch, thông tin - truyền thông tiếp tục được đầu tư hoàn thiện, tạo nền tảng thuận lợi để thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp, thương mại và dịch vụ trong giai đoạn tới.

c) Thương mại - dịch vụ

Thương mại - dịch vụ tiếp tục phát triển ổn định, từng bước khẳng định vai trò là một trong những lĩnh vực kinh tế quan trọng của xã Vĩnh Hậu. Với lợi thế nằm trên tuyến Quốc lộ 91C, tiếp giáp sông Hậu và gần Cửa khẩu quốc tế Long Bình, địa phương có điều kiện thuận lợi để phát triển các hoạt động thương mại, vận tải, kho bãi, dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và giao thương hàng hóa với các địa phương trong và ngoài tỉnh. Hệ thống chợ, cửa hàng kinh doanh, cơ sở dịch vụ, vận tải, tài chính, ngân hàng và các điểm kinh doanh bán lẻ được duy trì hoạt động ổn định, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của người dân trên địa bàn.

Hoạt động thương mại biên giới tiếp tục được duy trì, tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa, tiêu thụ nông sản và phát triển các dịch vụ hỗ trợ xuất nhập khẩu. Công tác quản lý thị trường, bình ổn giá cả, kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại được tăng cường, góp phần bảo đảm môi trường kinh doanh lành mạnh và ổn định thị trường. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2025 đạt 2.022 tỷ đồng, đạt 103,69% kế hoạch, tăng 17,9% so với năm 2024, phản ánh sự phục hồi và phát triển tích cực của khu vực thương mại - dịch vụ trên địa bàn.

Khu vực kinh tế tư nhân tiếp tục phát triển với 63 doanh nghiệp và 1.333 hộ kinh doanh đang hoạt động trên nhiều lĩnh vực như thương mại, vận tải, dịch vụ ăn uống, lưu trú, cơ khí, sửa chữa và cung ứng vật tư nông nghiệp. Việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh và khai thác hiệu quả lợi thế của khu vực cửa khẩu đã góp phần mở rộng quy mô thị trường, nâng cao sức cạnh tranh của khu vực dịch vụ, đồng thời tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động trên địa bàn.

17.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

17.6.1. Giáo dục - đào tạo

Giáo dục và đào tạo tiếp tục được địa phương quan tâm đầu tư, từng bước nâng cao chất lượng dạy và học, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương. Mạng lưới trường, lớp trên địa bàn được duy trì ổn định, bảo đảm

đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh ở các cấp học; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được đầu tư, sửa chữa và nâng cấp theo hướng đồng bộ, tạo điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên được quan tâm bồi dưỡng, chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; việc đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy được triển khai thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn.

Trong năm 2025, địa phương tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018; chú trọng xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, duy trì kết quả phổ cập giáo dục và xóa mù chữ. Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được đẩy mạnh; các chính sách hỗ trợ học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách và học sinh có hoàn cảnh khó khăn được thực hiện đầy đủ, góp phần bảo đảm cơ hội học tập cho mọi đối tượng. Đồng thời, xã tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, duy trì và nâng cao chất lượng các trường đạt chuẩn quốc gia; triển khai Đề án thành lập Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Đa Phước trên cơ sở sắp xếp lại Trường Trung học cơ sở Đa Phước, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục của địa phương.

Bên cạnh giáo dục phổ thông, địa phương quan tâm nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường lao động, giải quyết việc làm tại chỗ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Công tác xã hội hóa giáo dục tiếp tục được phát huy, tạo sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong chăm lo sự nghiệp giáo dục, góp phần xây dựng nguồn nhân lực có trình độ, kỹ năng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

17.6.2. Y tế

Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, tập trung thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ về y tế dự phòng, khám chữa bệnh và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu. Hệ thống trạm y tế trên địa bàn duy trì hoạt động ổn định, bảo đảm cung ứng đầy đủ thuốc, vật tư, hóa chất và trang thiết bị phục vụ công tác khám, chữa bệnh. Trong năm 2025, các cơ sở y tế đã thực hiện 14.967 lượt khám, chữa bệnh cho người dân; chất lượng dịch vụ y tế từng bước được nâng lên, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân trên địa bàn.

Công tác phòng, chống dịch bệnh được triển khai chủ động và thường xuyên. Địa phương đã thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh và dịch bệnh mới nổi; tổ chức nhiều đợt vệ sinh môi trường, diệt lăng quăng, phun hóa chất xử lý ổ dịch, giám sát dịch tễ tại các khu vực có nguy cơ cao và tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về phòng, chống các bệnh truyền nhiễm. Các chương trình tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số và kế hoạch hóa gia đình được thực hiện đầy đủ, góp phần nâng cao chất lượng y tế dự phòng và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Bên cạnh đó, công tác quản lý an toàn thực phẩm, quản lý hành nghề y, dược tư nhân và xã hội hóa y tế tiếp tục được tăng cường. Mạng lưới cơ sở y,

dược ngoài công lập từng bước được mở rộng, bổ sung thêm các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân. Việc triển khai đồng bộ các chính sách bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp đã góp phần nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, bảo đảm quyền lợi của người dân và thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

17.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Công tác văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền được triển khai đồng bộ, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Trong năm 2025, địa phương đã tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước và các sự kiện chính trị quan trọng; đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cải cách hành chính, chuyển đổi số và các phong trào thi đua yêu nước. Các hoạt động Mừng Đảng - Mừng Xuân, kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9 được tổ chức sôi nổi, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và tạo sự gắn kết trong cộng đồng dân cư.

Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tiếp tục được quan tâm, đặc biệt là việc gìn giữ bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc Chăm, gắn với khai thác các giá trị văn hóa phục vụ phát triển du lịch. Địa phương thường xuyên thực hiện công tác bảo tồn, tu bổ các di tích lịch sử, văn hóa; đồng thời đẩy mạnh quảng bá hình ảnh Làng bè sắc màu ngã ba sông Châu Đốc cùng các nét văn hóa đặc trưng của cộng đồng Chăm, từng bước hình thành các sản phẩm du lịch văn hóa và du lịch cộng đồng mang bản sắc riêng của địa phương.

Hoạt động thể dục, thể thao quần chúng tiếp tục phát triển, thu hút đông đảo Nhân dân tham gia thông qua các giải thi đấu và phong trào rèn luyện thân thể tại cơ sở. Công tác thông tin, truyền thông được đổi mới cả về nội dung và hình thức; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyên truyền được tăng cường, bảo đảm thông tin về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, các nhiệm vụ chính trị và các chủ trương của địa phương được truyền tải kịp thời, chính xác đến Nhân dân. Việc kết hợp giữa bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống với phát triển các hoạt động văn hóa, thể thao và truyền thông đã góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao đời sống tinh thần và quảng bá hình ảnh của xã Vĩnh Hậu.

17.6.4. An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội tiếp tục được triển khai đồng bộ, bảo đảm thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng yếu thế trên địa bàn. Trong năm 2025, địa phương tập trung thực hiện hiệu quả các chính sách giảm nghèo bền vững, trợ giúp xã hội, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; đồng thời triển khai đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định, góp phần cải thiện điều kiện sống của người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số và các hộ có hoàn cảnh khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều đến cuối năm 2025 giảm còn 4,14%, giảm 0,92% so với đầu năm và đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được triển khai đồng bộ, mở rộng diện bao phủ và bảo đảm quyền lợi của người lao động. Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát được triển khai tích cực cùng với các hoạt động hỗ trợ sinh kế, vay vốn ưu đãi, đào tạo nghề và giải quyết việc làm, giúp nhiều hộ gia đình ổn định cuộc sống và từng bước nâng cao thu nhập. Công tác chăm lo người có công, gia đình chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện thường xuyên thông qua các hoạt động thăm hỏi, trợ cấp và hỗ trợ trong các dịp lễ, Tết, thể hiện truyền thống "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn".

Bên cạnh nguồn lực từ ngân sách nhà nước, địa phương tiếp tục huy động hiệu quả sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và các nhà hảo tâm trong các hoạt động nhân đạo, từ thiện, hỗ trợ người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và các đối tượng dễ bị tổn thương. Việc thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh xã hội đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, bảo đảm ổn định xã hội và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trên địa bàn.

17.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương.

17.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội tiếp tục được tăng cường, đáp ứng yêu cầu quản lý địa bàn biên giới và giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn. Lực lượng quân sự địa phương duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, chủ động nắm chắc tình hình, thực hiện tốt công tác quản lý lực lượng dự bị động viên, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh và tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh theo đúng kế hoạch. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2025 hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao, bảo đảm chất lượng và đúng quy định.

Là địa phương có đường biên giới tiếp giáp Vương quốc Campuchia và có nhiều hoạt động giao thương qua khu vực cửa khẩu, xã đặc biệt chú trọng công tác bảo đảm an ninh biên giới, quản lý xuất nhập cảnh, đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và các loại tội phạm xuyên biên giới. Lực lượng Công an, Quân sự và Bộ đội Biên phòng thường xuyên phối hợp tuần tra, kiểm soát địa bàn, nắm chắc tình hình an ninh chính trị, kịp thời phát hiện và xử lý các vụ việc phát sinh, không để hình thành các điểm nóng về an ninh, trật tự.

Công tác phòng, chống tội phạm và bảo đảm trật tự an toàn xã hội đạt nhiều kết quả tích cực. Trong năm 2025, trên địa bàn chỉ xảy ra 02 vụ phạm tội về trật tự xã hội, giảm 71,4% so với chỉ tiêu kế hoạch; đồng thời triển khai hiệu quả các giải pháp phòng, chống tội phạm về kinh tế, ma túy, tăng cường quản lý cư trú, quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và thực hiện Đề án 06 của

Chính phủ. Việc giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội đã góp phần bảo đảm môi trường ổn định cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, giao thương và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã.

18. Xã An Phú

18.1. Lịch sử hình thành

Trước thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã năm 2025, khu vực xã Hưng Phú lúc bấy giờ bao gồm khu vực các thị trấn An Phú và các xã Vĩnh Hội Đông, Phú Hội và Phước Hưng thuộc huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn An Phú, xã Vĩnh Hội Đông, một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phú Hội và xã Phước Hưng thành xã mới có tên gọi là xã An Phú và tồn tại cho đến ngày nay.

18.2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

18.2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã An Phú nằm ở phía Bắc của tỉnh An Giang. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Vĩnh Hậu;
- Phía Tây giáp Vương quốc Campuchia;
- Phía Nam giáp phường Châu Đốc;
- Phía Bắc giáp xã Nhơn Hội và xã Phú Hữu.

18.2.2. Vai trò chức năng

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã An Phú thuộc không gian phát triển vùng kinh tế biên giới và vùng đầu nguồn sông Hậu, giữ vai trò là trung tâm tổng hợp về hành chính, thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và giao lưu kinh tế của khu vực phía Bắc tỉnh An Giang. Với vị trí nằm trên các trục giao thông quan trọng kết nối thành phố Châu Đốc, các cửa khẩu quốc tế và các địa phương vùng đầu nguồn, địa phương được định hướng phát triển trở thành đầu mối thương mại, dịch vụ, logistics, hỗ trợ phát triển kinh tế cửa khẩu, đồng thời là trung tâm cung cấp các dịch vụ công và dịch vụ xã hội của khu vực.

Theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện An Phú đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, khu vực trung tâm huyện An Phú được xác định là hạt nhân phát triển của toàn vùng, giữ vai trò kết nối giữa các đô thị, khu dân cư tập trung và vùng sản xuất nông nghiệp của huyện. Định hướng phát triển tập trung vào thương

mại, dịch vụ, giáo dục, y tế, tài chính, logistics và công nghiệp chế biến nông sản; đồng thời hình thành các trung tâm giao dịch hàng hóa, dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế biên mậu và nâng cao năng lực kết nối với hệ thống cửa khẩu trên địa bàn.

Đối với khu vực thị trấn An Phú (cũ), quy hoạch đô thị xác định đây là đô thị trung tâm của huyện An Phú, là trung tâm hành chính - chính trị, thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và văn hóa của địa phương; đồng thời là đầu mối giao thông quan trọng kết nối các xã trong huyện với thành phố Châu Đốc, thị xã Tân Châu và các cửa khẩu quốc tế. Bên cạnh đó, các khu vực xã Phú Hữu và xã Khánh An (cũ) được quy hoạch phát triển theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kinh tế cửa khẩu, thương mại biên giới, logistics, nuôi trồng thủy sản và dịch vụ gắn với lợi thế vùng đầu nguồn sông Hậu.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã An Phú được hình thành trên cơ sở hợp nhất thị trấn An Phú cùng các xã Phú Hữu và Khánh An, tạo nên một không gian phát triển thống nhất giữa khu vực đô thị trung tâm với vùng kinh tế cửa khẩu và vùng sản xuất nông nghiệp. Với quy mô dân số lớn, hệ thống hạ tầng tương đối đồng bộ, vị trí tiếp giáp Campuchia và nằm trên hành lang phát triển kinh tế của tỉnh, xã An Phú giữ vai trò là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và logistics của khu vực An Phú, đồng thời là đầu mối giao thương hàng hóa, phát triển kinh tế biên mậu, nông nghiệp công nghệ cao và dịch vụ cửa khẩu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng biên giới và tăng cường liên kết phát triển với các địa phương trong tỉnh An Giang.

18.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã An Phú có 34,19 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: Đất xây dựng đô thị là 6,95 km^2, chiếm 20,33% và đất khác là 27,24 km^2, chiếm 79,67%.

18.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

18.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, xã An Phú có quy mô dân số là 50.724 người, trong đó dân số thường trú là 50.673 người và dân số tạm trú là 51 người.

18.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã (từ 15 đến 60 tuổi) là 31.847 người, chiếm 62,78% tổng dân số của xã. Trong đó: tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 18.497 người, chiếm tỷ lệ 58,08% lao động trong độ tuổi.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 4.934 người, chiếm tỷ lệ 26,67%; lao động công nghiệp và xây dựng là 2.165 người, chiếm tỷ lệ 11,70%; lao động thương mại - dịch vụ là 11.398 người, chiếm tỷ lệ 61,62%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 13.563 người, chiếm tỷ lệ 73,33%.

18.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã An Phú chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc các tuyến Quốc lộ và các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

18.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

18.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 17,46%; ngành thương mại - dịch vụ chiếm 54,26% và ngành nông - lâm - thủy sản chiếm 28,27%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 8,36%, trong đó: năm 2023 tăng 7,86%, năm 2024 tăng 8,03% và năm 2025 tăng 9,20%.

18.5.2. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã An Phú năm 2025 đạt 364,97 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 355,54 tỷ đồng. Cân đối có dư.

18.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 62,60 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,20 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 81,00 triệu đồng/người/năm.

18.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã An Phú là 1,73%, trong đó: năm 2023 là 2,21%, năm 2024 là 1,64% và năm 2025 là 1,33%.

18.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Sản xuất nông nghiệp và thủy sản tiếp tục giữ vai trò là ngành kinh tế chủ lực của xã An Phú, phát triển theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với điều kiện tự nhiên vùng đầu nguồn và biến đổi khí hậu. Địa phương tập trung đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với phát triển các vùng sản xuất tập trung, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa và liên kết sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế trên cùng đơn vị diện tích. Hệ thống thủy lợi nội đồng được quan tâm đầu tư, sửa chữa và vận hành thường xuyên, bảo đảm nguồn nước phục vụ sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng diện tích gieo trồng và chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với nhu cầu thị trường.

Trong năm 2025, toàn xã gieo trồng 6.184 ha lúa, đạt 100% kế hoạch; diện tích xuống giống 48 ha rau màu đạt 54% kế hoạch; tổng sản lượng lương thực đạt 40.090 tấn. Địa phương đồng thời triển khai Đề án "Phát triển bền vững một triệu

héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030", góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh và hướng đến nền nông nghiệp phát triển bền vững. Công tác bảo vệ thực vật, thú y, kiểm dịch và phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được tăng cường; công tác kiểm soát giết mổ, vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực chăn nuôi được thực hiện thường xuyên, góp phần bảo đảm an toàn dịch bệnh và ổn định sản xuất.

Đối với lĩnh vực thủy sản, địa phương tiếp tục chuyển dịch cơ cấu theo hướng giảm dần khai thác, tăng diện tích và sản lượng nuôi trồng. Trong năm, diện tích nuôi thủy sản đạt 13.200 ha, đạt 100% kế hoạch; tổng sản lượng thủy sản đạt 13.800 tấn, trong đó sản lượng khai thác 600 tấn và sản lượng nuôi trồng 13.200 tấn, đều đạt chỉ tiêu đề ra. Cùng với phát triển sản xuất, xã chú trọng thực hiện các tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới, từng bước nâng cao chất lượng hạ tầng phục vụ sản xuất, tạo nền tảng cho phát triển nông nghiệp và thủy sản theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững.

b) Công nghiệp - xây dựng

Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng trên địa bàn xã An Phú tiếp tục duy trì đà phát triển ổn định, tập trung vào các ngành nghề phục vụ sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản, cơ khí, xây dựng và các hoạt động tiểu thủ công nghiệp truyền thống. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, địa phương từng bước khai thác hiệu quả lợi thế về quy mô thị trường, nguồn lao động và hệ thống hạ tầng để thúc đẩy phát triển sản xuất, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân. Hoạt động của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh được duy trì ổn định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và cung ứng các dịch vụ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chủ yếu gồm xay xát lúa gạo, cơ khí nông nghiệp, cưa xẻ gỗ, mộc dân dụng, may gia công, chế biến và các ngành nghề truyền thống. Toàn xã hiện có 89 doanh nghiệp đang hoạt động cùng 1.787 hộ kinh doanh cá thể, góp phần tạo việc làm, phát triển dịch vụ và mở rộng sản xuất tại địa phương. Hệ thống lưới điện được đầu tư, nâng cấp đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân, với tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 100%. Bên cạnh đó, các làng nghề truyền thống tiếp tục được duy trì, góp phần bảo tồn giá trị văn hóa địa phương, phát triển kinh tế hộ gia đình và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và phát triển kết cấu hạ tầng được triển khai đồng bộ, ưu tiên các công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật và công trình phục vụ dân sinh. Trong năm 2025, xã triển khai thi công 05 công trình chuyển tiếp, gồm nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông nông thôn, cải tạo hạ tầng kỹ thuật và xây dựng các công trình phục vụ cộng đồng; đồng thời tập trung hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư các công trình mới nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân.

c) Thương mại - dịch vụ

Hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã An Phú tiếp tục phát triển theo hướng đa dạng, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân. Với lợi thế là địa phương biên giới có Cửa khẩu quốc tế Vĩnh Hội Đông, cùng hệ thống giao thông kết nối thuận lợi với các khu vực trong và ngoài tỉnh, các hoạt động lưu thông hàng hóa, dịch vụ vận tải, kho bãi, logistics và thương mại biên giới được duy trì ổn định, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương. Mạng lưới chợ, cửa hàng, cơ sở kinh doanh và các loại hình dịch vụ từng bước được mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương, tiêu thụ nông sản và cung ứng hàng hóa thiết yếu phục vụ đời sống Nhân dân.

Các hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, trong đó hệ thống doanh nghiệp và hộ kinh doanh phát huy vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế địa phương. Toàn xã hiện có 89 doanh nghiệp và 1.787 hộ kinh doanh cá thể hoạt động trên nhiều lĩnh vực như thương mại, vận tải, dịch vụ, chế biến, sửa chữa và cung ứng vật tư nông nghiệp, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân và thúc đẩy lưu thông hàng hóa trên địa bàn. Cùng với đó, các ngành nghề truyền thống tiếp tục được duy trì, phục vụ nhu cầu sản xuất, tiêu dùng và tạo sinh kế cho lao động nông thôn.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, xã An Phú có điều kiện mở rộng không gian phát triển thương mại - dịch vụ gắn với lợi thế kinh tế cửa khẩu và vùng sản xuất nông nghiệp. Việc kết nối giữa các khu dân cư, vùng sản xuất với khu vực cửa khẩu, chợ và các tuyến giao thông chính tiếp tục được tăng cường, tạo thuận lợi cho hoạt động giao thương, phát triển dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, xuất nhập khẩu và các hoạt động thương mại biên giới, từng bước khẳng định vai trò là một trong những trung tâm giao thương quan trọng của khu vực biên giới phía Bắc tỉnh An Giang.

18.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

18.6.1. Giáo dục - đào tạo

Công tác giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã An Phú tiếp tục được quan tâm đầu tư, từng bước nâng cao chất lượng dạy và học, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Mạng lưới trường lớp được duy trì ổn định, cơ sở vật chất tiếp tục được đầu tư theo hướng đồng bộ, bảo đảm điều kiện tổ chức giảng dạy, học tập và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ năm học, chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và đẩy mạnh các phong trào thi đua trong ngành giáo dục.

Toàn xã hiện có 06 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm 50% tổng số cơ sở giáo dục, tạo nền tảng quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Trong năm 2025, địa phương huy động 7.192/7.180 trẻ trong độ tuổi đến trường, đạt 100,17% kế hoạch; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 100%. Công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tiếp tục được duy trì vững chắc; việc triển khai dạy học hai buổi/ngày được thực hiện hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh phát triển toàn diện.

Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, địa phương tích cực phối hợp với ngành giáo dục triển khai các chương trình, đề án phát triển giáo dục, tổ chức các hội nghị chuyên môn, tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, đồng thời quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học. Việc duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục đã góp phần đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nâng cao dân trí trên địa bàn.

18.6.2. Y tế

Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn xã An Phú được triển khai đồng bộ, bảo đảm thực hiện hiệu quả các chương trình y tế quốc gia và nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu. Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe, tiêm chủng mở rộng, phòng, chống dịch bệnh và vệ sinh môi trường được duy trì thường xuyên, góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong công tác bảo vệ sức khỏe.

Trong năm 2025, tình hình dịch bệnh trên địa bàn cơ bản được kiểm soát, ghi nhận 139 ca sốt xuất huyết và 01 ca tay chân miệng, không để xảy ra các ổ dịch lớn. Công tác quản lý hành nghề y, dược tư nhân được tăng cường thông qua việc rà soát, kiểm tra các cơ sở khám chữa bệnh và kinh doanh dược phẩm, góp phần bảo đảm chất lượng dịch vụ y tế và quyền lợi của người dân. Đồng thời, địa phương chú trọng công tác bảo đảm an toàn thực phẩm; thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành trong dịp Tết Trung thu và tiến hành kiểm tra 12 cơ sở kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, qua đó kịp thời hướng dẫn, chấn chỉnh việc chấp hành các quy định về an toàn thực phẩm.

Công tác bảo hiểm y tế tiếp tục được quan tâm thực hiện, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe của người dân. Đến cuối năm 2025, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%, đạt kế hoạch đề ra; việc triển khai các chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh và y tế dự phòng được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn.

18.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Công tác văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền trên địa bàn xã An Phú được triển khai gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở và giữ gìn bản sắc văn hóa của địa phương vùng biên giới. Các hoạt động tuyên truyền tập trung phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền các ngày lễ, kỷ niệm lớn của đất nước, của tỉnh và địa phương; đồng thời đẩy mạnh truyền thông về xây dựng nông thôn mới, cải cách hành chính, chuyển đổi số, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia. Hệ thống truyền thanh cơ sở và các nền tảng thông tin điện tử được khai thác hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền đến Nhân dân.

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được duy trì và lan tỏa sâu rộng, gắn với xây dựng gia đình văn hóa, khóm, ấp văn hóa

và thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ chức sôi nổi, tạo không khí vui tươi, đoàn kết trong Nhân dân, đặc biệt trong các dịp Tết Nguyên đán, các ngày lễ lớn của đất nước và các sự kiện chính trị quan trọng của địa phương. Bên cạnh đó, công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn, nhất là văn hóa của đồng bào Khmer và Chăm, tiếp tục được quan tâm, góp phần làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

Phong trào thể dục, thể thao quần chúng tiếp tục phát triển với nhiều hoạt động thi đấu, giao lưu và rèn luyện sức khỏe được tổ chức thường xuyên tại các cơ sở. Các thiết chế văn hóa, thể thao được khai thác phục vụ nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Việc kết hợp hài hòa giữa các hoạt động văn hóa, thể thao với công tác thông tin, tuyên truyền đã tạo sức lan tỏa tích cực, khuyến khích người dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh và củng cố sự gắn kết cộng đồng trên địa bàn xã.

18.6.4. An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội trên địa bàn xã An Phú được triển khai kịp thời, đầy đủ và đúng đối tượng, góp phần bảo đảm đời sống Nhân dân, nhất là các hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách và các đối tượng bảo trợ xã hội. Địa phương thực hiện hiệu quả các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, trợ giúp xã hội thường xuyên, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, đồng thời tăng cường các giải pháp giảm nghèo bền vững gắn với hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề và giải quyết việc làm. Công tác chi trả các chế độ, chính sách được thực hiện đúng quy định, bảo đảm công khai, minh bạch và kịp thời đến các đối tượng thụ hưởng.

Năm 2025, địa phương tiếp tục triển khai đồng bộ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, thực hiện các chính sách hỗ trợ về nhà ở, vay vốn ưu đãi, bảo hiểm y tế, giáo dục và tạo việc làm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo. Đến cuối năm, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của xã còn 2,38%, giảm 0,73% so với đầu năm và đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, các hoạt động chăm lo người có công, gia đình chính sách, người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và các đối tượng yếu thế được duy trì thường xuyên thông qua các chương trình thăm hỏi, tặng quà nhân dịp lễ, Tết và các hoạt động nhân đạo, từ thiện trên địa bàn. Cùng với nguồn lực từ ngân sách nhà nước, xã An Phú phát huy hiệu quả vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc vận động các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và nhà hảo tâm tham gia các hoạt động an sinh xã hội, chăm lo đời sống người dân có hoàn cảnh khó khăn. Việc thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh xã hội đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, bảo đảm ổn định xã hội và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân trên địa bàn.

18.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời,

đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương.

18.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Là địa phương biên giới có Cửa khẩu quốc tế Vĩnh Hội Đông và tiếp giáp Vương quốc Campuchia, xã An Phú giữ vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Trong năm 2025, công tác quốc phòng địa phương được triển khai toàn diện, duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên bảo đảm số lượng và chất lượng; tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh theo kế hoạch. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được thực hiện chặt chẽ, hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao, bảo đảm đúng quy định và chất lượng.

Công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được tăng cường, nhất là trên tuyến biên giới và khu vực cửa khẩu. Lực lượng Công an, Quân sự và Bộ đội Biên phòng duy trì tốt cơ chế phối hợp trong quản lý địa bàn, tuần tra, kiểm soát biên giới, quản lý xuất nhập cảnh, đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới và các loại tội phạm phát sinh. Đồng thời, địa phương chú trọng quản lý cư trú, quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, thực hiện hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự. Bên cạnh đó, các giải pháp phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm, tệ nạn xã hội và bảo đảm trật tự an toàn giao thông được triển khai đồng bộ, gắn với công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của Nhân dân. Việc giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội đã góp phần tạo môi trường ổn định, bảo đảm hoạt động sản xuất, kinh doanh, giao thương qua khu vực cửa khẩu và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đồng thời khẳng định vai trò của xã An Phú là địa bàn trọng điểm về quốc phòng, an ninh trên tuyến biên giới phía Bắc của tỉnh An Giang.

19. Xã Phú Tân

19.1. Lịch sử hình thành

Vùng đất xã Phú Tân ngày nay nằm ở trung tâm cù lao Phú Tân, được bao bọc bởi sông Tiền và sông Hậu, là vùng đất giàu phù sa, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, giao thương đường thủy và hình thành các khu dân cư tập trung từ rất sớm. Cùng với quá trình khai phá vùng Tây Nam Bộ, cư dân người Việt đã đến định cư, khai khẩn đất đai, lập làng, mở rộng sản xuất và từng bước hình thành hệ thống làng xã ổn định. Đây cũng là vùng đất gắn liền với sự hình thành và phát triển của đạo Phật giáo Hòa Hảo, tạo nên những giá trị văn hóa, lịch sử và tín ngưỡng đặc sắc của địa phương.

Trong thời kỳ Việt Nam Cộng hòa, địa bàn xã Phú Tân ngày nay gồm xã Hòa Hảo thuộc quận Tân Châu và xã Hưng Nhơn thuộc quận Châu Phú, tỉnh Châu Đốc. Sau ngày đất nước thống nhất, cùng với việc thành lập tỉnh An Giang năm 1976, khu vực này thuộc huyện Phú Tân. Thời điểm này, xã Hòa Hảo được chia thành các đơn vị hành chính gồm thị trấn Mỹ Lương và các xã Hòa Hảo (sau đổi

thành Tân Hòa và Tân Trung), trong đó Mỹ Lương là trung tâm huyện lỵ của huyện Phú Tân. Ngày 23/8/1980, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 125-CP về việc điều chỉnh tên gọi một số đơn vị hành chính thuộc huyện Phú Tân. Theo đó, thị trấn Mỹ Lương được đổi tên thành xã Phú Mỹ, xã Hòa Hảo đổi tên thành xã Tân Hòa và xã Hưng Nhơn đổi tên thành xã Phú Hưng. Việc điều chỉnh này góp phần hoàn thiện hệ thống đơn vị hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Trong thời kỳ đổi mới, huyện Phú Tân từng bước phát triển trở thành một trong những vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh An Giang về sản xuất nông nghiệp, thương mại và dịch vụ. Ngày 16/6/1997, Chính phủ ban hành Nghị định số 75-CP thành lập thị trấn Phú Mỹ trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Phú Mỹ, chính thức xác lập trung tâm hành chính, chính trị và kinh tế của huyện Phú Tân. Đến ngày 02/02/2016, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 97/QĐ-BXD công nhận thị trấn Phú Mỹ đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV, đánh dấu bước phát triển quan trọng về kết cấu hạ tầng, không gian đô thị và vị thế trung tâm của địa phương.

Thực hiện chủ trương của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính nhằm tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó hợp nhất toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Tiếp đó, ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025. Theo đó, toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Phú Mỹ, các xã Phú Hưng, Tân Hòa và Tân Trung được sắp xếp để thành lập xã mới có tên gọi là xã Phú Tân.

19.2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

19.2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Phú Tân nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh An Giang. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp tỉnh Đồng Tháp;
- Phía Tây giáp xã Bình Thạnh Đông;
- Phía Nam giáp các xã Chợ Mới, Nhơn Mỹ và Bình Mỹ;
- Phía Bắc giáp xã Phú An.

19.2.2. Vai trò chức năng

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã Phú Tân thuộc không gian phát triển trung tâm của vùng cù lao Phú Tân, giữ vai trò là hạt nhân phát triển về hành chính, thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và giao lưu kinh tế của khu vực phía Đông tỉnh An Giang. Với lợi thế nằm giữa hai nhánh sông Tiền và sông Hậu, có hệ thống giao thông thủy, bộ thuận lợi và truyền thống phát triển thương mại lâu đời,

địa phương được định hướng phát triển theo mô hình đô thị - dịch vụ gắn với nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông sản và phát huy các giá trị văn hóa đặc trưng của vùng đất Phật giáo Hòa Hảo.

Theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Tân đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, khu vực trung tâm huyện được xác định là cực tăng trưởng của toàn huyện, giữ vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, thương mại, dịch vụ và đầu mối giao thương của vùng cù lao Phú Tân. Định hướng phát triển tập trung vào nâng cao chất lượng hạ tầng đô thị, mở rộng các hoạt động thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp gắn với chế biến nông sản và xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa ứng dụng công nghệ cao, tạo sự liên kết chặt chẽ giữa khu vực đô thị trung tâm với các vùng sản xuất của địa phương.

Đối với khu vực thị trấn Phú Mỹ (cũ), quy hoạch đô thị xác định đây là đô thị loại IV, là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục và y tế của huyện Phú Tân; đồng thời là đầu mối thương mại, dịch vụ và giao lưu kinh tế của toàn vùng cù lao. Các khu vực xã Phú Hưng, Tân Hòa và Tân Trung (cũ) được định hướng phát triển theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất lúa chất lượng cao, cây ăn trái, nuôi trồng thủy sản và phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, từng bước hình thành không gian phát triển thống nhất giữa đô thị trung tâm và khu vực nông thôn.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã Phú Tân được thành lập trên cơ sở hợp nhất thị trấn Phú Mỹ cùng các xã Phú Hưng, Tân Hòa và Tân Trung, tạo nên một không gian phát triển đồng bộ giữa trung tâm đô thị với vùng sản xuất nông nghiệp và các khu dân cư tập trung. Với quy mô dân số lớn, hệ thống hạ tầng tương đối hoàn chỉnh và vị trí trung tâm của cù lao Phú Tân, xã giữ vai trò là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và giao lưu kinh tế của khu vực Phú Tân, đồng thời là đầu mối phát triển thương mại, công nghiệp chế biến nông sản, dịch vụ logistics nội vùng và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Bên cạnh đó, xã còn là địa bàn có giá trị đặc biệt về văn hóa, tín ngưỡng gắn với Phật giáo Hòa Hảo, góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa đặc trưng của địa phương, kết hợp phát triển du lịch văn hóa - tâm linh và các hoạt động dịch vụ, thương mại trên địa bàn.

19.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Phú Tân có 41,87 km^2 diện tích tự nhiên.

19.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

19.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, xã Phú Tân có quy mô dân số là 71.219 người, trong đó dân số thường trú là 70.929 người và dân số tạm trú là 290 người.

19.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Phú Tân là 32.007 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 22.885 người, chiếm tỷ lệ 71,50%.

19.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Phú Tân chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm thị trấn và các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc các tuyến Quốc lộ và các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

19.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

19.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Năm 2025, cơ cấu kinh tế của xã Phú Tân chuyển dịch tích cực theo định hướng, trong đó: công nghiệp - xây dựng chiếm 39,36%; thương mại - dịch vụ chiếm 33,28% và nông - lâm - thủy sản chiếm 27,36%.

19.5.2. Thu, chi ngân sách

Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Phú Tân đạt 442,73 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước đạt 425,53 tỷ đồng. Cân đối có dư.

19.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã Phú Tân tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 64,52 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 73,65 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 81,98 triệu đồng/người/năm.

19.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Phú Tân là 1,33%, trong đó: năm 2023 là 1,68%, năm 2024 là 1,27% và năm 2025 là 1,03%.

19.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò là nền tảng trong cơ cấu kinh tế của xã Phú Tân, phát triển theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Địa phương đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, sử dụng giống cây trồng chất lượng cao, cơ giới hóa các khâu sản xuất, đồng thời tăng cường liên kết tiêu thụ nông sản, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho người dân. Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai, bảo vệ thực vật và thú y được quan tâm thực hiện thường xuyên, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định.

Trong năm 2025, toàn xã xuống giống 5.916 ha lúa, chiếm 90,7% diện tích sản xuất, với các giống chủ lực như IR4625; năng suất bình quân đạt khoảng 7,1

tấn/ha, sản lượng đạt 42.174 tấn. Bên cạnh cây lúa, địa phương còn phát triển 910,4 ha rau màu, đạt 100% kế hoạch, cho sản lượng 26.613 tấn, cùng 209,52 ha cây ăn trái với các loại cây chủ yếu như sầu riêng, xoài, nhãn, mít, cam, quýt, bưởi và dừa; trong đó diện tích cho sản phẩm đạt 135,49 ha, sản lượng 1.863,14 tấn. Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tiếp tục được quan tâm phát triển với 04 sản phẩm đạt chuẩn OCOP, góp phần nâng cao giá trị nông sản và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Lĩnh vực chăn nuôi và thủy sản tiếp tục phát triển theo hướng an toàn, hiệu quả và thích ứng với điều kiện tự nhiên của địa phương. Công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được triển khai đồng bộ, trong năm không xảy ra dịch bệnh nguy hiểm. Đối với nuôi trồng thủy sản, địa phương khai thác hiệu quả lợi thế sông nước của vùng cù lao, duy trì diện tích nuôi và sản lượng ổn định, góp phần đa dạng hóa cơ cấu sản xuất nông nghiệp và nâng cao thu nhập cho người dân. Việc phát triển đồng bộ các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và sản phẩm OCOP đã tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững và nâng cao sức cạnh tranh của nông sản địa phương.

b) Công nghiệp - xây dựng

Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng trên địa bàn xã Phú Tân tiếp tục phát triển theo hướng gắn với lợi thế sản xuất nông nghiệp và công nghiệp chế biến, từng bước nâng cao giá trị sản xuất và giải quyết việc làm cho lao động địa phương. Hoạt động của các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được duy trì ổn định, tập trung vào chế biến nông sản, cơ khí phục vụ sản xuất, may mặc và các ngành nghề truyền thống. Địa phương đồng thời khuyến khích các cơ sở sản xuất đổi mới thiết bị, ứng dụng công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng quy mô sản xuất.

Trong năm 2025, Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Tân Trung tiếp tục phát huy vai trò là hạt nhân phát triển công nghiệp của địa phương với diện tích 48,96 ha, trong đó đã có 03 doanh nghiệp hoạt động trên diện tích 18,65 ha, gồm các lĩnh vực may mặc, chế biến nông sản và cơ khí. Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt khoảng 556 tỷ đồng, góp phần giải quyết việc làm cho khoảng 330 lao động. Bên cạnh đó, xã tiếp tục thu hút đầu tư, trong đó có dự án Nhà máy chế biến xuất khẩu nấm, đồng thời đẩy mạnh công tác khuyến công, hỗ trợ các cơ sở sản xuất đổi mới máy móc, thiết bị và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

Công tác đầu tư xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng được triển khai đồng bộ, ưu tiên các công trình giao thông, thủy lợi, điện, cấp nước và các công trình phục vụ dân sinh. Trong năm, tổng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản đạt 6.823 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư công năm 2025 là 2.329 tỷ đồng và vốn sự nghiệp 3.584 tỷ đồng, được phân bổ để triển khai 05 công trình trên địa bàn. Việc đẩy mạnh đầu tư hạ tầng đã góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư vào địa phương.

c) Thương mại - dịch vụ

Hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã Phú Tân tiếp tục phát triển ổn định, giữ vai trò quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của Nhân dân. Với lợi thế là trung tâm hành chính của huyện Phú Tân trước đây và có hệ thống giao thông thuận lợi, địa phương duy trì mạng lưới chợ, cửa hàng, siêu thị mini, cơ sở kinh doanh và dịch vụ tương đối phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa, tiêu thụ nông sản và cung ứng các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống dân cư.

Hiện trên địa bàn có 03 chợ đang hoạt động gồm chợ thị trấn Phú Mỹ, chợ Bắc Cái Dầu và chợ Phú Hưng, cùng hệ thống cửa hàng tiện ích, siêu thị mini và các cơ sở kinh doanh dịch vụ hoạt động ổn định. Các ngành hàng như vận tải, tín dụng, viễn thông, sửa chữa, ăn uống và các dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển, góp phần đáp ứng nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Công tác quản lý thị trường, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, niêm yết giá và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng được thực hiện thường xuyên, góp phần ổn định thị trường và tạo môi trường kinh doanh lành mạnh. Toàn xã có 3.938 hộ kinh doanh, giải quyết việc làm cho khoảng 6.601 lao động.

Bên cạnh hoạt động thương mại truyền thống, xã tiếp tục đẩy mạnh phát triển các loại hình dịch vụ gắn với lợi thế đô thị trung tâm và vùng sản xuất nông nghiệp. Các chương trình xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ nông sản, khuyến khích ứng dụng thương mại điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt được triển khai, tạo điều kiện mở rộng thị trường cho các sản phẩm địa phương, đặc biệt là các sản phẩm OCOP và nông sản chủ lực. Sự phát triển của lĩnh vực thương mại - dịch vụ đã góp phần thúc đẩy lưu thông hàng hóa, nâng cao thu nhập cho người dân và tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của xã Phú Tân.

19.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

19.6.1. Giáo dục - đào tạo

Công tác giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Phú Tân tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Mạng lưới trường lớp được duy trì ổn định, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được đầu tư, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn. Các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc kế hoạch năm học, chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, đồng thời đẩy mạnh các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt.

Đến cuối năm 2025, xã có 15 trường học đạt chuẩn quốc gia, chiếm 66,67% tổng số cơ sở giáo dục. Công tác huy động học sinh ra lớp được thực hiện hiệu quả, với tỷ lệ huy động trẻ em học mẫu giáo đạt 100%, học sinh tiểu học đạt 100% và học sinh trung học cơ sở đạt 98,98%, đều hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch. Công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tiếp tục được duy trì vững chắc; việc triển khai Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030", phong trào "Công dân học tập", "Đơn vị học tập" được thực hiện đồng bộ, góp phần xây dựng môi trường học tập thường xuyên trong cộng đồng.

Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, địa phương tiếp tục quan tâm nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và dạy học, tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác giáo dục học sinh. Việc duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục đã góp phần phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của xã Phú Tân trong giai đoạn mới.

19.6.2. Y tế

Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn xã Phú Tân tiếp tục được triển khai đồng bộ, bảo đảm thực hiện hiệu quả các chương trình y tế quốc gia và nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu. Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh, phòng, chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Địa phương tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, nâng cao nhận thức của người dân về phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm; đồng thời duy trì tốt công tác tiêm chủng mở rộng và các hoạt động y tế dự phòng.

Trong năm 2025, tình hình dịch bệnh trên địa bàn cơ bản được kiểm soát, ghi nhận 77 ca sốt xuất huyết, 25 ca tay chân miệng và 01 ca sởi, không để phát sinh các ổ dịch lớn. Công tác kiểm tra, quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm được thực hiện thường xuyên; các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được kiểm tra, giám sát theo quy định, góp phần bảo đảm sức khỏe cộng đồng. Bên cạnh đó, công tác khám, chữa bệnh tiếp tục được duy trì hiệu quả, với 50.542 lượt khám, chữa bệnh, đạt 140% kế hoạch, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng tăng của người dân trên địa bàn.

Công tác bảo hiểm y tế tiếp tục được quan tâm thực hiện, góp phần mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của Nhân dân. Đến cuối năm 2025, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 97,5%, hoàn thành chỉ tiêu giao. Việc triển khai đồng bộ các chương trình y tế dự phòng, khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế đã góp phần cải thiện chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn xã.

19.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Công tác văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền trên địa bàn xã Phú Tân tiếp tục được triển khai gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Các hoạt động tuyên truyền tập trung phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền các ngày lễ lớn, sự kiện chính trị của đất nước và địa phương, đồng thời đẩy mạnh thông tin về cải cách hành chính, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường, phòng, chống dịch bệnh và các phong trào thi đua yêu nước. Hệ thống truyền thanh cơ sở, cổng thông tin điện tử và các nền tảng số được khai thác hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền và tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

Là địa phương gắn liền với sự hình thành và phát triển của Phật giáo Hòa Hảo, xã Phú Tân đặc biệt quan tâm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền

thống, đồng thời tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ Nhân dân trong các dịp lễ, Tết và các ngày kỷ niệm lớn của đất nước. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được duy trì gắn với xây dựng gia đình văn hóa, khóm, ấp văn hóa và thực hiện nếp sống văn minh trong cộng đồng. Các thiết chế văn hóa được khai thác hiệu quả, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, học tập và giao lưu văn hóa của người dân.

Phong trào thể dục, thể thao quần chúng tiếp tục phát triển rộng khắp với nhiều hoạt động giao lưu, thi đấu được tổ chức thường xuyên, thu hút đông đảo người dân tham gia. Địa phương duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của các câu lạc bộ thể thao, khuyến khích rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng. Việc kết hợp hài hòa giữa các hoạt động văn hóa, thể thao với công tác thông tin, tuyên truyền không chỉ làm phong phú đời sống tinh thần của Nhân dân mà còn góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trên địa bàn xã.

19.6.4. An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội trên địa bàn xã Phú Tân được triển khai đồng bộ, bảo đảm thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng yếu thế. Địa phương tập trung thực hiện hiệu quả các chính sách giảm nghèo bền vững, hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới và chăm lo đời sống Nhân dân. Công tác chi trả các chế độ trợ cấp được thực hiện đúng quy định, công khai, minh bạch, bảo đảm quyền lợi của các đối tượng thụ hưởng.

Trong năm 2025, xã tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, hỗ trợ nhà ở, vay vốn ưu đãi, bảo hiểm y tế, giáo dục và phát triển sinh kế cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm còn 0,68%, giảm 0,18% so với đầu năm; công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm được quan tâm thực hiện, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho người lao động. Bên cạnh đó, địa phương thường xuyên tổ chức các hoạt động thăm hỏi, tặng quà người có công với cách mạng, gia đình chính sách, người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và các đối tượng bảo trợ xã hội trong các dịp lễ, Tết, thể hiện truyền thống "Đền ơn đáp nghĩa" và "Uống nước nhớ nguồn".

Song song với việc thực hiện các chính sách của Nhà nước, xã Phú Tân phát huy hiệu quả vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức tôn giáo, doanh nghiệp và các nhà hảo tâm trong công tác vận động nguồn lực chăm lo đời sống người dân có hoàn cảnh khó khăn. Nhiều hoạt động nhân đạo, từ thiện, hỗ trợ sinh kế, xây dựng nhà ở và trao học bổng được triển khai thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trên địa bàn.

19.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương.

Xã Phú Tân là địa bàn có truyền thống lịch sử tôn giáo lâu đời và đặc sắc, trong đó Phật giáo Hòa Hảo đóng vai trò chủ đạo với số lượng tín đồ tương đối lớn, chiếm khoảng hơn 90% dân số toàn xã. Đặc biệt, xã Phú Tân là nơi tọa lạc của trụ sở Trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo tại ấp Trung 3, khẳng định vị thế là trung tâm văn hóa tâm linh quan trọng của đạo. Trong những năm qua, đạo Phật giáo Hòa Hảo đã tích cực phát huy truyền thống tốt đẹp thông qua việc phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong các hoạt động an sinh. Với sự ủng hộ và đóng góp mạnh mẽ từ các tín đồ, nhiều chương trình thiện nguyện ý nghĩa đã được triển khai hiệu quả như: cứu trợ thiên tai, làm đường giao thông nông thôn, xây dựng nhà tình thương và duy trì hệ thống xe chuyển bệnh miễn phí cho nhân dân. Bên cạnh các hoạt động xã hội, đời sống văn hóa tâm linh tại địa phương cũng diễn ra rất sôi nổi với các ngày lễ hội trọng đại trong năm, tiêu biểu là Lễ Khai sáng đạo (18/5 Âm lịch) và Lễ Đản sinh Đức Huỳnh Giáo chủ (25/11 Âm lịch). Những sự kiện này mỗi năm đều thu hút hàng triệu lượt người tham dự, không chỉ thể hiện đức tin tôn giáo thuần túy mà còn góp phần thắt chặt tình đoàn kết cộng đồng và giữ gìn nét đẹp văn hóa truyền thống của địa phương.

19.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Là địa phương trung tâm của huyện Phú Tân trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, xã Phú Tân có vị trí quan trọng trong công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Trong năm 2025, công tác quốc phòng địa phương được triển khai toàn diện, duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên bảo đảm số lượng, chất lượng; tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh theo đúng kế hoạch. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được thực hiện chặt chẽ, hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao, bảo đảm đúng quy trình và chất lượng.

Công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tiếp tục được tăng cường, tập trung nắm chắc tình hình địa bàn, chủ động phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội. Lực lượng Công an phối hợp chặt chẽ với Quân sự và các ngành liên quan triển khai hiệu quả các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm; tăng cường quản lý cư trú, quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và thực hiện hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ. Đồng thời, địa phương chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân và xây dựng môi trường sống an toàn, văn minh.

Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được triển khai thường xuyên, gắn với kiểm tra, xử lý vi phạm và tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong Nhân dân. Với vai trò là trung tâm hành chính, thương mại và dịch vụ của khu vực Phú Tân, việc giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội đã tạo môi trường ổn định cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, giao thương và sinh hoạt của người dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm sự ổn định trên địa bàn xã.

20. Xã Chợ Mới

20.1. Lịch sử hình thành

Vùng đất xã Chợ Mới ngày nay nằm trên cù lao Chợ Mới, được bồi đắp bởi phù sa của sông Tiền và sông Hậu, là một trong những khu vực có lịch sử khai phá và định cư sớm của tỉnh An Giang. Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, cư dân người Việt đã đến khai hoang, lập làng, mở rộng sản xuất nông nghiệp và hình thành các hoạt động giao thương trên các tuyến đường thủy từ rất sớm. Trải qua quá trình phát triển, khu vực Chợ Mới từng bước trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa và hành chính quan trọng của vùng cù lao, nổi tiếng với các làng nghề truyền thống, sản xuất nông nghiệp, cây ăn trái và hoạt động thương mại sầm uất.

Sau năm 1975, thực hiện chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính ở khu vực Nam Bộ, ngày 24/02/1976, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Nghị định số 3/NQ/1976 thành lập tỉnh An Giang trên cơ sở hợp nhất các đơn vị hành chính của tỉnh Long Châu Hà, huyện Chợ Mới thuộc tỉnh Sa Đéc và một số địa phương liên quan. Kể từ đó, huyện Chợ Mới chính thức trở thành đơn vị hành chính thuộc tỉnh An Giang, với thị trấn Chợ Mới là trung tâm hành chính, chính trị và kinh tế của huyện.

Trong quá trình phát triển, thị trấn Chợ Mới từng bước được đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, mở rộng không gian phát triển và nâng cao chất lượng các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế. Cùng với đó, các xã Long Điền A và Long Điền B phát huy lợi thế về sản xuất nông nghiệp, cây ăn trái, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống, tạo nên không gian phát triển gắn kết giữa khu vực đô thị trung tâm và vùng sản xuất nông nghiệp đặc trưng của cù lao Chợ Mới.

20.2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

20.2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Chợ Mới nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh An Giang. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Long Điền;

- Phía Tây giáp xã Phú Tân;

- Phía Nam giáp xã Nhơn Mỹ;

- Phía Bắc giáp tỉnh Đồng Tháp.

20.2.2. Vai trò chức năng

Theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch xây dựng vùng huyện Chợ Mới đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung đô thị Chợ Mới đến năm 2035, xã Chợ Mới sau sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 thuộc tiểu vùng phía Đông tỉnh An Giang, là khu vực được định hướng phát triển trở thành trung tâm sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tích hợp của tỉnh, gắn với phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ và hệ thống logistics phục vụ chuỗi giá trị nông nghiệp. Đồng thời, với vị trí là trung tâm của vùng cù lao Chợ Mới, địa phương giữ vai trò là đầu mối kết nối giữa thành phố Long Xuyên với các địa phương phía Đông của tỉnh thông qua hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy trên sông Tiền, góp phần tăng cường liên kết vùng và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Trong giai đoạn trước mắt, xã Chợ Mới tiếp tục phát huy vai trò là trung tâm hành chính, chính trị của đơn vị hành chính mới sau sắp xếp; đồng thời là trung tâm thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế, văn hóa và cung ứng các dịch vụ công của khu vực cù lao Chợ Mới. Địa phương tập trung đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng đô thị, phát triển hệ thống thương mại, chợ truyền thống, dịch vụ tài chính, vận tải, logistics, tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề truyền thống; đồng thời khai thác hiệu quả lợi thế của vùng chuyên canh lúa chất lượng cao, cây ăn trái, rau màu và thủy sản, hình thành chuỗi liên kết từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ, nâng cao giá trị gia tăng của nông sản và tạo động lực chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại.

Về lâu dài, xã Chợ Mới được định hướng phát triển trở thành đô thị trung tâm của vùng cù lao Chợ Mới, là cực phát triển quan trọng của tiểu vùng phía Đông tỉnh An Giang, phát triển theo mô hình đô thị xanh, thông minh gắn với nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, thương mại, dịch vụ và kinh tế số. Cùng với việc phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, xã sẽ là trung tâm nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp, phát triển các sản phẩm OCOP, mở rộng liên kết vùng nguyên liệu với các cơ sở chế biến và thị trường tiêu thụ, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực. Đồng thời, địa phương giữ vai trò là hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của toàn vùng cù lao Chợ Mới, đóng góp vào mục tiêu xây dựng tiểu vùng phía Đông An Giang trở thành trung tâm sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tích hợp, kết hợp hài hòa giữa phát triển đô thị, dịch vụ và nông nghiệp hiện đại theo định hướng của Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

20.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Chợ Mới có 50,43 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: Đất xây dựng đô thị là 8,94 km^2, chiếm 17,73% và đất khác là 41,49 km^2, chiếm 82,27%.

20.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

20.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, xã Chợ Mới có quy mô dân số là 80.564 người, trong đó dân số thường trú là 80.156 người và dân số tạm trú là 408 người.

20.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã Chợ Mới (từ 15 đến 60 tuổi) là 51.180 người, chiếm 63,53% tổng dân số của xã; trong đó, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 48.242 người, chiếm tỷ lệ 94,26% lao động trong độ tuổi.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 14.291 người, chiếm tỷ lệ 29,62%; lao động công nghiệp và xây dựng là 6.928 người, chiếm tỷ lệ 14,36%; lao động thương mại - dịch vụ là 27.023 người, chiếm tỷ lệ 56,02%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 33.951 người, chiếm tỷ lệ 70,38%.

20.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Chợ Mới chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm thị trấn và các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc các tuyến Quốc lộ và các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

20.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

20.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Năm 2025, cơ cấu kinh tế của xã Chợ Mới chuyển dịch tích cực theo định hướng, trong đó: tỷ trọng công nghiệp - xây dựng - dịch vụ chiếm 70,87%; nông, lâm, thủy sản chiếm 29,13%.

21.5.2. Thu, chi ngân sách

Năm 2025, tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn xã là 545,51 tỷ đồng, trong khi tổng chi ngân sách là 443,03 tỷ đồng. Theo đó, tỷ lệ tổng thu so với tổng chi ngân sách đạt khoảng 123,13 %. Kết quả này cho thấy nguồn thu ngân sách của xã Chợ Mới không chỉ bảo đảm đáp ứng đầy đủ nhu cầu chi ngân sách mà còn vượt mức chi, qua đó đáp ứng chỉ tiêu quy định "từ 100% trở lên", thể hiện năng lực cân đối ngân sách và tính bền vững về tài chính của địa phương theo chỉ tiêu quy định.

20.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã Chợ Mới tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 70,02 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 80,04 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 86,79 triệu đồng/người/năm.

20.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Chợ Mới là 1,30%, trong đó: năm 2023 là 1,62%, năm 2024 là 1,26% và năm 2025 là 1,02%.

20.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Năm 2025, sản xuất nông nghiệp và thủy sản của xã Chợ Mới tiếp tục duy trì ổn định, từng bước chuyển dịch theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và phát triển sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu. Giá trị sản xuất khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 906,67 tỷ đồng, tăng 3,98% so với cùng kỳ năm trước, khẳng định vai trò là ngành kinh tế quan trọng, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người dân địa phương.

Địa phương chú trọng triển khai các mô hình khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất. Trong năm đã thực hiện 02 mô hình trình diễn từ nguồn kinh phí khuyến nông; công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được tăng cường, góp phần ổn định sản xuất. Tổng đàn vật nuôi đạt 1.275 con, tăng 10,87%; đàn gia cầm đạt 115.900 con, tăng 0,23% so với cùng kỳ, đáp ứng nhu cầu phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn và bền vững.

Lĩnh vực thủy sản tiếp tục được duy trì và phát triển phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương. Diện tích nuôi thủy sản đạt 17,3 ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 5.424,61 tấn. Song song đó, công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi được triển khai thường xuyên thông qua các đợt tiêm phòng, tiêu độc khử trùng và giám sát dịch tễ, góp phần bảo vệ sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế.

Bên cạnh phát triển sản xuất, xã Chợ Mới đẩy mạnh thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP), tích cực xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm đặc trưng tại các sự kiện cấp tỉnh và khu vực. Hiện địa phương có 05 sản phẩm OCOP và đang hoàn thiện hồ sơ công nhận thêm 02 sản phẩm trà kim ngân và trà kim ngân hoa túi lọc, góp phần nâng cao giá trị nông sản, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm địa phương.

b) Công nghiệp - xây dựng

Năm 2025, lĩnh vực công nghiệp - xây dựng của xã Chợ Mới tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, từng bước khẳng định vai trò là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương. Hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục được mở rộng cả về quy mô và số lượng cơ sở sản xuất; trong năm phát triển mới 12 cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp với tổng vốn đầu tư khoảng 958 triệu đồng, góp phần nâng tổng số cơ sở sản xuất, doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn lên 1.919 cơ sở. Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng ước đạt 397,007 tỷ đồng, tăng 10,8% so với cùng kỳ, tập trung ở các ngành chế biến nông sản, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, hàn tiện, gia công dân dụng và các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống, tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động.

Song song với phát triển sản xuất, xã Chợ Mới chú trọng đầu tư xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều công trình giao thông, chỉnh trang đô thị, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật được tập trung triển khai, góp phần cải thiện diện mạo khu vực trung tâm xã và tăng cường khả năng kết nối giữa

các khu dân cư, vùng sản xuất với các tuyến giao thông chính. Địa phương cũng chủ động tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công trình thiết yếu, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

Bên cạnh đó, xã tích cực phối hợp triển khai công tác quy hoạch và thu hút đầu tư nhằm tạo dư địa phát triển lâu dài. Trong năm, địa phương đã ký kết với các đơn vị tư vấn để lập Quy hoạch chung đô thị Chợ Mới thời kỳ 2025 - 2045, làm cơ sở định hướng phát triển không gian đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các khu chức năng theo hướng đồng bộ, hiện đại. Đây là nền tảng quan trọng để xã Chợ Mới phát huy vai trò là trung tâm phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ của vùng cù lao Chợ Mới, đồng thời thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông sản, công nghiệp sạch và các ngành nghề có giá trị gia tăng cao trong thời gian tới.

c) Thương mại - dịch vụ

Với lợi thế là trung tâm của vùng cù lao Chợ Mới, hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn ngày càng phát triển theo hướng đa dạng, đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hóa, tiêu dùng và cung ứng các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống Nhân dân. Giá trị sản phẩm ngành thương mại, dịch vụ năm 2025 ước đạt 1.464,367 tỷ đồng, tăng 12,6% so với cùng kỳ; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 1.303,7 tỷ đồng, tăng 10,6%. Toàn xã có 2.931 cơ sở hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ, giải quyết việc làm cho trên 5.000 lao động, tiếp tục khẳng định đây là khu vực kinh tế có đóng góp quan trọng vào tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương.

Môi trường kinh doanh trên địa bàn tiếp tục được cải thiện theo hướng thuận lợi, minh bạch, tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển. Trong năm có 28 cơ sở thương mại - dịch vụ thành lập mới với tổng vốn đăng ký 578,3 triệu đồng; đồng thời có 40 hộ kinh doanh mới đi vào hoạt động trong các lĩnh vực chế biến, lưu trú, ăn uống và thương mại, góp phần mở rộng mạng lưới cung ứng hàng hóa, dịch vụ và nâng cao năng lực phục vụ nhu cầu của người dân. Hoạt động liên kết tiêu thụ nông sản với doanh nghiệp được duy trì hiệu quả, từng bước hình thành chuỗi liên kết giữa sản xuất, chế biến và thị trường tiêu thụ.

Công tác xúc tiến thương mại được triển khai đồng bộ thông qua nhiều hoạt động kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm đặc trưng của địa phương. Xã đã tổ chức 04 phiên chợ "Hàng Việt về nông thôn", 01 chuyến hàng Việt lưu động, đồng thời hỗ trợ các cơ sở sản xuất tham gia các hội chợ, triển lãm và sự kiện xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh như Ngày hội Bánh dân gian Chợ Mới, Hội chợ Thương mại Quốc tế Tịnh Biên - An Giang, Hội chợ OCOP vùng biên giới và Hội chợ Mua sắm, Ẩm thực Việt Nam - Thái Lan. Các hoạt động này không chỉ mở rộng thị trường tiêu thụ mà còn góp phần nâng cao giá trị, quảng bá thương hiệu sản phẩm OCOP và sản phẩm đặc trưng của địa phương.

20.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

20.6.1. Giáo dục - đào tạo

Giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Chợ Mới tiếp tục giữ vững vai trò là nền tảng phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng chính quyền địa phương sau sắp xếp đơn vị hành chính. Mạng lưới trường, lớp được duy trì ổn định; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học từng bước được đầu tư, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn. Công tác quản lý giáo dục, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và đổi mới phương pháp giảng dạy tiếp tục được chú trọng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Trong năm học 2025 - 2026, địa phương triển khai đồng bộ các nhiệm vụ năm học theo quy định; kiện toàn Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục - xóa mù chữ; thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục và huy động học sinh ra lớp. Tỷ lệ huy động trẻ đến trường và tỷ lệ tốt nghiệp ở các cấp học đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra; tỷ lệ bỏ học được duy trì ở mức thấp, góp phần giữ vững chất lượng giáo dục trên địa bàn. Đồng thời, xã tiếp tục rà soát, đầu tư cơ sở vật chất, chuẩn bị các điều kiện để triển khai kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình. Bên cạnh giáo dục phổ thông, công tác giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nguồn nhân lực được quan tâm gắn với nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương. Trong năm, xã triển khai đào tạo nghề nông nghiệp cho 03 lớp, tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và đẩy mạnh hoạt động tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông. Các phong trào thi đua, hoạt động chuyên môn và công tác kiểm định chất lượng giáo dục được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, tạo nền tảng phát triển nguồn nhân lực phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số của địa phương.

20.6.2. Y tế

Hệ thống y tế trên địa bàn xã Chợ Mới tiếp tục được củng cố, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Công tác khám, chữa bệnh được duy trì thường xuyên; chất lượng phục vụ từng bước được nâng cao, kết hợp hiệu quả giữa điều trị và y tế dự phòng. Trạm Y tế xã thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe cộng đồng, bảo đảm đầy đủ thuốc, vật tư y tế và triển khai kịp thời các chương trình y tế quốc gia, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho người dân.

Trong năm 2025, địa phương tăng cường giám sát dịch tễ, chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm; thực hiện tốt công tác tiêm chủng mở rộng, vệ sinh an toàn thực phẩm, chăm sóc sức khỏe sinh sản và phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em. Các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe được duy trì thường xuyên, góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong việc phòng ngừa dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe bản thân, gia đình và cộng đồng.

Công tác bảo hiểm y tế tiếp tục được quan tâm thực hiện, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 96,16%, tạo điều kiện để người dân tiếp cận các dịch vụ y tế một cách thuận lợi, giảm gánh nặng chi phí khám, chữa bệnh. Bên cạnh đó, xã duy trì hiệu quả công tác quản lý hành nghề y, dược tư nhân, kiểm tra an toàn thực phẩm và phối hợp thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe cho các đối tượng chính sách, người cao tuổi, trẻ em và hộ có hoàn cảnh khó khăn,

góp phần nâng cao chất lượng an sinh xã hội và sức khỏe cộng đồng.

20.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân trên địa bàn xã Chợ Mới ngày càng được nâng cao thông qua việc duy trì thường xuyên các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và công tác thông tin, tuyên truyền gắn với các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Các thiết chế văn hóa cơ sở tiếp tục phát huy hiệu quả, tạo môi trường sinh hoạt cộng đồng lành mạnh, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống và xây dựng nếp sống văn minh trong cộng đồng. Hoạt động bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, tu bổ, gìn giữ các di tích lịch sử - văn hóa luôn được quan tâm thực hiện, phù hợp với định hướng phát huy giá trị văn hóa và con người An Giang theo Quy hoạch tỉnh giai đoạn mới.

Trong năm 2025, xã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ Nhân dân nhân các sự kiện chính trị và ngày lễ lớn của đất nước như Mừng Đảng - Mừng Xuân, kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025), 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 02/9. Các hoạt động được đổi mới về nội dung và hình thức, thu hút đông đảo cán bộ, đảng viên và Nhân dân tham gia, qua đó góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, bồi đắp bản sắc văn hóa và nâng cao đời sống tinh thần của cộng đồng.

Phong trào thể dục thể thao quần chúng tiếp tục phát triển rộng khắp với nhiều hoạt động thiết thực như Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân, Đại hội Thể dục thể thao cấp xã và các giải thi đấu thể thao chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, trong đó có giải Pickleball hưởng ứng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11. Phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại" được duy trì thường xuyên, góp phần nâng cao thể chất, xây dựng lối sống lành mạnh và tăng cường sự gắn kết trong cộng đồng dân cư. Đồng thời, phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được triển khai hiệu quả, tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt 93,94%, phản ánh chất lượng đời sống văn hóa ngày càng được nâng lên.

Công tác thông tin và tuyên truyền được triển khai chủ động, kịp thời, bảo đảm truyền tải đầy đủ các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tuyên truyền tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần nâng cao chất lượng cung cấp thông tin, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân đối với các chủ trương lớn, đặc biệt là công tác sắp xếp đơn vị hành chính, xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp và tuyên truyền Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

20.6.4. An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội trên địa bàn xã Chợ Mới được triển khai đồng bộ, kịp thời và đúng đối tượng, góp phần bảo đảm đời sống Nhân dân, nhất là các hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách và các đối tượng bảo trợ xã hội. Các chế độ, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, trợ cấp xã hội thường xuyên, hỗ trợ đột xuất và các chương trình giảm nghèo được thực hiện đầy đủ, công khai,

minh bạch; qua đó tạo điều kiện để người dân ổn định cuộc sống, từng bước vươn lên phát triển kinh tế.

Trong năm 2025, địa phương tiếp tục huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội hóa để chăm lo đời sống Nhân dân thông qua nhiều hoạt động thiết thực như thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách, người có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng yếu thế vào các dịp lễ, Tết. Đồng thời, công tác hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở, đào tạo nghề, giải quyết việc làm và tạo sinh kế bền vững được quan tâm thực hiện, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống và giảm nghèo theo hướng bền vững. Song song với việc thực hiện các chính sách an sinh, xã Chợ Mới chú trọng phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và các nhà hảo tâm trong công tác chăm lo đời sống Nhân dân, tạo sức lan tỏa mạnh mẽ tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái trong cộng đồng. Công tác giải quyết việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chương trình hỗ trợ phát triển sinh kế tiếp tục được triển khai hiệu quả, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững ổn định xã hội và tạo nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

20.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn xã Chợ Mới được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân theo chủ trương của Đảng và Nhà nước. Chính quyền địa phương thường xuyên phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội duy trì mối quan hệ gắn bó với các chức sắc, chức việc và tín đồ các tôn giáo; kịp thời nắm bắt tình hình, giải quyết các kiến nghị, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức tôn giáo hoạt động ổn định, đúng quy định, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Các hoạt động tín ngưỡng, lễ hội tôn giáo và sinh hoạt của các cơ sở thờ tự trên địa bàn diễn ra bình thường, bảo đảm an toàn, văn minh và tuân thủ các quy định của pháp luật. Đồng thời, địa phương chú trọng công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, chức sắc và đồng bào có đạo tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa, tham gia các hoạt động an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh. Qua đó, các tổ chức tôn giáo tiếp tục phát huy vai trò đồng hành cùng chính quyền trong chăm lo đời sống Nhân dân, tăng cường khối đoàn kết, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và góp phần vào sự phát triển bền vững của địa phương.

20.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã Chợ Mới luôn được xác định là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, là nền tảng quan trọng bảo đảm môi trường ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân. Cấp ủy, chính quyền địa phương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh

chính trị và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống.

Lực lượng vũ trang địa phương được xây dựng theo hướng vững mạnh toàn diện, có bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn và khả năng sẵn sàng chiến đấu cao; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, trực phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và xử lý kịp thời các tình huống phát sinh. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, giáo dục quốc phòng và an ninh được triển khai đúng quy định, hoàn thành các chỉ tiêu được giao, góp phần củng cố tiềm lực quốc phòng, đáp ứng yêu cầu bảo vệ địa phương trong tình hình mới.

Song song với nhiệm vụ quốc phòng, công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được triển khai chủ động, toàn diện và hiệu quả. Lực lượng Công an xã thường xuyên nắm chắc tình hình địa bàn, kịp thời tham mưu xử lý các vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở; tập trung đấu tranh, phòng ngừa các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, tội phạm công nghệ cao, ma túy, tín dụng đen và các hành vi vi phạm pháp luật; đồng thời tăng cường quản lý cư trú, quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Việc triển khai hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ, ứng dụng dữ liệu dân cư và chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự tiếp tục góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng phục vụ Nhân dân.

Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" tiếp tục được củng cố và phát triển sâu rộng, gắn với xây dựng các mô hình tự quản về an ninh, trật tự, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và giữ gìn bình yên địa bàn. Sự phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng quân sự, công an và các ngành chức năng đã tạo nên sức mạnh tổng hợp trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, xây dựng xã Chợ Mới trở thành địa bàn an toàn, ổn định và phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu của trung tâm hành chính, kinh tế và dịch vụ khu vực cù lao Chợ Mới sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

21. Xã Long Điền

21.1. Lịch sử hình thành

Vùng đất Long Điền nằm ở phía Đông huyện Chợ Mới (nay thuộc tỉnh An Giang), thuộc khu vực cù lao được bồi tụ bởi phù sa của sông Tiền qua nhiều thế kỷ. Từ buổi đầu khai phá, nơi đây là vùng đất màu mỡ, kênh rạch đan xen, thuận lợi cho cư dân người Việt đến khai hoang, lập ấp, phát triển nghề trồng lúa, cây ăn trái và các ngành nghề thủ công truyền thống. Nhờ lợi thế nằm trên các tuyến giao thông thủy quan trọng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Long Điền sớm trở thành khu vực dân cư đông đúc, có hoạt động giao thương phát triển, góp phần hình thành nên một vùng kinh tế năng động của cù lao Chợ Mới.

Trải qua các thời kỳ lịch sử, vùng đất Long Điền nhiều lần được điều chỉnh về địa giới và tổ chức hành chính gắn với quá trình phát triển của huyện Chợ Mới. Các khu dân cư trên địa bàn từng bước được mở rộng, hệ thống kết cấu hạ tầng

được đầu tư đồng bộ, tạo tiền đề cho sự phát triển của các trung tâm dân cư và thương mại. Đặc biệt, khu vực Mỹ Luông với vị trí thuận lợi trên trục giao thông thủy - bộ đã từng bước phát triển trở thành đầu mối giao thương quan trọng của khu vực phía Đông huyện Chợ Mới.

Ngày 17/10/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 119/2003/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Chợ Mới. Theo đó, thị trấn Mỹ Luông được thành lập trên cơ sở 808 ha diện tích tự nhiên và 15.540 nhân khẩu của xã Mỹ Luông; đồng thời đổi tên phần diện tích còn lại của xã Mỹ Luông thành xã Mỹ An. Sau khi được thành lập, thị trấn Mỹ Luông từng bước phát triển trở thành trung tâm hành chính, thương mại và dịch vụ của khu vực phía Đông huyện Chợ Mới; cùng với hai xã Long Điền A và Long Điền B hình thành không gian phát triển liên kết, đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Trước thời điểm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã năm 2025, khu vực xã Long Điền ngày nay bao gồm thị trấn Mỹ Luông, xã Long Điền A và xã Long Điền B thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Tiếp đó, ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang. Theo đó, toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị trấn Mỹ Luông, xã Long Điền A và xã Long Điền B được sắp xếp để thành lập xã mới có tên gọi là xã Long Điền. Sau khi thành lập, xã Long Điền có 20 ấp, gồm: Long Bình, Long Định, Long Hòa, Long Hòa 1, Long Hòa 2, Long Phú 1, Long Phú 2, Long Quới 1, Long Quới 2, Long Tân, Long Thành, Long Thuận, Long Thuận 1, Long Thuận 2, Mỹ Hòa, Mỹ Quý, Mỹ Tân, Mỹ Thuận, Thị 1 và Thị 2, và tồn tại cho đến ngày nay.

21.2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

21.2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Long Điền nằm ở khu vực phía Đông Bắc của tỉnh An Giang, cách trung tâm hành chính tỉnh khoảng 100 km về phía Đông Bắc. Có địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Cù Lao Giêng;
- Phía Tây giáp xã Chợ Mới;
- Phía Nam giáp xã Long Điền và xã Nhơn Mỹ;
- Phía Bắc giáp tỉnh Đồng Tháp.

21.2.2. Vai trò chức năng

Theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của

UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Chợ Mới đến năm 2035, xã Long Điền thuộc Tiểu vùng phía Đông của tỉnh An Giang, được định hướng phát triển trở thành khu vực trọng điểm về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thương mại, dịch vụ và phát triển đô thị gắn với phát huy lợi thế của vùng cù lao Chợ Mới. Đây là địa bàn có vai trò quan trọng trong việc kết nối không gian phát triển giữa các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung với hệ thống đô thị, trung tâm thương mại, dịch vụ và mạng lưới giao thông của tỉnh.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 trên cơ sở hợp nhất thị trấn Mỹ Luông, xã Long Điền A và xã Long Điền B, xã Long Điền kế thừa vai trò của trung tâm đô thị Mỹ Luông trước đây, đồng thời mở rộng không gian phát triển theo hướng tích hợp giữa đô thị với vùng sản xuất nông nghiệp chất lượng cao. Địa phương giữ vai trò là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và giao dịch kinh tế của khu vực phía Đông huyện Chợ Mới trước đây; là đầu mối cung ứng các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư và kết nối giao thương với các địa phương trong và ngoài tỉnh.

Trong giai đoạn đến năm 2030, xã Long Điền được định hướng phát huy lợi thế về hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy, tập trung phát triển thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, logistics phục vụ nông nghiệp và các ngành nghề chế biến nông sản; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, hình thành các vùng sản xuất tập trung gắn với liên kết tiêu thụ, nâng cao giá trị các sản phẩm nông nghiệp chủ lực và sản phẩm OCOP, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại và bền vững.

Về lâu dài, theo định hướng của Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026, xã Long Điền từng bước phát triển trở thành trung tâm thương mại - dịch vụ, logistics nông nghiệp và đô thị động lực của khu vực phía Đông cù lao Chợ Mới, đóng vai trò là hạt nhân kết nối giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản với các trung tâm kinh tế của tỉnh; đồng thời là địa bàn có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế nông nghiệp công nghệ cao, xây dựng nông thôn hiện đại và nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh An Giang trong giai đoạn mới.

21.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Long Điền có 47,24 km^2 diện tích tự nhiên. Trong đó: Đất xây dựng đô thị là 7,60 km^2, chiếm 16,09% và đất khác là 39,64 km^2, chiếm 83,91%

21.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

21.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã Long Điền cung cấp, xã Long Điền có quy mô dân số là 65.521 người, trong đó dân số thường trú là 65.245 người và dân số tạm trú là 276 người.

21.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã Long Điền (từ 15 đến 60 tuổi) là 27.896 người, chiếm 42,58% tổng dân số của xã. Trong đó: tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 25.593 người, chiếm tỷ lệ 91,74% lao động trong độ tuổi.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 5.506 người, chiếm tỷ lệ 21,51%; lao động công nghiệp và xây dựng là 8.138 người, chiếm tỷ lệ 31,80%; lao động thương mại - dịch vụ là 11.949 người, chiếm tỷ lệ 46,69%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 20.087 người, chiếm tỷ lệ 78,49%.

21.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Long Điền chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm các xã cũ trước khi sắp xếp và dọc các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

21.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

21.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Long Điền năm 2025 theo giá so sánh 2010 đạt 1.999,10 tỷ đồng, tăng 8,82% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 507,19 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 906,25 tỷ đồng; nông - lâm - thủy sản đạt 585,66 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 8,23%, trong đó: năm 2023 tăng 7,74%, năm 2024 tăng 8,12% và năm 2025 tăng 8,82%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 45,33%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 25,37% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 29,30% trong cơ cấu kinh tế của xã.

21.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Tổng thu ngân sách địa phương trên địa bàn xã Long Điền năm 2025 đạt 243,56 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 224,55 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 108,46%.

21.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã Long Điền tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 71,37 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 80,05 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 88,01 triệu đồng/người/năm.

21.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trên địa bàn xã bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Long Điền là 1,03%, trong đó: năm 2023 là 1,14%, năm 2024 là 1,05% và năm 2025 là 0,89%.

21.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò là nền tảng của nền kinh tế xã Long Điền, phát triển theo hướng ổn định, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả và giá trị gia tăng gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Địa phương phát huy lợi thế vùng cù lao ven sông Tiền, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, mở rộng liên kết theo chuỗi giá trị, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng nông sản và thu nhập của người dân. Trong năm 2025, tổng diện tích gieo trồng đạt 6.342,9 ha, gồm 4.561 ha lúa và 1.781,9 ha rau màu; diện tích cây ăn trái đạt 1.369,6 ha, tiếp tục khẳng định vai trò của các vùng chuyên canh cây ăn trái đặc sản kết hợp sản xuất nông nghiệp hàng hóa trên địa bàn.

Kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp tiếp tục được củng cố và phát triển, tạo động lực thúc đẩy liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản. Toàn xã hiện có 09 hợp tác xã, trong đó 08 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và 01 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực giao thông, cùng 01 tổ hợp tác đang hoạt động hiệu quả. Địa phương hiện có 06 sản phẩm OCOP đạt chuẩn 3 sao, góp phần nâng cao giá trị nông sản, mở rộng thị trường tiêu thụ và từng bước xây dựng thương hiệu nông sản đặc trưng của xã Long Điền.

Bên cạnh sản xuất trồng trọt, lĩnh vực thủy sản tiếp tục được duy trì và phát triển theo hướng khai thác hiệu quả lợi thế hệ thống sông, kênh rạch của vùng cù lao, kết hợp nuôi trồng thủy sản với bảo vệ môi trường sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu. Công tác quản lý, phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được triển khai thường xuyên; đồng thời khuyến khích người dân mở rộng các mô hình sản xuất an toàn, ứng dụng công nghệ cao, phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn và nâng cao chất lượng các sản phẩm chủ lực. Theo định hướng phát triển trong thời gian tới, xã tiếp tục mở rộng diện tích gieo trồng phù hợp điều kiện thực tế; xây dựng các mô hình sản xuất lúa chất lượng cao, vùng chuyên canh cây ăn trái và vùng sản xuất tập trung tham gia Đề án phát triển bền vững 01 triệu héc-ta lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long, góp phần xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả và phát triển bền vững.

b) Công nghiệp - xây dựng

Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng của xã Long Điền tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định, từng bước khẳng định vai trò là một trong những động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng trên địa bàn. Phát huy lợi thế kế thừa không gian đô thị Mỹ Luông trước đây cùng hệ thống giao thông thuận lợi, địa phương tập trung phát triển các ngành công nghiệp chế biến, sản xuất hàng tiêu dùng, tiểu thủ công

nghiệp và các cơ sở sản xuất truyền thống, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động và góp phần mở rộng nguồn thu ngân sách địa phương.

Hiện nay, trên địa bàn xã có 03 làng nghề gồm làng nghề mộc, làng nghề lụa và làng nghề tranh kiếng, góp phần gìn giữ giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời tạo sinh kế bền vững cho người dân. Bên cạnh đó, xã có 03 cơ sở công nghiệp quy mô lớn, gồm Công ty TNHH thương mại DREAM An Giang với khoảng 1.952 lao động, hoạt động trong lĩnh vực sơ chế, phân loại và xuất khẩu thủy sản; Xí nghiệp May An Giang với khoảng 350 lao động, chuyên sản xuất hàng may mặc phục vụ xuất khẩu; và Công ty TNHH May Nam Phát với khoảng 100 lao động, góp phần giải quyết việc làm ổn định cho lực lượng lao động địa phương và thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp nhẹ trên địa bàn.

Công tác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng tiếp tục được quan tâm triển khai đồng bộ, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng đô thị. Trong năm 2025, địa phương đã thực hiện sửa chữa, nâng cấp công viên Mũi Tàu, trụ sở làm việc và các công trình hành chính; đồng thời triển khai nhiều công trình giao thông, chỉnh trang đô thị và thủy lợi như láng nhựa tuyến Hào Thơ, nâng cấp các tuyến đường Võ Ánh Đăng, cầu Kênh Chà Vá, nạo vét kênh Ngã Tư - Đồng Suối và sửa chữa các công trình hạ tầng thiết yếu khác. Việc đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã góp phần cải thiện diện mạo đô thị, nâng cao năng lực kết nối giao thông và phục vụ hiệu quả nhu cầu sản xuất, kinh doanh cũng như đời sống của Nhân dân.

Theo định hướng Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 về điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Chợ Mới đến năm 2035, xã Long Điền tiếp tục được định hướng phát triển theo mô hình đô thị gắn với công nghiệp chế biến, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ và logistics phục vụ nông nghiệp. Đây sẽ là địa bàn quan trọng trong việc thu hút đầu tư, mở rộng các cơ sở sản xuất, phát triển công nghiệp chế biến nông sản, nâng cao giá trị chuỗi sản phẩm nông nghiệp, đồng thời từng bước xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển của trung tâm kinh tế khu vực phía Đông huyện Chợ Mới trước đây và tạo động lực tăng trưởng cho xã Long Điền trong giai đoạn mới.

c) Thương mại - Dịch vụ

Với lợi thế kế thừa vai trò của thị trấn Mỹ Luông trước đây và nằm trên các tuyến giao thông huyết mạch kết nối khu vực phía Đông huyện Chợ Mới với các địa phương trong và ngoài tỉnh, lĩnh vực thương mại - dịch vụ của xã Long Điền tiếp tục phát triển sôi động, từng bước khẳng định vị thế là trung tâm giao thương quan trọng của vùng cù lao Chợ Mới. Mạng lưới chợ truyền thống, hệ thống cửa hàng kinh doanh, dịch vụ vận tải, tài chính, viễn thông, ăn uống, lưu trú và các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống ngày càng được mở rộng, đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa của Nhân dân và thúc đẩy lưu thông nông sản trên địa bàn.

Hoạt động vận tải hành khách và dịch vụ logistics tiếp tục phát triển, góp

phần tăng cường kết nối giữa Long Điền với các trung tâm kinh tế trong và ngoài tỉnh. Trên địa bàn hiện có bến xe khách trực thuộc Trung tâm Dịch vụ tổng hợp quản lý với 03 tuyến vận tải cố định và 07 đơn vị vận tải đang hoạt động, gồm 01 tuyến nội tỉnh Chợ Mới - Hà Tiên, 02 tuyến liên tỉnh đến Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai, cùng 07 đơn vị vận tải với 31 xe, khai thác 28 tuyến cố định, 28 xe hợp đồng, 128 xe tải và 102 xe buýt, thực hiện 6.531 chuyến, phục vụ 53.688 lượt hành khách trong năm 2025; doanh thu vận tải ước đạt 1,203 tỷ đồng, bằng 114,5% kế hoạch.

Song song đó, hệ thống bến thủy nội địa tiếp tục phát huy hiệu quả lợi thế giao thông đường thủy của vùng cù lao. Địa phương thường xuyên phối hợp với các ngành chức năng kiểm tra hoạt động của 05 bến đò và 13 bến thủy nội địa, tăng cường quản lý hoạt động vận tải, bảo đảm an toàn giao thông đường thủy, tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa, vận chuyển hành khách và kết nối giao thương giữa Long Điền với các địa phương trong khu vực.

21.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

21.6.1. Giáo dục - đào tạo

Giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Long Điền tiếp tục được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương sau sắp xếp đơn vị hành chính. Mạng lưới trường, lớp được duy trì ổn định, cơ sở vật chất từng bước được đầu tư theo hướng đồng bộ, hiện đại; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được quan tâm bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học ở các cấp học. Công tác xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh, tạo sự đồng thuận và huy động hiệu quả các nguồn lực chăm lo sự nghiệp giáo dục.

Năm 2025, chất lượng giáo dục trên địa bàn tiếp tục được giữ vững và có nhiều chuyển biến tích cực. Tỷ lệ huy động trẻ đến trường ở các bậc học đều đạt mức cao; trong đó, bậc mầm non đạt 100%, bậc tiểu học đạt 99,6%, bậc trung học cơ sở đạt 99,68% và bậc trung học phổ thông đạt 100%. Công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tiếp tục được duy trì, với tỷ lệ phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt 100%, góp phần nâng cao dân trí và tạo nền tảng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cho địa phương.

Hệ thống trường học tiếp tục được củng cố cả về quy mô và chất lượng. Toàn xã hiện có 10/14 trường đạt chuẩn quốc gia, phản ánh sự quan tâm đầu tư của địa phương đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo, đồng thời tạo môi trường học tập ngày càng khang trang, an toàn và thân thiện cho học sinh. Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện gắn với phát triển kỹ năng, phẩm chất và năng lực của người học tiếp tục được triển khai hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục trong giai đoạn mới.

Theo định hướng phát triển của tỉnh An Giang, xã Long Điền tiếp tục ưu tiên đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất trường học, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà

giáo và cán bộ quản lý giáo dục, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và giảng dạy, phát triển giáo dục theo hướng hiện đại, gắn với nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến và nông nghiệp công nghệ cao. Qua đó, từng bước xây dựng nền giáo dục chất lượng, bình đẳng và bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển của một trung tâm kinh tế - xã hội quan trọng ở khu vực phía Đông huyện Chợ Mới trước đây.

21.6.2. Y tế

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân trên địa bàn xã Long Điền tiếp tục được quan tâm thực hiện đồng bộ, bảo đảm đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân. Hệ thống y tế cơ sở được củng cố, đội ngũ y, bác sĩ và nhân viên y tế thường xuyên được nâng cao trình độ chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu và thực hiện hiệu quả các chương trình y tế quốc gia. Công tác phòng, chống dịch bệnh được triển khai chủ động, không để phát sinh các ổ dịch lớn, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và giữ vững môi trường sống an toàn.

Trong năm 2025, hoạt động khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế trên địa bàn được duy trì ổn định với 97.382 lượt khám, đạt hiệu quả cao trong công tác điều trị và chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Toàn xã có 100% trạm y tế có bác sĩ làm việc, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu tại cơ sở. Công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế tiếp tục được đẩy mạnh, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 96,98% với 39.390 người, vượt chỉ tiêu đề ra; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 59,79%, góp phần mở rộng diện bao phủ an sinh xã hội trên địa bàn.

Song song với hoạt động khám, chữa bệnh, công tác bảo đảm an toàn thực phẩm được tăng cường thông qua các đợt kiểm tra liên ngành đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống và thức ăn đường phố; đồng thời tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cơ sở thực hiện nghiêm các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, góp phần hạn chế nguy cơ ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

21.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân xã Long Điền ngày càng được nâng cao, gắn với việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phát huy bản sắc truyền thống và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục được triển khai sâu rộng, tạo sức lan tỏa trong cộng đồng, góp phần xây dựng nếp sống văn minh, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương. Công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các thiết chế văn hóa được quan tâm, từng bước đáp ứng yêu cầu sinh hoạt, giao lưu văn hóa của Nhân dân.

Trong năm 2025, địa phương đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh và địa phương; đồng thời đẩy mạnh các phong trào văn nghệ quần chúng, luyện tập và thi đấu thể thao, thu hút đông đảo cán bộ, đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham

gia. Các hoạt động này không chỉ tạo không khí phấn khởi, tăng cường giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng mà còn góp phần nâng cao đời sống tinh thần, xây dựng lối sống lành mạnh trong Nhân dân.

Công tác thông tin và tuyên truyền được triển khai kịp thời, bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương. Nội dung tuyên truyền tập trung vào các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số, cải cách hành chính, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và các ngày lễ, sự kiện chính trị quan trọng. Hệ thống truyền thanh cơ sở được duy trì hoạt động thường xuyên, góp phần đưa thông tin chính thống đến với người dân, tạo sự đồng thuận xã hội và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền ở cơ sở.

Bên cạnh đó, địa phương tiếp tục quan tâm đầu tư, khai thác hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở; khuyến khích phát triển các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể thao, tạo sân chơi lành mạnh cho các tầng lớp Nhân dân. Việc kết hợp hài hòa giữa bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống với xây dựng nếp sống văn minh đã góp phần hình thành diện mạo một cộng đồng dân cư đoàn kết, năng động và giàu bản sắc, tạo nền tảng tinh thần vững chắc cho sự phát triển toàn diện của xã Long Điền sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

21.6.4. An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội trên địa bàn xã Long Điền được triển khai đồng bộ, kịp thời và đúng đối tượng, góp phần chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, nhất là các hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách, người có công với cách mạng và các đối tượng bảo trợ xã hội. Các chế độ, chính sách ưu đãi của Đảng và Nhà nước được thực hiện đầy đủ, công khai, minh bạch; đồng thời huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội để hỗ trợ người dân vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống và từng bước vươn lên phát triển kinh tế.

Trong năm 2025, địa phương đã thực hiện chi trả đầy đủ các chế độ trợ cấp thường xuyên, trợ cấp đột xuất và các chính sách an sinh xã hội theo quy định; tổ chức thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách, người có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp lễ, tết. Công tác giảm nghèo được triển khai gắn với hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề, giới thiệu việc làm và tạo điều kiện để người dân tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi, qua đó góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

Song song đó, các chương trình bảo trợ xã hội, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, bảo vệ quyền lợi người cao tuổi và người khuyết tật tiếp tục được quan tâm thực hiện. Hoạt động của Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa", Quỹ "Vì người nghèo", các chương trình vận động hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ có hoàn cảnh khó khăn, chăm lo học sinh nghèo hiếu học và hỗ trợ các trường hợp gặp thiên tai, hỏa hoạn, bệnh hiểm nghèo được triển khai hiệu quả với sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị và cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân hảo tâm trên địa bàn. Việc thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội không chỉ bảo đảm quyền lợi của các nhóm yếu thế mà còn góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tăng cường sự gắn kết cộng

đồng và tạo dựng nền tảng xã hội ổn định để địa phương phát triển hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội.

21.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn xã Long Điền được thực hiện đúng quy định của pháp luật, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân, đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các chức sắc, chức việc, tín đồ chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Cấp ủy, chính quyền địa phương thường xuyên quan tâm nắm bắt tình hình hoạt động của các cơ sở tôn giáo, kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất chính đáng, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức tôn giáo hoạt động ổn định, đúng hiến chương, điều lệ và quy định của pháp luật.

Trên địa bàn xã hiện có nhiều cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo đang hoạt động, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân. Các lễ hội tôn giáo, hoạt động tín ngưỡng truyền thống được tổ chức trang nghiêm, an toàn, tiết kiệm và đúng quy định; đồng thời gắn với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, phát huy các giá trị nhân văn, đạo đức tốt đẹp trong đời sống cộng đồng. Các tổ chức tôn giáo tích cực phối hợp với chính quyền địa phương tham gia thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ môi trường, chăm lo người nghèo, khuyến học, khuyến tài và nhiều hoạt động an sinh xã hội, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Việc tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa chính quyền với các tổ chức tôn giáo và đồng bào có đạo đã tạo sự đồng thuận trong xã hội, phát huy sức mạnh đoàn kết của các tầng lớp Nhân dân trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh và giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Qua đó, các giá trị văn hóa, đạo đức và tinh thần nhân ái của các tôn giáo tiếp tục được lan tỏa, trở thành nguồn lực xã hội tích cực, đồng hành cùng địa phương trên con đường phát triển.

21.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Với vị thế là trung tâm phát triển của khu vực phía Đông huyện Chợ Mới trước đây, nơi tập trung nhiều hoạt động thương mại, dịch vụ, sản xuất công nghiệp, vận tải và giao thương đường bộ, đường thủy, công tác quốc phòng, an ninh và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã Long Điền giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc duy trì môi trường ổn định, an toàn, tạo nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Cấp ủy, chính quyền địa phương luôn xác định nhiệm vụ quốc phòng, an ninh là một trong những trụ cột của phát triển bền vững, gắn chặt với quá trình xây dựng chính quyền số, phát triển đô thị và mở rộng không gian kinh tế sau sắp xếp đơn vị hành chính.

Nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được củng cố vững chắc. Công tác xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, dân quân tự vệ, dự bị động viên, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu được giao; đồng thời duy trì hiệu

quả cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong công tác sẵn sàng chiến đấu, phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn và xử lý các tình huống phát sinh ngay từ cơ sở, góp phần giữ vững thế trận phòng thủ trên địa bàn.

Công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được triển khai toàn diện theo hướng chủ động phòng ngừa, quản lý địa bàn và ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong quản lý nhà nước. Lực lượng Công an xã tập trung kiểm soát chặt chẽ tình hình an ninh tại các khu dân cư, khu vực tập trung doanh nghiệp, chợ, bến xe, bến thủy nội địa và các tuyến giao thông trọng điểm; tăng cường đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, gian lận thương mại, tội phạm sử dụng công nghệ cao, bảo đảm an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Việc triển khai hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã góp phần nâng cao hiệu lực quản lý, cải cách thủ tục hành chính và phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng hiệu quả.

22. Xã Hội An

22.1. Lịch sử hình thành

Hội An trước đây là một xã thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội và đô thị hóa của địa phương, ngày 09/02/2018, Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới tổ chức công bố Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang công nhận xã Hội An đạt tiêu chuẩn đô thị loại V, tạo tiền đề quan trọng để địa phương phát triển theo định hướng đô thị.

Ngày 13/02/2023, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 721/NQ-UBTVQH15 (có hiệu lực từ ngày 10/4/2023) về việc thành lập thị trấn Hội An trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 22,98 km² và quy mô dân số 18.225 người của xã Hội An. Việc thành lập thị trấn Hội An đánh dấu bước chuyển quan trọng trong quá trình phát triển đô thị của khu vực phía Đông huyện Chợ Mới.

Trước thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính các cấp năm 2025, khu vực xã Hội An lúc bấy giờ bao gồm thị trấn Hội An và các xã Hòa An, Hòa Bình thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Tiếp đó, ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Hội An, xã Hòa An và xã Hòa Bình thành xã mới có tên gọi là xã Hội An và tồn tại cho đến ngày nay.

22.2. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và vai trò chức năng

22.2.1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính

Xã Hội An nằm ở khu vực phía Đông Bắc của tỉnh An Giang, cách trung tâm hành chính tỉnh khoảng 90 km về phía Đông Bắc. Có địa giới hành chính

được xác định như sau:

- Phía Đông giáp tỉnh Đồng Tháp;

- Phía Tây giáp phường Long Xuyên và xã Mỹ Hòa Hưng;

- Phía Nam giáp phường Mỹ Thới;

- Phía Bắc giáp xã Long Kiến và xã Cù Lao Giêng.

22.2.2. Vai trò chức năng

Theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh An Giang về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050, xã Hội An thuộc Tiểu vùng phía Đông An Giang - khu vực được định hướng trở thành trung tâm sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tích hợp và đô thị tri thức, giữ vai trò đầu tàu trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển giống cây trồng, vật nuôi, nông nghiệp thông minh, chế biến sâu và xuất khẩu nông sản của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Trên cơ sở định hướng phát triển của Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch vùng huyện Chợ Mới và các đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hòa An theo Quyết định số 5232/QĐ-UBND ngày 30/12/2022, xã Hòa Bình theo Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 01/6/2022, xã Hội An được xác định là trung tâm phát triển phía Đông của khu vực Chợ Mới, giữ vai trò kết nối giữa đô thị Hội An với thành phố Long Xuyên và các địa phương lân cận thông qua hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy; đồng thời là hạt nhân thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp gắn với nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và phát triển đô thị. Các quy hoạch này đều hướng tới mở rộng không gian dân cư, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tổ chức các khu chức năng phục vụ sản xuất, thương mại và nâng cao chất lượng sống của người dân.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã Hội An phát huy lợi thế kế thừa đô thị Hội An đã được công nhận, tiếp tục đảm nhiệm chức năng là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và giao lưu kinh tế của khu vực phía Đông huyện Chợ Mới trước đây. Đồng thời, địa phương là đầu mối liên kết vùng sản xuất nông nghiệp chất lượng cao của các xã Hòa An, Hòa Bình và khu vực lân cận với các cơ sở thu mua, chế biến, tiêu thụ nông sản, góp phần hình thành chuỗi giá trị nông nghiệp hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của địa phương.

Theo Quyết định số 754/QĐ-UBND năm 2026 về công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang, đô thị Hội An được chuyển tiếp với đơn vị hành chính là xã Hội An, tiếp tục được xác định là đô thị loại III trong hệ thống đô thị của tỉnh. Đây là cơ sở quan trọng để xã Hội An đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, mở rộng không gian đô thị, thu hút đầu tư, phát triển thương mại - dịch vụ, logistics phục vụ nông nghiệp và từng bước trở thành một cực tăng trưởng năng động của khu vực phía Đông tỉnh An Giang.

22.3. Diện tích tự nhiên

Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Hội An có 63,56 km^2

diện tích tự nhiên. Trong đó: Đất xây dựng đô thị là 10,92 km^2, chiếm 17,18% và đất khác là 52,64 km^2, chiếm 82,82%.

22.4. Dân số, cơ cấu lao động và thành phần dân cư

22.4.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025, xã Hội An có quy mô dân số là 74.221 người, trong đó dân số thường trú là 73.830 người và dân số tạm trú là 391 người.

22.4.2. Cơ cấu lao động

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã (từ 15 đến 60 tuổi) là 54.534 người, chiếm 73,49% tổng dân số của xã. Trong đó: tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 31.630 người, chiếm tỷ lệ 58,00% lao động trong độ tuổi.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 9,173 người, chiếm tỷ lệ 29,00%; lao động công nghiệp và xây dựng là 9.489 người, chiếm tỷ lệ 30,00%; lao động thương mại - dịch vụ là 12.968 người, chiếm tỷ lệ 41,00%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 22.457 người, chiếm tỷ lệ 71,00%.

22.4.3. Thành phần và phân bố dân cư

Trên địa bàn xã Hội An chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc các tuyến đường chính trên địa bàn xã.

22.5. Hiện trạng phát triển kinh tế

22.5.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Hội An năm 2025 theo giá hiện hành đạt 3.971,36 tỷ đồng, tăng 29,00% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 1.348,53 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 1.536,54 tỷ đồng; nông - lâm - thủy sản đạt 1.086,29 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng trung bình 3 năm đạt 14,37%/năm.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 38,69%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 33,96% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 27,35% trong cơ cấu kinh tế của xã.

22.5.2. Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã

Hội An năm 2025 đạt 291,58 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 263,58 tỷ đồng (trong đó chi thường xuyên đạt 224,10 tỷ đồng). Cân đối có dư.

22.5.3. Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 68,12 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 78,30 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 85,128 triệu đồng/người/năm.

22.5.4. Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Hội An là 1,32%, trong đó: năm 2023 là 1,69%, năm 2024 là 1,26% và năm 2025 là 1,02%.

22.5.5. Phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất nông nghiệp - thủy sản

Năm 2025, lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và thủy sản của xã Hội An tiếp tục duy trì tốc độ phát triển ổn định, từng bước chuyển dịch theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và thích ứng với biến đổi khí hậu. Địa phương tập trung chỉ đạo tổ chức sản xuất theo mùa vụ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn gắn với nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm. Tổng diện tích sản xuất cây trồng trên địa bàn đạt 18.806 ha, trong đó diện tích lúa 10.988 ha, năng suất bình quân đạt 5,6 tấn/ha/vụ; diện tích rau màu 6.883 ha, đạt 97,5% kế hoạch; diện tích cây ăn trái 935 ha, chủ yếu là xoài và mít, chiếm 76,6% tổng diện tích cây ăn trái. Địa phương đồng thời triển khai đăng ký thực hiện Đề án phát triển bền vững 01 triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp và đăng ký 1.742 ha vùng sản xuất lúa chất lượng cao để hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP, tạo nền tảng thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững.

Lĩnh vực chăn nuôi phát triển ổn định với tổng đàn gia súc 3.917 con và đàn gia cầm 96.040 con. Công tác thú y được triển khai đồng bộ, tăng cường giám sát dịch bệnh, chủ động phòng, chống dịch tả lợn Châu Phi, bệnh dại và các loại dịch bệnh nguy hiểm khác, góp phần bảo đảm an toàn đàn vật nuôi, không để phát sinh dịch bệnh trên địa bàn.

Nuôi trồng và khai thác thủy sản tiếp tục là một trong những thế mạnh của địa phương. Toàn xã có 9 ha diện tích nuôi thủy sản và 272 lồng bè với nhiều đối tượng nuôi như cá tra thương phẩm, cá tra giống, cá điêu hồng và các loài thủy sản khác; tổng sản lượng thủy sản đạt 77.143 tấn. Bên cạnh hoạt động nuôi trồng, địa phương còn khai thác 14,875 tấn thủy sản tự nhiên và tổ chức thả 3,626 tấn cá giống xuống sông nhằm tái tạo nguồn lợi thủy sản, góp phần bảo vệ hệ sinh thái và phát triển nghề nuôi theo hướng bền vững.

Công tác khuyến nông tiếp tục được quan tâm, gắn với xây dựng nông thôn mới, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong năm, xã đã tổ chức 03 cuộc hội thảo khuyến nông với sự tham gia của 90 nông dân, tạo điều kiện để người dân tiếp cận các quy trình sản xuất tiên tiến, nâng cao hiệu quả

sản xuất và từng bước hình thành nền nông nghiệp ứng dụng khoa học, công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

b) Công nghiệp - xây dựng

Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng trên địa bàn xã Hội An tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, từng bước trở thành một trong những động lực quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp hiện đại. Hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển ổn định với 522 cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đang hoạt động trên nhiều lĩnh vực, tạo việc làm cho lao động địa phương, đa dạng hóa sản phẩm và đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu của thị trường.

Địa phương sở hữu hệ thống hạ tầng công nghiệp có quy mô lớn, gồm 02 cụm công nghiệp Hòa An và Hòa Bình, mỗi cụm có diện tích 75 ha, cùng Khu công nghiệp Hội An quy mô 100 ha. Trong năm 2025, xã tập trung rà soát, đánh giá sự phù hợp của các khu, cụm công nghiệp với quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính; đồng thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung danh mục phát triển cụm công nghiệp để tích hợp vào điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tạo cơ sở thu hút đầu tư, mở rộng không gian phát triển công nghiệp và hình thành các vùng sản xuất tập trung trong giai đoạn tiếp theo.

Cùng với phát triển công nghiệp, công tác xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng được triển khai đồng bộ, bám sát quy hoạch đô thị và nông thôn. Hoạt động quản lý trật tự xây dựng được tăng cường; các công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật và sửa chữa nhà ở được hướng dẫn, giải quyết kịp thời theo quy định. Địa phương đồng thời tập trung thực hiện nhiều công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi và chỉnh trang đô thị; đẩy mạnh công tác điều chỉnh quy hoạch chi tiết các dự án, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và triển khai các công trình trọng điểm, góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nâng cao năng lực kết nối và tạo dư địa phát triển cho các khu công nghiệp, khu dân cư và khu thương mại - dịch vụ trên địa bàn.

Với lợi thế là địa phương kế thừa hạt nhân đô thị Hội An cùng quỹ đất phát triển công nghiệp tương đối lớn, xã Hội An đang từng bước hình thành không gian phát triển công nghiệp gắn với đô thị, dịch vụ và logistics phục vụ sản xuất nông nghiệp. Đây là nền tảng quan trọng để địa phương thu hút các dự án đầu tư, phát triển công nghiệp chế biến, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề có giá trị gia tăng cao, góp phần đưa Hội An trở thành một trong những cực tăng trưởng kinh tế năng động ở khu vực phía Đông tỉnh An Giang.

c) Thương mại - Dịch vụ

Lĩnh vực thương mại - dịch vụ là một trong những ngành kinh tế có quy mô lớn và phát triển năng động của xã Hội An, giữ vai trò quan trọng trong lưu thông hàng hóa, cung ứng dịch vụ và kết nối các hoạt động sản xuất trên địa bàn. Với lợi thế kế thừa hạ tầng đô thị của thị trấn Hội An trước đây cùng không gian kinh tế được mở rộng sau khi sáp nhập các xã Hòa An và Hòa Bình, địa phương hình thành hệ thống thương mại khá hoàn chỉnh, đáp ứng đồng thời nhu cầu tiêu

dùng của người dân, hoạt động sản xuất của doanh nghiệp và giao thương với các địa phương lân cận. Sự phát triển đồng bộ giữa thương mại, dịch vụ, công nghiệp và nông nghiệp hàng hóa đã tạo nên sức sống kinh tế mạnh mẽ, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại.

Đến năm 2025, trên địa bàn xã có 2.428 cơ sở thương mại - dịch vụ, 03 công trình thương mại - dịch vụ đạt cấp đô thị và 09 chợ hoạt động ổn định, hình thành mạng lưới phân phối hàng hóa rộng khắp. Hệ thống kinh doanh phát triển đa dạng từ bán buôn, bán lẻ, dịch vụ ăn uống, lưu trú, vận tải, tài chính, ngân hàng, bưu chính, viễn thông đến các dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống dân sinh. Nguồn cung hàng hóa luôn được bảo đảm, đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân cũng như nhu cầu nguyên vật liệu, vật tư phục vụ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

Hoạt động thương mại của xã không chỉ phục vụ nhu cầu tiêu dùng tại chỗ mà còn là đầu mối thu mua, phân phối và tiêu thụ nông sản của khu vực. Hệ thống chợ, các hộ kinh doanh, doanh nghiệp và hợp tác xã tạo nên mạng lưới lưu thông hàng hóa thông suốt, góp phần đưa các sản phẩm lúa gạo, rau màu, cây ăn trái, thủy sản và sản phẩm OCOP đến thị trường trong và ngoài địa phương. Đồng thời, sự hiện diện của các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn đã thúc đẩy phát triển các dịch vụ logistics, vận tải, kho bãi, cơ khí, sửa chữa, cung ứng vật tư, tạo mối liên kết chặt chẽ giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ hàng hóa, nâng cao hiệu quả khai thác tiềm năng kinh tế của địa phương.

Cùng với sự phát triển về quy mô thị trường, công tác quản lý thương mại được thực hiện chặt chẽ, bảo đảm môi trường kinh doanh minh bạch, an toàn và ổn định. Các lực lượng chức năng thường xuyên kiểm tra, kiểm soát hoạt động kinh doanh, kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại và vi phạm quy định về nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa; đồng thời tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, góp phần xây dựng môi trường thương mại văn minh, tạo niềm tin cho người tiêu dùng và nâng cao sức cạnh tranh của thị trường địa phương.

22.6. Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

22.6.1. Giáo dục - đào tạo

Giáo dục và đào tạo tiếp tục là một trong những lĩnh vực được xã Hội An quan tâm đầu tư, phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, hệ thống giáo dục được tổ chức đồng bộ trên phạm vi toàn xã, bảo đảm đáp ứng nhu cầu học tập của người dân với mạng lưới trường lớp được phân bố hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh tiếp cận giáo dục ở tất cả các cấp học.

Đến năm 2025, trên địa bàn xã có 17 cơ sở giáo dục, gồm 03 trường mầm non, 08 trường tiểu học, 04 trường trung học cơ sở và 02 trường trung học phổ thông, tạo nên hệ thống giáo dục tương đối hoàn chỉnh của khu vực. Công tác huy động học sinh ra lớp đạt kết quả tích cực; tỷ lệ huy động trẻ mầm non đạt 94,47%,

học sinh tiểu học đạt 101,36%, trung học cơ sở đạt 98,81%; tỷ lệ học sinh tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%. Kết quả năm học 2024-2025, học sinh hoàn thành chương trình tiểu học và tốt nghiệp trung học cơ sở đều đạt 100%, tỷ lệ học sinh bỏ học được duy trì dưới 0,5%, phản ánh chất lượng giáo dục và hiệu quả công tác duy trì sĩ số của địa phương.

Cơ sở vật chất trường học tiếp tục được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Toàn xã hiện có 07 trường đạt chuẩn quốc gia; các trường được sửa chữa, chỉnh trang, bảo đảm điều kiện tổ chức dạy học hai buổi/ngày. Đội ngũ 550 cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được bố trí cơ bản đầy đủ, đáp ứng yêu cầu giảng dạy và quản lý giáo dục; đồng thời địa phương thường xuyên kiện toàn các tổ chức chuyên môn, Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, Trung tâm học tập cộng đồng và Hội đồng cốt cán các cấp học nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng giáo dục trên địa bàn.

Cùng với việc nâng cao chất lượng dạy và học, xã Hội An chú trọng xây dựng môi trường giáo dục toàn diện, gắn giáo dục văn hóa với giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy. Công tác xã hội hóa giáo dục được triển khai hiệu quả thông qua sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội; các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được duy trì thường xuyên, góp phần tạo điều kiện để mọi người dân đều được tiếp cận cơ hội học tập và phát triển. Với quy mô mạng lưới trường học đồng bộ, chất lượng giáo dục không ngừng được nâng cao và hệ thống cơ sở vật chất ngày càng hoàn thiện, giáo dục - đào tạo đã trở thành một trong những lĩnh vực phát triển nổi bật của xã Hội An, vừa đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân trên địa bàn, vừa giữ vai trò là trung tâm giáo dục của khu vực phía Đông huyện Chợ Mới trước đây, đóng góp tích cực vào việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

22.6.2. Y tế

Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn xã Hội An được triển khai đồng bộ, đáp ứng ngày càng tốt yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cộng đồng. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, hệ thống y tế cơ sở tiếp tục được củng cố, bảo đảm duy trì hoạt động khám, chữa bệnh ban đầu, y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh và thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế. Đội ngũ y, bác sĩ và nhân viên y tế thường xuyên được kiện toàn, nâng cao trình độ chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và tạo điều kiện thuận lợi để người dân được tiếp cận các dịch vụ y tế ngay tại địa phương.

Mạng lưới y tế cơ sở được duy trì ổn định với 03 trạm y tế, trong đó 02 trạm đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã; cơ sở vật chất, trang thiết bị khám chữa bệnh từng bước được đầu tư, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Công tác khám, chữa bệnh được thực hiện thường xuyên, bảo đảm đầy đủ cơ số thuốc, vật tư y tế và triển khai hiệu quả các chương trình quản lý sức khỏe, tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, phòng chống suy dinh dưỡng, phòng chống các bệnh không lây nhiễm và quản lý bệnh mãn tính tại cộng đồng.

Công tác y tế dự phòng được đặc biệt chú trọng; địa phương chủ động xây dựng và triển khai các phương án phòng, chống dịch bệnh, tăng cường giám sát dịch tễ, kiểm soát các bệnh truyền nhiễm, bảo đảm an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường. Hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao nhận thức của người dân về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng hợp lý và xây dựng lối sống lành mạnh. Đồng thời, công tác kiểm tra các cơ sở hành nghề y, dược tư nhân, kinh doanh thực phẩm, mỹ phẩm và các sản phẩm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng được duy trì theo quy định, góp phần bảo đảm môi trường y tế an toàn và ổn định.

Bên cạnh đó, chính sách bảo hiểm y tế tiếp tục được triển khai hiệu quả, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế không ngừng được duy trì ở mức cao, tạo điều kiện để Nhân dân được tiếp cận các dịch vụ khám, chữa bệnh với chi phí phù hợp. Sự phối hợp chặt chẽ giữa ngành y tế với các ban, ngành, đoàn thể trong công tác phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe và bảo vệ môi trường đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đồng thời khẳng định vai trò của hệ thống y tế cơ sở là nền tảng quan trọng trong công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn xã Hội An.

22.6.3. Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Lĩnh vực văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền trên địa bàn xã Hội An tiếp tục được triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa địa phương, đồng thời tạo sự đồng thuận xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được duy trì gắn với xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa và thực hiện hiệu quả các cuộc vận động ở cơ sở, qua đó củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

Trong năm 2025, địa phương đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao với quy mô rộng khắp, tạo không khí phấn khởi trong Nhân dân và chào mừng các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn của đất nước. Nổi bật là các hoạt động Mừng Đảng - Mừng Xuân, kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025), 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 02/9; đồng thời tổ chức Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân, triển khai Đại hội Thể dục thể thao cấp xã, các giải thi đấu thể thao quần chúng và Giải Pickleball chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, thu hút đông đảo cán bộ, đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia, góp phần lan tỏa phong trào rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại.

Công tác thông tin và tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương. Nội dung tuyên truyền tập trung phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng nông thôn mới, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp và công tác chuẩn bị Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu

toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Hình thức tuyên truyền được đổi mới theo hướng kết hợp giữa hệ thống truyền thanh cơ sở, các nền tảng số và mạng xã hội, bảo đảm thông tin được truyền tải kịp thời, chính xác và phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Song song với đó, công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, chăm lo xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và quản lý các hoạt động văn hóa tiếp tục được quan tâm. Các thiết chế văn hóa, thể thao từng bước phát huy hiệu quả phục vụ cộng đồng; hoạt động thông tin - truyền thông được nâng cao cả về nội dung và hình thức, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền, phản ánh kịp thời các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân và xây dựng hình ảnh một xã Hội An đoàn kết, năng động, giàu bản sắc văn hóa.

22.6.4. An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội trên địa bàn xã Hội An được triển khai đồng bộ, kịp thời và đúng đối tượng, góp phần bảo đảm đời sống Nhân dân, nâng cao chất lượng phúc lợi xã hội và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Các chính sách đối với người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các nhóm yếu thế trong xã hội được thực hiện đầy đủ, công khai, minh bạch theo quy định; qua đó thể hiện sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân.

Trong năm 2025, địa phương đã thực hiện đầy đủ chế độ trợ cấp thường xuyên, trợ cấp đột xuất, chi trả ưu đãi người có công và các chính sách bảo trợ xã hội; đồng thời triển khai hiệu quả các hoạt động thăm hỏi, tặng quà nhân dịp lễ, Tết đối với gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Công tác giảm nghèo được lồng ghép với các chương trình hỗ trợ sinh kế, giải quyết việc làm, đào tạo nghề, vay vốn ưu đãi và phát triển sản xuất, giúp người dân từng bước ổn định thu nhập, cải thiện điều kiện sống và vươn lên thoát nghèo bền vững.

Song song đó, các chính sách về lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được triển khai đồng bộ; công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối cung - cầu lao động được quan tâm thực hiện, tạo điều kiện để người lao động tiếp cận cơ hội việc làm phù hợp. Các phong trào vận động, huy động nguồn lực xã hội chăm lo cho người nghèo, xây dựng nhà ở, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, chăm sóc người cao tuổi và các hoạt động nhân đạo, từ thiện tiếp tục được các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, cơ sở tôn giáo và các nhà hảo tâm tích cực hưởng ứng, góp phần lan tỏa tinh thần tương thân, tương ái trong cộng đồng.

Bằng việc thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh xã hội, kết hợp hiệu quả giữa nguồn lực của Nhà nước và sự chung tay của toàn xã hội, xã Hội An đã tạo dựng mạng lưới an sinh ngày càng bền vững, bảo đảm mọi người dân đều được quan tâm, hỗ trợ và tiếp cận các chính sách phúc lợi theo quy định. Đây là nền tảng quan trọng để nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, củng cố niềm tin của người dân đối với chính quyền địa phương và giữ vững sự ổn định

xã hội trên địa bàn.

22.6.5. Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Công tác tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn xã Hội An được triển khai đúng chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân, đồng thời tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo. Cấp ủy, chính quyền địa phương thường xuyên quan tâm nắm tình hình, duy trì mối quan hệ gắn bó với các chức sắc, chức việc, người có uy tín trong các tổ chức tôn giáo; kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở tôn giáo thực hiện các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và giữ vững ổn định chính trị - xã hội trên địa bàn.

Trên địa bàn xã hiện có nhiều cơ sở thờ tự của các tôn giáo và tín ngưỡng truyền thống, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân. Các hoạt động lễ hội, sinh hoạt tôn giáo được tổ chức trang nghiêm, an toàn, tiết kiệm, phù hợp với thuần phong mỹ tục và bản sắc văn hóa địa phương. Các tổ chức tôn giáo luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác tuyên truyền, vận động tín đồ thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh trật tự và tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, an sinh xã hội.

Bên cạnh đó, công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện chặt chẽ, bảo đảm các hoạt động đăng ký, sửa chữa, xây dựng cơ sở thờ tự, tổ chức lễ hội và các hoạt động tôn giáo tập trung đều được hướng dẫn, giải quyết theo đúng quy định. Địa phương thường xuyên phối hợp với các tổ chức tôn giáo tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy vai trò của các chức sắc, chức việc và người có uy tín trong việc vận động tín đồ sống "tốt đời, đẹp đạo", tích cực tham gia phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

22.7. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quốc phòng, an ninh và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã Hội An được triển khai toàn diện, đồng bộ, gắn chặt với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, lực lượng quân sự và công an tiếp tục được kiện toàn về tổ chức, phát huy vai trò nòng cốt trong tham mưu cấp ủy, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng địa phương, xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc, tạo môi trường ổn định để phát triển kinh tế, thu hút đầu tư và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

Lực lượng vũ trang địa phương duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, chủ động nắm chắc tình hình địa bàn, phối hợp chặt chẽ trong công tác tuần tra, kiểm soát, bảo vệ an toàn các mục tiêu trọng điểm, các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội và các ngày lễ lớn của đất nước. Công tác tuyển chọn, gọi công dân

nhập ngũ được thực hiện đúng quy định, bảo đảm chỉ tiêu giao quân; lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên thường xuyên được củng cố, huấn luyện, diễn tập và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Trên lĩnh vực bảo đảm an ninh, trật tự, lực lượng Công an xã chủ động triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ, tăng cường công tác quản lý cư trú, quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện, phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật. Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" tiếp tục được đẩy mạnh, huy động sự tham gia tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ngay từ cơ sở. Đồng thời, công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được thực hiện nghiêm túc, góp phần hạn chế các nguy cơ phát sinh mất an toàn trên địa bàn.

Với vị trí là trung tâm đô thị của khu vực phía Đông huyện Chợ Mới trước đây, nơi tập trung nhiều cơ sở thương mại, dịch vụ, trường học, khu, cụm công nghiệp và các tuyến giao thông quan trọng, yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh của xã Hội An luôn được đặt ở mức cao. Việc giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh, trật tự không chỉ phục vụ đời sống Nhân dân mà còn tạo nền tảng quan trọng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, lưu thông hàng hóa và phát triển các ngành kinh tế trên địa bàn. Đây là một trong những yếu tố góp phần xây dựng Hội An trở thành địa phương phát triển ổn định, an toàn và có sức hấp dẫn đối với các hoạt động đầu tư, thương mại và dịch vụ.

II. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CÁC ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC TỈNH AN GIANG

1. Điều kiện thành lập các phường thuộc tỉnh An Giang

1.1. Phù hợp với chủ trương, định hướng, quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm:

Tại các văn bản quan trọng như: **(1)** Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Bộ Chính trị đặt ra mục tiêu giai đoạn tới đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hoá, phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực thông minh kết nối với khu vực và thế giới; kết cấu hạ tầng của đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu được xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại; kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững; chất lượng sống tại đô thị ở mức cao, bảo đảm đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị; phát triển kiến trúc đô thị hiện đại, xanh, thông minh, giàu bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy. **(2)** Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đặt ra các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển chủ yếu 05 năm 2026 - 2030 là tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2030 đạt trên 50%; phát triển hệ thống đô thị tập trung vào xây dựng đô thị xanh, thông minh, hiện đại, có bản sắc riêng, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và sáng tạo;

đồng thời chú trọng nâng cấp hạ tầng, cải thiện dịch vụ, đảm bảo an sinh, an toàn môi trường sống, hướng tới đô thị phát triển nhanh, bền vững và kết nối quốc tế; trong năm 2026 phát triển một số tỉnh trở thành thành phố, nâng cấp các xã đủ điều kiện trở thành phường. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực thông minh kết nối với khu vực và thế giới. **(3)** Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đặt mục tiêu đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh đạt 50%. **(4)** Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang xác định đến năm 2030, An Giang là tỉnh phát triển khá của cả nước, có tốc độ tăng trưởng năng động; giữ vai trò trung tâm dịch vụ, trung tâm kinh tế biển mạnh của Quốc gia, du lịch biển - đảo và kinh tế biên giới; nông, thủy sản và đầu mối logistics sông - biển - biên mậu kết nối Mê Công với các thị trường trong nước và quốc tế. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng hiện đại, xanh và bền vững, dựa trên các trụ cột: nông nghiệp công nghệ cao gắn với chế biến sâu; dịch vụ du lịch, thương mại và logistics; công nghiệp sạch, công nghiệp sinh học; kinh tế số và kinh tế biển - đảo. Hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư đồng bộ, hiện đại; phát triển kinh tế gắn với phát triển xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh trên không gian biển - đảo - biên giới. Đặc biệt, khu vực 22 xã được hình thành từ các thị trấn năm 2025 gồm: Châu Thành, Tân Hiệp, Giồng Riềng, Gò Quao, An Biên, An Minh, Vĩnh Phong, Hòn Đất, Kiên Lương, Ba Chúc, Thoại Sơn, Phú Hòa, An Châu, Vĩnh An, Châu Phú, Vĩnh Thạnh Trung, Vĩnh Hậu, An Phú, Phú Tân, Chợ Mới, Long Điền, Hội An đều được định hướng trở thành phường trong giai đoạn đến năm 2030.

1.2. Việc thành lập các phường thuộc tỉnh An Giang tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương sau khi thành lập phường; bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước đối với khu vực đô thị đang phát triển mạnh mẽ và có tốc độ đô thị hóa cao (từ xã thành phường); bám sát mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang theo quy hoạch, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng thương mại, dịch vụ, công nghiệp; hệ thống hạ tầng đô thị được đầu tư đồng bộ theo hướng đô thị thông minh, văn minh, hiện đại, sáng tạo và tương tác cao; tạo tiền đề và động lực phát triển, phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh An Giang nói chung và các xã nói riêng, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn.

1.3. Việc thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội. Theo đó, việc thành lập các phường không những không làm ảnh hưởng đến công tác triển khai các nhiệm vụ đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn mà còn không ngừng được tăng cường và củng cố. Đặc biệt là các kế hoạch chuyên đề, kế hoạch mở đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; nắm chắc tình hình chỉ đạo xử lý và giải quyết kịp thời các vụ việc tồn đọng phát sinh, phát động

phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, công tác quản lý nhà nước về trật tự an toàn xã hội được tăng cường; lực lượng công an chính quy được tăng cường, góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả công tác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Việc thành lập các phường góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước nói chung, trong đó có công tác quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh; kinh tế - xã hội phát triển, đời sống vật chất, tinh thần cũng như ý thức cảnh giác của quần chúng nhân dân không ngừng được nâng cao góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc, hạn chế nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm. Cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật được đầu tư, ý thức và đời sống nhân dân được nâng cao góp phần nâng cao nhận thức của người dân về an ninh - quốc phòng tốt hơn, không để các thế lực thù địch, các phần tử phản động,... tuyên truyền, lôi kéo và lợi dụng.

1.4. Thành lập các phường bảo đảm sự đồng thuận cao của Nhân dân trên địa bàn. Theo đó, tỉnh An Giang đã tổ chức lấy ý kiến toàn thể Nhân dân trên địa bàn các xã liên quan theo đúng quy định. Kết quả, việc thành lập các phường nhận được sự đồng thuận rất cao của Nhân dân trên địa bàn. Ngoài ra, việc thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng không làm xáo trộn cuộc sống của người dân, đảm bảo đoàn kết dân tộc, giữ gìn lịch sử, truyền thống, văn hóa lâu đời của địa phương.

1.5. Đáp ứng các tiêu chuẩn thành lập phường thuộc tỉnh theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2. Đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn của phường

Căn cứ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính; các số liệu thống kê đến ngày 31/12/2025, kết quả đánh giá 05 tiêu chuẩn thành lập phường đối với 22 xã thuộc tỉnh An Giang cụ thể như sau:

2.1. Đối với xã Châu Thành

2.1.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã Châu Thành cung cấp, xã Châu Thành có quy mô dân số là 72.102 người, trong đó dân số thường trú là 70.992 người và dân số tạm trú là 1.110 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.1.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Châu Thành có 107,55 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.1.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng

hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Xã Châu Thành giữ vị trí quan trọng trong không gian phát triển của tỉnh An Giang, là trung tâm hành chính, kinh tế và dịch vụ của khu vực huyện Châu Thành trước đây. Địa phương nằm trên các trục giao thông đối ngoại quan trọng, thuộc không gian phát triển của Hành lang kinh tế - xã hội Hà Tiên - Rạch Giá - Cà Mau, có vai trò kết nối thành phố Rạch Giá với các địa phương phía Nam của tỉnh và vùng Tứ giác Long Xuyên; đồng thời là đầu mối liên kết giữa các vùng sản xuất nông nghiệp, thủy sản tập trung với hệ thống đô thị, các cơ sở công nghiệp chế biến, thương mại, dịch vụ và các trung tâm logistics gắn với không gian kinh tế biển.

Trên địa bàn tập trung hệ thống hạ tầng đô thị tương đối đồng bộ, với khu vực đô thị trung tâm Minh Lương đang được đầu tư, chỉnh trang và mở rộng theo định hướng phát triển đô thị; Cụm công nghiệp Minh Hòa là hạt nhân thu hút các cơ sở sản xuất, chế biến, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Bên cạnh đó, địa phương có mạng lưới thương mại, dịch vụ phát triển với chợ Minh Lương và các tuyến phố kinh doanh sầm uất, đáp ứng nhu cầu giao thương của khu vực. Hệ thống giáo dục được đầu tư khá hoàn chỉnh với đầy đủ các cấp học, gồm nhiều trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông, tiêu biểu như Trường Trung học phổ thông Châu Thành, cùng các cơ sở giáo dục công lập khác, đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân trên địa bàn và các khu vực lân cận. Với lợi thế về vị trí địa lý, hệ thống hạ tầng kỹ thuật - xã hội ngày càng hoàn thiện và vai trò là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ của khu vực, xã Châu Thành có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển thành đô thị hiện đại, là cực tăng trưởng quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường liên kết vùng và thực hiện mục tiêu xây dựng tỉnh An Giang phát triển nhanh, bền vững.

Trong định hướng phát triển không gian đô thị của tỉnh An Giang, xã Châu Thành được xác định là khu vực phát triển đô thị, thương mại và dịch vụ; là đầu mối kết nối giữa trung tâm tỉnh An Giang và các khu vực nằm phía Bắc tỉnh; đồng thời là địa bàn có vai trò quan trọng trong thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và nâng cao chất lượng đô thị của tỉnh trong giai đoạn tới.

b) Đánh giá: Đạt.

2.1.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, khu vực thị trấn Minh Lương đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V (tại Quyết định số 2773/QĐ-UBND ngày 12/11/2021) được

chuyển tiếp thành đô thị Châu Thành - đô thị loại III. Theo đó, quy mô dân số tại khu vực đô thị Châu Thành đã được công nhận đô thị loại III là 40.330 người, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của Châu Thành đạt 55,93% (40.330/72.102 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.1.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Châu Thành đạt 553,85 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 466,22 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 118,80%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 80,26% trong cơ cấu kinh tế của xã Châu Thành.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Châu Thành là 39.828 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 28.278 người, chiếm tỷ lệ 71%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 51,78 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 58,93 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 62,40 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Châu Thành năm 2023 là 68,32 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 72,81 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 84,61 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,70%, năm 2024 là 1,27%, năm 2025 là 1,03%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn

2023 - 2025 của xã Châu Thành là 1,25%, trong đó: năm 2023 là 1,47%, năm 2024 là 1,27% và năm 2025 là 1,02%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Châu Thành đạt 05/05 tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.2. Đối với xã Tân Hiệp

2.2.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã Tân Hiệp cung cấp, xã Tân Hiệp có quy mô dân số là 66.123 người, trong đó dân số thường trú là 65.697 người và dân số tạm trú là 426 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.2.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Tân Hiệp có 146,62 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.2.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Xã Tân Hiệp có vị trí địa lý thuận lợi, nằm trên các trục giao thông huyết mạch của tỉnh An Giang, là cửa ngõ kết nối trung tâm tỉnh với các địa phương trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Địa bàn có tuyến cao tốc Mỹ An - Cao Lãnh (CT.01), Quốc lộ 80 và mạng lưới giao thông liên vùng đi qua, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu kinh tế, vận chuyển hàng hóa và thu hút đầu tư. Với lợi thế về vị trí và hạ tầng giao thông, Tân Hiệp giữ vai trò là đầu mối kết nối giữa vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của tỉnh với các trung tâm công nghiệp chế biến, thương mại, dịch vụ và hệ thống cảng biển khu vực Rạch Giá, góp phần thúc đẩy liên kết vùng và phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp.

Là trung tâm của khu vực Tân Hiệp trước đây, xã tập trung nhiều công trình hạ tầng kinh tế - xã hội, các cơ sở thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và các khu dân cư hiện hữu, giữ vai trò là trung tâm giao thương, cung ứng dịch vụ và phục vụ dân sinh cho khu vực phía đông của tỉnh. Đồng thời, đây cũng là vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, đặc biệt là lúa chất lượng cao và cây trồng ngắn ngày, gắn với phát triển công nghiệp chế biến, dịch vụ hậu cần nông nghiệp

và logistics. Quá trình đầu tư đồng bộ về hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị và phát triển các ngành thương mại, dịch vụ đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đô thị và từng bước khẳng định vai trò của Tân Hiệp là một trong những cực tăng trưởng quan trọng của tỉnh An Giang trong giai đoạn mới.

b) Đánh giá: Đạt.

2.2.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, khu vực thị trấn Tân Hiệp đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V (tại Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 11/11/2021) được chuyển tiếp thành đô thị Tân Hiệp - đô thị loại III. Theo đó, quy mô dân số tại khu vực đô thị Tân Hiệp đã được công nhận đô thị loại III là 33.178 người, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của Tân Hiệp đạt 50,18% (33.178/66.123 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.2.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Tân Hiệp đạt 544,83 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 508,59 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 107,12%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 78,91% trong cơ cấu kinh tế của xã Tân Hiệp.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Tân Hiệp là 32.949 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là

22.174 người, chiếm tỷ lệ 71,14%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 51,78 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 58,93 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 62,40 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Tân Hiệp năm 2023 là 65,66 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 72,00 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 75,00 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,70%, năm 2024 là 1,27%, năm 2025 là 1,03%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Tân Hiệp là 1,00%, trong đó: năm 2023 là 1,68%, năm 2024 là 0,97% và năm 2025 là 1,02%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Tân Hiệp đạt 05/05 tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.3. Đối với xã Giồng Riềng

2.3.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã Giồng Riềng cung cấp, xã Giồng Riềng có quy mô dân số là 72.050 người, trong đó dân số thường trú là 71.475 người và dân số tạm trú là 575 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.3.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Giồng Riềng có 122,02 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.3.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh,

thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Xã Giồng Riềng có vị trí địa lý thuận lợi, nằm ở khu vực trung tâm phía Tây của tỉnh An Giang, giữ vai trò là đầu mối kết nối giữa các địa phương trong vùng Tứ giác Long Xuyên với thành phố Rạch Giá và các khu vực ven biển của tỉnh. Với hệ thống giao thông tương đối đồng bộ, kết nối thuận lợi với các tuyến giao thông liên vùng, xã là cửa ngõ giao thương quan trọng, tạo điều kiện thúc đẩy lưu thông hàng hóa, phát triển thương mại, dịch vụ và mở rộng liên kết kinh tế giữa các địa phương trong tỉnh. Là địa bàn kế thừa vai trò trung tâm của huyện Giồng Riềng trước đây, xã tập trung nhiều cơ quan hành chính, cơ sở giáo dục, y tế, thương mại và các thiết chế văn hóa, giữ vai trò là trung tâm cung cấp các dịch vụ công và dịch vụ đô thị cho khu vực lân cận. Đồng thời, đây cũng là vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của tỉnh, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao, gắn với phát triển các hợp tác xã, vùng nguyên liệu tập trung và công nghiệp chế biến nông sản, góp phần bảo đảm an ninh lương thực và nâng cao giá trị chuỗi sản xuất nông nghiệp của tỉnh An Giang.

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã Giồng Riềng giữ vai trò là một trong những cực phát triển của khu vực phía Tây, vừa là trung tâm hành chính - thương mại - dịch vụ của tiểu vùng, vừa là hạt nhân thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển đô thị gắn với nông nghiệp hiện đại. Đô thị Giồng Riềng được định hướng là đô thị vệ tinh kết nối với đô thị Rạch Giá, phát triển theo mô hình đô thị dịch vụ - thương mại, lấy sản xuất lúa chất lượng cao và chế biến nông sản làm nền tảng; đóng vai trò trung tâm dịch vụ nông sản của tiểu vùng Tây sông Hậu, gắn với cụm công nghiệp Thạnh Hưng I, hình thành trung tâm chế biến nông sản hiện đại, kết nối thuận lợi với các địa phương trong vùng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

b) Đánh giá: Đạt.

2.3.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, khu vực thị trấn Giồng Riềng đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V (tại Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 26/12/2019) được chuyển tiếp thành đô thị Giồng Riềng - đô thị loại III. Theo đó, quy mô dân số tại khu vực đô thị Giồng Riềng đã được công nhận đô thị loại III là 36.941 người, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của Giồng Riềng đạt 51,27% (36.941/72.050 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.3.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Giồng Riềng đạt 582,79 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 582,79 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 100%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 70,14% trong cơ cấu kinh tế của xã Giồng Riềng.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Giồng Riềng là 38.408 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 27.539 người, chiếm tỷ lệ 71,70%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 51,78 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 58,93 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 62,40 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Giồng Riềng năm 2023 là 71,54 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 75,00 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 83,00 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,70%, năm 2024 là 1,27%, năm 2025 là 1,03%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Giồng Riềng là 1,33%, trong đó: năm 2023 là 1,69%, năm 2024 là 1,27% và năm 2025 là 1,03%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Giồng Riềng đạt 05/05 tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.4. Đối với xã Gò Quao

2.4.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã Gò Quao cung cấp, xã Gò Quao có quy mô dân số là 45.865 người, trong đó dân số thường trú là 45.407 người và dân số tạm trú là 458 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.4.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Gò Quao có 83,90 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.4.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Xã Gò Quao có vị trí địa lý thuận lợi, nằm ở khu vực phía Đông tỉnh An Giang, là đầu mối kết nối giữa trung tâm tỉnh với các địa phương trong khu vực Tây sông Hậu và bán đảo Cà Mau thông qua mạng lưới giao thông đường bộ và đường thủy. Với vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế và thương mại của huyện Gò Quao trước đây, xã kế thừa hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và mạng lưới dịch vụ đã được đầu tư tương đối đồng bộ, tạo nền tảng quan trọng để tiếp tục phát triển theo mô hình đô thị trong giai đoạn mới.

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã Gò Quao thuộc không gian phát triển của vùng phía Tây Nam tỉnh, giữ vai trò là một trong những trung tâm phát triển của tiểu vùng, gắn với định hướng hình thành đô thị mới, phát triển thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến nông sản và logistics phục vụ vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm. Đồng thời, địa phương là điểm trung chuyển hàng hóa, kết nối các vùng chuyên canh lúa chất lượng cao, nuôi trồng thủy sản với các trung tâm chế biến, tiêu thụ và hệ thống cảng, đầu mối giao thông trong khu vực, góp phần thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao giá trị chuỗi sản xuất nông nghiệp.

Với lợi thế về vị trí địa lý, hệ thống kết cấu hạ tầng, quy mô dân cư tập trung và vai trò trung tâm khu vực được hình thành trong quá trình phát triển nhiều năm, xã Gò Quao có điều kiện thuận lợi để phát triển theo hướng đô thị văn minh, hiện đại; là trung tâm cung cấp các dịch vụ hành chính, thương mại, giáo dục, y tế và các dịch vụ công của khu vực phía Đông tỉnh An Giang, đồng thời là một trong những địa bàn có vai trò thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư và tạo động lực lan tỏa phát triển đối với các địa phương lân cận.

b) Đánh giá: Đạt.

2.4.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, khu vực thị trấn Gò Quao đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V (tại Quyết định số 2301/QĐ-UBND ngày 15/9/2022) được chuyển tiếp thành đô thị Gò Quao - đô thị loại III. Theo đó, quy mô dân số tại khu vực đô thị Gò Quao đã được công nhận đô thị loại III là 23.675 người, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của Gò Quao đạt 51,62% (23.675/45.865 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.4.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Gò Quao đạt 419,78 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 418,80 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 100,23%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 78,27% trong cơ cấu kinh tế của xã Gò Quao.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Gò Quao là 26.653 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 19.029 người, chiếm tỷ lệ 71,40%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 51,78 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 58,93 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 62,40 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Gò Quao năm 2023 là 74,00 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 78,00 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 82,79 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,70%, năm 2024 là 1,27%, năm 2025 là 1,03%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Gò Quao là 1,33%, trong đó: năm 2023 là 1,69%, năm 2024 là 1,27% và năm 2025 là 1,01%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Gò Quao đạt 05/05 tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.5. Đối với xã An Biên

2.5.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã An Biên cung cấp, xã An Biên có quy mô dân số là 54.170 người, trong đó dân số thường trú là 53.623 người và dân số tạm trú là 547 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.5.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã An Biên có 118,34 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.5.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Xã An Biên có vị trí địa lý quan trọng, nằm ở khu vực phía Tây Nam tỉnh An Giang, thuộc không gian phát triển của hành lang kinh tế - xã hội Hà Tiên - Rạch Giá - Cà Mau và trục liên kết phía Nam của tỉnh. Với vị trí kết nối giữa khu vực ven biển Tây, vùng sinh thái U Minh Thượng và trung tâm đô thị Rạch Giá, xã giữ vai trò là đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa và cung ứng các dịch vụ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của khu vực phía Tây Nam tỉnh. Đây cũng là địa bàn có điều kiện thuận lợi để tăng cường liên kết giữa các vùng sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản tập trung với hệ thống đô thị, cơ sở chế biến, logistics và không gian phát triển kinh tế biển của tỉnh.

Kế thừa vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế và thương mại của huyện An Biên trước đây, xã An Biên hiện là nơi tập trung hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các cơ sở giáo dục, y tế, thương mại và dịch vụ của khu vực. Đây là trung tâm cung cấp các dịch vụ công, dịch vụ thương mại và các hoạt động hỗ trợ sản xuất cho các địa phương lân cận, đồng thời là đầu mối kết nối giữa khu vực ven biển với vùng nội địa của tỉnh An Giang.

Theo định hướng Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, An Biên (đô thị Thứ Ba) được xác định là đô thị vệ tinh hướng biển của đô thị Rạch Giá, phát triển theo mô hình đô thị dịch vụ - công nghiệp hỗ trợ - kinh tế thủy sản, gắn chặt với hành lang kinh tế ven biển và trục Quốc lộ 63, giữ vai trò đầu mối kết nối không gian phát triển ven biển phía Nam của tỉnh với khu vực trung tâm. Khai thác hiệu quả lợi thế cụm công nghiệp An Biên, phát triển các ngành chế biến lúa gạo, chăn nuôi - thủy sản, đóng và sửa chữa tàu, cùng các ngành nghề đặc thù vùng sinh thái ngập mặn; đồng thời phát triển dịch vụ hỗ trợ du lịch sinh thái rừng U Minh Thượng, các làng văn hóa ven sông và dịch vụ phục vụ khu công nghiệp Xẻo Rô, tạo chuỗi giá trị kinh tế ven biển - nội đồng liên hoàn. Định hướng phát triển đô thị gắn với đầu tư hoàn thiện hạ tầng giao thông hành lang ven biển, tăng cường liên kết vùng, thúc đẩy lưu thông hàng hóa, dịch vụ và phát triển kinh tế biển - thủy sản, đồng thời từng bước hoàn thiện các tiêu chí đô thị, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững của khu vực ven biển của tỉnh.

b) Đánh giá: Đạt.

2.5.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, khu vực thị trấn Thứ Ba đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V (tại Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 09/9/2021) được chuyển tiếp thành đô thị An Biên - đô thị loại III. Theo đó, quy mô dân số tại khu vực đô thị An Biên đã được công nhận đô thị loại III là 28.412 người, tỷ lệ quy mô

dân số đô thị trên quy mô dân số của An Biên đạt 52,45% (28.412/54.170 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.5.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã An Biên đạt 435,26 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 435,16 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 100,02%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 72,40% trong cơ cấu kinh tế của xã An Biên.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã An Biên là 17.666 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 12.559 người, chiếm tỷ lệ 71,09%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 51,78 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 58,93 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 62,40 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã An Biên năm 2023 là 65,00 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 67,00 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 75,00 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,70%, năm 2024 là 1,27%, năm 2025 là 1,03%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã An Biên là 0,71%, trong đó: năm 2023 là 0,78%, năm 2024 là 0,77% và năm 2025 là 0,58%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã An Biên đạt 05/05 tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.6. Đối với xã An Minh

2.6.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã An Minh cung cấp, xã An Minh có quy mô dân số là 35.918 người, trong đó dân số thường trú là 35.423 người và dân số tạm trú là 495 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.6.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã An Minh có 142,44 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.6.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã An Minh nằm ở khu vực ven biển phía Tây Nam của tỉnh, giữ vị trí quan trọng trong không gian phát triển kinh tế biển, nông nghiệp và sinh thái của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Với lợi thế tiếp giáp biển Tây, sở hữu hệ thống kênh, rạch, sông ngòi dày đặc cùng vùng đất ngập nước rộng lớn, xã được định hướng phát triển theo mô hình kinh tế tổng hợp dựa trên ba trụ cột là nông nghiệp chất lượng cao - kinh tế biển - bảo tồn hệ sinh thái, đóng vai trò là một trong những địa bàn trọng điểm phát triển kinh tế ven biển của tỉnh.

Xã An Minh nằm trên hành lang kết nối giữa khu vực ven biển phía Nam tỉnh An Giang với thành phố Rạch Giá, khu vực U Minh Thượng và các địa phương ven biển vùng Tây Nam Bộ thông qua hệ thống các tuyến giao thông huyết mạch như Quốc lộ 63 và các tuyến đường ven biển đang được đầu tư hoàn thiện. Đây là lợi thế quan trọng để mở rộng giao thương hàng hóa, phát triển dịch vụ logistics phục vụ nông nghiệp, thủy sản và tăng cường liên kết với các trung tâm kinh tế, đô thị của tỉnh. Bên cạnh đó, An Minh được xác định là vùng sản xuất nông nghiệp và thủy sản quy mô lớn, với thế mạnh về sản xuất lúa chất lượng cao, nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước ngọt và phát triển các mô hình sản xuất

thích ứng với biến đổi khí hậu. Địa phương đồng thời là một mắt xích quan trọng trong việc triển khai Đề án phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp vùng Đồng bằng sông Cửu Long; góp phần bảo đảm an ninh lương thực, cung cấp nguồn nguyên liệu ổn định cho công nghiệp chế biến nông sản và thủy sản của tỉnh.

Không chỉ có vai trò trong phát triển sản xuất, An Minh còn là địa bàn có giá trị đặc biệt về tài nguyên sinh thái khi nằm trong vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển thế giới Kiên Giang và khu vực Vườn quốc gia U Minh Thượng. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế xanh, bảo tồn đa dạng sinh học, khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đồng thời hình thành các loại hình du lịch sinh thái, trải nghiệm và giáo dục môi trường gắn với phát triển bền vững.

Trong định hướng phát triển lâu dài, xã An Minh được xác định là trung tâm phát triển kinh tế tổng hợp của khu vực ven biển phía Nam tỉnh An Giang, giữ vai trò kết nối giữa sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, kinh tế biển, dịch vụ hậu cần nghề cá và công nghiệp chế biến. Cùng với quá trình hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, địa phương sẽ từng bước hình thành không gian phát triển theo hướng hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, trở thành một cực tăng trưởng quan trọng, góp phần mở rộng không gian phát triển về phía biển và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh An Giang trong giai đoạn mới.

b) Đánh giá: Đạt.

2.6.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, khu vực thị trấn Thứ Mười Một đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V (tại Quyết định số 1985/QĐ-UBND ngày 31/8/2016) được chuyển tiếp thành đô thị An Minh - đô thị loại III. Theo đó, quy mô dân số tại khu vực đô thị An Minh đã được công nhận đô thị loại III là 18.462 người, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của An Minh đạt 51,40% (18.462/35.918 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.6.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã An Minh đạt 553,56 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 553,56 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương

trên địa bàn đạt 100%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 70,03% trong cơ cấu kinh tế của xã An Minh.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã An Minh là 24.074 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 17.093 người, chiếm tỷ lệ 71,00%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 51,78 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 58,93 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 62,40 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã An Minh năm 2023 là 69,2 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 77,1 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 80,0 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,70%, năm 2024 là 1,27%, năm 2025 là 1,03%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã An Minh là 1,30%, trong đó: năm 2023 là 1,68%, năm 2024 là 1,20% và năm 2025 là 1,03%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã An Minh đạt 05/05 tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.7. Đối với xã Vĩnh Phong

2.7.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã Vĩnh Phong cung cấp, xã Vĩnh Phong có quy mô dân số là 44.057 người, trong đó dân

số thường trú là 43.757 người và dân số tạm trú là 300 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.7.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Vĩnh Phong có 133,95 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.7.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã Vĩnh Phong thuộc tiểu vùng phía Nam An Giang, có vai trò là vùng sản xuất nông nghiệp trọng yếu của tỉnh, chuyên về trồng lúa và hoa màu, cung cấp quỹ đất lớn và ổn định để bảo đảm an ninh lương thực và phục vụ công nghiệp chế biến; trung tâm năng lượng sạch mới, ngoài điện gió và điện mặt trời còn phát triển điện sinh khối dựa trên phụ phẩm nông nghiệp, tạo hệ sinh thái năng lượng tái tạo đa dạng và gắn chặt với lợi thế sản xuất nông nghiệp của vùng; trong đó, lấy đô thị Vĩnh Thuận làm trung tâm, được định hướng phát triển, mở rộng các khu chức năng đô thị gắn với các khu hành chính, trung tâm thương mại, tài chính - ngân hàng, trung tâm giáo dục đào tạo, y tế, trung tâm thể dục thể thao, vui chơi giải trí. Hình thành một khu đô thị sầm uất, có sức sống, trở thành khu vực hạt nhân phát triển của cụm liên xã phía Nam tỉnh. Lấy khu vực ngã ba kênh Xáng Chắc Băng và kênh Làng Thứ Bảy làm trung tâm phát triển đô thị; phát triển đô thị kết hợp với phát triển du lịch sinh thái gắn với khu vực U Minh Thượng và các điểm di tích ở huyện; Tận dụng lợi thế của Quốc lộ 63 và đường Hồ Chí Minh dự kiến để tập trung phát triển đô thị gắn với phát triển thương mại, công nghiệp và dịch vụ, thu hút các nhà đầu tư. Các hoạt động kinh tế chính: Phát triển thương mại dịch vụ, buôn bán giao thương trao đổi hàng hóa; phát triển du lịch dựa trên hệ thống cảnh quan kênh Xáng Chắc Băng kết nối với chợ Nổi Vĩnh Thuận, Vườn tràm Ban Biện Phú...; phát triển các sản phẩm nông sản, thủy sản mang hình ảnh của Vĩnh Thuận cũ.

b) Đánh giá: Đạt.

2.7.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy

ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, khu vực thị trấn Vĩnh Thuận đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V (tại Quyết định số 2762/QĐ-UBND ngày 11/11/2021) được chuyển tiếp thành đô thị Vĩnh Phong - đô thị loại III. Theo đó, quy mô dân số tại khu vực đô thị Vĩnh Phong đã được công nhận đô thị loại III là 23.042 người, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của Vĩnh Phong đạt 52,30% (23.042/44.057 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.7.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Vĩnh Phong đạt 616,23 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 573,79 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 107,40%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 72,48% trong cơ cấu kinh tế của xã Vĩnh Phong.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Vĩnh Phong là 34.643 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 24.459 người, chiếm tỷ lệ 70,60%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 51,78 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 58,93 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 62,40 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Vĩnh Phong năm 2023 là 62,03 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 65,20 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 70,00 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,70%, năm 2024 là 1,27%, năm 2025 là 1,03%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Vĩnh Phong là 1,09%, trong đó: năm 2023 là 1,50%, năm 2024 là 0,96% và năm 2025 là 0,82%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Vĩnh Phong đạt 05/05 tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.8. Đối với xã Hòn Đất

2.8.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã Hòn Đất cung cấp, xã Hòn Đất có quy mô dân số là 62.665 người, trong đó dân số thường trú là 61.948 người và dân số tạm trú là 717 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.8.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Hòn Đất có 281,27 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.8.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, xã Hòn Đất nằm trong không gian phát triển phía Tây của tỉnh, thuộc vùng Tứ giác Long Xuyên, được định hướng phát huy lợi thế về nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, công nghiệp chế biến, thương mại - dịch vụ, du lịch và phát triển đô thị gắn với hệ thống hạ tầng giao thông liên vùng. Với vị trí nằm trên Quốc lộ 80 - tuyến giao thông huyết mạch kết nối thành phố Rạch Giá, Hà Tiên, Kiên Lương và các địa phương trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời là đầu mối liên kết với các tuyến giao thông hướng về vùng ven biển Tây và vùng nội địa Tứ giác Long Xuyên, xã Hòn Đất có vai trò quan trọng trong việc kết nối các trung tâm kinh tế của tỉnh, thúc đẩy lưu thông hàng hóa, phát triển dịch vụ và tăng cường liên kết vùng.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã Hòn Đất được hình thành trên cơ sở hợp nhất thị trấn Hòn Đất cùng các xã Thổ Sơn, Lình Huỳnh và Nam Thái Sơn, tạo nên một đơn vị hành chính có quy mô lớn, hội tụ đầy đủ các điều kiện về quỹ đất, dân số, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội để phát triển theo hướng đô thị - dịch vụ gắn với sản xuất nông nghiệp hiện đại. Khu vực trung tâm thị trấn Hòn Đất trước đây tiếp tục được xác định là hạt nhân phát triển của địa phương, tập trung hệ thống cơ quan hành chính, các thiết chế văn hóa, giáo dục, y tế, thương mại và dịch vụ, giữ vai trò trung tâm phục vụ không chỉ địa bàn xã mà còn đối với khu vực phía Bắc huyện Hòn Đất trước đây.

Theo định hướng phát triển không gian của tỉnh, xã Hòn Đất thuộc vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của Tứ giác Long Xuyên, được ưu tiên phát triển các vùng chuyên canh lúa chất lượng cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch và xây dựng chuỗi giá trị nông sản. Cùng với lợi thế về quỹ đất rộng, địa hình bằng phẳng, hệ thống thủy lợi tương đối hoàn chỉnh và khả năng kết nối thuận lợi với các trung tâm logistics, địa phương có nhiều điều kiện để phát triển các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp, thương mại, dịch vụ hậu cần và các ngành nghề hỗ trợ, góp phần nâng cao giá trị gia tăng của sản xuất nông nghiệp và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng bền vững. Bên cạnh đó, xã Hòn Đất còn là địa phương sở hữu nhiều giá trị nổi bật về lịch sử, văn hóa và cảnh quan thiên nhiên. Quần thể Khu di tích lịch sử Hòn Đất, núi Hòn Đất, Thổ Sơn cùng hệ thống di tích cách mạng tiêu biểu được quy hoạch gắn với phát triển du lịch văn hóa, lịch sử, du lịch sinh thái và giáo dục truyền thống. Đây là lợi thế đặc thù mà không nhiều địa phương trong tỉnh có được, tạo điều kiện để hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng, kết nối với các tuyến du lịch Hà Tiên - Kiên Lương - Rạch Giá - vùng Tứ giác Long Xuyên, từng bước đưa du lịch trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng của địa phương.

Với vị trí địa lý thuận lợi, hệ thống kết cấu hạ tầng ngày càng hoàn thiện, không gian phát triển được mở rộng sau sắp xếp đơn vị hành chính cùng truyền thống lịch sử, văn hóa đặc sắc, xã Hòn Đất được xác định là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ, văn hóa và du lịch của khu vực phía Bắc huyện Hòn Đất trước đây, đồng thời là một trong những hạt nhân phát triển của vùng Tứ giác Long Xuyên trong không gian phát triển phía Tây tỉnh An Giang. Đây là địa bàn có vai trò quan trọng trong việc tổ chức không gian đô thị, phát triển kinh tế nông nghiệp hiện đại, thúc đẩy liên kết vùng và khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của khu vực theo định hướng phát triển của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Đánh giá: Đạt.

2.8.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số

111/2025/UBTVQH15, khu vực thị trấn Hòn Đất đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V (tại Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 12/01/2023) được chuyển tiếp thành đô thị Hòn Đất - đô thị loại III. Theo đó, quy mô dân số tại khu vực đô thị Hòn Đất đã được công nhận đô thị loại III là 46.910 người, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của Hòn Đất đạt 74,86% (46.910/62.665 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.8.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Hòn Đất đạt 436,68 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 429,71 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 101,62%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 70,21% trong cơ cấu kinh tế của xã Hòn Đất.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Hòn Đất là 38.860 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 27.470 người, chiếm tỷ lệ 70,69%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 51,78 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 58,93 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 62,40 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Hòn Đất năm 2023 là 60,00 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 65,43 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 75,00 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,70%, năm 2024 là 1,27%, năm 2025 là 1,03%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Hòn Đất là 1,31%, trong đó: năm 2023 là 1,68%, năm 2024 là 1,25% và năm 2025 là 1,02%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Hòn Đất đạt 05/05 tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.9. Đối với xã Kiên Lương

2.9.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã Kiên Lương cung cấp, xã Kiên Lương có quy mô dân số là 58.997 người, trong đó dân số thường trú là 57.531 người và dân số tạm trú là 1.466 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.9.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Kiên Lương có 138,08 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.9.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, khu vực xã Kiên Lương được xác định là một trong những địa bàn trọng điểm thuộc tiểu vùng ven biển - biên giới phía Tây Nam của tỉnh, có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển công nghiệp, kinh tế biển - đảo, thương mại dịch vụ và quốc phòng - an ninh.

Xã Kiên Lương được định hướng phát triển đô thị gắn với các trục giao thông liên vùng, kết nối hiệu quả với hệ thống cao tốc và quốc lộ, khai thác lợi thế cảng biển để thúc đẩy logistics, xuất nhập khẩu và kinh tế biển, đồng thời tối ưu hóa sử dụng đất và mở rộng không gian phát triển; hình thành trung tâm công nghiệp vật liệu xây dựng, năng lượng tái tạo và logistics biển - sông - biên giới, gắn với lợi thế về tài nguyên đá vôi, cảng biển và hệ thống giao thông kết nối quốc tế. Đây là vùng động lực tăng trưởng cao, có khả năng thu hút các dự án quy mô lớn trong lĩnh vực công nghiệp sạch, công nghiệp chế biến, dịch vụ thương mại

và du lịch sinh thái biển. Ngoài ra, Kiên Lương còn được định hướng phát triển các khu, điểm du lịch trọng điểm như cụm thắng cảnh Hòn Phụ Tử, Hang Moso, Chùa Hang, kết hợp với hệ sinh thái biển - đảo, tạo thành chuỗi điểm đến liên hoàn trong không gian du lịch của tỉnh.

Theo quy hoạch, xã Kiên Lương giữ vai trò cửa ngõ giao thương quốc tế của An Giang, kết nối trực tiếp với Campuchia và các nước trong khu vực Mê Công. Đây là địa bàn chiến lược về quốc phòng - an ninh, gắn phát triển kinh tế - - xã hội với củng cố thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trên hướng biển, đảo và biên giới. Đồng thời, Kiên Lương còn là trung tâm văn hóa - xã hội của vùng ven biển, nơi hội tụ các hoạt động giáo dục, y tế, dịch vụ công cộng, góp phần nâng cao chất lượng sống của nhân dân. Xã Kiên Lương được xác định là hạt nhân phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics ven biển**,** vừa là trung tâm kinh tế biển mạnh của tỉnh An Giang, vừa là cửa ngõ giao thương chiến lược, đóng vai trò lan tỏa phát triển cho toàn bộ khu vực Tây Bắc của tỉnh.

b) Đánh giá: Đạt.

2.9.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, khu vực thị trấn Kiên Lương đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV (tại Quyết định số 1116/QĐ-BXD ngày 12/12/2012) được chuyển tiếp thành đô thị Kiên Lương - đô thị loại III. Theo đó, quy mô dân số tại khu vực đô thị Kiên Lương đã được công nhận đô thị loại III là 36.490 người, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của Kiên Lương đạt 61,85% (36.490/58.997 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.9.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Kiên Lương đạt 494,09 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 494,09 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 100%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 75,49% trong cơ cấu kinh tế của xã Kiên Lương.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Kiên Lương là 39.321 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 28.223 người, chiếm tỷ lệ 71,78%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 51,78 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 58,93 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 62,40 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Kiên Lương năm 2023 là 89,25 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 96,69 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 102,48 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,70%, năm 2024 là 1,27%, năm 2025 là 1,03%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Kiên Lương là 1,10%, trong đó: năm 2023 là 1,25%, năm 2024 là 1,09% và năm 2025 là 0,94%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Kiên Lương đạt 05/05 tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.10. Đối với xã Ba Chúc

2.10.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã Ba Chúc cung cấp, xã Ba Chúc có quy mô dân số là 32.996 người, trong đó dân số thường trú là 32.790 người và dân số tạm trú là 206 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.10.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Ba Chúc có 70,94 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.10.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, xã Ba Chúc (được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích của thị trấn Ba Chúc, xã Lạc Quới và xã Lê Trì cũ) nằm ở khu vực Tiểu vùng phía Tây An Giang. Đây là khu vực hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi về vị trí biên giới chiến lược, hạ tầng giao thông và tiềm năng phát triển tổng hợp. Xã Ba Chúc được định vị là đầu mối giao thương, giao thông đối ngoại quan trọng của tỉnh An Giang. Địa phương đóng vai trò hạt nhân thúc đẩy giao lưu, hợp tác phát triển kinh tế thương mại mậu dịch giữa Việt Nam - Campuchia nói chung, cũng như giữa tỉnh An Giang với các tỉnh Kandal, Takeo, Kampot nói riêng nhờ vào hệ thống cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền và các tuyến hạ tầng kết nối.

Bên cạnh chức năng giao thương quốc tế thuộc Hành lang kinh tế - xã hội biên giới, xã Ba Chúc còn nằm trên Trục phía Bắc và Trục Đông Tây, giữ vai trò xương sống liên kết đa chiều giữa đô thị, vùng nông thôn sinh thái, giúp điều phối không gian và nâng cao hiệu quả hạ tầng logistics. Trong định hướng phát triển không gian, xã Ba Chúc là một trong những trung tâm du lịch đặc thù của tỉnh, kết hợp hài hòa giữa du lịch sinh thái vùng Bảy Núi, du lịch hành hương văn hóa tín ngưỡng chất lượng cao và tuyến du lịch kết nối xuyên biên giới. Ngoài ra, khu vực này còn giữ vai trò chiến lược về quốc phòng - an ninh, là phòng tuyến hợp tác vững chắc vùng biên giới Tây Nam, đồng thời là trọng điểm đầu tư hạ tầng nông thôn bền vững và an sinh xã hội thông qua mô hình "Điểm sáng văn hóa biên giới" và các Chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Đánh giá: Đạt.

2.10.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy

ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, khu vực thị trấn Ba Chúc đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V (tại Quyết định số 2508/QĐ-UBND ngày 08/9/2016) được chuyển tiếp thành đô thị Ba Chúc - đô thị loại III. Theo đó, quy mô dân số tại khu vực đô thị Ba Chúc đã được công nhận đô thị loại III là 19.512 người, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của Ba Chúc đạt 59,13% (19.512/32.996 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.10.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Ba Chúc đạt 221,70 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 221,70 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 100%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên *(áp dụng yếu tố đặc thù của đơn vị hành chính đô thị có đường biên giới quốc gia trên đất liền theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15, chỉ tiêu tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP đạt từ 49% trở lên)*.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 50,20% trong cơ cấu kinh tế của xã Ba Chúc.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên *(áp dụng yếu tố đặc thù của đơn vị hành chính đô thị có đường biên giới quốc gia trên đất liền theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15, chỉ tiêu tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt từ 49% trở lên)*.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Ba Chúc là 15.652 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 10.491 người, chiếm tỷ lệ 67,03%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 51,78 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 58,93 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 62,40 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Ba Chúc năm 2023 là 61,22 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 62,79 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 75,5 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,70%, năm 2024 là 1,27%, năm 2025 là 1,03%) *(áp dụng yếu tố đặc thù của đơn vị hành chính đô thị có đường biên giới quốc gia trên đất liền theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15, chỉ tiêu tỷ lệ hộ nghèo năm 2023 là 2,21%, năm 2024 là 1,65%, năm 2025 là 1,34%).*

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Ba Chúc là 1,71%, trong đó: năm 2023 là 2,19%, năm 2024 là 1,64% và năm 2025 là 1,31%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Ba Chúc đạt 05/05 tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.11. Đối với xã Thoại Sơn

2.11.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã Thoại Sơn cung cấp, xã Thoại Sơn có quy mô dân số là 52.651 người, trong đó dân số thường trú là 52.516 người và dân số tạm trú là 135 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.11.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Thoại Sơn có 68,91 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.11.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thoại Sơn đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, khu vực xã Thoại Sơn ngày nay thuộc cực phát triển

trung tâm của huyện Thoại Sơn cũ, được định hướng là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế và đầu mối giao thương của toàn huyện. Với hạt nhân là khu vực đô thị Núi Sập trước đây cùng hệ thống giao thông kết nối thuận lợi thông qua các tuyến Đường tỉnh 943, Đường tỉnh 947, Đường tỉnh 960 và mạng lưới giao thông liên vùng, khu vực này giữ vai trò là trung tâm phát triển thương mại, dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và logistics phục vụ khu vực phía Đông tỉnh An Giang. Đồng thời, đây cũng là vùng có điều kiện thuận lợi để phát triển đô thị gắn với các không gian sinh thái đặc trưng của vùng Bảy Núi và Tứ giác Long Xuyên, tạo động lực thúc đẩy quá trình đô thị hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển bền vững của toàn huyện Thoại Sơn cũ.

Bên cạnh lợi thế về vị trí địa lý và hạ tầng giao thông, xã Thoại Sơn còn là trung tâm hội tụ các thiết chế hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và thương mại của địa phương; đồng thời sở hữu nhiều tiềm năng nổi bật để phát triển du lịch lịch sử, văn hóa, tâm linh và sinh thái với các giá trị đặc sắc như Khu lưu niệm Thoại Ngọc Hầu, quần thể Núi Sập - hồ Ông Thoại, khu di tích quốc gia đặc biệt Óc Eo - Ba Thê cùng hệ thống cảnh quan núi, hồ và đồng bằng đặc trưng. Đây cũng là vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của huyện Thoại Sơn cũ, phát triển theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyên canh lúa chất lượng cao, cây màu, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, gắn với công nghiệp chế biến và chuỗi giá trị nông sản.

Theo Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã Thoại Sơn nằm trong tiểu vùng phát triển phía Đông của tỉnh An Giang, được xác định là một trong những cực tăng trưởng quan trọng của tỉnh, giữ vai trò trung tâm phát triển nông nghiệp công nghệ cao tích hợp của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Khu vực này được định hướng trở thành hạt nhân nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ, phát triển giống cây trồng, vật nuôi, công nghệ sinh học và công nghiệp chế biến nông sản hiện đại; đồng thời là trung tâm phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch và đô thị của khu vực phía Đông tỉnh. Trên cơ sở phát huy lợi thế về vị trí trung tâm, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, mạng lưới giao thông kết nối thuận lợi và quỹ đất phát triển đô thị, xã Thoại Sơn được định hướng xây dựng theo mô hình đô thị hiện đại, xanh, thông minh, phát triển hài hòa giữa đô thị, công nghiệp, dịch vụ, du lịch và nông nghiệp sinh thái; tập trung đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nâng cao chất lượng các công trình giáo dục, y tế, văn hóa, đồng thời bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa Óc Eo - Ba Thê và cảnh quan đặc trưng vùng Bảy Núi gắn với phát triển du lịch bền vững.

Đồng thời, theo định hướng phát triển không gian đô thị của tỉnh, cụm đô thị Núi Sập (trước đây gồm thị trấn Núi Sập và các xã Bình Thành, Thoại Giang, Định Thành) tiếp tục được xác định là hạt nhân phát triển đô thị của khu vực Thoại Sơn, từng bước hoàn thiện các tiêu chí đô thị theo quy hoạch, nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và năng lực cung cấp các dịch vụ công, tạo tiền đề xây dựng khu vực Thoại Sơn trở thành đô thị phát triển theo hướng văn minh, hiện đại, là trung tâm kinh tế - văn hóa - dịch vụ quan trọng của phía Đông tỉnh

An Giang trong giai đoạn tiếp theo.

b) Đánh giá: Đạt.

2.11.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, khu vực thị trấn Núi Sập đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV (tại Quyết định số 13/QĐ-BXD ngày 12/01/2016) được chuyển tiếp thành đô thị Thoại Sơn - đô thị loại III. Theo đó, quy mô dân số tại khu vực đô thị Thoại Sơn đã được công nhận đô thị loại III là 26.502 người, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của Thoại Sơn đạt 50,34% (26.502/52.651 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.11.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Thoại Sơn đạt 421,98 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 421,98 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 100%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 70,52% trong cơ cấu kinh tế của xã Thoại Sơn.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Thoại Sơn là 26.210 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 19.446 người, chiếm tỷ lệ 74,19%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 51,78 triệu đồng/người/năm, năm 2024

là 58,93 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 62,40 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Thoại Sơn năm 2023 là 75,62 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 79,60 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 87,09 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,70%, năm 2024 là 1,27%, năm 2025 là 1,03%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Thoại Sơn là 0,38%, trong đó: năm 2023 là 0,88%, năm 2024 là 0,14% và năm 2025 là 0,13%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Thoại Sơn đạt 05/05 tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.12. Đối với xã Phú Hòa

2.12.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã Phú Hòa cung cấp, xã Phú Hòa có quy mô dân số là 41.507 người, trong đó dân số thường trú là 40.855 người và dân số tạm trú là 652 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.12.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Phú Hòa có 71,81 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.12.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã Phú Hòa thuộc Tiểu vùng phía Đông An

Giang, được định hướng là trung tâm sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tích hợp và đô thị tri thức của tỉnh. Cùng với các địa phương như Thoại Sơn, Óc Eo, Định Mỹ, Vĩnh Trạch và Long Xuyên, xã Phú Hòa giữ vai trò là một bộ phận quan trọng trong vùng động lực phát triển nông nghiệp công nghệ cao của toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Địa phương được định hướng phát triển theo mô hình kinh tế nông nghiệp hiện đại, ứng dụng mạnh khoa học công nghệ, công nghệ sinh học, chuyển đổi số và canh tác thông minh; hình thành hệ sinh thái nông nghiệp tích hợp từ vùng nguyên liệu, sản xuất công nghệ cao đến chế biến sâu, logistics và xuất khẩu nông sản, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của ngành nông nghiệp tỉnh An Giang.

Theo định hướng tổ chức không gian phát triển của tỉnh, xã Phú Hòa nằm trên trục phát triển của tiểu vùng phía Đông An Giang, gắn kết chặt chẽ với đô thị Long Xuyên, trung tâm nghiên cứu, đào tạo, thương mại, dịch vụ và logistics nông nghiệp của tỉnh. Đồng thời, địa phương được hưởng lợi từ hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông liên vùng, các hành lang kinh tế và các trục liên kết nội tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, công nghiệp chế biến nông sản, thương mại, dịch vụ và logistics phục vụ chuỗi giá trị nông nghiệp. Đây cũng là khu vực được định hướng phát triển theo mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu và xây dựng nông thôn mới hiện đại, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh. Kế thừa định hướng phát triển của vùng huyện Thoại Sơn trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, xã Phú Hòa tiếp tục giữ vai trò là một trong những trung tâm kinh tế, thương mại, dịch vụ và đầu mối giao thông quan trọng ở khu vực phía Đông huyện Thoại Sơn, đồng thời là trung tâm phục vụ hành chính, văn hóa, giáo dục, y tế và cung ứng các dịch vụ công cho khu vực sau sắp xếp. Với lợi thế là địa bàn hợp nhất từ thị trấn Phú Hòa, xã Phú Thuận và xã Vĩnh Chánh, xã Phú Hòa có điều kiện mở rộng không gian phát triển đô thị, nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, phát huy vai trò là hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực phía Đông Thoại Sơn và tăng cường liên kết với các trung tâm động lực của tỉnh An Giang.

Trong định hướng phát triển lâu dài, xã Phú Hòa được xác định là địa phương có vai trò quan trọng trong xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển kinh tế nông thôn hiện đại gắn với chuyển đổi số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn; đồng thời là đầu mối liên kết giữa vùng nguyên liệu với các cơ sở chế biến, thương mại và xuất khẩu nông sản. Việc thành lập xã Phú Hòa sau sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 không chỉ góp phần tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước mà còn tạo điều kiện tập trung các nguồn lực đầu tư, mở rộng không gian phát triển, xây dựng địa phương trở thành trung tâm phát triển nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ và đô thị của khu vực phía Đông Thoại Sơn và khu vực phía Đông Bắc của tỉnh An Giang trong giai đoạn mới.

b) Đánh giá: Đạt.

2.12.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của

đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, khu vực thị trấn Phú Hòa đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V (tại Quyết định số 2500/QĐ-UBND ngày 08/9/2016) được chuyển tiếp thành đô thị Phú Hòa - đô thị loại III. Theo đó, quy mô dân số tại khu vực đô thị Thoại Sơn đã được công nhận đô thị loại III là 23.886 người, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của Phú Hòa đạt 57,55% (23.886/41.507 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.12.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Phú Hòa đạt 227,63 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 227,63 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 100%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 71,97% trong cơ cấu kinh tế của xã Phú Hòa.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Phú Hòa là 22.735 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 16.823 người, chiếm tỷ lệ 74,00%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 51,78 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 58,93 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 62,40 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Phú Hòa năm 2023 là 71,80 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 76,88 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 86,26 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,70%, năm 2024 là 1,27%, năm 2025 là 1,03%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Phú Hòa là 0,65%, trong đó: năm 2023 là 1,28%, năm 2024 là 0,42% và năm 2025 là 0,26%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Phú Hòa đạt 05/05 tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.13. Đối với xã An Châu

2.13.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã An Châu cung cấp, xã An Châu có quy mô dân số là 66.538 người, trong đó dân số thường trú là 65.588 người và dân số tạm trú là 727 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.13.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã An Châu có 70,23 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.13.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã An Châu thuộc tiểu vùng trung tâm của tỉnh An Giang, nằm trên hành lang phát triển đô thị và dịch vụ dọc theo Quốc lộ 91 kết nối thành phố Long Xuyên với Châu Đốc và các khu vực phía Bắc của tỉnh. Với vị trí tiếp giáp trực tiếp trung tâm đô thị Long Xuyên và là đầu mối giao thông quan trọng của khu vực, An Châu được định hướng phát triển trở thành trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ và logistics của khu vực phía Đông thành phố

Long Xuyên, đồng thời là đô thị động lực hỗ trợ quá trình phát triển không gian đô thị trung tâm của tỉnh.

Theo điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị An Châu đến năm 2035 được phê duyệt tại Quyết định số 3182/QĐ-UBND ngày 30/12/2019, đô thị An Châu được định hướng phát triển theo mô hình đô thị hiện đại, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; giữ vai trò là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế và thương mại của khu vực Châu Thành trước đây. Đô thị phát triển theo hướng mở rộng không gian về phía các khu vực Hòa Bình Thạnh và Vĩnh Thành, hình thành các khu dân cư mới, trung tâm thương mại - dịch vụ, các công trình công cộng, hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị loại IV và từng bước nâng cao chất lượng đô thị theo định hướng quy hoạch.

Kế thừa vai trò của thị trấn An Châu - trung tâm huyện lỵ Châu Thành trước đây, sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã An Châu tiếp tục giữ vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa và dịch vụ của khu vực; là đầu mối giao thương, cung cấp các dịch vụ công, giáo dục, y tế, thương mại và tài chính phục vụ Nhân dân trên địa bàn và các khu vực lân cận. Với lợi thế nằm trên trục Quốc lộ 91, kết nối trực tiếp với thành phố Long Xuyên, thành phố Châu Đốc và các huyện phía Bắc của tỉnh, xã An Châu có điều kiện thuận lợi để phát triển thương mại, dịch vụ, logistics, công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu nông nghiệp, đồng thời là cửa ngõ giao lưu kinh tế giữa khu vực đô thị trung tâm với các vùng nông thôn của tỉnh.

Trong định hướng phát triển lâu dài, xã An Châu được xác định là một trong những đô thị hạt nhân của khu vực trung tâm tỉnh An Giang, phát triển theo hướng đô thị văn minh, hiện đại, gắn với chuyển đổi số, phát triển thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và các ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao. Việc thành lập xã An Châu trên cơ sở hợp nhất thị trấn An Châu, xã Hòa Bình Thạnh và xã Vĩnh Thành không chỉ mở rộng không gian phát triển, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước mà còn tạo điều kiện tập trung nguồn lực đầu tư, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công và từng bước xây dựng An Châu trở thành trung tâm đô thị, thương mại và dịch vụ quan trọng của tỉnh An Giang trong giai đoạn mới.

b) Đánh giá: Đạt.

2.13.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, khu vực thị trấn An Châu đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV (tại Quyết định số 352/QĐ-BXD ngày 29/4/2022) được chuyển tiếp thành đô thị An Châu - đô thị loại III. Theo đó, quy mô dân số tại khu vực đô thị Thoại Sơn đã được công nhận đô thị loại III là 39.061 người, tỷ lệ quy mô dân số đô

thị trên quy mô dân số của An Châu đạt 58,70% (39.061/66.538 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.13.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã An Châu đạt 645,05 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 399,22 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 161,58%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 71% trong cơ cấu kinh tế của xã An Châu.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã An Châu là 27.324 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 27.324 người, chiếm tỷ lệ 77,02%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 51,78 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 58,93 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 62,40 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã An Châu năm 2023 là 73,50 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 77,84 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 82,42 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,70%, năm 2024 là 1,27%, năm 2025 là 1,03%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã An Châu là 1,33%, trong đó: năm 2023 là 1,69%, năm 2024 là 1,27% và năm 2025 là 1,02%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã An Châu đạt 05/05 tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.14. Đối với xã Vĩnh An

2.14.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã Vĩnh An cung cấp, xã Vĩnh An có quy mô dân số là 33.453 người, trong đó dân số thường trú là 33.254 người và dân số tạm trú là 199 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.14.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Vĩnh An có 93,40 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.14.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã Vĩnh An thuộc tiểu vùng phía Đông tỉnh An Giang, nằm trên hành lang phát triển kết nối thành phố Long Xuyên với các địa phương phía Đông của tỉnh. Với vị trí tiếp giáp các tuyến giao thông quan trọng và kế thừa vai trò của thị trấn Vĩnh Bình trước đây, xã Vĩnh An được định hướng phát huy lợi thế về phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các ngành kinh tế gắn với chế biến nông sản, từng bước hình thành không gian phát triển đồng bộ giữa khu vực đô thị và nông thôn. Kế thừa vai trò của thị trấn Vĩnh Bình - trung tâm hành chính, chính trị của huyện Châu Thành trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, xã Vĩnh An tiếp tục giữ vai trò là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ và cung cấp các dịch vụ công của khu vực. Đồng thời, địa phương là đầu mối giao lưu kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế giữa các xã phía Đông với trung tâm tỉnh An Giang; có điều kiện thuận lợi để phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ, logistics nông nghiệp, công nghiệp chế biến và các ngành nghề phi nông nghiệp, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, việc hợp nhất thị

trấn Vĩnh Bình, xã Tân Phú và xã Vĩnh An đã mở rộng quy mô không gian phát triển đô thị, tạo điều kiện khai thác hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có, nâng cao năng lực quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ công. Với lợi thế là địa phương có khu vực đô thị phát triển kết hợp với vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, xã Vĩnh An có điều kiện hình thành các khu dân cư mới, phát triển thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến và các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới.

b) Đánh giá: Đạt.

2.14.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, khu vực thị trấn Vĩnh Bình đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V (tại Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 31/12/2015) được chuyển tiếp thành đô thị Vĩnh Bình - đô thị loại III. Theo đó, quy mô dân số tại khu vực đô thị Vĩnh Bình thuộc xã Vĩnh An đã được công nhận đô thị loại III là 22.474 người, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của Vĩnh An đạt 67,18% (22.474/33.453 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.14.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Vĩnh An đạt 156,80 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 152,86 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 102,58%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 70,52% trong cơ cấu kinh tế của xã Vĩnh An.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Vĩnh An là 12.527 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 9.529 người, chiếm tỷ lệ 73,13%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 51,78 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 58,93 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 62,40 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Vĩnh An năm 2023 là 63,33 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 67,70 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 80,80 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,70%, năm 2024 là 1,27%, năm 2025 là 1,03%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Vĩnh An là 1,32%, trong đó: năm 2023 là 1,69%, năm 2024 là 1,26% và năm 2025 là 1,02%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Vĩnh An đạt 05/05 tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.15. Đối với xã Châu Phú

2.15.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã Châu Phú cung cấp, xã Châu Phú có quy mô dân số là 60.445 người, trong đó dân số thường trú là 59.906 người và dân số tạm trú là 539 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.15.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Châu Phú có 80,11 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.15.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã Châu Phú thuộc không gian phát triển trung tâm của tỉnh An Giang, nằm trên hành lang kinh tế Quốc lộ 91 kết nối thành phố Long Xuyên với thành phố Châu Đốc và khu vực cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên. Với vị trí thuận lợi về giao thông và điều kiện phát triển kinh tế, xã Châu Phú được định hướng phát huy vai trò là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ và đầu mối giao thương của khu vực phía Bắc tỉnh An Giang; đồng thời là địa bàn phát triển đô thị, công nghiệp chế biến nông sản, logistics và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp.

Theo Đồ án Quy hoạch chung đô thị Cái Dầu đến năm 2035 được phê duyệt tại Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh An Giang, khu vực Cái Dầu được định hướng là đô thị trung tâm của huyện Châu Phú, giữ vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục và y tế; đồng thời là đầu mối thương mại, dịch vụ và giao thông quan trọng trên trục Quốc lộ 91. Không gian đô thị được quy hoạch phát triển theo hướng mở rộng, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, gắn với phát triển các khu dân cư mới, trung tâm thương mại, dịch vụ, công nghiệp sạch và hệ thống công trình công cộng, đáp ứng yêu cầu phát triển của đô thị loại IV và tiến tới đô thị loại III.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã Châu Phú được thành lập trên cơ sở hợp nhất thị trấn Cái Dầu, xã Bình Long và xã Bình Phú, tạo nên một không gian phát triển thống nhất giữa khu vực đô thị và vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Xã tiếp tục kế thừa vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, thương mại, dịch vụ và cung cấp các dịch vụ công của khu vực Châu Phú trước đây; đồng thời là đầu mối kết nối giữa các vùng sản xuất nông nghiệp với hệ thống tiêu thụ, chế biến và lưu thông hàng hóa, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng thương mại, dịch vụ và công nghiệp gắn với nông nghiệp công nghệ cao. Đặc biệt, từ ngày 01/01/2026, xã Châu Phú được chuyển tiếp thành đô thị Châu Phú (đô thị loại III) trên cơ sở đô thị Cái Dầu mở rộng theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15. Đây là cơ sở quan trọng để địa phương tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng đô thị, mở rộng không gian phát triển thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và các ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao; đồng thời nâng cao chất lượng quản lý đô thị, thu hút đầu tư và từng bước khẳng định vai trò là một trong những trung tâm đô thị quan trọng của tỉnh An Giang.

b) Đánh giá: Đạt.

2.15.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, khu vực thị trấn Cái Dầu mở rộng đã được công nhận đạt

tiêu chí đô thị loại IV (tại Quyết định số 354/QĐ-BXD ngày 29/4/2022) được chuyển tiếp thành đô thị Châu Phú - đô thị loại III. Theo đó, quy mô dân số tại khu vực đô thị Châu Phú đã được công nhận đô thị loại III là 22.474 người, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của Châu Phú đạt 79,66% (48.154/60.445 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.15.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Châu Phú đạt 865,04 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 506,25 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 170,87%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 73,05% trong cơ cấu kinh tế của xã Châu Phú.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Châu Phú là 35.603 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 24.953 người, chiếm tỷ lệ 70,09%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 51,78 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 58,93 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 62,40 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Châu Phú năm 2023 là 70,05 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 74,20 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 83,14 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,70%, năm 2024 là 1,27%, năm 2025 là 1,03%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Châu Phú là 1,33%, trong đó: năm 2023 là 1,69%, năm 2024 là 1,27% và năm 2025 là 1,02%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Châu Phú đạt 05/05 tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.16. Đối với xã Vĩnh Thạnh Trung

2.16.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã Vĩnh Thạnh Trung cung cấp, xã Vĩnh Thạnh Trung có quy mô dân số là 65.106 người, trong đó dân số thường trú là 64.802 người và dân số tạm trú là 304 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.16.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Vĩnh Thạnh Trung có 64,97 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.16.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã Vĩnh Thạnh Trung thuộc không gian phát triển phía Bắc của tỉnh An Giang, nằm trên hành lang kinh tế Quốc lộ 91 kết nối thành phố Long Xuyên với thành phố Châu Đốc và các cửa khẩu quốc tế của tỉnh. Với vị trí thuận lợi về giao thông và vai trò là một trong những trung tâm của huyện Châu Phú trước đây, địa phương được định hướng phát triển theo mô hình đô thị - dịch vụ gắn với thương mại, công nghiệp chế biến, logistics nông nghiệp và vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

Theo Đồ án Quy hoạch chung đô thị Vĩnh Thạnh Trung đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 của UBND tỉnh An Giang, khu vực Vĩnh Thạnh Trung được định hướng là đô thị trung tâm phía Đông của huyện Châu Phú, giữ vai trò là trung tâm thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế

và giao lưu kinh tế của khu vực; đồng thời là đầu mối phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông sản và các dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp. Không gian đô thị được quy hoạch phát triển theo hướng đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, gắn với bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sống của người dân.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã Vĩnh Thạnh Trung được thành lập trên cơ sở hợp nhất thị trấn Vĩnh Thạnh Trung và xã Mỹ Phú, tạo nên một không gian phát triển thống nhất giữa khu vực đô thị hiện hữu với vùng sản xuất nông nghiệp tập trung. Việc hợp nhất đã mở rộng quy mô dân số, quỹ đất và hệ thống hạ tầng, tạo điều kiện khai thác hiệu quả các nguồn lực hiện có, phát triển mạng lưới thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến, logistics nông sản và các ngành kinh tế phi nông nghiệp; đồng thời nâng cao năng lực cung cấp các dịch vụ hành chính, giáo dục, y tế và văn hóa cho người dân trên địa bàn.

Hiện nay, xã Vĩnh Thạnh Trung đang triển khai Quy hoạch chung xã đến năm 2050, hướng tới xây dựng không gian phát triển hiện đại, đồng bộ, khai thác hiệu quả lợi thế về vị trí giao thông và vai trò trung tâm của khu vực. Định hướng phát triển tập trung vào hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật, mở rộng không gian đô thị, phát triển các khu thương mại - dịch vụ, cụm công nghiệp, logistics, đồng thời xây dựng nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, từng bước đưa Vĩnh Thạnh Trung trở thành một trong những trung tâm phát triển quan trọng của tỉnh An Giang trong giai đoạn mới.

b) Đánh giá: Đạt.

2.16.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, khu vực thị trấn Vĩnh Thạnh Trung đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V (tại Quyết định số 2949/QĐ-BXD ngày 05/10/2017) được chuyển tiếp thành đô thị Vĩnh Thạnh Trung - đô thị loại III. Theo đó, quy mô dân số tại khu vực đô thị Vĩnh Thạnh Trung đã được công nhận đô thị loại III là 36.569 người, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của Vĩnh Thạnh Trung đạt 56,17% (36.569/65.106 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.16.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Vĩnh Thạnh Trung đạt 219,43 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt

219,16 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 100,12%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 71,16% trong cơ cấu kinh tế của xã Vĩnh Thạnh Trung.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Vĩnh Thạnh Trung là 38.348 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 26.888 người, chiếm tỷ lệ 70,12%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 51,78 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 58,93 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 62,40 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Vĩnh Thạnh Trung năm 2023 là 74,35 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 77,37 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 86,59 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,70%, năm 2024 là 1,27%, năm 2025 là 1,03%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Vĩnh Thạnh Trung là 1,32%, trong đó: năm 2023 là 1,68%, năm 2024 là 1,26% và năm 2025 là 1,01%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Vĩnh Thạnh Trung đạt 05/05 tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.17. Đối với xã Vĩnh Hậu

2.17.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã Vĩnh

Hậu cung cấp, xã Vĩnh Hậu có quy mô dân số là 61.058 người, trong đó dân số thường trú là 61.015 người và dân số tạm trú là 43 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.17.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Vĩnh Hậu có 48,45 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.17.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/20226 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã Vĩnh Hậu thuộc không gian phát triển vùng kinh tế biên giới và vùng đầu nguồn sông Hậu, giữ vai trò là khu vực phát triển tổng hợp về nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, logistics biên giới và kinh tế cửa khẩu; đồng thời là địa bàn quan trọng trong bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác phát triển với Campuchia. Với lợi thế nằm trên hành lang kinh tế dọc Quốc lộ 91C, tiếp giáp sông Hậu và gần Cửa khẩu quốc tế Long Bình, địa phương được định hướng phát huy vai trò là đầu mối kết nối giao thương, trung chuyển hàng hóa và phát triển các ngành dịch vụ phục vụ khu vực biên giới.

Theo Quy hoạch chung đô thị Đa Phước đến năm 2035 được phê duyệt tại Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh An Giang, khu vực thị trấn Đa Phước (nay là một phần của xã Vĩnh Hậu) được xác định là đô thị loại V, có tính chất là đô thị thương mại - dịch vụ, du lịch sông nước, văn hóa và là đầu mối giao lưu, kết nối khu vực phía Nam huyện An Phú với thành phố Châu Đốc theo tuyến Quốc lộ 91C. Đồng thời, đây là khu vực có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện An Phú, gắn với các hoạt động thương mại, dịch vụ, logistics, du lịch và khai thác hiệu quả lợi thế cảnh quan ven sông Hậu.

Đối với khu vực xã Vĩnh Hậu (cũ), Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hậu đến năm 2035 định hướng phát triển theo mô hình nông thôn mới nâng cao, gắn với vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển cây ăn trái, nuôi trồng thủy sản, thương mại - dịch vụ và du lịch sinh thái ven sông Hậu. Không gian phát triển được tổ chức theo các trục giao thông và tuyến dân cư hiện hữu, trong đó khu trung tâm xã tiếp tục là trung tâm hành chính, thương mại, giáo dục, y tế và văn hóa; các khu dân cư mới được hình thành gắn với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân và từng bước hoàn

thiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Đối với khu vực xã Vĩnh Trường (cũ), Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Trường đến năm 2035 xác định đây là vùng phát triển nông nghiệp hàng hóa kết hợp nuôi trồng thủy sản, đồng thời khai thác hiệu quả lợi thế ven sông Hậu để phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch cộng đồng và kinh tế gắn với văn hóa của đồng bào Chăm. Quy hoạch cũng định hướng tăng cường kết nối hạ tầng giao thông với trung tâm xã, đô thị Đa Phước và các khu vực lân cận, tạo động lực mở rộng không gian phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng hạ tầng nông thôn.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã Vĩnh Hậu được hình thành trên cơ sở hợp nhất thị trấn Đa Phước, xã Vĩnh Hậu và xã Vĩnh Trường, tạo nên một không gian phát triển thống nhất giữa khu vực đô thị với vùng nông thôn và khu vực biên giới. Với lợi thế về vị trí địa lý, hệ thống giao thông đối ngoại, sông Hậu và điều kiện phát triển kinh tế cửa khẩu, xã Vĩnh Hậu được định hướng trở thành trung tâm thương mại - dịch vụ, logistics biên giới, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế thủy sản và du lịch sinh thái - văn hóa, đồng thời là đầu mối kết nối giao thương giữa khu vực đầu nguồn sông Hậu với thành phố Châu Đốc, Cửa khẩu quốc tế Long Bình và các địa phương trong vùng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới của tỉnh An Giang.

b) Đánh giá: Đạt.

2.17.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, khu vực thị trấn Đa Phước đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V (tại Quyết định số 2960/QĐ-UBND ngày 23/11/2018) được chuyển tiếp thành đô thị Đa Phước - đô thị loại III. Theo đó, quy mô dân số tại khu vực đô thị Đa Phước thuộc xã Vĩnh Hậu đã được công nhận đô thị loại III là 35.053 người, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của Vĩnh Hậu đạt 57,41% (35.053/61.058 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.17.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Vĩnh Hậu đạt 221,19 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 201,67 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương

trên địa bàn đạt 109,68%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 76,90% trong cơ cấu kinh tế của xã Vĩnh Hậu.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Vĩnh Hậu là 25.202 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 17.711 người, chiếm tỷ lệ 70,28%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 51,78 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 58,93 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 62,40 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Vĩnh Hậu năm 2023 là 60,16 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 66,10 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 70,30 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,70%, năm 2024 là 1,27%, năm 2025 là 1,03%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Vĩnh Hậu là 1,33%, trong đó: năm 2023 là 1,69%, năm 2024 là 1,27% và năm 2025 là 1,02%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Vĩnh Hậu đạt 05/05 tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.18. Đối với xã An Phú

2.18.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã An Phú cung cấp, xã An Phú có quy mô dân số là 50.724 người, trong đó dân số

thường trú là 50.673 người và dân số tạm trú là 51 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.18.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã An Phú có 34,19 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.18.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã An Phú thuộc không gian phát triển vùng kinh tế biên giới và vùng đầu nguồn sông Hậu, giữ vai trò là trung tâm tổng hợp về hành chính, thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và giao lưu kinh tế của khu vực phía Bắc tỉnh An Giang. Với vị trí nằm trên các trục giao thông quan trọng kết nối thành phố Châu Đốc, các cửa khẩu quốc tế và các địa phương vùng đầu nguồn, địa phương được định hướng phát triển trở thành đầu mối thương mại, dịch vụ, logistics, hỗ trợ phát triển kinh tế cửa khẩu, đồng thời là trung tâm cung cấp các dịch vụ công và dịch vụ xã hội của khu vực.

Theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện An Phú đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, khu vực trung tâm huyện An Phú được xác định là hạt nhân phát triển của toàn vùng, giữ vai trò kết nối giữa các đô thị, khu dân cư tập trung và vùng sản xuất nông nghiệp của huyện. Định hướng phát triển tập trung vào thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế, tài chính, logistics và công nghiệp chế biến nông sản; đồng thời hình thành các trung tâm giao dịch hàng hóa, dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế biên mậu và nâng cao năng lực kết nối với hệ thống cửa khẩu trên địa bàn.

Đối với khu vực thị trấn An Phú (cũ), quy hoạch đô thị xác định đây là đô thị trung tâm của huyện An Phú, là trung tâm hành chính - chính trị, thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và văn hóa của địa phương; đồng thời là đầu mối giao thông quan trọng kết nối các xã trong huyện với thành phố Châu Đốc, thị xã Tân Châu và các cửa khẩu quốc tế. Bên cạnh đó, các khu vực xã Phú Hữu và xã Khánh An (cũ) được quy hoạch phát triển theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kinh tế cửa khẩu, thương mại biên giới, logistics, nuôi trồng thủy sản và dịch vụ gắn với lợi thế vùng đầu nguồn sông Hậu.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã An Phú được hình thành trên cơ sở hợp nhất thị trấn An Phú cùng các xã Phú Hữu và Khánh

An, tạo nên một không gian phát triển thống nhất giữa khu vực đô thị trung tâm với vùng kinh tế cửa khẩu và vùng sản xuất nông nghiệp. Với quy mô dân số lớn, hệ thống hạ tầng tương đối đồng bộ, vị trí tiếp giáp Campuchia và nằm trên hành lang phát triển kinh tế của tỉnh, xã An Phú giữ vai trò là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và logistics của khu vực An Phú, đồng thời là đầu mối giao thương hàng hóa, phát triển kinh tế biên mậu, nông nghiệp công nghệ cao và dịch vụ cửa khẩu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng biên giới và tăng cường liên kết phát triển với các địa phương khu vực biên giới phía Bắc tỉnh An Giang.

b) Đánh giá: Đạt.

2.18.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, khu vực thị trấn An Phú đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V (tại Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 08/9/2016) được chuyển tiếp thành đô thị An Phú - đô thị loại III. Theo đó, quy mô dân số tại khu vực đô thị An Phú đã được công nhận đô thị loại III là 25.409 người, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của An Phú đạt 50,09% (25.409/50.724 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.18.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã An Phú đạt 364,97 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 355,54 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 102,65%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 71,73% trong cơ cấu kinh tế của xã An Phú.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành

kinh tế của xã An Phú là 18.497 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 13.563 người, chiếm tỷ lệ 73,33%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 51,78 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 58,93 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 62,40 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã An Phú năm 2023 là 62,60 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 69,20 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 81,00 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,70%, năm 2024 là 1,27%, năm 2025 là 1,03%) *(áp dụng yếu tố đặc thù của đơn vị hành chính đô thị có đường biên giới quốc gia trên đất liền theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15, chỉ tiêu tỷ lệ hộ nghèo năm 2023 là 2,21%, năm 2024 là 1,65%, năm 2025 là 1,34%).*

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã An Phú là 1,73%, trong đó: năm 2023 là 2,21%, năm 2024 là 1,64% và năm 2025 là 1,33%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã An Phú đạt 05/05 tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.19. Đối với xã Phú Tân

2.19.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã Phú Tân cung cấp, xã Phú Tân có quy mô dân số là 71.219 người, trong đó dân số thường trú là 70.929 người và dân số tạm trú là 290 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.19.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Phú Tân có 41,87 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.19.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc

định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, xã Phú Tân thuộc không gian phát triển trung tâm của vùng cù lao Phú Tân, giữ vai trò là hạt nhân phát triển về hành chính, thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và giao lưu kinh tế của khu vực phía Đông tỉnh An Giang. Với lợi thế nằm giữa hai nhánh sông Tiền và sông Hậu, có hệ thống giao thông thủy, bộ thuận lợi và truyền thống phát triển thương mại lâu đời, địa phương được định hướng phát triển theo mô hình đô thị - dịch vụ gắn với nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông sản và phát huy các giá trị văn hóa đặc trưng của vùng đất Phật giáo Hòa Hảo.

Theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Tân đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, khu vực trung tâm huyện được xác định là cực tăng trưởng của toàn huyện, giữ vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, thương mại, dịch vụ và đầu mối giao thương của vùng cù lao Phú Tân. Định hướng phát triển tập trung vào nâng cao chất lượng hạ tầng đô thị, mở rộng các hoạt động thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp gắn với chế biến nông sản và xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa ứng dụng công nghệ cao, tạo sự liên kết chặt chẽ giữa khu vực đô thị trung tâm với các vùng sản xuất của địa phương.

Đối với khu vực thị trấn Phú Mỹ (cũ), quy hoạch đô thị xác định đây là đô thị loại IV, là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục và y tế của huyện Phú Tân; đồng thời là đầu mối thương mại, dịch vụ và giao lưu kinh tế của toàn vùng cù lao. Các khu vực xã Phú Hưng, Tân Hòa và Tân Trung (cũ) được định hướng phát triển theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất lúa chất lượng cao, cây ăn trái, nuôi trồng thủy sản và phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, từng bước hình thành không gian phát triển thống nhất giữa đô thị trung tâm và khu vực nông thôn.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã Phú Tân được thành lập trên cơ sở hợp nhất thị trấn Phú Mỹ cùng các xã Phú Hưng, Tân Hòa và Tân Trung, tạo nên một không gian phát triển đồng bộ giữa trung tâm đô thị với vùng sản xuất nông nghiệp và các khu dân cư tập trung. Với quy mô dân số lớn, hệ thống hạ tầng tương đối hoàn chỉnh và vị trí trung tâm của cù lao Phú Tân, xã giữ vai trò là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và giao lưu kinh tế của khu vực Phú Tân, đồng thời là đầu mối phát triển thương mại, công nghiệp chế biến nông sản, dịch vụ logistics nội vùng và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Bên cạnh đó, xã còn là địa bàn có giá trị đặc biệt về văn hóa, tín ngưỡng gắn với Phật giáo Hòa Hảo, góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn

hóa đặc trưng của địa phương, kết hợp phát triển du lịch văn hóa - tâm linh và các hoạt động dịch vụ, thương mại trên địa bàn.

b) Đánh giá: Đạt.

2.19.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, khu vực thị trấn Phú Mỹ đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV (tại Quyết định số 97/QĐ-BXD ngày 02/02/2016) được chuyển tiếp thành đô thị Phú Tân - đô thị loại III. Theo đó, quy mô dân số tại khu vực đô thị Phú Tân đã được công nhận đô thị loại III là 37.193 người, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của Phú Tân đạt 52,22% (37.193/71.219 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.19.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Phú Tân đạt 442,73 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 425,53 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 104,04%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 72,64% trong cơ cấu kinh tế của xã Phú Tân.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Phú Tân là 32.007 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 22.885 người, chiếm tỷ lệ 71,50%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh An

Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 51,78 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 58,93 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 62,40 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Phú Tân năm 2023 là 64,52 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 73,65 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 81,98 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,70%, năm 2024 là 1,27%, năm 2025 là 1,03%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Phú Tân là 1,33%, trong đó: năm 2023 là 1,68%, năm 2024 là 1,27% và năm 2025 là 1,03%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Phú Tân đạt 05/05 tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.20. Đối với xã Chợ Mới

2.20.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã Chợ Mới cung cấp, xã Chợ Mới có quy mô dân số là 80.564 người, trong đó dân số thường trú là 80.156 người và dân số tạm trú là 408 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.20.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Chợ Mới có 50,43 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.20.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030,

tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch xây dựng vùng huyện Chợ Mới đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung đô thị Chợ Mới đến năm 2035, xã Chợ Mới sau sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 thuộc tiểu vùng phía Đông tỉnh An Giang, là khu vực được định hướng phát triển trở thành trung tâm sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tích hợp của tỉnh, gắn với phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ và hệ thống logistics phục vụ chuỗi giá trị nông nghiệp. Đồng thời, với vị trí là trung tâm của vùng cù lao Chợ Mới, địa phương giữ vai trò là đầu mối kết nối giữa thành phố Long Xuyên với các địa phương phía Đông của tỉnh thông qua hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy trên sông Tiền, góp phần tăng cường liên kết vùng và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Trong giai đoạn trước mắt, xã Chợ Mới tiếp tục phát huy vai trò là trung tâm hành chính, chính trị của đơn vị hành chính mới sau sắp xếp; đồng thời là trung tâm thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế, văn hóa và cung ứng các dịch vụ công của khu vực cù lao Chợ Mới. Địa phương tập trung đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng đô thị, phát triển hệ thống thương mại, chợ truyền thống, dịch vụ tài chính, vận tải, logistics, tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề truyền thống; đồng thời khai thác hiệu quả lợi thế của vùng chuyên canh lúa chất lượng cao, cây ăn trái, rau màu và thủy sản, hình thành chuỗi liên kết từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ, nâng cao giá trị gia tăng của nông sản và tạo động lực chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại.

Về lâu dài, xã Chợ Mới được định hướng phát triển trở thành đô thị trung tâm của vùng cù lao Chợ Mới, là cực phát triển quan trọng của tiểu vùng phía Đông tỉnh An Giang, phát triển theo mô hình đô thị xanh, thông minh gắn với nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, thương mại, dịch vụ và kinh tế số. Cùng với việc phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, xã sẽ là trung tâm nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp, phát triển các sản phẩm OCOP, mở rộng liên kết vùng nguyên liệu với các cơ sở chế biến và thị trường tiêu thụ, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực. Đồng thời, địa phương giữ vai trò là hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của toàn vùng cù lao Chợ Mới, đóng góp vào mục tiêu xây dựng tiểu vùng phía Đông An Giang trở thành trung tâm sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tích hợp, kết hợp hài hòa giữa phát triển đô thị, dịch vụ và nông nghiệp hiện đại theo định hướng của Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Đánh giá: Đạt.

2.20.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, khu vực thị trấn Chợ Mới mở rộng đã được công nhận đạt

tiêu chí đô thị loại IV (tại Quyết định số 1059/QĐ-BXD ngày 19/12/2019) được chuyển tiếp thành đô thị Chợ Mới - đô thị loại III. Theo đó, quy mô dân số tại khu vực đô thị Chợ Mới đã được công nhận đô thị loại III là 50.133 người, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của Chợ Mới đạt 62,23% (50.133/80.564 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.20.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Chợ Mới đạt 545,51 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 443,03 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 123,13%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 70,87% trong cơ cấu kinh tế của xã Chợ Mới.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Chợ Mới là 48.242 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 33.951 người, chiếm tỷ lệ 70,38%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 51,78 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 58,93 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 62,40 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Chợ Mới năm 2023 là 70,02 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 80,04 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 86,79 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,70%, năm 2024 là 1,27%, năm 2025 là 1,03%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Chợ Mới là 1,30%, trong đó: năm 2023 là 1,62%, năm 2024 là 1,26% và năm 2025 là 1,02%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Chợ Mới đạt 05/05 tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.21. Đối với xã Long Điền

2.21.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã Long Điền cung cấp, xã Long Điền có quy mô dân số là 65.521 người, trong đó dân số thường trú là 65.245 người và dân số tạm trú là 276 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.21.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Long Điền có 47,24 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.21.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Chợ Mới đến năm 2035, xã Long Điền thuộc Tiểu vùng phía Đông của tỉnh An Giang, được định hướng phát triển trở thành khu vực trọng điểm về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thương mại, dịch vụ và phát triển đô thị gắn với phát huy lợi thế của vùng cù lao Chợ Mới. Đây là địa bàn có vai trò quan trọng trong việc kết nối không gian phát triển giữa các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung với hệ thống đô thị, trung tâm thương mại, dịch vụ và mạng lưới giao thông của tỉnh.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 trên cơ sở hợp nhất

thị trấn Mỹ Luông, xã Long Điền A và xã Long Điền B, xã Long Điền kế thừa vai trò của trung tâm đô thị Mỹ Luông trước đây, đồng thời mở rộng không gian phát triển theo hướng tích hợp giữa đô thị với vùng sản xuất nông nghiệp chất lượng cao. Địa phương giữ vai trò là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và giao dịch kinh tế của khu vực phía Đông huyện Chợ Mới trước đây; là đầu mối cung ứng các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư và kết nối giao thương với các địa phương trong và ngoài tỉnh.

Trong giai đoạn đến năm 2030, xã Long Điền được định hướng phát huy lợi thế về hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy, tập trung phát triển thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, logistics phục vụ nông nghiệp và các ngành nghề chế biến nông sản; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, hình thành các vùng sản xuất tập trung gắn với liên kết tiêu thụ, nâng cao giá trị các sản phẩm nông nghiệp chủ lực và sản phẩm OCOP, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại và bền vững.

Về lâu dài, theo định hướng của Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026, xã Long Điền từng bước phát triển trở thành trung tâm thương mại - dịch vụ, logistics nông nghiệp và đô thị động lực của khu vực phía Đông cù lao Chợ Mới, đóng vai trò là hạt nhân kết nối giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản với các trung tâm kinh tế của tỉnh; đồng thời là địa bàn có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế nông nghiệp công nghệ cao, xây dựng nông thôn hiện đại và nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh An Giang trong giai đoạn mới.

b) Đánh giá: Đạt.

2.21.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, khu vực thị trấn Mỹ Luông đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V (tại Quyết định số 2503/QĐ-UBND ngày 08/9/2016) được chuyển tiếp thành đô thị Mỹ Luông - đô thị loại III. Theo đó, quy mô dân số tại khu vực đô thị Mỹ Luông thuộc xã Long Điền đã được công nhận đô thị loại III là 38.184 người, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của Long Điền đạt 58,28% (38.184/65.521 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.21.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Long Điền đạt 243,56 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 224,55 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 108,46%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 70,70% trong cơ cấu kinh tế của xã Long Điền.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Long Điền là 25.593 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 20.087 người, chiếm tỷ lệ 78,49%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 51,78 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 58,93 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 62,40 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Long Điền năm 2023 là 71,37 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 80,05 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 88,01 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,70%, năm 2024 là 1,27%, năm 2025 là 1,03%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Long Điền là 1,03%, trong đó: năm 2023 là 1,14%, năm 2024 là 1,05% và năm 2025 là 0,89%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Long Điền đạt 05/05 tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

2.22. Đối với xã Hội An

2.22.1. Tiêu chuẩn 1. Quy mô dân số

a) Quy định: Từ 21.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã Hội An cung cấp, xã Hội An có quy mô dân số là 74.221 người, trong đó dân số thường trú là 73.830 người và dân số tạm trú là 391 người.

c) Đánh giá: Đạt.

2.22.2. Tiêu chuẩn 2. Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Từ 5,5 km^2 trở lên.

b) Hiện trạng: Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025, xã Hội An có 63,56 km^2 diện tích tự nhiên.

c) Đánh giá: Đạt.

2.22.3. Tiêu chuẩn 3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố

a) Hiện trạng

Theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, xã Hội An thuộc Tiểu vùng phía Đông An Giang - khu vực được định hướng trở thành trung tâm sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tích hợp và đô thị tri thức, giữ vai trò đầu tàu trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển giống cây trồng, vật nuôi, nông nghiệp thông minh, chế biến sâu và xuất khẩu nông sản của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Trên cơ sở định hướng phát triển của Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch vùng huyện Chợ Mới và các đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hòa An theo Quyết định số 5232/QĐ-UBND ngày 30/12/2022, xã Hòa Bình theo Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 01/6/2022, xã Hội An được xác định là trung tâm phát triển phía Đông của khu vực Chợ Mới, giữ vai trò kết nối giữa đô thị Hội An với thành phố Long Xuyên và các địa phương lân cận thông qua hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy; đồng thời là hạt nhân thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp gắn với nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và phát triển đô thị. Các quy hoạch này đều hướng tới mở rộng không gian dân cư, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tổ chức các khu chức năng phục vụ sản xuất, thương mại và nâng cao chất lượng sống của người dân.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, xã Hội An phát huy lợi thế kế thừa đô thị Hội An đã được công nhận, tiếp tục đảm nhiệm chức năng là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế và giao lưu kinh tế

của khu vực phía Đông huyện Chợ Mới trước đây. Đồng thời, địa phương là đầu mối liên kết vùng sản xuất nông nghiệp chất lượng cao của các xã Hòa An, Hòa Bình và khu vực lân cận với các cơ sở thu mua, chế biến, tiêu thụ nông sản, góp phần hình thành chuỗi giá trị nông nghiệp hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của địa phương.

Theo Quyết định số 754/QĐ-UBND năm 2026 về công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang, đô thị Hội An được chuyển tiếp với đơn vị hành chính là xã Hội An, tiếp tục được xác định là đô thị loại III trong hệ thống đô thị của tỉnh. Đây là cơ sở quan trọng để xã Hội An đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, mở rộng không gian đô thị, thu hút đầu tư, phát triển thương mại - dịch vụ, logistics phục vụ nông nghiệp và từng bước trở thành một cực tăng trưởng năng động của khu vực phía Đông tỉnh An Giang.

b) Đánh giá: Đạt.

2.22.4. Tiêu chuẩn 4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính

a) Quy định: Từ 50% trở lên.

b) Hiện trạng: Tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục phân loại các đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, khu vực thị trấn Hội An đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V (tại Quyết định số 3464/QĐ-UBND ngày 17/11/2017) được chuyển tiếp thành đô thị Hội An - đô thị loại III. Theo đó, quy mô dân số tại khu vực đô thị Hội An đã được công nhận đô thị loại III là 40.121 người, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của Hội An đạt 54,06% (40.121/74.221 người).

c) Đánh giá: Đạt.

2.22.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Chỉ tiêu 1. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn

- Quy định: Từ 100% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Hội An đạt 291,58 tỷ đồng; tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt 263,58 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 110,62%.

- Đánh giá: Đạt.

b) Chỉ tiêu 2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 72,65% trong cơ cấu kinh tế của xã Hội An.

- Đánh giá: Đạt.

c) Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Quy định: Từ 70% trở lên.

- Hiện trạng: Năm 2025, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Hội An là 31.630 người, trong đó lao động phi nông nghiệp là 22.457 người, chiếm tỷ lệ 71,00%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Chỉ tiêu 4. Thu nhập bình quân đầu người trên năm

- Quy định: Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 51,78 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 58,93 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 62,40 triệu đồng/người/năm).

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người của xã Hội An năm 2023 là 68,12 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 78,30 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 85,128 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: Đạt.

đ) Chỉ tiêu 5. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

- Quy định: Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) của tỉnh An Giang trong 03 năm gần nhất (năm 2023 là 1,70%, năm 2024 là 1,27%, năm 2025 là 1,03%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Hội An là 1,32%, trong đó: năm 2023 là 1,69%, năm 2024 là 1,26% và năm 2025 là 1,02%.

- Đánh giá: Đạt.

*** Đánh giá chung:** Xã Hội An đạt 05/05 tiêu chuẩn của phường theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

Phần thứ ba

PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC TỈNH AN GIANG

I. HIỆN TRẠNG TỈNH AN GIANG VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CÓ LIÊN QUAN

1. Tỉnh An Giang

1.1. Tỉnh An Giang có 9.893,92 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 5.062.758 người; có 102 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 85 xã, 14 phường và 03 đặc khu. Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã đạt 13,72%.

1.2. Địa giới hành chính tỉnh An Giang: Đông giáp tỉnh Đồng Tháp và thành phố Cần Thơ; Tây giáp Vịnh Thái Lan; Nam giáp tỉnh Cà Mau và thành phố Cần Thơ; Bắc giáp Vương quốc Campuchia.

2. Các đơn vị hành chính cấp xã có liên quan

2.1. Xã Châu Thành

a) Xã Châu Thành có 107,55 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 72.102 người.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp xã Giồng Riềng; Tây giáp xã Bình An; Nam giáp các xã Bình An, Định Hòa, Long Thạnh; Bắc giáp phường Rạch Giá và các xã Thạnh Đông, Thạnh Lộc.

2.2. Xã Tân Hiệp

a) Xã Tân Hiệp có 146,62 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 66.123 người.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp thành phố Cần Thơ; Tây giáp xã Thạnh Đông; Nam giáp xã Thạnh Đông và xã Thạnh Hưng; Bắc giáp xã Tân Hội và thành phố Cần Thơ.

2.3. Xã Giồng Riềng

a) Xã Giồng Riềng có 122,02 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 72.050 người.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp xã Thạnh Hưng; Tây giáp xã Châu Thành; Nam giáp xã Long Thạnh và xã Ngọc Chúc; Bắc giáp xã Thạnh Đông.

2.4. Xã Gò Quao

a) Xã Gò Quao có 83,90 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 45.865 người.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp xã Vĩnh Hòa Hưng; Tây giáp xã Định Hòa; Nam giáp xã Vĩnh Tuy và thành phố Cần Thơ; Bắc giáp xã Long Thạnh.

2.5. Xã An Biên

a) Xã An Biên có 118,34 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 54.170 người.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp xã Định Hòa; Tây giáp xã Đông Thái; Nam giáp các xã Đông Thái, Vĩnh Hòa, U Minh Thượng; Bắc giáp xã Bình An và xã Tây Yên.

2.6. Xã An Minh

a) Xã An Minh có 142,44 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 35.918 người.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp U Minh Thượng; Tây giáp xã Đông Hưng và xã Vân Khánh; Nam giáp tỉnh Cà Mau; Bắc giáp xã Đông Hòa và xã Tân Thạnh.

2.7. Xã Vĩnh Phong

a) Xã Vĩnh Phong có 133,95 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 44.057 người.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp tỉnh Cà Mau; Tây giáp xã Vĩnh Thuận; Nam giáp tỉnh Cà Mau; Bắc giáp xã Vĩnh Bình.

2.8. Xã Hòn Đất

a) Xã Hòn Đất có 281,27 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 62.665 người.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp xã Sơn Kiên; Tây giáp xã Bình Sơn; Nam giáp vịnh Thái Lan; Bắc giáp xã Cô Tô và xã Ô Lâm.

2.9. Xã Kiên Lương

a) Xã Kiên Lương có 138,08 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 58.997 người.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp xã Bình Giang và vịnh Thái Lan; Tây giáp vịnh Thái Lan; Nam giáp vịnh Thái Lan; Bắc giáp phường Tô Châu và xã Hòa Điền.

2.10. Xã Ba Chúc

a) Xã Ba Chúc có 70,94 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 32.996 người.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp các xã An Cư, Núi Cấm, Tri Tôn; Tây giáp xã Vĩnh Gia; Nam giáp xã Ô Lâm; Bắc giáp phường Tịnh Biên và Vương quốc Campuchia.

2.11. Xã Thoại Sơn

a) Xã Thoại Sơn có 68,91 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 52.651 người.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp thành phố Cần Thơ; Tây giáp xã Óc Eo; Nam giáp xã Mỹ Thuận và xã Tân Hội; Bắc giáp xã Định Mỹ và xã Tây Phú.

2.12. Xã Phú Hòa

a) Xã Phú Hòa có 71,81 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 41.507 người.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp phường Mỹ Thới; Tây giáp xã Vĩnh Trạch; Nam giáp thành phố Cần Thơ; Bắc giáp phường Bình Đức, Long Xuyên và xã An Châu.

2.13. Xã An Châu

a) Xã An Châu có 70,23 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 51.402 người.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp phường Bình Đức; Tây giáp xã Cần Đăng; Nam giáp phường Long Xuyên và các xã Định Mỹ, Vĩnh Trạch, Phú Hòa; Bắc giáp các xã Bình Hòa, Mỹ Hòa Hưng, Nhơn Mỹ.

2.14. Xã Vĩnh An

a) Xã Vĩnh An có 93,40 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 33.453 người.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp xã Vĩnh Hanh; Tây giáp xã Cô Tô và xã Núi Cấm; Nam giáp xã Định Mỹ và xã Tây Phú; Bắc giáp xã Bình Mỹ và xã Châu Phú.

2.15. Xã Châu Phú

a) Xã Châu Phú có 80,11 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 60.445 người.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp xã Bình Mỹ; Tây giáp xã Thạnh Mỹ Tây;

Nam giáp các xã Cô Tô, Núi Cấm, Vĩnh An; Bắc giáp xã Vĩnh Thạnh Trung và xã Bình Thạnh Đông.

2.16. Xã Vĩnh Thạnh Trung

a) Xã Vĩnh Thạnh Trung có 64,97 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 65.106 người.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp xã Bình Thạnh Đông; Tây giáp xã Mỹ Đức và xã Thạnh Mỹ Tây; Nam giáp xã Thạnh Mỹ Tây và xã Châu Phú; Bắc giáp xã Mỹ Đức.

2.17. Xã Vĩnh Hậu

a) Xã Vĩnh Hậu có 48,45 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 61.058 người.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp xã Tân Châu; Tây giáp xã An Phú; Nam giáp phường Châu Đốc và xã Châu Phong; Bắc giáp xã Phú Hữu và xã Vĩnh Xương.

2.18. Xã An Phú

a) Xã An Phú có 34,19 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 50.724 người.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp xã Phú Hữu; Tây giáp Vương quốc Campuchia; Nam giáp phường Châu Đốc và xã Vĩnh Hậu; Bắc giáp xã Nhơn Hội.

2.19. Xã Phú Tân

a) Xã Phú Tân có 41,87 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 71.219 người.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp tỉnh Đồng Tháp; Tây giáp xã Bình Thạnh Đông; Nam giáp các xã Bình Mỹ, Chợ Mới, Nhơn Mỹ; Bắc giáp xã Phú An.

2.20. Xã Chợ Mới

a) Xã Chợ Mới có 50,43 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 80.564 người.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp xã Long Điền; Tây giáp xã Nhơn Mỹ; Nam giáp xã Nhơn Mỹ; Bắc giáp xã Phú Tân và tỉnh Đồng Tháp.

2.21. Xã Long Điền

a) Xã Long Điền có 47,24 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 65.521 người.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp xã Cù Lao Giêng; Tây giáp xã Chợ Mới; Nam giáp xã Long Kiến và xã Nhơn Mỹ; Bắc giáp tỉnh Đồng Tháp.

2.22. Xã Hội An

a) Xã Hội An có 63,56 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 74.221 người.

b) Địa giới hành chính: Đông giáp tỉnh Đồng Tháp; Tây giáp xã Mỹ Hòa Hưng; Nam giáp phường Long Xuyên và phường Mỹ Thới; Bắc giáp xã Cù Lao Giêng và xã Long Kiến.

II. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC TỈNH AN GIANG

1. Phường Châu Thành

a) Thành lập phường Châu Thành trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Châu Thành với 107,55 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 72.102 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Châu Thành hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Châu Thành: Đông giáp phường Giồng Riềng; Tây giáp xã Bình An; Nam giáp các xã Bình An, Định Hòa, Long Thạnh; Bắc giáp phường Rạch Giá và các xã Thạnh Đông, Thạnh Lộc.

2. Phường Tân Hiệp

a) Thành lập phường Tân Hiệp trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Tân Hiệp với 146,62 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 66.123 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Tân Hiệp hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Tân Hiệp: Đông giáp thành phố Cần Thơ; Tây giáp xã Thạnh Đông; Nam giáp xã Thạnh Đông và xã Thạnh Hưng; Bắc giáp xã Tân Hội và thành phố Cần Thơ.

3. Phường Giồng Riềng

a) Thành lập phường Giồng Riềng trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Giồng Riềng với 122,02 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 72.050 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Giồng Riềng hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Giồng Riềng: Đông giáp xã Thạnh Hưng; Tây giáp phường Châu Thành; Nam giáp xã Long Thạnh và xã Ngọc Chúc; Bắc giáp xã Thạnh Đông.

4. Phường Gò Quao

a) Thành lập phường Gò Quao trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Gò Quao với 83,90 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 45.865 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Gò Quao hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Gò Quao: Đông giáp xã Vĩnh Hòa Hưng; Tây giáp xã Định Hòa; Nam giáp xã Vĩnh Tuy và thành phố Cần Thơ; Bắc giáp xã Long Thạnh.

5. Phường An Biên

a) Thành lập phường An Biên trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã An Biên với 118,34 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 54.170 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã An Biên hiện có.

c) Địa giới hành chính phường An Biên: Đông giáp xã Định Hòa; Tây giáp xã Đông Thái; Nam giáp các xã Đông Thái, Vĩnh Hòa, U Minh Thượng; Bắc giáp xã Bình An và xã Tây Yên.

6. Phường An Minh

a) Thành lập phường An Minh trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã An Minh với 142,44 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 35.918 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã An Minh hiện có.

c) Địa giới hành chính phường An Minh: Đông giáp U Minh Thượng; Tây giáp xã Đông Hưng và xã Vân Khánh; Nam giáp tỉnh Cà Mau; Bắc giáp xã Đông Hòa và xã Tân Thạnh.

7. Phường Vĩnh Phong

a) Thành lập phường Vĩnh Phong trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Vĩnh Phong với 133,95 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 44.057 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Vĩnh Phong hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Vĩnh Phong: Đông giáp tỉnh Cà Mau; Tây giáp xã Vĩnh Thuận; Nam giáp tỉnh Cà Mau; Bắc giáp xã Vĩnh Bình.

8. Phường Hòn Đất

a) Thành lập phường Hòn Đất trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Hòn Đất với 281,27 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 62.665 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Hòn Đất hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Hòn Đất: Đông giáp xã Sơn Kiên; Tây giáp xã Bình Sơn; Nam giáp vịnh Thái Lan; Bắc giáp xã Cô Tô và xã Ô Lâm.

9. Phường Kiên Lương

a) Thành lập phường Kiên Lương trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Kiên Lương với 138,08 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 58.997 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Kiên Lương hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Kiên Lương: Đông giáp xã Bình Giang và vịnh Thái Lan; Tây giáp vịnh Thái Lan; Nam giáp vịnh Thái Lan; Bắc giáp phường Tô Châu và xã Hòa Điền.

10. Phường Ba Chúc

a) Thành lập phường Ba Chúc trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Ba Chúc với 70,94 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 32.996 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Ba Chúc hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Ba Chúc: Đông giáp các xã An Cư, Núi Cấm, Tri Tôn; Tây giáp xã Vĩnh Gia; Nam giáp xã Ô Lâm; Bắc giáp phường Tịnh Biên và Vương quốc Campuchia.

11. Phường Thoại Sơn

a) Thành lập phường Thoại Sơn trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Thoại Sơn với 68,91 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 52.651 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Thoại Sơn hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Thoại Sơn: Đông giáp thành phố Cần Thơ; Tây giáp xã Óc Eo; Nam giáp xã Mỹ Thuận và xã Tân Hội; Bắc giáp xã Định Mỹ và xã Tây Phú.

12. Phường Phú Hòa

a) Thành lập phường Phú Hòa trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Phú Hòa với 71,81 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 41.507 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Phú Hòa hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Phú Hòa: Đông giáp phường Mỹ Thới; Tây giáp xã Vĩnh Trạch; Nam giáp thành phố Cần Thơ; Bắc giáp các phường An Châu, Bình Đức, Long Xuyên.

13. Phường An Châu

a) Thành lập phường An Châu trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã An Châu với 70,23 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 51.402 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã An Châu hiện có.

c) Địa giới hành chính phường An Châu: Đông giáp phường Bình Đức; Tây giáp xã Cần Đăng; Nam giáp phường Long Xuyên và các xã Định Mỹ, Vĩnh Trạch, Phú Hòa; Bắc giáp các xã Bình Hòa, Mỹ Hòa Hưng, Nhơn Mỹ.

14. Phường Vĩnh An

a) Thành lập phường Vĩnh An trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Vĩnh An với 93,40 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 33.453 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Vĩnh An hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Vĩnh An: Đông giáp xã Vĩnh Hanh; Tây giáp xã Cô Tô và xã Núi Cấm; Nam giáp xã Định Mỹ và xã Tây Phú; Bắc giáp phường Châu Phú và xã Bình Mỹ.

15. Phường Châu Phú

a) Thành lập phường Châu Phú trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Châu Phú với 80,11 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 60.445 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Châu Phú hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Châu Phú: Đông giáp xã Bình Mỹ; Tây giáp xã Thạnh Mỹ Tây; Nam giáp các xã Cô Tô, Núi Cấm, Vĩnh An; Bắc giáp phường Vĩnh Thạnh Trung và xã Bình Thạnh Đông.

16. Phường Vĩnh Thạnh Trung

a) Thành lập phường Vĩnh Thạnh Trung trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Vĩnh Thạnh Trung với 64,97 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 65.106 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Vĩnh Thạnh Trung hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Vĩnh Thạnh Trung: Đông giáp xã Bình Thạnh Đông; Tây giáp xã Mỹ Đức và xã Thạnh Mỹ Tây; Nam giáp phường Châu Phú và xã Thạnh Mỹ Tây; Bắc giáp xã Mỹ Đức.

17. Phường Vĩnh Hậu

a) Thành lập phường Vĩnh Hậu trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Vĩnh Hậu với 48,45 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 61.058 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính

trị - xã hội của xã Vĩnh Hậu hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Vĩnh Hậu: Đông giáp xã Tân Châu; Tây giáp phường An Phú; Nam giáp phường Châu Đốc và xã Châu Phong; Bắc giáp xã Phú Hữu và xã Vĩnh Xương.

18. Phường An Phú

a) Thành lập phường An Phú trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã An Phú với 34,19 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 50.724 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã An Phú hiện có.

c) Địa giới hành chính phường An Phú: Đông giáp xã Phú Hữu; Tây giáp Vương quốc Campuchia; Nam giáp phường Châu Đốc và phường Vĩnh Hậu; Bắc giáp xã Nhơn Hội.

19. Phường Phú Tân

a) Thành lập phường Phú Tân trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Phú Tân với 41,87 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 71.219 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Phú Tân hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Phú Tân: Đông giáp tỉnh Đồng Tháp; Tây giáp xã Bình Thạnh Đông; Nam giáp phường Chợ Mới và các xã Bình Mỹ, Nhơn Mỹ; Bắc giáp xã Phú An.

20. Phường Chợ Mới

a) Thành lập phường Chợ Mới trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Chợ Mới với 50,43 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 80.564 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Chợ Mới hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Chợ Mới: Đông giáp phường Long Điền; Tây giáp xã Nhơn Mỹ; Nam giáp xã Nhơn Mỹ; Bắc giáp phường Phú Tân và tỉnh Đồng Tháp.

21. Phường Long Điền

a) Thành lập phường Long Điền trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Long Điền với 47,24 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 65.521 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Long Điền hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Long Điền: Đông giáp xã Cù Lao Giêng;

Tây giáp phường Chợ Mới; Nam giáp xã Long Kiến và xã Nhơn Mỹ; Bắc giáp tỉnh Đồng Tháp.

22. Phường Hội An

a) Thành lập phường Hội An trên cơ sở nguyên trạng địa giới đơn vị hành chính xã Hội An với 63,56 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 74.221 người.

b) Trụ sở làm việc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Hội An hiện có.

c) Địa giới hành chính phường Hội An: Đông giáp tỉnh Đồng Tháp; Tây giáp xã Mỹ Hòa Hưng; Nam giáp phường Long Xuyên và phường Mỹ Thới; Bắc giáp xã Cù Lao Giêng và xã Long Kiến.

III. KẾT QUẢ SAU KHI THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC TỈNH AN GIANG

1. Tỉnh An Giang

1.1. Tỉnh An Giang không thay đổi về diện tích tự nhiên, quy mô dân số và số ĐVHC cấp xã trực thuộc, trong đó cấp xã tăng 22 phường và giảm 22 xã.

Tỉnh An Giang có 9.893,92 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 5.062.758 người; có 102 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 63 xã, 36 phường và 03 đặc khu. Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã đạt 35,29%.

1.2. Địa giới hành chính tỉnh An Giang: Đông giáp tỉnh Đồng Tháp và thành phố Cần Thơ; Tây giáp Vịnh Thái Lan; Nam giáp tỉnh Cà Mau và thành phố Cần Thơ; Bắc giáp Vương quốc Campuchia.

2. Các phường sau khi thành lập

2.1. Phường Châu Thành

a) Phường Châu Thành có 107,55 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 72.102 người.

b) Địa giới hành chính phường Châu Thành: Đông giáp phường Giồng Riềng; Tây giáp xã Bình An; Nam giáp các xã Bình An, Định Hòa, Long Thạnh; Bắc giáp phường Rạch Giá và các xã Thạnh Đông, Thạnh Lộc.

2.2. Phường Tân Hiệp

a) Phường Tân Hiệp có 146,62 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 66.123 người.

b) Địa giới hành chính phường Tân Hiệp: Đông giáp thành phố Cần Thơ; Tây giáp xã Thạnh Đông; Nam giáp xã Thạnh Đông và xã Thạnh Hưng; Bắc giáp xã Tân Hội và thành phố Cần Thơ.

2.3. Phường Giồng Riềng

a) Phường Giồng Riềng có 122,02 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 72.050 người.

b) Địa giới hành chính phường Giồng Riềng: Đông giáp xã Thạnh Hưng; Tây giáp phường Châu Thành; Nam giáp xã Long Thạnh và xã Ngọc Chúc; Bắc giáp xã Thạnh Đông.

2.4. Phường Gò Quao

a) Phường Gò Quao có 83,90 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 45.865 người.

b) Địa giới hành chính phường Gò Quao: Đông giáp xã Vĩnh Hòa Hưng; Tây giáp xã Định Hòa; Nam giáp xã Vĩnh Tuy và thành phố Cần Thơ; Bắc giáp xã Long Thạnh.

2.5. Phường An Biên

a) Phường An Biên có 118,34 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 54.170 người.

b) Địa giới hành chính phường An Biên: Đông giáp xã Định Hòa; Tây giáp xã Đông Thái; Nam giáp các xã Đông Thái, Vĩnh Hòa, U Minh Thượng; Bắc giáp xã Bình An và xã Tây Yên.

2.6. Phường An Minh

a) Phường An Minh có 142,44 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 35.918 người.

b) Địa giới hành chính phường An Minh: Đông giáp U Minh Thượng; Tây giáp xã Đông Hưng và xã Vân Khánh; Nam giáp tỉnh Cà Mau; Bắc giáp xã Đông Hòa và xã Tân Thạnh.

2.7. Phường Vĩnh Phong

a) Phường Vĩnh Phong có 133,95 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 44.057 người.

b) Địa giới hành chính phường Vĩnh Phong: Đông giáp tỉnh Cà Mau; Tây giáp xã Vĩnh Thuận; Nam giáp tỉnh Cà Mau; Bắc giáp xã Vĩnh Bình.

2.8. Phường Hòn Đất

a) Phường Hòn Đất có 281,27 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 62.665 người.

b) Địa giới hành chính phường Hòn Đất: Đông giáp xã Sơn Kiên; Tây giáp xã Bình Sơn; Nam giáp vịnh Thái Lan; Bắc giáp xã Cô Tô và xã Ô Lâm.

2.9. Phường Kiên Lương

a) Phường Kiên Lương có 138,08 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 58.997 người.

b) Địa giới hành chính phường Kiên Lương: Đông giáp xã Bình Giang và vịnh Thái Lan; Tây giáp vịnh Thái Lan; Nam giáp vịnh Thái Lan; Bắc giáp phường Tô Châu và xã Hòa Điền.

2.10. Phường Ba Chúc

a) Phường Ba Chúc có 70,94 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 32.996 người.

b) Địa giới hành chính phường Ba Chúc: Đông giáp các xã An Cư, Núi Cấm, Tri Tôn; Tây giáp xã Vĩnh Gia; Nam giáp xã Ô Lâm; Bắc giáp phường Tịnh Biên và Vương quốc Campuchia.

2.11. Phường Thoại Sơn

a) Phường Thoại Sơn có 68,91 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 52.651 người.

b) Địa giới hành chính phường Thoại Sơn: Đông giáp thành phố Cần Thơ; Tây giáp xã Óc Eo; Nam giáp xã Mỹ Thuận và xã Tân Hội; Bắc giáp xã Định Mỹ và xã Tây Phú.

2.12. Phường Phú Hòa

a) Phường Phú Hòa có 71,81 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 41.507 người.

b) Địa giới hành chính phường Phú Hòa: Đông giáp phường Mỹ Thới; Tây giáp xã Vĩnh Trạch; Nam giáp thành phố Cần Thơ; Bắc giáp các phường An Châu, Bình Đức, Long Xuyên.

2.13. Phường An Châu

a) Phường An Châu có 70,23 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 51.402 người.

b) Địa giới hành chính phường An Châu: Đông giáp phường Bình Đức; Tây giáp xã Cần Đăng; Nam giáp phường Long Xuyên và các xã Định Mỹ, Vĩnh Trạch, Phú Hòa; Bắc giáp các xã Bình Hòa, Mỹ Hòa Hưng, Nhơn Mỹ.

2.14. Phường Vĩnh An

a) Phường Vĩnh An có 93,40 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 33.453 người.

b) Địa giới hành chính phường Vĩnh An: Đông giáp xã Vĩnh Hanh; Tây giáp xã Cô Tô và xã Núi Cấm; Nam giáp xã Định Mỹ và xã Tây Phú; Bắc giáp phường Châu Phú và xã Bình Mỹ.

2.15. Phường Châu Phú

a) Phường Châu Phú có 80,11 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 60.445 người.

b) Địa giới hành chính phường Châu Phú: Đông giáp xã Bình Mỹ; Tây giáp xã Thạnh Mỹ Tây; Nam giáp các xã Cô Tô, Núi Cấm, Vĩnh An; Bắc giáp phường Vĩnh Thạnh Trung và xã Bình Thạnh Đông.

2.16. Phường Vĩnh Thạnh Trung

a) Phường Vĩnh Thạnh Trung có 64,97 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 65.106 người.

b) Địa giới hành chính phường Vĩnh Thạnh Trung: Đông giáp xã Bình Thạnh Đông; Tây giáp xã Mỹ Đức và xã Thạnh Mỹ Tây; Nam giáp phường Châu Phú và xã Thạnh Mỹ Tây; Bắc giáp xã Mỹ Đức.

2.17. Phường Vĩnh Hậu

a) Phường Vĩnh Hậu có 48,45 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 61.058 người.

b) Địa giới hành chính phường Vĩnh Hậu: Đông giáp xã Tân Châu; Tây giáp phường An Phú; Nam giáp phường Châu Đốc và xã Châu Phong; Bắc giáp xã Phú Hữu và xã Vĩnh Xương.

2.18. Phường An Phú

a) Phường An Phú có 34,19 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 50.724 người.

b) Địa giới hành chính phường An Phú: Đông giáp xã Phú Hữu; Tây giáp Vương quốc Campuchia; Nam giáp phường Châu Đốc và phường Vĩnh Hậu; Bắc giáp xã Nhơn Hội.

2.19. Phường Phú Tân

a) Phường Phú Tân có 41,87 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 71.219 người.

b) Địa giới hành chính phường Phú Tân: Đông giáp tỉnh Đồng Tháp; Tây giáp xã Bình Thạnh Đông; Nam giáp phường Chợ Mới và các xã Bình Mỹ, Nhơn Mỹ; Bắc giáp xã Phú An.

2.20. Phường Chợ Mới

a) Phường Chợ Mới có 50,43 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 80.564 người.

b) Địa giới hành chính phường Chợ Mới: Đông giáp phường Long Điền; Tây giáp xã Nhơn Mỹ; Nam giáp xã Nhơn Mỹ; Bắc giáp phường Phú Tân và tỉnh Đồng Tháp.

2.21. Phường Long Điền

a) Phường Long Điền có 47,24 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 65.521 người.

b) Địa giới hành chính phường Long Điền: Đông giáp xã Cù Lao Giêng; Tây giáp phường Chợ Mới; Nam giáp xã Long Kiến và xã Nhơn Mỹ; Bắc giáp tỉnh Đồng Tháp.

2.22. Phường Hội An

a) Phường Hội An có 63,56 km^2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số

74.221 người.

b) Địa giới hành chính phường Hội An: Đông giáp tỉnh Đồng Tháp; Tây giáp xã Mỹ Hòa Hưng; Nam giáp phường Long Xuyên và phường Mỹ Thới; Bắc giáp xã Cù Lao Giêng và xã Long Kiến.

IV. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC BỘ MÁY; BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CỦA CÁC PHƯỜNG SAU KHI THÀNH LẬP

1. Phương án tổ chức bộ máy; bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Về phương án sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy

- Giữ nguyên trạng tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị của các xã hiện tại, đồng thời thành lập mới các cơ quan, đơn vị theo quy định của Đảng, điều lệ của tổ chức và của pháp luật; trong đó có thành lập phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị trên cơ sở phòng Kinh tế hiện nay.

- Tổ chức các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông ở các phường mới thành lập thực hiện trên cơ sở nguyên trạng tổ chức hiện nay của các trường; giữ tên các trường học theo tên xã cũ đến hết năm học 2025 - 2026 để đảm bảo sự ổn định; việc đổi tên các trường theo địa danh tên phường mới sẽ thực hiện trong các năm học tiếp theo.

- Tổ chức trạm y tế ở các phường trước mắt thực hiện trên cơ sở nguyên trạng tổ chức hiện nay của trạm y tế các xã cũ.

- Căn cứ Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập các phường, Hội đồng nhân dân các phường quyết định chuyển các ấp thành các khu phố theo quy định.

b) Phương án sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Trước mắt giữ nguyên trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của các xã như hiện nay; đồng thời tiếp tục xây dựng phương án, lộ trình thực hiện sắp xếp, bố trí nhân sự theo quy định bảo đảm phù hợp với chính quyền đô thị.

Trong quá trình sắp xếp, kiện toàn bộ máy, các phường sẽ triển khai thực hiện rà soát, đánh giá, lập kế hoạch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo mô hình chính quyền đô thi và nâng cao chất lượng cán bộ ở cơ sở.

2. Phương án sắp xếp trụ sở, tài sản công

Trụ sở, tài sản công của các phường mới thành lập được giữ nguyên trên cơ sở trụ sở, tài sản công hiện có của các xã cũ.

3. Phương án chuyển đổi một số giấy tờ cơ bản của cá nhân, tổ chức

Các loại giấy tờ cần chuyển đổi gồm giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh nhân thân, quyền sở hữu, quyền sử dụng gồm những loại cơ bản như thẻ căn cước công dân/căn cước, hộ chiếu quốc gia, giấy tờ hộ tịch, giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký kinh doanh và các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật.

Để tạo điều kiện cho người dân thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan, sau khi thành lập, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang sẽ chỉ đạo cơ quan công an và đơn vị có liên quan lập kế hoạch tiến hành thực hiện chuyển đổi giấy tờ cho người dân; phân công người phụ trách địa bàn, lịch làm việc với công dân theo từng tổ dân phố; trong đó ưu tiên thực hiện đối với những trường hợp người dân có nhu cầu chuyển đổi ngay, cấp bách.

Đối với các loại giấy tờ còn lại, giao Ủy ban nhân dân các phường thông báo, hướng dẫn để người dân nếu có nhu cầu chuyển đổi đến làm thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

4. Đổi tên và con dấu của các đơn vị hành chính

Khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang sẽ chỉ đạo cơ quan công an, phối hợp với các phường mới thành lập tiến hành đổi con dấu của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn phù hợp với tên ĐVHC mới đảm bảo theo quy định của Luật và hướng dẫn của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Nguyên tắc thực hiện là kế thừa tối đa tổ chức bộ máy, nhân sự, trụ sở, tài sản và dữ liệu hiện có; việc sắp xếp, chuyển đổi được thực hiện theo lộ trình phù hợp, bảo đảm hoạt động của các cơ quan, đơn vị diễn ra liên tục, thông suốt, không làm gián đoạn việc giải quyết thủ tục hành chính, cung ứng dịch vụ công và các giao dịch hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.

Phần thứ tư

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC PHƯỜNG SAU KHI THÀNH LẬP

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

1. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước

a) Mặt tích cực

Thành lập các phường thuộc tỉnh An Giang trên cơ sở diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các xã phù hợp với quá trình đô thị hóa diễn ra trên địa bàn. Theo đó, về nguyên tắc sẽ không tác động bất lợi đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân, công tác bảo đảm vệ sinh môi trường, quản lý đất đai, không làm phát sinh kinh phí hành chính hay tăng chi ngân sách do tăng biên chế. Tổ chức chính quyền đô thị ở phường sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước về xây dựng, đô thị, thống nhất quản lý quy hoạch.

Hoạt động quản lý của các phường sau khi được thành lập ít xáo trộn đến đời sống dân cư, hay làm ảnh hưởng đến các thiết chế và đặc trưng văn hóa địa phương, phong tục tập quán, cũng như không có tác động xấu đến di tích lịch sử,

văn hóa trên địa bàn. Mô hình chính quyền phường mới được thành lập sẽ giúp công tác quản lý nhà nước được tốt hơn, các thủ tục hành chính được cải cách, đơn giản hóa, cơ chế một cửa, một cửa điện tử,... giúp giải quyết công việc nhanh, hiệu quả hơn, giảm áp lực cho các dịch vụ hành chính công; tạo điều kiện nâng cao năng lực, chất lượng cán bộ, nâng cao nhận thức tư tưởng, tạo sự thống nhất, đoàn kết trong bộ máy quản lý.

Hoạt động quản lý nhà nước trên địa bàn được tăng cường, chuyển dịch mô hình quản lý chính quyền nông thôn sang mô hình chính quyền đô thị tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền cơ sở.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Việc thành lập các phường tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, quản trị nhà nước trên địa bàn. Tuy nhiên, công tác quản lý chuyển đổi từ mô hình chính quyền nông thôn sang mô hình chính quyền đô thị nên bước đầu đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã hiện nay sẽ gặp khó khăn do sự khác biệt về chức năng, nhiệm vụ giữa hai mô hình quản lý (xã - phường). Do đó, cần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý hành chính Nhà nước, tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Đồng thời, việc thay đổi ĐVHC từ xã lên phường sẽ làm thay đổi về địa chỉ liên lạc của công dân, tổ chức, các giấy tờ cá nhân, ảnh hưởng đến liên lạc và giao dịch; do đó từng bước phải thực hiện thay đổi giấy tờ, địa chỉ từ xã thành phường cho phù hợp. Ủy ban nhân dân các phường sau khi thành lập sẽ tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công dân, tổ chức trong việc cấp đổi các giấy tờ này; bảo đảm tiết kiệm thời gian, giảm chi phí cho người dân, cần tăng cường công tác quản lý, cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ cho các hộ dân.

c) Giải pháp

Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý dân cư, hình thành bản đồ dữ liệu số để hỗ trợ cho việc quản lý hành chính đô thị, hình thành chính quyền điện tử nhằm hiện thực hóa việc giao tiếp giữa công dân với chính quyền hoàn toàn trên môi trường mạng, nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước.

Tập trung đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng hành chính, tinh thần trách nhiệm; phát huy tư duy chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức. Đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ đổi mới mạnh mẽ, hiệu quả công tác cán bộ; đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo quá trình, bảo đảm tính liên tục, đa chiều, theo nhiều tiêu chí và mức độ hoàn thành công việc được giao.

2. Tác động về kinh tế - xã hội

a) Mặt tích cực

Thành lập các phường sẽ góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - xây dựng, thương mại và đặc biệt là dịch vụ, tạo ra nhiều việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, phát

huy hiệu quả và sử dụng lực lượng lao động có chất lượng cao, thúc đẩy cơ sở kỹ thuật hạ tầng hiện đại, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa lớn và đa dạng, thu hút mạnh đầu tư trong và ngoài nước. Tiếp tục thu hút lực lượng lao động có trình độ, linh hoạt và tích cực hơn trong việc tìm kiếm việc làm như: lao động trong các cụm công nghiệp, doanh nghiệp, lao động hoạt động vận tải, giải quyết công ăn việc làm, giảm lao động dư thừa, đóng góp cho sự phát triển kinh tế phường và tỉnh.

Việc thành lập các phường sẽ tác động mạnh đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh nói chung và phường nói riêng. Bởi quá trình hình thành và phát triển đô thị không chỉ gắn liền với phát triển công nghiệp mà còn gắn với phát triển hạ tầng giao thông, thương mại, dịch vụ; thúc đẩy đầu tư xây dựng các tuyến giao thông kết nối, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa, nâng cao mức sống cho người dân địa phương. Hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội sẽ được tiếp tục quan tâm đầu tư đồng bộ nhất là hệ thống các công trình hạ tầng đô thị, giao thông, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hóa. Từ đó, nhân dân sẽ được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khoẻ,... với điều kiện thuận lợi hơn và chất lượng tốt hơn. Bên cạnh đó việc thành lập phường cũng tạo điều kiện giao lưu và giữ gìn văn hóa các vùng miền, làm phong phú hơn văn hóa dân tộc, tiếp thu văn hóa hiện đại.

Các phường được thành lập là động lực quan trọng làm thay đổi quá trình phát triển và phân bố lực lượng sản xuất. Việc giành quỹ đất cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ được ưu tiên, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, tăng thu nhập bình quân đầu người. Sự phát triển công nghiệp - xây dựng sẽ thu hút lao động tập trung quanh vùng tạo thành các khu định cư mới, điều này cũng sẽ tác động đến môi trường, vì vậy cần có các định hướng, giải pháp thu hút đầu tư công nghệ cao, thân thiện với môi trường và các giải pháp khác. Đồng thời, kéo theo sự phát triển của các ngành dịch vụ, làm tăng quy mô, mật độ dân số, làm thay đổi tập quán và lối sống của dân cư.

Như vậy, có thể khẳng định việc thành lập các phường sẽ tác động tích cực về kinh tế - xã hội, tạo động lực thúc đẩy quá trình đô thị hóa trên địa bàn tỉnh An Giang nói chung và các phường nói riêng, góp phần chuyển dịch cơ kinh tế và cơ cấu lao động, tạo nhiều việc làm, thu nhập cho người lao động; thu hút lực lượng lao động chất lượng cao; phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cao, hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ, hiện đại, có sức thu hút đầu tư mạnh mẽ trong và ngoài khu vực.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Sau khi thành lập các phường cũng sẽ có những khó khăn nhất định. Một số hạ tầng giao thông chưa theo kịp yêu cầu nên người dân sẽ gặp không ít khó khăn trong việc đi lại, giao dịch hành chính. Nguồn lao động chủ yếu là sự gia tăng cơ học về dân số của quá trình đô thị hóa, đồng thời để phát triển mục tiêu cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và giảm tỷ trọng nông nghiệp địa phương phải điều chỉnh lại mục tiêu tăng trưởng và cơ cấu kinh tế cho phù hợp với thực tiễn.

Kinh tế phát triển, mọi yêu cầu về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội chưa đáp ứng tốt như đường giao thông, nhà ở xã hội, vườn hoa, công viên, cung ứng dịch

vụ, các vấn đề xã hội, các dịch vụ vui chơi giải trí và hoạt động khám chữa bệnh. Do đó, trên địa bàn các phường cần đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, tăng các dịch vụ thương mại phục vụ, mở rộng trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, vườn hoa và nâng cao đời sống cho người dân. Mặt khác, cơ sở hạ tầng đô thị đã được đầu tư xây dựng trên một số lĩnh vực chưa đồng bộ; thói quen, lối sống về bảo vệ môi trường, trật tự đô thị một số người dân còn hạn chế. Một số chế độ chính sách còn nhiều bất cập; việc huy động các nguồn vốn đầu tư chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa sẽ dẫn đến nhiều vấn đề bất cập mới nảy sinh như tình trạng gia tăng dân số, lao động, việc làm, chuyển dịch cơ cấu, thành phần dân cư; quản lý kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị; trật tự, an toàn, tệ nạn xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn.

c) Giải pháp

Thực hiện các giải pháp phát triển mạnh mẽ hơn nữa thị trường lao động; kết nối hệ thống thông tin thị trường lao động địa phương với hệ thống thông tin thị trường lao động của toàn tỉnh nói chung và phường nói riêng. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách, chương trình, giải pháp hỗ trợ tạo việc làm. Tăng cường tổ chức các phiên giao dịch việc làm lưu động tại các cơ sở dạy nghề, đẩy mạnh công tác tuyên truyền tại các địa phương để thu hút lao động tham gia sàn giao dịch việc làm. Đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các giải pháp lâu bền từ các chế độ đãi ngộ, tiền lương, thưởng để thu hút người lao động.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về hoạt động hành nghề xây dựng, sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động và sinh sống trên địa bàn. Có biện pháp chế tài mang tính răn đe đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm trong hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh. Đồng thời kiểm tra, rà soát các công trình, dự án đã và đang thực hiện trên địa bàn theo quy hoạch đã được phê duyệt, từ đó có kế hoạch cụ thể triển khai hoàn thành sớm đưa vào sử dụng.

3. Tác động về môi trường

a) Mặt tích cực

Quá trình xây dựng và phát triển các phường sau khi thành lập sẽ tạo nên diện mạo mới gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, tăng quy mô, mật độ dân số, tăng trưởng kinh tế và quá trình đô thị hóa, tạo điều kiện và nguồn kinh phí cho đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng, giao thông, các công trình công cộng, trường học, trạm y tế, trung tâm văn hóa,... công tác chăm sóc sức khỏe và phục vụ đời sống nhân dân trên địa bàn được tốt hơn.

Quá trình đô thị hóa cũng sẽ tạo ra sự thay đổi cả về vật chất lẫn tinh thần của người dân; người dân trong khu vực đô thị sẽ được cung cấp các dịch vụ một cách đầy đủ hơn, với tiêu chuẩn cao hơn và đa dạng hơn, tạo động lực mới để tiếp tục vươn lên, với định hướng phát triển mới sẽ tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân nhờ phát triển các hoạt động phi nông nghiệp như: tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh buôn bán và dịch vụ; đời sống văn hóa, tinh thần của người dân sẽ được tiếp tục nâng cao,… Nguồn ngân sách cũng như việc huy động nguồn vốn xã hội hóa đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường được tăng cường, các công trình

hạ tầng kỹ thuật như: đường giao thông, hệ thống cấp, thoát nước, thu gom rác thải,... sẽ được đầu tư bảo đảm cảnh quan môi trường khang trang sạch sẽ; chất lượng môi trường từng bước được cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Sau khi thành lập, định hướng tổng thể phát triển đô thị theo hướng phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bào đảm đời sống nhân dân và giải quyết đồng bộ các vấn đề môi trường.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Các phường được thành lập góp phần thúc đẩy dân số tăng nhanh do gia tăng dân số cơ học từ các ngành công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn, sẽ gây ra nhiều vấn đề phải giải quyết như nhà ở, dịch vụ, thông tin, giáo dục, y tế, cơ sở hạ tầng, việc làm, ô nhiễm môi trường cùng với đó số lượng phương tiện giao thông cá nhân sẽ tăng nhanh làm gia tăng khói bụi, gây ô nhiễm môi trường không khí. Hoạt động cải tạo, xây dựng mới các công trình hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông,... sẽ phát sinh bụi, gây ô nhiễm môi trường không khí xung quanh nếu đơn vị thi công không thực hiện các giải pháp giảm thiểu bụi triệt để.

Các khu đô thị, khu dân cư tập trung nếu không có hệ thống hạ tầng thoát nước, xử lý nước thải, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt bảo đảm, không tương xứng với tốc độ phát triển sẽ tiềm ẩn nguy cơ ngập úng vào mùa mưa, ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí,… Nhu cầu sử dụng đất của một số ngành công nghiệp, giao thông và các lĩnh vực phi nông nghiệp tăng nhanh khiến diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã sẽ giảm dần gây ảnh hưởng đến nguồn cung lương thực, thực phẩm trên địa bàn.

c) Giải pháp

Cần xây dựng phương án tổ chức lại sản xuất nông nghiệp và đẩy mạnh các chương trình hỗ trợ tạo việc làm tại chỗ cho người lao động; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái bền vững; khuyến khích phát triển mạnh các nghề thủ công truyền thống, các nghề phi nông nghiệp ở nông thôn để giải quyết triệt để và hiệu quả việc làm cho khu vực nông thôn và nông dân trên địa bàn.

4. Tác động về quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội

a) Mặt tích cực

Việc thành lập phường trên cơ sở nguyên trạng duy trì tốc độ phát triển kinh tế và đô thị hóa trên địa bàn. Kinh tế phát triển giúp nâng cao đời sống văn hóa xã hội cho nhân dân, góp phần bảo đảm an ninh trật tự được tốt hơn. Nguồn thu ngân sách tăng tạo cơ sở cho kinh phí đầu tư an ninh quốc phòng.

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa, cùng với cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật được đầu tư đồng bộ, thu hút các nhà đầu tư, tạo ra nhiều cơ hội việc làm, thu hút lực lượng lao động từ các nơi đổ về góp phần tăng cường khả năng huy động nguồn nhân lực dự bị động viên, dân quân tự vệ trên cơ sở tăng số lượng dân cư. Dân số tăng cao là nguồn nhân lực cho công tác bảo đảm hậu cần và dự bị động viên. Diện tích đất tăng cũng tạo quỹ đất cho việc bố trí thế trận phòng thủ và diễn tập bảo vệ an ninh quốc phòng được tốt hơn.

Với việc sắp xếp, điều chỉnh bộ máy nhà nước từ xã thành phường sẽ góp phần nâng hiệu quả công tác quản lý nhà nước nói chung, trong đó có công tác quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh, kinh tế - xã hội phát triển, đời sống vật chất, tinh thần cũng như ý thức cảnh giác của quần chúng nhân dân không ngừng được nâng lên góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc, hạn chế nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm. Hạ tầng giao thông được đầu tư, nâng cấp giúp cho việc đi lại được thuận lợi, góp phần củng cố quốc phòng - an ninh, giảm thiểu tai nạn giao thông; đội ngũ công an chính quy được tăng cường, thuận lợi cho việc bảo đảm an ninh trật tự xã hội tại cơ sở. Công tác quốc phòng được quan tâm, trật tự an toàn xã hội được tăng cường. Cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật được đầu tư, ý thức và đời sống nhân dân được nâng cao góp phần nâng cao nhận thức của người dân về an ninh - quốc phòng được tốt hơn, không để các thế lực thù địch, các phần tử phản động,... tuyên truyền, lôi kéo, lợi dụng.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Sau khi các phường được thành lập, lưu lượng người từ các địa phương khác đến hợp tác, sinh sống và làm việc tại địa bàn tăng cao, việc thu hút đầu tư sẽ rất mạnh mẽ, số lượng các dự án đầu tư vào địa bàn tăng, liên quan đến công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng sẽ tác động đến một số bộ phận nhân dân, từ đó đòi hỏi lực lượng công an phải đủ mạnh, thường xuyên bám sát địa bàn, nắm chắc và xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh liên quan đến an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội. Hệ thống mạng lưới giao thông được mở rộng, lưu lượng phương tiện tham gia nhiều với tải trọng lớn, các khu công cộng được hình thành nhiều hơn; các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự phát triển.

c) Giải pháp

Lực lượng công an phải tăng cường công tác bảo đảm an toàn giao thông, trật tự công cộng, quản lý hành chính đối với các dịch vụ kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự; các đối tượng cư trú, lưu trú, bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh thông tin, an toàn cho các doanh nghiệp vào đầu tư trên địa bàn phường mới thành lập.

5. Tác động đến kiến trúc đô thị cảnh quan

a) Mặt tích cực

Tỉnh và phường tăng cường quản lý quy hoạch; xây dựng cơ bản và tiếp tục đầu tư, triển khai các khu đô thị hiện đại và điểm nhấn kiến trúc đồng bộ tạo cảnh quan đô thị cho các phường. Tạo điều kiện để rà soát, tổ chức hợp lý các khu chức năng công nghiệp, dịch vụ, khu dân cư, khuôn viên, cây xanh,… là tiền đề để đầu tư xây dựng mới các khu chức năng đô thị, từ đó có tác động đến việc thu hút, phân bố lại dân cư, cơ sở kinh doanh theo hướng mở rộng đô thị ra các khu nội thị mới có điều kiện tốt hơn về quỹ đất cũng như đã được đầu tư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật; tạo sự phát triển cân đối giữa các khu vực. Nâng cao ý thức của người dân về văn minh đô thị, văn minh thương mại và giữ gìn vệ sinh môi trường, cảnh quan đô thị trên địa bàn.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Quá trình xây dựng, phát triển các phường gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, tăng quy mô, mật độ dân số, tăng trưởng kinh tế. Môi trường đô thị sẽ ảnh hưởng dưới áp lực của sự phát triển đô thị. Mặt khác, nếu công tác hoạch định, quy hoạch, quản lý đô thị không theo kịp tốc độ phát triển có thể dẫn đến sự thiếu đồng bộ và không thống nhất giữa các phường, xã trong khu vực. Bên cạnh đó, việc quản lý xây dựng nhà ở riêng lẻ cho các hộ dân bảo đảm chỉ giới xây dựng, kiến trúc cảnh quan, hình thành các tuyến phố chuyên doanh cần quan tâm quản lý chặt chẽ và tuyên truyền thực hiện sâu rộng.

c) Giải pháp

Đổi mới nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quy hoạch, thiết kế đô thị, quản lý quy hoạch kiến trúc, quản lý đô thị gắn với kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa xã hội. Huy động các nguồn lực, tập trung xây dựng tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, phát triển nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội như: giao thông, thủy lợi, điện, cấp nước, thoát nước,… phát triển các phường từng bước, bảo đảm hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt theo quy định.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC PHƯỜNG SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP

1. Quan điểm

- Bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước; phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của cả nước; thống nhất với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long và các quy hoạch liên quan, trong đó tập trung phát triển theo Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được điều chỉnh tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; kế thừa có chọn lọc quy hoạch cũ, phát huy vai trò chung của tỉnh An Giang là cực phát triển đa năng, trung tâm kinh tế biển mạnh của Quốc gia, trung tâm biển - đảo - biên giới và cửa ngõ giao thương quốc tế của vùng.

- Phát triển dựa trên khai thác tối đa lợi thế ven biển - biên giới - đảo; tăng cường liên kết nội tỉnh, liên vùng và quốc tế, nhất là kinh tế biển, logistics xuyên biên giới, chuỗi giá trị Mê Công và kết nối đa phương thức, bảo đảm thông suốt các dòng chảy kinh tế và đầu tư.

- Phát triển có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên hình thành các cực tăng trưởng, vùng động lực và hành lang kinh tế chủ đạo (Phú Quốc, Thổ Châu, Châu Đốc - Tịnh Biên - Hà Tiên, Rạch Giá - Long Xuyên - Châu Đốc), đồng thời bảo đảm phát triển hài hòa giữa các tiểu vùng.

- Lấy phát triển bền vững, kinh tế xanh, con người và chất lượng sống làm trung tâm; lấy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh làm động lực; phát triển đồng bộ hạ tầng chiến lược, logistics, năng lượng sạch nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tổ chức không gian phát triển liên kết, hiệu quả theo trục biển - đảo -

sông - biên giới - đô thị; hướng đến mục tiêu chung xây dựng An Giang trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của Quốc gia, trung tâm không gian kinh tế biển - biên giới - Mê Công của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Mục tiêu

Phát triển nhanh, bền vững hơn với tốc độ tăng trưởng kinh tế hai con số; đẩy mạnh cơ cấu lại thực chất, hiệu quả hơn nền kinh tế, các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp nhà nước, vốn đầu tư nhà nước tại doanh nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và môi trường kinh doanh. Góp phần lớn gắn với mục tiêu chung đến năm 2030, An Giang là tỉnh phát triển khá của cả nước, có tốc độ tang trưởng năng động; giữ vai trò trung tâm dịch vụ, trung tâm kinh tế biển mạnh của Quốc gia, du lịch biển - đảo và kinh tế biên giới; nông, thủy sản và đầu mối logistics sông - biển - biên mậu kết nối Mê Công với các thị trường trong nước và quốc tế. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng hiện đại, xanh và bền vững, dựa trên các trụ cột: nông nghiệp công nghệ cao gắn với chế biến sâu; dịch vụ du lịch, thương mại và logistics; công nghiệp sạch, công nghiệp sinh học; kinh tế số và kinh tế biển - đảo. Hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư đồng bộ, hiện đại; phát triển kinh tế gắn với phát triển xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh trên không gian biển - đảo - biên giới.

3. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

3.1. Các nhiệm vụ trọng tâm

- Tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp; vận hành thống nhất, thông suốt và tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn cản trở phát triển. Ưu tiên ban hành và triển khai các cơ chế đặc thù cho Phú Quốc, Thổ Châu và Kiên Hải; kinh tế biên giới Tân Châu - Châu Đốc - Tịnh Biên - Hà Tiên, cơ chế thu hút đầu tư, thu hút và trọng dụng nhân lực chất lượng cao, cơ chế phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển, thể chế liên kết vùng, quốc tế.

- Đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cơ cấu nền kinh tế theo bền vững; dựa trên phát triển mạnh kinh tế biển đảo, kinh tế biên giới; tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, xanh, tuần hoàn, phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp sạch, thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nâng cao năng suất lao động. Chuyển từ tăng trưởng theo chiều rộng sang tăng trưởng theo chiều sâu, nâng cao rõ rệt đóng góp của TFP, phát triển các ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao, gắn với kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh tổng thể của tỉnh, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, bình đẳng, ổn định và an toàn cho mọi chủ thể kinh tế; đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa quy trình và thủ tục đảm bảo dễ thực thi; giảm chi phí giao dịch, chi phí tuân thủ và thời gian thực hiện thủ tục hành chính, nâng cao khả năng cạnh tranh khu vực.

- Triển khai các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu một cách tổng thể và

bền vững, tập trung vào quản lý tài nguyên nước, phòng chống lũ, hạn, xâm nhập mặn, sạt lở và nước biển dâng; phát triển các mô hình sinh kế thích ứng đối với vùng ven biển, ven sông và khu vực biên giới. Đồng thời, gắn chặt phát triển kinh tế xã hội với nhiệm vụ bảo đảm an ninh quốc phòng, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trên hướng biển, đảo và biên giới.

3.2. Các khâu đột phá chiến lược

- Đột phá thể chế, quản trị thông qua hoàn thiện mô hình chính quyền hai cấp tinh gọn, hiệu quả; tăng phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình; xây dựng cơ chế đặc thù cho Phú Quốc, Thổ Châu; thí điểm sandbox cho mô hình và công nghệ mới; đồng thời thúc đẩy liên kết vùng, liên kết quốc tế và hợp tác ASEAN trong thương mại, logistics, kinh tế biển, du lịch, năng lượng và đổi mới sáng tạo.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: đẩy mạnh đào tạo, thu hút, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng các trụ cột chiến lược: du lịch và dịch vụ chất lượng cao, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến chế tạo, logistics và thương mại quốc tế, y tế, giáo dục, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Ưu tiên nâng cao năng lực quản trị của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, đặc biệt là cấp xã, phường, đặc khu nhằm bảo đảm bộ máy hành chính cơ sở đủ năng lực triển khai các nhiệm vụ phát triển mới trong bối cảnh tình hình mới.

- Đầu tư về phát triển hạ tầng: Tập trung đầu tư và hoàn thiện phát triển đồng bộ hạ tầng giao thông đa phương thức, hạ tầng số, hạ tầng năng lượng và chuyển đổi xanh; tăng cường kết nối đất liền - sông - biển - đảo, liên vùng và quốc tế; đồng thời hoàn thiện các hạ tầng thiết yếu, thích ứng biến đổi khí hậu, nước biển dâng thông qua các đề án, dự án lấn biển, kè chống sạt lở, tạo quỹ đất; tạo nền tảng cho tăng trưởng nhanh và bền vững.

- Phát triển kinh tế biển - đảo - biên giới: tập trung xây dựng Phú Quốc, Thổ Châu trở thành trung tâm du lịch quốc tế, dịch vụ cao cấp, y tế quốc tế và trung tâm tài chính quy mô nhỏ, có khả năng cạnh tranh trong khu vực. Hình thành và nâng tầm hệ thống logistics biển - sông - biên giới, phát triển các trung tâm logistics tổng hợp gắn với cảng biển, cảng sông và cửa khẩu quốc tế, nhằm mở rộng không gian kinh tế và tăng cường kết nối thương mại với các tỉnh trong vùng, cả nước và các thị trường quốc tế như Campuchia, Thái Lan, Malaysia và Singapore. Kinh tế biển - đảo - biên giới trở thành một trong những động lực tang trưởng quan trọng, góp phần nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh của tỉnh trong giai đoạn tới.

4. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng

4.1. Ngành công nghiệp

- Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại bền vững, gắn với chuỗi giá trị quốc gia và quốc tế, trên cơ sở khai thác hợp lý lợi thế tổng hợp của không gian đồng bằng - núi - sông - biển - đảo. Phát triển công nghiệp trở thành một trong những trụ cột quan trọng của tăng trưởng kinh tế của tỉnh, giữ vai trò dẫn dắt chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ và nâng cao năng suất lao

động. Ưu tiên các ngành, lĩnh vực có hiệu quả kinh tế cao, giá trị gia tăng lớn, tác động lan tỏa mạnh**,** giảm phát thải và phù hợp với mô hình kinh tế tuần hoàn.

- Tập trung phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên, gồm: Công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp sạch, công nghệ cao, năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối), cơ khí - điện tử và sản xuất thiết bị phục vụ nông nghiệp. Song song đó, tập trung phát triển hệ thống khu - cụm công nghiệp đồng bộ với hạ tầng giao thông trọng điểm như cao tốc, cảng sông, cảng biển và sân bay; hình thành các trung tâm công nghiệp - đô thị - dịch vụ hiện đại, có khả năng thu hút các dự án quy mô lớn.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt là các ngành ưu tiên; phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật, công nghệ cao thông qua hợp tác giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện trường; thúc đẩy doanh nghiệp mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, chuyển đổi số và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng khu vực và quốc tế; đồng thời xây dựng môi trường đầu tư minh bạch, thuận lợi. Gắn phát triển công nghiệp với phát triển đô thị, dịch vụ, tạo nên hệ sinh thái sản xuất - logistics - thương mại đồng bộ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trong dài hạn.

- Xây dựng, phát triển các trung tâm logistics lớn, đạt chuẩn quốc tế, gắn kết chặt chẽ với cảng biển, cảng hàng không trung chuyển quốc tế, trong đó phát triển các khu công nghiệp là trọng tâm.

4.2. Ngành thương mại, dịch vụ

- Phát triển thương mại theo hướng hiện đại, bền vững; mở rộng và phát triển thị trường nội địa gắn với đẩy mạnh xuất khẩu. Phát huy lợi thế thương mại biên giới với Vương quốc Campuchia thông qua các khu kinh tế cửa khẩu; tập trung đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động thương mại, đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường trong nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển toàn diện khu kinh tế cửa khẩu của tỉnh trở thành một trong những khu kinh tế trọng điểm quốc gia, là cực tăng trưởng kinh tế năng động và bền vững của tỉnh và vùng.

- Tập trung phát triển các ngành dịch vụ trung gian, dịch vụ hỗ trợ sản xuất kinh doanh chất lượng cao để tạo động lực mới cho thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; phát triển các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao; đầu tư phát triển hạ tầng vận tải và logistics gắn với các trục giao thông chiến lược và khu vực biên giới; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, phát triển vận tải đa phương thức và thúc đẩy chuyển đổi xanh trong hoạt động vận tải.

4.3. Ngành du lịch

Phát triển du lịch theo hướng bền vững, hiện đại và hội nhập, chuyển mạnh từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, lấy chất lượng, giá trị gia tăng và trải nghiệm du khách làm trọng tâm; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn di sản văn hóa và giữ vững quốc phòng - an ninh. Phát triển các khu, điểm du lịch trọng điểm của tỉnh giữ vai trò

dẫn dắt về thị trường, thương hiệu và chất lượng dịch vụ; các không gian du lịch khác được phát triển theo hướng bổ trợ, chia sẻ dòng khách, đa dạng hóa sản phẩm và trải nghiệm, hình thành chuỗi điểm đến liên hoàn trong tổng thể không gian du lịch của tỉnh. Tăng cường liên kết và hợp tác phát triển du lịch với các địa phương trong nước và quốc tế.

4.4. Ngành nông nghiệp

- Phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản gắn với bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; chuyển đổi tư duy từ *"sản xuất nông nghiệp"* sang *"kinh tế nông nghiệp"* và *"đa giá trị",* chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp mạnh mẽ theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của ngành, thích ứng với biến đổi khí hậu, trên cơ sở phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sạch, hữu cơ và tuần hoàn.

- Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh quy mô lớn; phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng có tiềm năng, lợi thế của từng tiểu vùng sinh thái trong tỉnh. Tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với xây dựng nông thôn mới; cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực sản xuất phù hợp điều kiện từng tiểu vùng, tăng cường liên kết giữa các địa phương trong tỉnh nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng và lợi thế so sánh.

- Đẩy mạnh hoạt động nuôi biển theo hướng hiện đại, bền vững gắn với các ngành kinh tế biển khác, hình thành các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, bảo vệ môi trường sinh thái và quốc phòng - an ninh. Chú trọng áp dụng khoa học công nghệ vào quản lý, bảo vệ nguồn lợi thủy hải sản và hoạt động của đội tàu khai thác; hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng nghề cá tại các ngư trường, hải đảo.

5. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

5.1. Giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa, hiện đại hội nhập quốc tế; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục và đào tạo, ưu tiên vùng khó khăn, biên giới.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo trong đổi mới phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá; thúc đẩy ứng dụng các mô hình giáo dục số, giáo dục trí tuệ nhân tạo, quản trị giáo dục thông minh, trường học số, lớp học thông minh; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo gắn với nhu cầu nguồn nhân lực của kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Khuyến khích đổi mới sáng tạo trong giáo dục và đào tạo, thúc đẩy các phương pháp dạy học tiên tiến, giáo dục STEM/STEAM, giáo dục trải nghiệm và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; tăng cường liên kết, hợp tác với các cơ sở giáo dục tiên tiến trong nước và quốc tế; đẩy mạnh xã hội hóa phát triển giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp. Tăng cường công tác

giáo dục dân tộc trên địa bàn tỉnh, đảm bảo mọi trẻ em, học sinh, sinh viên dân tộc đều có cơ hội học tập như nhau, được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đặc thù cho vùng sâu, vùng xa và các khu vực đặc biệt khó khăn.

5.2. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Chuyển mạnh từ tư duy tập trung khám bệnh, chữa bệnh sang chủ động phòng bệnh, chú trọng bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe toàn diện, liên tục theo vòng đời; ưu tiên xây dựng, đầu tư đồng bộ về nhân lực, cơ sở vật chất, thiết bị cho trạm y tế xã, phường, đặc khu đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Nâng cao toàn diện chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe, phát triển y tế chuyên sâu và bảo đảm an ninh y tế.

- Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong y tế; cải cách mạnh mẽ tài chính y tế, bảo đảm hiệu quả, bền vững của chính sách bảo hiểm y tế; tiếp tục thực hiện chủ trương ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế bảo đảm chi trả cho các dịch vụ y tế ở mức cơ bản, người sử dụng chi trả cho phần vượt mức. Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách, cơ chế đột phá trong huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe Nhân dân.

5.3. Văn hóa, thể thao, thông tin, báo chí, xuất bản

- Về văn hóa: Phát huy giá trị và sức mạnh văn hóa, con người, truyền thống cách mạng của nhân dân An Giang; xây dựng con người An Giang phát triển toàn diện, có đạo đức, trí tuệ, sức khỏe, và ý chí vươn lên. Tiếp tục nâng cao chất lượng Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" như một nguồn lực cộng đồng quan trọng nhất là trong xây dựng nếp sống văn minh đô thị và nông thôn mới; coi kết quả đạt chuẩn văn hóa ở cơ sở là tiền đề củng cố môi trường văn hóa lành mạnh, ổn định chính trị - xã hội.

Giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa đặc sắc của An Giang, gắn bảo tồn với khai thác hợp lý, tạo nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh chuyển hóa giá trị di sản văn hóa thành nguồn lực du lịch, góp phần hình thành và phát triển công nghiệp văn hóa. Đặc biệt chú trọng xây dựng và phát triển đời sống văn hóa ở khu vực biên giới, hải đảo; nhân rộng các mô hình hiệu quả như "Điểm sáng văn hóa biên giới", gắn phát triển văn hóa với nhiệm vụ củng cố quốc phòng - an ninh, tăng cường giao lưu văn hóa quốc tế và bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia.

- Về thể thao: Phát triển hài hòa giữa thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao, lấy thể dục thể thao quần chúng rộng khắp, bền vững làm nền tảng; đồng thời đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho thể thao thành tích cao để tạo đột phá về chất lượng. Gắn kết thể dục thể thao với kinh tế biển và công nghệ số, tận dụng lợi thế của tỉnh để phát triển kinh tế thể thao biển và ứng dụng khoa học, công nghệ và công nghệ số trong huấn luyện, thi đấu và quản lý thể thao theo hướng hiện đại.

- Về thông tin, báo chí, xuất bản: Xây dựng môi trường thông tin lành mạnh, an toàn, nhân văn, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập. Phát triển nền báo chí, xuất bản chuyên nghiệp, hiện đại, giữ vững vai trò định hướng dư luận xã hội, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ chính trị, đối ngoại của tỉnh; đặc biệt chú trọng công

tác thông tin, tuyên truyền và quảng bá hình ảnh An Giang gắn với các sự kiện quốc tế quan trọng, trong đó có APEC 2027. Bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của người dân và doanh nghiệp; lan tỏa hình ảnh An Giang năng động, thân thiện, hội nhập và phát triển.

5.4. Khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo

Đẩy nhanh ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; từng bước hình thành và phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Tập trung đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị hiện đại; phát triển đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao, đủ năng lực tiếp thu, làm chủ, phát triển và chuyển giao công nghệ tiên tiến, trọng tâm vào các lĩnh vực đột phá của tỉnh.

5.5. An sinh xã hội

- Thực hiện hiệu quả các chính sách giải quyết việc làm gắn với nâng cao chất lượng lao động, đẩy mạnh giảm nghèo bền vững; triển khai đầy đủ và đồng bộ các chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn vệ sinh lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Nâng cao hiệu quả trợ giúp xã hội, bảo trợ xã hội, đảm bảo chăm lo kịp thời cho các đối tượng yếu thế; tạo môi trường sống an toàn, thực hiện đầy đủ quyền trẻ em, thúc đẩy bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ. Tăng cường công tác phòng, chống ma túy, mại dâm, mua bán người, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

5.6. Phát triển kinh tế biển và kinh tế biên mậu

- Kinh tế biển là một trong những trụ cột phát triển chiến lược của tỉnh An Giang, giữ vai trò quan trọng trong tái cấu trúc không gian kinh tế, mở rộng động lực tăng trưởng và nâng cao vị thế của tỉnh trong mạng lưới kinh tế biển quốc gia. Phát triển kinh tế biển theo hướng đa ngành, hiện đại và bền vững; gắn khai thác hợp lý lợi thế tự nhiên ven biển với bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và thúc đẩy đổi mới công nghệ.

- Tập trung phát triển kinh tế biển dựa trên các trụ cột chủ yếu gồm: du lịch biển đảo và dịch vụ biển; phát triển hệ thống đô thị ven biển; thủy sản và chế biến thủy sản giá trị cao gắn với nuôi biển công nghệ cao; logistics, cảng biển, vận tải biển và thương mại quốc tế; phát triển năng lượng tái tạo ven biển gắn với công nghiệp năng lượng xanh.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế biển và khu kinh tế cửa khẩu; tập trung hoàn thiện quy hoạch và đầu tư các dự án hạ tầng trọng điểm phục vụ xuất nhập khẩu, logistics và thương mại biên giới. Phát triển công nghiệp chế biến nông, thủy sản gắn với chuỗi liên kết vùng nguyên liệu - chế biến - tiêu thụ; tăng cường hợp tác với các tỉnh biên giới Vương quốc Campuchia và liên kết vùng Đồng bằng sông Cửu Long; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, áp dụng cơ chế một cửa, hải quan điện tử nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và phát triển bền vững khu vực biên giới, ven biển.

5.7. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh; xây dựng, củng cố khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng - an ninh, phòng tuyến hợp tác; giữ vững chủ quyền, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển giữa Việt Nam và Campuchia. Nắm chắc tình hình, không để xảy ra bị động, bất ngờ; kịp thời phát hiện, xử lý có hiệu quả trong mọi tình huống; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương.

6. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

6.1. Không gian tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang được định hướng dựa trên phát triển 04 hành lang kinh tế và 04 trục liên kết như sau:

a) Hành lang kinh tế - xã hội

- Hành lang kinh tế - xã hội biên giới: Đóng vai trò trung tâm kinh tế tổng hợp, cửa ngõ giao thương Campuchia - tiểu vùng Mê Công, trung chuyển hang hóa xuất nhập khẩu (nông sản, vật tư, hàng tiêu dùng) và thúc đẩy du lịch xuyên biên giới.

- Hành lang kinh tế - xã hội Hà Tiên - Rạch Giá - An Giang: Phát triển kinh tế biển và ven biển, gắn với đô thị ven biển, cảng/bến, dịch vụ hậu cần biển; kết nối du lịch biển đảo - sinh thái; phát triển năng lượng tái tạo và công nghiệp xanh.

- Hành lang kinh tế - xã hội Châu Đốc - Cần Thơ: Tổ chức không gian đô thị - công nghiệp - dịch vụ dọc tuyến; hình thành chuỗi đô thị, khu công nghiệp, trung tâm logistics.

- Hành lang kinh tế - xã hội Bắc Nam: Là liên kết dọc cấp quốc gia, tích hợp các trục giao thông - logistics - đô thị, bảo đảm kết nối liên vùng; tăng cường liên kết nội tỉnh - liên vùng - quốc tế, hỗ trợ phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch bền vững.

b) Trục liên kết

- Trục phía Bắc: Đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại biên mậu, logistics biên giới, đồng thời thúc đẩy du lịch biên giới, du lịch văn hóa.

- Trục trung tâm: Đóng vai trò xương sống nội tỉnh, tổ chức không gian phát triển đô thị, công nghiệp công nghệ cao và dịch vụ.

- Trục phía Nam: Đóng vai trò kết nối các vùng sản xuất nông nghiệp - thủy sản tập trung với các đô thị, khu chế biến và các đầu mối tiếp cận không gian kinh tế biển.

- Trục Đông Tây: Giữ vai trò liên kết và điều phối tổng thể không gian phát triển của tỉnh, góp phần hình thành mạng lưới liên kết đa chiều giữa đô thị, nông thôn, biên giới và ven biển, nâng cao hiệu quả kết nối hạ tầng, logistics, dịch vụ và hỗ trợ thực hiện các hành lang kinh tế quốc gia đi qua địa bàn tỉnh.

6.2. Kết hợp với định hướng của các hành lang kinh tế - xã hội và các trục liên kết nội tỉnh, không gian phát triển của tỉnh An Giang mới được tổ chức theo 05 tiểu vùng kinh tế - xã hội chuyên biệt. Ngoài đặc khu Phú Quốc, định hướng 04 tiểu vùng kinh tế - xã hội thuộc không gian đất liền của tỉnh An Giang, được phân chia bởi 02 tuyến Quốc lộ 80C và Quốc lộ 91D. Mỗi vùng được định vị dựa trên lợi thế tự nhiên, vị trí và khả năng kết nối, bảo đảm sự chuyên biệt và hình thành các khu vực động lực trên toàn tỉnh.

- Tiểu vùng phía Tây An Giang (kinh tế biển, công nghệ xanh và năng lượng sạch), bao gồm các xã, phường: Vĩnh Gia, Ba Chúc, Giang Thành, Vĩnh Điều, Hòn Đất, Bình Giang, Bình Sơn, Hòa Điền, Kiên Lương, Hòn Nghệ, Sơn Hải, Hà Tiên, Tô Châu, Tiên Hải. Đây là vùng có lợi thế phát triển năng lượng tái tạo của tỉnh, tập trung các ngành công nghiệp khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, cơ khí phục vụ ngành nông và ngư nghiệp, công nghiệp năng lượng; đầu mối giao thương, giao thông đối ngoại của tỉnh; vùng sản xuất nông nghiệp, vùng nuôi biển và bảo vệ môi trường sinh thái biển. Ngoài ra, tận dụng phát huy thế mạnh đô thị Hà Tiên về du lịch biển kết hợp du lịch tín ngưỡng, vùng cũng đóng vai trò cửa ngõ giao thương quốc tế nhờ hệ thống cảng - cửa khẩu Hà Tiên, hỗ trợ mạnh mẽ hoạt động logistics, thương mại biên giới và kết nối với Vương quốc Campuchia.

- Tiểu vùng phía Bắc An Giang (du lịch sinh thái, tín ngưỡng văn hóa, chăm sóc sức khỏe và kinh tế biên mậu), bao gồm các xã, phường: một phần xã Vĩnh Thạnh Trung, một phần xã Thạnh Mỹ Tây, một phần xã Bình Thạnh Đông, một phần xã Cô Tô, một phần xã Núi Cấm, Ô Lâm, An Phú, Vĩnh Hậu, Nhơn Hội, Khánh Bình, Phú Hữu, Mỹ Đức, Chợ Vàm, Hòa Lạc, Phú Lâm, Tri Tôn, Tân An, Châu Phong, Vĩnh Xương, Tân Châu, Long Phú, An Cư, Tịnh Biên, Thới Sơn, Chi Lăng, Châu Đốc, Vĩnh Tế. Định hướng trở thành trung tâm du lịch đặc thù của tỉnh với sự kết hợp giữa du lịch sinh thái, tín ngưỡng văn hóa và chăm sóc sức khỏe, dựa trên các tài nguyên nổi bật như Núi Sam, Núi Cấm, rừng tràm Trà Sư và hệ thống chùa Khmer - Phật giáo. Hình thành định hướng, lộ trình phát triển hệ thống cửa khẩu tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia; chuẩn hóa, hiện đại hóa hệ thống cửa khẩu theo hướng xanh, sạch, từng bước phát triển hệ thống cửa khẩu phù hợp với nhu cầu, mức độ hội nhập của tỉnh; thúc đẩy giao lưu, qua lại biên giới, quản lý cửa khẩu phù hợp với luật pháp quốc tế; thu hút các nguồn vốn đầu tư xây dựng khu kinh tế cửa khẩu; tạo điều kiện hợp tác phát triển kinh tế thương mại giữa Việt Nam - Campuchia; tỉnh An Giang và tỉnh Kandal, tỉnh Takeo, tỉnh Kampot (Vương quốc Campuchia). Từng bước hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối cửa khẩu với nội địa, kết nối với cửa khẩu bên kia biên giới và trong khu vực cửa khẩu.

- Tiểu vùng phía Đông An Giang (trung tâm sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tích hợp và đô thị tri thức), bao gồm các xã, phường: một phần xã Vĩnh Thạnh Trung, một phần xã Thạnh Mỹ Tây, một phần xã Bình Thạnh Đông, một phần xã Cô Tô, một phần xã Núi Cấm, Châu Phú, Bình Mỹ, An Châu, Bình Hòa, Cần Đăng, Vĩnh Hanh, Vĩnh An, Chợ Mới, Cù Lao Giêng, Hội An, Long Điền, Nhơn Mỹ, Long Kiến, Phú Tân, Phú An, Óc Eo, Định Mỹ, Phú Hòa, Vĩnh Trạch, Tây Phú, Thoại Sơn, Long Xuyên, Bình Đức, Mỹ Thới, Mỹ Hòa Hưng. Là trung

tâm sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tích hợp của toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đóng vai trò đầu tàu đổi mới trong nghiên cứu và phát triển (R&D), giống cây trồng - vật nuôi, công nghệ sinh học, canh tác thông minh và chế biến thực phẩm thế hệ mới; hình thành hệ sinh thái nông nghiệp tích hợp từ vùng nguyên liệu, sản xuất công nghệ cao đến chế biến sâu và xuất khẩu tinh. Cùng với đó, đô thị Long Xuyên phát triển thành đô thị tri thức - xanh - hiện đại, cung cấp các dịch vụ giáo dục, nghiên cứu và đô thị chất lượng cao, hỗ trợ mạnh mẽ cho sự phát triển của toàn cụm nông nghiệp công nghệ cao và là nền tảng nâng cao năng lực cạnh tranh cho toàn tỉnh.

- Tiểu vùng phía Nam An Giang (đô thị ven biển, vùng sản xuất nông nghiệp và năng lượng sạch), bao gồm các xã, phường: Tây Yên, Đông Thái, An Biên, Đông Hòa, Tân Thạnh, Đông Hưng, An Minh, Vân Khánh, Thạnh Lộc, Châu Thành, Bình An, Giồng Riềng, Thạnh Hưng, Long Thạnh, Hòa Hưng, Ngọc Chúc, Hòa Thuận, Định Hòa, Gò Quao, Vĩnh Hòa Hưng, Vĩnh Tuy, Sơn Kiên, Mỹ Thuận, Tân Hội, Tân Hiệp, Thạnh Đông, Vĩnh Hòa, U Minh Thượng, Vĩnh Bình, Vĩnh Thuận, Vĩnh Phong, Vĩnh Thông, Rạch Giá. Là khu vực ven biển chiến lược với vai trò là: vùng sản xuất nông nghiệp trọng yếu của tỉnh, chuyên về trồng lúa và hoa màu, cung cấp quỹ đất lớn và ổn định để bảo đảm an ninh lương thực và phục vụ công nghiệp chế biến; trung tâm năng lượng sạch mới, ngoài điện gió và điện mặt trời còn phát triển điện sinh khối dựa trên phụ phẩm nông nghiệp, tạo hệ sinh thái năng lượng tái tạo đa dạng và gắn chặt với lợi thế sản xuất nông nghiệp của vùng; và đô thị ven biển hiện đại, với Rạch Giá đóng vai trò trung tâm hành chính - thương mại - logistics ven biển, R&D biển và dịch vụ hỗ trợ cho nông nghiệp cũng như năng lượng sạch. Nhờ sở hữu cả không gian ven biển và vùng nông nghiệp rộng lớn, vùng phía Nam trở thành động lực quan trọng cho chiến lược phát triển năng lượng xanh và duy trì trụ cột nông nghiệp của toàn tỉnh.

- Tiểu vùng hải đảo, gồm đặc khu Phú Quốc và các đặc khu Thổ Châu, Kiên Hải, là vùng tập trung phát triển mạnh về kinh tế biển, với nhiều hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch biển đảo, nhiều giá trị khác biệt, chất lượng cao, đẳng cấp quốc tế; phát triển vùng hải đảo theo hướng sinh thái kết hợp bảo vệ vườn Quốc gia và hệ sinh thái biển; có vị trí đặc biệt về quốc phòng - an ninh.

7. Phương án phát triển các khu chức năng

7.1. Phương án phát triển khu kinh tế

Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, kỹ thuật hiện đại, đồng bộ tại các khu vực cửa khẩu: Hà Tiên, Giang Thành, Tịnh Biên, Khánh Bình, Vĩnh Xương để hình thành các khu vực cửa khẩu biên giới có hoạt động thương mại, logistics, du lịch và dịch vụ phát triển; tạo động lực phát triển toàn tuyến hành lang kinh tế biên giới. Trong thời kỳ quy hoạch, tỉnh An Giang có 05 Khu kinh tế với tổng diện tích khoảng 91.257 ha. Khi có đủ điều kiện tiêu chuẩn theo quy định: nâng cấp cửa khẩu chính Giang Thành thành cửa khẩu quốc tế; nâng cấp cửa khẩu phụ Bắc Đai lên cửa khẩu chính; nâng cấp khu vực đường mòn lối mở Vĩnh Gia, Vĩnh Ngươn, Khánh An, Nha Sáp,… thành cửa khẩu phụ.

Nghiên cứu lập quy hoạch các khu vực cửa khẩu chính, cửa khẩu phụ nhằm định hướng phát triển cơ sở hạ tầng các khu vực này đảm bảo tiêu chí, tiêu chuẩn của từng loại hình cửa khẩu theo quy hoạch cửa khẩu trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh An Giang đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7.2. Phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp

- Phát triển công nghiệp gắn với hành lang kinh tế biên giới Việt Nam - Campuchia và vùng ven biển Rạch Giá - Hà Tiên - Kiên Lương. Ưu tiên thu hút phát triển các ngành công nghiệp chế biến thủy sản, dược liệu, năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió), công nghiệp khai thác - vật liệu xây dựng, công nghiệp xuất khẩu.

- Phát triển các Khu công nghiệp Bình Long, Bình Hòa, Xuân Tô, Định Thành, Hội An, Vàm Cống gắn với hành lang Châu Đốc - Long Xuyên - Tân Châu - cửa khẩu Tịnh Biên; phát triển Khu công nghiệp Thạnh Lộc, Xẻo Rô, Kiên Lương II, Thuận Yên gắn với cảng Hòn Chông, định hướng khu công nghiệp năng lượng - vật liệu xây dựng - chế biến xuất khẩu, phục vụ giao thương quốc tế qua cửa khẩu Hà Tiên. Thành lập mới, mở rộng các khu công nghiệp bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu, kế hoạch sử dụng đất khu công nghiệp được phân bổ và các quy định pháp luật có liên quan.

- Tăng cường liên kết các khu công nghiệp với đô thị Rạch Giá, Hà Tiên, Châu Đốc và các trung tâm dịch vụ - logistics khu vực biên giới.

7.3. Phương án phát triển hệ thống cụm công nghiệp

- Phát triển hệ thống cụm công nghiệp gắn với các trục giao thông đường bộ, đường thủy, bảo vệ môi trường và đảm bảo quốc phòng – an ninh. Giữ nguyên các cụm công nghiệp hiện có, đồng thời bổ sung, mở rộng các cụm công nghiệp tại những địa bàn có lợi thế để thu hút đầu tư, nhất là chế biến nông - thủy sản, tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ cho khu công nghiệp; từng bước di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm vào trong cụm công nghiệp, giải phóng quỹ đất đô thị.

- Đẩy nhanh đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp theo hướng đồng bộ, hiện đại, nâng cao tỷ lệ lấp đầy và hiệu quả sử dụng đất; ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ tiên tiến, ít phát thải, hình thành các cụm liên kết ngành, đóng góp tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động.

7.4. Phương án khu nông nghiệp - công nghệ cao

Hình thành các vùng nông nghiệp công nghệ cao dọc khu vực sông Tiền, sông Hậu: các xã thuộc tiểu vùng phía Bắc và phía Đông. Ưu tiên: lúa chất lượng cao, thủy sản công nghệ cao, trái cây xuất khẩu, cây ăn trái đặc sản. Khu vực dọc biên giới - cửa khẩu, vùng Tịnh Biên, Hà Tiên: ưu tiên cây trồng và thủy sản công nghệ cao phục vụ xuất khẩu, nông nghiệp sinh học, vật liệu sinh học cho chế biến.

7.5. Khu công nghệ cao

Định hướng hình thành không gian ứng dụng công nghệ cao gắn với trục

cao tốc dọc tuyến Rạch Giá - Long Xuyên dự kiến hình thành trong thời gian tới.

7.6. Phương án phát triển khu du lịch

- Phát triển du lịch biển đảo gắn liền với lối sống của người địa phương, hướng đến gia tăng giá trị, kết hợp bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường biển tự nhiên tại các không gian du lịch tương ứng như Phú Quốc các quần đảo Hải Tặc, Bà Lụa, Nam Du, An Thới và bờ biển tại Hà Tiên; du lịch gắn với các giá trị về sinh thái bao gồm các loại hình du lịch như du lịch dã ngoại, du lịch nghiên cứu sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, v.v. Tập trung phát triển ở các Vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên; các hoạt động du lịch gắn với các hệ thống rừng ngập mặn tại Phú Quốc và U Minh Thượng, một phần rừng phòng hộ ven biển tại Kiên Lương - Kiên Hải, khu bảo tồn loài - sinh cảnh Đông Hồ. Du lịch văn hóa, lịch sử lễ hội gắn liền với các câu chuyện hình thành vùng đất tại các trung tâm văn hóa, xã hội của tỉnh như Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc và lịch sử cách mạng tại U Minh Thượng, khu du lịch di tích lịch sử thắng cảnh Hòn Đất - Mộ chị Sứ (xã Hòn Đất), khu du lịch Mũi Nai, khu du lịch Núi Bình San (phường Hà Tiên); khu du lịch Chùa Hang - Hòn Phụ Tử. Du lịch MICE để tận dụng lợi thế của Phú Quốc và Rạch Giá trở thành điểm đến của các sự kiện, hội nghị của các doanh nghiệp hoặc chuyên gia trong khu vực.

- Phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù gồm du lịch hành hương, văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo chất lượng cao, nghỉ dưỡng và du lịch kết nối xuyên biên giới. Nâng tầm Khu Di tích Quốc gia đặc biệt Óc Eo - Ba Thê trở thành Trung tâm du lịch di sản và khảo cổ học cấp khu vực ASEAN, giữ vai trò lịch sử - văn hóa của tỉnh. Khu di tích quốc gia đặc biệt Khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng, phát triển khu di tích với tính chất là khu du lịch văn hóa, lịch sử cách mạng, gắn với nhiệm vụ bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích quốc gia đặc biệt, phục vụ giáo dục truyền thống và tham quan du lịch. Phát triển Châu Đốc trở thành trung tâm du lịch văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo, khu du lịch Núi Cấm là khu du lịch hành hương, nghỉ dưỡng và sinh thái rừng, kết hợp bảo vệ cảnh quan rừng nhiệt đới, khu du lịch Núi Sam gắn với bảo tồn và tôn tạo các công trình di tích có giá trị văn hóa - lịch sử. Không gian phát triển gồm khu ở kết hợp dịch vụ du lịch, khu resort nghỉ dưỡng, công viên vui chơi giải trí, dã ngoại và du lịch văn hóa - tín ngưỡng, tôn giáo.

- Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng phát triển các khu du lịch khi đáp ứng các điều kiện tiêu chuẩn theo quy định.

7.7. Khu sản xuất nông nghiệp tập trung

Bố trí không gian các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo từng loại hình trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và lâm nghiệp, gắn với điều kiện sinh thái, hạ tầng giao thông, thủy lợi và yêu cầu phát triển đô thị; cho phép linh hoạt chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo quy định; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, gắn với chuỗi giá trị, trung tâm chế biến và thị trường tiêu thụ trong nước, xuất khẩu.

7.8. Phương hướng phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

Tập trung thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Chú trọng đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông nông thôn; củng cố mạng lưới y tế cơ sở, mạng lưới trường lớp các cấp; nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

7.9. Phương án phát triển các khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

- Đến năm 2030, bảo tồn và phát triển hệ thống vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh và khu dự trữ thiên nhiên trên địa bàn; thực hiện bảo tồn tại chỗ kết hợp bảo tồn chuyển chỗ, hình thành và phát triển hệ thống vườn thực vật, vườn động vật. Trọng tâm bảo tồn tại các khu cảnh quan sinh thái ven biển, đảo An Giang; Vườn quốc gia Phú Quốc, Vườn quốc gia U Minh Thượng; Khu bảo vệ cảnh quan Hòn Chông; Khu dự trữ thiên nhiên Đầm Đông Hồ, núi đá vôi Kiên Lương, cụm đảo Thổ Châu; Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Phú Mỹ; Trạm cứu hộ động vật Hòn Me, Vinpearl Safari Phú Quốc, Cung điện Hải Vương Vinwonders Phú Quốc.

- Nâng cấp các vườn ươm tạm thời và vườn ươm cố định nhằm quy tập, nhân giống, tạo cây con phục vụ công tác bảo tồn tập trung tại Hòn Chông, khu Moso và các đảo nhỏ; nâng cấp, mở rộng Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã và xác định khu vực thả về môi trường tự nhiên hoặc bán hoang dã tại Hòn Me và Vườn quốc gia U Minh Thượng. Tổ chức nhân giống các loài thực vật bản địa thích nghi điều kiện núi đá vôi, ưu tiên các loài là nguồn thức ăn của Voọc bạc (*Trachypithecus germaini*), nhằm phục hồi và mở rộng sinh cảnh tại khu vực núi đá vôi Kiên Lương; bảo tồn các hệ sinh thái rừng, núi và khu sinh cảnh đặc thù tại rừng tràm Trà Sư, Tân Tuyến, Núi Cấm; cụm núi Thoại Sơn, Núi Sam; Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Búng Bình Thiên và Cô Tô - Tức Dụp - Tà Pạ.

- Triển khai hiệu quả kế hoạch trùng tu di tích cấp tỉnh; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng cấp quốc gia theo quy định pháp luật.

8. Phát triển mạng lưới giao thông

Phát triển mạng lưới giao thông phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành giao thông vận tải quốc gia; bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại, liên thông giữa các phương thức vận tải, tăng cường kết nối nội tỉnh, liên kết vùng Đồng bằng sông Cửu Long, vùng Đông Nam Bộ và cả nước. Cụ thể:

8.1. Đường bộ

- Các tuyến cao tốc, quốc lộ trên địa bàn thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; ưu tiên hoàn thiện các tuyến cao tốc trục dọc, trục ngang và các tuyến quốc lộ có vai trò động lực phát triển vùng.

- Đối với mạng lưới đường bộ do địa phương quản lý: tập trung cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tỉnh hiện hữu; đầu tư mới các tuyến đường tỉnh, đường vành đai, đường trục chính đô thị, đường xã theo quy hoạch đô thị và nông thôn. Đầu tư các tuyến cao tốc Rạch Giá - Hà Tiên; tuyến Rạch Giá - Long Xuyên; tuyến kết nối cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng đến cửa khẩu Tịnh Biên và Khánh Bình; đường bộ ven biển; tuyến liên kết vùng - cầu Tôn Đức Thắng; cầu Tân Châu - Hồng Ngự. Đồng thời, nâng cấp, mở rộng ĐT.950 và đoạn kết nối Quốc lộ 110 (tỉnh Kandal, Vương quốc Campuchia); đặc khu Phú Quốc: ưu tiên đầu tư hoàn thiện các trục giao thông chính, gồm đường ven biển phía Đông (ĐT.975C), đại lộ Đông - Tây và tuyến ĐT.975 phía Bắc đảo.

8.2. Đường thủy nội địa

Phát triển mạng lưới đường thủy nội địa ngoài các tuyến do Trung ương quản lý; từng bước cải tạo, nâng cấp các tuyến sông, kênh, rạch chính đạt tối thiểu cấp IV - III đường thủy nội địa. Phát triển hệ thống cảng, bến thủy nội địa hàng hóa và hành khách phù hợp với quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy, logistics và các quy hoạch chuyên ngành liên quan; phát triển giao thông đường thủy theo hướng đa mục tiêu, kết hợp vận tải, du lịch và thủy lợi - nông nghiệp. Lấy sông Hậu, sông Tiền, kênh Rạch Giá - Hà Tiên, sông Cái Lớn làm trục giao thông xương sống, phục vụ đối nội, liên tỉnh và kết nối quốc tế với Vương quốc Campuchia; nâng cấp các tuyến trục ngang kết nối nội tỉnh và liên vùng như tuyến Thành phố Hồ Chí Minh - An Giang (qua kênh Xà No); Tuyến Thành phố Hồ Chí Minh - Kiên Lương (kênh Lấp Vò Sa Đéc; tuyến Thành phố Hồ Chí Minh - Kiên Lương (qua kênh Tháp Mười số 1, số 2; tuyến Cần Thơ - An Giang (kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp); tuyến Mộc Hóa - Hà Tiên (qua kênh Vĩnh Tế).

8.3. Đường sắt: Định hướng phát triển mạng lưới đường sắt tuân thủ Quy hoạch mạng lưới đường sắt quốc gia; nghiên cứu bổ sung các tuyến đường sắt đô thị theo quy hoạch đặc khu Phú Quốc và các tuyến kết nối các đô thị trung tâm của tỉnh. Tổ chức hệ thống giao thông công cộng kết nối các ga đường sắt đô thị, gắn với phát triển đô thị theo mô hình TOD.

8.4. Cảng biển, cảng cạn: Phát triển hệ thống cảng biển, cảng cạn trên các hành lang vận tải chính, gắn với các khu công nghiệp; đầu tư nâng cấp cảng biển An Thới, cảng biển Mỹ Thới và đầu tư cảng tổng hợp Hà Tiên. Cảng cạn tại khu vực Tắc Cậu, Hà Tiên, Bình Long,...

8.5. Cảng hàng không và sân bay: Đầu tư xây dựng cảng hàng không tại đặc khu Thổ Châu cấp 4C định hướng lên cấp 4E; phát triển các sân bay chuyên dụng và sân bay thủy phi cơ tại các khu vực có tiềm năng du lịch; nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc và Cảng hàng không Rạch Giá theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8.6. Công trình hạ tầng giao thông khác: Quy hoạch, xây dựng bến xe khách tại các cửa ngõ, đô thị trung tâm, đô thị vệ tinh, vị trí có hạ tầng giao thông thuận lợi; khuyến khích xã hội hóa đầu tư; bãi đỗ xe trong khu vực trung tâm đô thị, các khu công nghiệp, khu dân cư, khu thương mại - dịch vụ, trung tâm hành

chính; khuyến khích đầu tư bãi đỗ xe công cộng (kể cả bãi ngầm, bãi nhiều tầng); trạm dừng nghỉ, trung tâm đăng kiểm cơ giới,… trên một số tuyến giao thông trọng điểm, tra (cao tốc, quốc lộ, trục kết nối vùng,..), bảo đảm phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi, dịch vụ cho người và phương tiện; phát triển các Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới tại các khu vực, đô thị phát triển.

9. Phát triển hạ tầng xã hội

9.1. Y tế

- Phát triển mạng lưới y tế tỉnh An Giang cân đối, đồng bộ giữa các cấp chuyên môn, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận thuận lợi các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh có chất lượng, trước hết ngay tại tuyến xã, phường, đặc khu. Đầu tư phát triển hệ thống cơ sở y tế theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng chuyên môn, hình thành một số cơ sở y tế trọng điểm thực hiện kỹ thuật chuyên sâu, từng bước phát triển bệnh viện cấp vùng, cấp quốc gia.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút, huy động các thành phần kinh tế, khuyến khích doanh nghiệp trong nước và liên doanh với nước ngoài đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ nghỉ dưỡng và khám, chữa bệnh theo tiêu chuẩn quốc tế, tại những khu vực có điều kiện. Đầu tư phát triển các cơ sở đào tạo Y – Dược, nhằm cung cấp nguồn nhân lực y tế chất lượng cao cho tỉnh, cho vùng và cho cả nước.

- Củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở gắn với khu dân cư; phấn đấu 100% xã, phường, đặc khu có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia, có phòng khám bác sĩ gia đình, bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu kịp thời, liên tục, chất lượng.

9.2. Giáo dục và đào tạo

- Giáo dục mầm non và phổ thông: Phát triển mạng lưới trường lớp cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn tỉnh; sắp xếp, sáp nhập các điểm trường nhỏ lẻ, không bảo đảm điều kiện hoạt động. Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kiên cố hoá, hiện đại hóa trường, lớp học; bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn, đặc biệt chú trọng đầu tư các phòng học thực hành, trải nghiệm STEM/STEAM, không gian vui chơi, môi trường rèn luyện thể chất. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia đạt 80%. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục nhiều cấp học và các trường ngoài công lập.

- Giáo dục nghề nghiệp: Sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, bao gồm các trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và các cơ sở đào tạo nghề, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, đạt chuẩn; gắn với các khu kinh tế, khu công nghiệp cụm công nghiệp, khu du lịch và logistics theo hướng hình thành các cụm đào tạo - thực hành - đổi mới sáng tạo. Thành lập các trường trung học nghề trên cơ sở nâng cấp các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên khi có đủ điều kiện, với chương trình trung học nghề tích hợp giữa kiến thức cốt lõi của chương trình trung học phổ thông và chuyên môn nghề cho đối tượng học sinh tốt nghiệp trung

học cơ sở.

- Giáo dục đại học và sau đại học: Giai đoạn 2026 - 2030, tổ chức sắp xếp các trường đại học công lập trên địa bàn tỉnh bảo đảm theo hướng tinh gọn, hiệu quả và nâng cao chất lượng. Đồng thời, thu hút phát triển thêm các trường đại học ngoài công lập trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh liên kết đào tạo, nghiên cứu với các cơ sở trong nước và quốc tế.

- Tăng cường cơ sở vật chất hiện đại, phát triển hạ tầng giáo dục số, thư viện số, học liệu mở và quản lý giáo dục bằng dữ liệu trong toàn tỉnh.

9.3. Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Xây dựng, nâng cấp đồng bộ hạ tầng khoa học và công nghệ tỉnh đủ về quy mô, lĩnh vực và mức độ hiện đại, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Sử dụng hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất hiện có, đồng thời ưu tiên đầu tư mới cho các lĩnh vực mũi nhọn; kết hợp nguồn lực ngân sách với xã hội hóa để phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ, khu chức năng khoa học - công nghệ, vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo và các cơ sở nghiên cứu trọng điểm trên địa bàn.

9.4. Văn hóa, thể dục thể thao, thông tin báo chí, xuất bản

- Phát triển mạng lưới thiết chế văn hóa, thể thao đồng bộ, hiện đại, từng bước thông minh và chuyên nghiệp, bảo đảm phục vụ hiệu quả nhu cầu hưởng thụ văn hóa, rèn luyện thể chất của nhân dân. Hoàn thiện và phát huy vai trò các thiết chế văn hóa - thể thao nòng cốt có khả năng tổ chức sự kiện quốc tế, thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa và thể thao, đồng thời bảo đảm độ phủ rộng khắp, cung ứng dịch vụ công cơ bản, thiết yếu tại cơ sở; gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của tỉnh.

- Hoàn thành và đưa vào vận hành Khu Tổ hợp APEC tại Phú Quốc trong năm 2026, bảo đảm điều kiện tổ chức Hội nghị cấp cao APEC 2027; sau sự kiện, khai thác hiệu quả các công trình để thu hút du lịch, tổ chức sự kiện quy mô lớn và phát triển công nghiệp văn hóa.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo tồn di sản, bảo đảm 100% di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia được bảo vệ nghiêm ngặt; từng bước tu bổ, phục hồi các di tích cấp tỉnh bị xuống cấp. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, xây dựng thư viện số, bảo tàng số, hình thành cơ sở dữ liệu số về di sản văn hóa.

- Xây dựng cơ quan Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh trở thành cơ quan truyền thông đa phương tiện, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, công nghệ số, phát triển tòa soạn hội tụ, triển khai Chiến lược chuyển đổi số báo chí, từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công nghệ mới trong sản xuất, phân phối nội dung. Tập trung đầu tư, hoàn thành đúng tiến độ Trung tâm Báo chí Quốc tế và Trung tâm Truyền hình Quốc tế tại Phú Quốc.

9.6. An sinh xã hội

- Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội đủ năng lực, quy mô, đáp ứng

nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ về trợ giúp xã hội, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đối tượng bảo trợ. Chuyển dịch cơ sở trợ giúp sang mô hình cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội toàn diện (nuôi dưỡng kết hợp trị liệu, phục hồi chức năng).

- Phát huy phong trào đền ơn đáp nghĩa, huy động nguồn lực xã hội hóa chăm lo nhà ở, sinh kế và đời sống tinh thần cho người có công. Đầu tư nâng cấp, tu bổ các công trình ghi công liệt sĩ theo khả năng cân đối nguồn lực, góp phần giáo dục truyền thống và đảm bảo công bằng xã hội.

9.7. Thương mại

- Duy trì và phát triển ổn định chợ hiện hữu, tập trung đầu tư phát triển mạng lưới chợ theo hướng đồng bộ, hiện đại; xây mới các chợ đầu mối, đồng thời nâng cấp, cải tạo các chợ hạng I, hạng II và hạng III, đáp ứng nhu cầu giao thương, tiêu dùng của nhân dân và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Giai đoạn 2026 - 2030, đầu tư xây mới 10 chợ đầu mối; nâng cấp, cải tạo 02 chợ hạng I (chợ Rạch Sỏi và chợ 30/4) và nâng cấp 04 chợ (Chợ Long Xuyên, Chợ Châu Đốc, Chợ Tân Châu và Chợ Tịnh Biên) lên chợ hạng I.

- Duy trì, mở rộng hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại hiện hữu; đến năm 2030, phát triển thêm các trung tâm thương mại và siêu thị phân bố rộng khắp các xã, phường, đặc khu, góp phần hoàn thiện hạ tầng thương mại văn minh, hiện đại, tăng cường kết nối giữa sản xuất và phân phối, bảo đảm nguồn cung hàng hóa ổn định cho thị trường. Dự kiến phát triển thêm 20 trung tâm thương mại và 56 siêu thị.

- Phát triển thương mại điện tử trở thành hình thức thương mại chủ đạo, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt; từng bước hoàn thiện hạ tầng số, hạ tầng pháp lý và logistics phục vụ giao dịch thương mại điện tử.

- Đầu tư phát triển hệ thống trung tâm logistics, đến năm 2030 hình thành mạng lưới logistics đồng bộ, nâng cao năng lực lưu thông, phân phối hàng hóa và hỗ trợ phát triển thương mại, dịch vụ của tỉnh.

10. Các giải pháp thực hiện

10.1. Về lãnh đạo, chỉ đạo

Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của các cấp ủy Đảng, đồng thời phát huy vai trò quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo cần được triển khai theo hướng chủ động, quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ và lộ trình đã được xác định. Các cấp ủy, chính quyền từ thành phố đến cơ sở cần xác định rõ đây là nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa chiến lược lâu dài, từ đó tập trung nguồn lực, tăng cường kiểm tra, giám sát và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

Công tác tuyên truyền, vận động cần được đẩy mạnh, nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn. Nội dung tuyên truyền cần làm rõ ý nghĩa, mục tiêu, lợi ích của việc thành lập thành phố, đồng thời giải thích, làm rõ các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy, sắp xếp

đơn vị hành chính, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Qua đó, tạo sự thống nhất cao về tư tưởng, góp phần bảo đảm ổn định chính trị, xã hội trong quá trình triển khai.

Bên cạnh đó, công tác lãnh đạo, chỉ đạo cần gắn với việc hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách phù hợp với mô hình thành phố, nhất là trong các lĩnh vực phân cấp, phân quyền, quản lý đô thị, tài chính - ngân sách và quản lý biên chế. Việc chủ động đề xuất các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh An Giang nói chung và các phường mới thành lập nói riêng là hết sức cần thiết, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phát triển nhanh và bền vững của thành phố trong giai đoạn tới. Đồng thời, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện theo từng giai đoạn, bảo đảm các nhiệm vụ được triển khai đúng tiến độ, đạt chất lượng và hiệu quả. Việc đánh giá cần được thực hiện trên cơ sở các chỉ tiêu cụ thể, có so sánh, đối chiếu với mục tiêu đã đề ra, từ đó kịp thời điều chỉnh các giải pháp cho phù hợp với tình hình thực tế.

Nhìn chung, giải pháp về lãnh đạo, chỉ đạo giữ vai trò then chốt, quyết định đến thành công của việc tổ chức thực hiện, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành và sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân.

10.2. Về tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức

Việc tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là một trong những nội dung trọng tâm, có ý nghĩa quyết định đối với hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các phường mới thành lập. Do đó, cần triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu quản trị đô thị hiện đại.

Trước hết, việc tổ chức bộ máy chính quyền cần được thực hiện theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, giảm tầng nấc trung gian, bảo đảm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác giữa các cơ quan, đơn vị. Việc sắp xếp, kiện toàn các cơ quan chuyên môn cần bám sát quy định của Trung ương, đồng thời linh hoạt vận dụng phù hợp với đặc thù của đô thị lớn, bảo đảm đáp ứng yêu cầu quản lý đa ngành, đa lĩnh vực.

Đối với cấp cơ sở, việc sắp xếp cần được thực hiện theo lộ trình phù hợp, bảo đảm quy mô, tiêu chuẩn theo quy định, đồng thời giữ vững ổn định chính trị, xã hội. Mô hình chính quyền đô thị cần được tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao tính chủ động, linh hoạt của chính quyền cơ sở trong quản lý và cung ứng dịch vụ công. Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số; xây dựng chính quyền số, chính quyền đô thị hiện đại; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng điều hành của thành phố.

Song song với việc tổ chức bộ máy, công tác quản lý, sử dụng biên chế cần được thực hiện chặt chẽ, hiệu quả, gắn với vị trí việc làm và khối lượng công việc thực tế. Việc rà soát, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cần bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định của pháp luật; đồng thời có giải pháp phù hợp để xử lý số lượng cán bộ dôi dư phát sinh trong

quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy.

Công tác xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cần được đặc biệt chú trọng, nhằm đáp ứng yêu cầu của mô hình quản trị đô thị hiện đại. Cần đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý, nhất là kỹ năng quản trị đô thị, quản lý kinh tế, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Đồng thời, cần có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút, trọng dụng nhân tài, nhất là đội ngũ chuyên gia, cán bộ có trình độ cao trong các lĩnh vực then chốt như quy hoạch, xây dựng, công nghệ thông tin và quản lý đô thị.

Bên cạnh đó, việc đổi mới phương thức quản lý cán bộ, công chức, viên chức cần được triển khai theo hướng hiện đại, dựa trên kết quả, hiệu quả công việc và mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Cần xây dựng hệ thống đánh giá cán bộ khoa học, khách quan, gắn với các chỉ tiêu cụ thể, làm cơ sở cho việc bố trí, sử dụng, bổ nhiệm và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức. Có cơ chế bảo vệ, khuyến khích cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Việc đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số trong quản lý cán bộ, công chức, viên chức cũng là yêu cầu cấp thiết, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thủ tục hành chính, tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Hệ thống cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức cần được xây dựng đồng bộ, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị, phục vụ hiệu quả công tác quản lý. Ngoài ra, cần bảo đảm đầy đủ chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, chuyển đổi vị trí công tác, nhằm bảo đảm quyền lợi chính đáng, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai.

Nhìn chung, giải pháp về tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức cần được triển khai đồng bộ, toàn diện, bảo đảm xây dựng được hệ thống chính quyền tinh gọn, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

10.3. Các giải pháp về huy động, sử dụng nguồn lực, thu hút vốn đầu tư

Tăng cường công tác quản lý tài chính - ngân sách, coi đây là nền tảng quan trọng để bảo đảm các nguồn lực phục vụ phát triển. Công tác thu ngân sách được tổ chức theo hướng bao quát đầy đủ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế, tăng tỷ trọng thu nội địa; chú trọng phát triển các nguồn thu bền vững từ sản xuất - kinh doanh, dịch vụ du lịch, dịch vụ logistics, thương mại biên mậu, dịch vụ cảng biển, dịch vụ cảng cá, khai thác hợp lý quỹ đất đô thị, đất công nghiệp, đất du lịch, đất ven biển và vùng giáp ranh các trục giao thông chiến lược. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương tài chính; nâng cao chất lượng lập, chấp hành và quyết toán ngân sách; đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; từng bước tái cơ cấu chi ngân sách theo hướng giảm chi thường xuyên, ưu tiên tăng chi đầu tư phát triển, đặc biệt là cho các công trình hạ tầng trọng điểm, công trình động lực và các lĩnh vực an sinh xã hội thiết yếu.

Phát triển hệ thống dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm trên địa bàn tỉnh nhằm tăng tỷ trọng đóng góp vào GRDP và tạo nền tảng tài chính cho các hoạt

động đầu tư. Trên cơ sở bám sát chủ trương, định hướng điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng của Trung ương, phối hợp với hệ thống ngân hàng thương mại tập trung nguồn vốn cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên như: doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp - nông thôn, nuôi trồng và chế biến thủy sản, năng lượng tái tạo, hạ tầng logistics, hạ tầng du lịch, phát triển nông thôn mới. Đồng thời, tỉnh đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, phát triển dịch vụ ngân hàng số, góp phần nâng cao tính minh bạch, giảm chi phí giao dịch và hỗ trợ phát triển kinh tế số.

Về huy động nguồn lực, chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương để huy động tối đa các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, vốn ODA, vốn vay ưu đãi và các chương trình mục tiêu quốc gia cho các dự án hạ tầng cấp bách, có ý nghĩa vùng và liên vùng như: các trục kết nối vùng biên giới - cửa khẩu với trung tâm tỉnh và vùng ĐBSCL; hệ thống cảng biển, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão; hạ tầng phòng chống thiên tai, công trình ngăn mặn - giữ ngọt, thủy lợi vùng ven biển, vùng đầu nguồn; hạ tầng y tế và giáo dục vùng sâu, vùng biên giới, vùng hải đảo. Trong đó, nguồn vốn Trung ương tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, kỹ thuật hiện đại, đồng bộ tại các khu vực cửa khẩu; nâng cấp các tuyến đường giao thông kết nối đến khu vực cửa khẩu; từng bước hướng tới xây dựng cửa khẩu số, cửa khẩu thông minh. Nguồn vốn địa phương tập trung đầu tư cho các công trình hạ tầng thiết yếu và các tuyến đường giao thông kết nối đến các cửa khẩu phụ. Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, thủ tục, danh mục dự án và chủ động đề xuất với các bộ, ngành để các dự án lớn trên địa bàn được bố trí nguồn vốn phù hợp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và kế hoạch hàng năm của Trung ương.

Xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn, đảm bảo tính công khai, minh bạch, có trọng tâm, trọng điểm. Vốn đầu tư công tập trung cho các công trình hạ tầng then chốt, có tính lan tỏa cao như: giao thông trục dọc - trục ngang, tuyến ven biển, kết nối cửa khẩu, cảng biển, cảng cá, khu kinh tế; hạ tầng đô thị loại I, loại II, các đô thị động lực; hạ tầng khu, cụm công nghiệp; hạ tầng du lịch biển đảo và du lịch văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo; hạ tầng môi trường, xử lý chất thải; các công trình an sinh xã hội, y tế, giáo dục vùng khó khăn, vùng biên giới, vùng biển đảo. Thực hiện kiên quyết khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán, thiếu đồng bộ; tăng cường thẩm định, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư, bảo đảm sử dụng hiệu quả từng đồng vốn ngân sách.

Về thu hút đầu tư, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư - kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, tăng cường ứng dụng công nghệ số trong giải quyết thủ tục liên quan đến đất đai, đầu tư, xây dựng, thuế, hải quan. Tỉnh đổi mới công tác xúc tiến đầu tư theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, gắn với các ngành, lĩnh vực, khu vực ưu tiên như: công nghiệp chế biến nông, thủy sản, du lịch biển đảo và du lịch văn hóa, sinh thái, dịch vụ logistics, dịch vụ cảng biển, năng lượng tái tạo, hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ chất lượng cao. Xây dựng các cơ chế, chính sách đột phá, linh hoạt, phù hợp với quy định pháp luật để thu hút nhà đầu tư vào các khu chức năng trong Khu kinh tế, đặc biệt là các ngành công nghiệp chế biến, logistics, thương mại và dịch vụ chất lượng cao. Đồng thời, tỉnh tăng

cường kết nối hoạt động xúc tiến đầu tư của mình với chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia, các cơ quan xúc tiến đầu tư nước ngoài, các tổ chức tài chính quốc tế, các hiệp hội doanh nghiệp để mở rộng mạng lưới nhà đầu tư chiến lược.

An Giang chủ trương phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp được xây dựng theo hướng tổng thể, bao gồm: cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý, tư vấn thị trường, hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, xúc tiến thương mại, hỗ trợ tiếp cận tín dụng, hỗ trợ ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số; hình thành các cụm liên kết ngành, cụm liên kết giá trị giữa doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, nông dân nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh và tăng cường khả năng tham gia chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

Đối với các hình thức huy động vốn ngoài ngân sách, đặc biệt là đầu tư theo phương thức đối tác công - tư (PPP) và thu hút FDI, tỉnh chủ động rà soát, xây dựng danh mục các dự án PPP ưu tiên trong lĩnh vực giao thông, cấp nước, xử lý nước thải, xử lý rác thải, hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, hạ tầng du lịch biển đảo, hạ tầng đô thị mới. Các dự án PPP được chuẩn bị kỹ lưỡng về căn cứ pháp lý, tính khả thi, phương án tài chính, cơ chế phân bổ rủi ro, bảo đảm hài hòa lợi ích Nhà nước - nhà đầu tư - người dân. Đối với FDI, tỉnh chú trọng các dự án có công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, thân thiện môi trường, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, gắn với mục tiêu chuyển đổi xanh và chuyển đổi số.

10.4. Các giải pháp phát triển nguồn nhân lực

a) Giải pháp về nâng cao chất lượng và đổi mới hệ thống đào tạo theo định hướng vùng

Tập trung triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng và đổi mới hệ thống giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp theo định hướng vùng Đồng bằng sông Cửu Long, gắn với vị thế là trung tâm lúa gạo, thủy sản nước ngọt, thương mại biên giới và kinh tế biển - dịch vụ ven biển. Trên cơ sở đó, tỉnh rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo hướng tinh gọn, mở, linh hoạt, tăng tính liên thông giữa các trình độ; gắn chặt công tác đào tạo với nhu cầu nhân lực của các ngành, lĩnh vực động lực như: nông nghiệp và thủy sản công nghệ cao; công nghiệp chế biến nông - thủy sản, phụ phẩm; logistics nông sản và logistics cảng biển; thương mại biên giới, dịch vụ cửa khẩu; du lịch sinh thái, du lịch tâm linh, du lịch biển - đảo; năng lượng tái tạo và dịch vụ đô thị.

Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo chuẩn kỹ năng nghề của quốc gia, đồng thời cập nhật các bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề tiên tiến phù hợp với đặc thù vùng ĐBSCL, chú trọng các nghề: kỹ thuật trồng lúa chất lượng cao, canh tác thông minh, nuôi trồng thủy sản nước ngọt và nước lợ công nghệ cao, chế biến thủy sản xuất khẩu, kỹ thuật bảo quản lạnh, vận hành kho lạnh, logistics nông sản - thủy sản, nghiệp vụ du lịch, lữ hành, lưu trú, dịch vụ biển đảo, thương mại biên giới, logistics cửa khẩu, kỹ thuật vận hành hệ thống năng lượng tái tạo, vận hành thiết bị số trong quản lý sản xuất và dịch vụ.

Cùng với đó, tỉnh đẩy mạnh đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường kỹ năng thực hành, kỹ năng số và kỹ năng xanh, đáp ứng yêu cầu Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi xanh. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được khuyến khích phát triển các chương trình đào tạo ngắn hạn, đào tạo "đặt hàng" theo nhu cầu doanh nghiệp, các khóa bồi dưỡng kỹ năng vi mô (micro-credentials) về: vận hành thiết bị tự động trong nhà máy chế biến, sử dụng công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc nông - thủy sản, quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, kỹ năng giao tiếp - ngoại ngữ trong du lịch và thương mại biên giới, kỹ năng vận hành hệ thống thương mại điện tử và thanh toán số.

Thúc đẩy liên kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo trên địa bàn An Giang với các trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm kỹ năng vùng tại Cần Thơ, TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; hình thành mạng lưới đào tạo - nghiên cứu - chuyển giao công nghệ theo chuỗi vùng, phân công chuyên môn hóa theo ngành, nghề. Trên cơ sở đó, người học tại An Giang được tiếp cận chương trình, giáo trình, giảng viên và hạ tầng đào tạo chất lượng cao, đồng thời vẫn gắn chặt với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động tại địa phương.

b) Giải pháp về chính sách thu hút và giữ chân nguồn lao động chất lượng cao

Xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách tổng thể nhằm thu hút, bố trí, sử dụng và giữ chân nguồn lao động chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư và cán bộ quản lý có trình độ, phục vụ trực tiếp cho các ngành, lĩnh vực ưu tiên của tỉnh như nông nghiệp và thủy sản ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, logistics, du lịch biển đảo, du lịch văn hóa, tín ngưỡng và tôn giáo tại khu vực Núi Sam và vùng biên giới, quản lý và phát triển đô thị, quản lý tài nguyên và môi trường, năng lượng tái tạo, chuyển đổi số, tài chính và ngân hàng.

Ưu tiên bố trí quỹ đất và huy động các nguồn lực để phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho chuyên gia, nhà ở công nhân và khu ở cho lao động kỹ thuật cao gắn với các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu đô thị dịch vụ, khu du lịch trọng điểm và khu vực cửa khẩu, cảng biển. Đồng thời, tỉnh quan tâm đầu tư hoàn thiện hạ tầng xã hội đồng bộ tại các khu vực này, bao gồm hệ thống trường học, cơ sở y tế, thiết chế văn hóa và thể thao, không gian xanh, hạ tầng số và các dịch vụ vui chơi giải trí, nhằm bảo đảm điều kiện sống ổn định, lâu dài cho người lao động, đặc biệt là lao động chất lượng cao và gia đình.

Về chính sách đãi ngộ, nghiên cứu áp dụng các cơ chế đặc thù đối với chuyên gia, nhà khoa học và cán bộ quản lý giỏi, bao gồm hỗ trợ về nhà ở, thu nhập tăng thêm, chi phí nghiên cứu, điều kiện làm việc và cơ hội phát triển nghề nghiệp. Đồng thời, triển khai các chính sách thu hút con em An Giang là du học sinh, trí thức đang công tác tại các trung tâm lớn trong nước và nước ngoài quay về làm việc, khởi nghiệp tại địa phương. Khuyến khích hình thành cộng đồng chuyên gia và mạng lưới trí thức kiều bào, trí thức xa quê nhằm hỗ trợ tư vấn, chuyển giao tri thức, kết nối hợp tác và thu hút đầu tư cho tỉnh.

Tăng cường gắn kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp thông qua cơ chế doanh nghiệp đặt hàng đào tạo, các chương trình phối hợp đào tạo, thực tập và

tuyển dụng, hợp đồng đào tạo theo địa chỉ và liên kết xây dựng chương trình đào tạo cho các ngành chủ lực. Đối với các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài và các dự án quy mô lớn trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, logistics, du lịch và năng lượng, tỉnh nghiên cứu yêu cầu nhà đầu tư xây dựng chương trình đào tạo tại chỗ, ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương sau đào tạo, gắn với lộ trình nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo trong doanh nghiệp, qua đó vừa nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, vừa hạn chế tình trạng chảy máu chất xám ra ngoài tỉnh.

c) Giải pháp về cải thiện năng suất lao động và cơ chế phối hợp, quản lý vùng

Triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất lao động trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, tự động hóa và số hóa trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung ứng dịch vụ. Tỉnh ưu tiên huy động nguồn lực từ đầu tư công, vốn ODA, tín dụng ưu đãi, các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp và nguồn vốn xã hội hóa để hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới máy móc, dây chuyền sản xuất và thiết bị công nghệ hiện đại trong các ngành chủ lực như trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng và khai thác thủy sản, chế biến nông sản và thủy sản, sản xuất vật tư nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, dịch vụ logistics, thương mại biên mậu, du lịch, dịch vụ cảng biển và cảng cá.

Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các mô hình quản trị hiện đại và nền tảng số trong quản lý sản xuất và kinh doanh, bao gồm hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp, hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống truy xuất nguồn gốc, quản lý kho và logistics, hệ thống bán hàng và thanh toán số, cũng như hệ thống quản trị nhân sự gắn với đánh giá hiệu quả công việc. Việc ứng dụng công nghệ được gắn chặt với nâng cao trình độ và kỹ năng của người lao động thông qua đào tạo lại, đào tạo nâng cao và bồi dưỡng tại chỗ, bảo đảm người lao động được hưởng lợi từ kết quả tăng năng suất thông qua cải thiện thu nhập, điều kiện làm việc và an sinh xã hội.

Với vai trò là một trong những trung tâm nông nghiệp, thủy sản và kinh tế biên giới, biển đảo của vùng đồng bằng sông Cửu Long, An Giang chủ động tham gia và đề xuất các cơ chế phối hợp vùng trong phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng suất lao động. Tỉnh phối hợp với các địa phương trong vùng và các trung tâm lớn như Cần Thơ và Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng cơ sở dữ liệu vùng về thị trường lao động, nhu cầu nhân lực theo ngành nghề chứng độ, chia sẻ thông tin về tuyển dụng, cơ cấu lao động và xu hướng dịch chuyển lao động. Trên cơ sở đó, các cơ sở đào tạo, trung tâm kỹ năng và doanh nghiệp trong vùng có căn cứ phối hợp đào tạo, tuyển dụng và sử dụng lao động hợp lý, hạn chế cạnh tranh nhân lực không lành mạnh và giảm tình trạng dịch chuyển lao động tự phát gây thiếu hụt lao động cục bộ.

Đồng thời, tăng cường phối hợp liên tỉnh trong triển khai các chương trình và dự án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã nâng cao năng suất lao động thông qua tư vấn cải tiến quy trình sản xuất, đổi mới công nghệ, chuẩn hóa quản trị và áp dụng các công cụ đo lường năng suất, chất lượng. Đẩy mạnh phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, khuyến khích sáng kiến và cải tiến kỹ thuật tại doanh nghiệp và cơ sở sản xuất, từng bước hình thành văn hóa năng suất

cao và lao động kỷ luật trong toàn tỉnh, gắn với không gian phát triển kinh tế của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

10.5. Các giải pháp về môi trường, khoa học công nghệ

a) Bảo vệ môi trường

Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên nước và chất lượng môi trường trên toàn bộ không gian hành chính, bao gồm vùng đầu nguồn, hệ thống sông kênh rạch, vùng đất ngập nước, vùng ven biển và hải đảo. Trọng tâm là kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải từ công nghiệp, đô thị, nuôi trồng và chế biến thủy sản, du lịch và dịch vụ cảng; mở rộng thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt; tăng cường quan trắc môi trường nước và không khí tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao. Đồng thời, tỉnh phối hợp với các địa phương trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long và lưu vực sông Mê Công nhằm kiểm soát ô nhiễm liên vùng, hạn chế phát thải xuyên biên giới.

Song song đó, tỉnh đẩy mạnh quản lý chất lượng môi trường đất và chất thải rắn, ưu tiên xử lý và phục hồi các khu vực đất bị ô nhiễm, suy thoái; phát triển hệ thống thu gom, phân loại và xử lý chất thải theo hướng giảm chôn lấp, tăng tái chế và tái sử dụng. Công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học được chú trọng thông qua bảo vệ các hệ sinh thái đặc thù, phát triển không gian xanh và hành lang sinh thái, gắn với hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành và tăng cường thanh tra, giám sát. Qua đó, từng bước nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

b) Khoa học công nghệ

Xác định khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực then chốt để chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh, tuần hoàn và giá trị gia tăng cao, phù hợp với vai trò trung tâm sản xuất lúa gạo, thủy sản nước ngọt, thương mại biên giới, kinh tế biển và du lịch của tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Trọng tâm là lồng ghép khoa học, công nghệ vào toàn bộ chuỗi giá trị các ngành kinh tế chủ lực, từ sản xuất giống, canh tác, nuôi trồng, thu hoạch, bảo quản, chế biến đến logistics, thương mại, dịch vụ và quản lý đô thị. Tỉnh xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 cho các ngành mũi nhọn, xác định rõ công nghệ cốt lõi và công nghệ số có khả năng tạo đột phá, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế.

Ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đồng thời khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội, nhất là từ doanh nghiệp và hợp tác công tư. Tỉnh ưu tiên bố trí chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo mục tiêu đã đề ra, gắn phân bổ nguồn lực với đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ. Song song đó, An Giang hoàn thiện thể chế và quyết định hành chính nhằm thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong quản lý nhà nước, nâng cấp hạ tầng khoa học và công nghệ, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất ứng dụng các công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí, giảm phát thải và tăng năng lực cạnh tranh.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong thích ứng biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường thông qua các hệ thống quan trắc, giám sát tự động, dự báo và cảnh báo sớm. Đồng thời, An Giang phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo gắn với doanh nghiệp và thị trường, hỗ trợ hình thành trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm, doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực thế mạnh. Việc phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ được chú trọng thông qua đào tạo, bồi dưỡng, thu hút chuyên gia, tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp và các trung tâm khoa học trong vùng, qua đó nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, phục vụ phát triển bền vững của tỉnh.

c) Chuyển đổi số

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên cả ba trụ cột là chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, coi đây là nền tảng quan trọng để nâng cao hiệu lực quản trị, chất lượng dịch vụ công, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Trọng tâm là hoàn thiện kiến trúc chính quyền điện tử, xây dựng và vận hành đồng bộ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; mở rộng dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đẩy mạnh số hóa hồ sơ, ứng dụng chữ ký số và trao đổi văn bản điện tử. Tỉnh từng bước triển khai trung tâm điều hành đô thị thông minh và các hệ thống giám sát, phân tích dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trong các lĩnh vực quy hoạch, đất đai, giao thông, thủy lợi, môi trường, y tế, giáo dục, an ninh trật tự, du lịch, thương mại biên giới và kinh tế biển.

Trong phát triển kinh tế số và xã hội số, tỉnh thúc đẩy ứng dụng nền tảng số trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, ưu tiên các ngành có lợi thế như nông nghiệp, thủy sản, logistics, du lịch, thương mại và dịch vụ cảng. Đồng thời, An Giang đầu tư nâng cấp hạ tầng viễn thông và hạ tầng dữ liệu, triển khai mạng băng rộng và 5G tại các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch và cửa khẩu; xây dựng trung tâm dữ liệu tập trung gắn với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng. Cùng với đó, tỉnh đẩy mạnh phổ cập kỹ năng số, mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt, phát triển giáo dục số, y tế số và các dịch vụ xã hội trên nền tảng số, qua đó từng bước hình thành mô hình phát triển xanh, thông minh và có khả năng thích ứng cao với biến đổi khí hậu, phù hợp vai trò động lực của An Giang trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

10.6. Giải pháp về cơ chế, chính sách và liên kết phát triển

a) Cơ chế chính sách

Trên cơ sở tổng hợp kinh nghiệm quốc tế và bối cảnh trong nước, tỉnh An Giang đề xuất gói cơ chế chính sách áp dụng cho các khu vực kinh tế đặc thù, gồm: Khu thương mại tự do Phú Quốc, Khu kinh tế cửa khẩu An Giang, Khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tích hợp, và Đặc khu Thổ Châu, Kiên Hải. Các cơ chế được thiết kế theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, bao phủ các nội dung then chốt: tổ chức quản lý và phân cấp; cải cách thủ tục hành chính; ưu đãi đầu tư, đất đai, thuế; phát triển hạ tầng và không gian kinh tế mới; thu hút nhân lực chất lượng cao; tự chủ tài chính, ngân sách; hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; gắn tăng trưởng với bảo vệ tài nguyên, môi trường; và thí điểm cơ chế mới theo phương

thức "thử nghiệm có kiểm soát".

b) Liên kết phát triển

Tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình liên kết đã ký với các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh, vùng Đông Nam Bộ và các địa phương ven biển Nam Trung Bộ; đồng thời mở rộng hợp tác với các tỉnh giáp biên Campuchia, Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS) và đối tác quốc tế, tập trung vào phát triển hạ tầng giao thông và logistics, tổ chức chuỗi cung ứng lúa gạo, thủy sản, trái cây, thương mại biên giới, công nghiệp chế biến, du lịch, năng lượng tái tạo, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ và chuyển đổi số. Liên kết được triển khai gắn với các hành lang kinh tế và trục giao thương chiến lược, tổ chức lại không gian sản xuất và thị trường theo chuỗi giá trị để giảm chi phí logistics, nâng giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh; đồng thời phối hợp phát triển các tuyến du lịch liên vùng (văn hóa, sinh thái, biên giới, mua sắm, nông nghiệp, làng nghề) gắn với xúc tiến chung và quảng bá thương hiệu du lịch An Giang.

Trên nền tảng hội nhập quốc tế và tận dụng các FTA, tỉnh đẩy mạnh xuất khẩu, mở rộng thị trường, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và chính quyền số để thu hút FDI, ODA và nguồn lực quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin, xúc tiến đầu tư - thương mại - du lịch, tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, hiệp hội ngành hàng và đối tác phát triển nhằm huy động nguồn lực cho hạ tầng, nông nghiệp nông thôn, y tế giáo dục, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển bền vững, qua đó củng cố vai trò An Giang là cực tăng trưởng và đầu mối kết nối giữa không gian nông nghiệp thủy sản nội địa với kinh tế biên giới và kinh tế biển của vùng.

10.7. Giải pháp kéo giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều

Việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, phát triển các sản phẩm đặc sản hoặc kết hợp với du lịch cộng đồng sẽ giúp gia tăng giá trị kinh tế. Quan trọng hơn, chính quyền cần hỗ trợ xây dựng thương hiệu, kết nối thị trường tiêu thụ để đảm bảo đầu ra ổn định cho sản phẩm, từ đó giúp người dân nâng cao thu nhập một cách bền vững.

Bên cạnh đó, nâng cao chất lượng nguồn lao động thông qua đào tạo nghề là giải pháp mang tính quyết định. Các chương trình đào tạo nghề cần được thiết kế phù hợp với nhu cầu thực tế, gắn với cơ hội việc làm cụ thể. Không chỉ dừng lại ở đào tạo kỹ thuật, cần chú trọng trang bị các kỹ năng mềm như tư duy linh hoạt, khả năng thích nghi và tinh thần chủ động. Khi người lao động có tay nghề và kỹ năng, họ sẽ có nhiều cơ hội tiếp cận việc làm tốt hơn, từ đó cải thiện đời sống.

Tăng cường hỗ trợ tiếp cận vốn cho người nghèo. Việc mở rộng các chương trình tín dụng ưu đãi với thủ tục đơn giản, lãi suất thấp là hết sức cần thiết. Tuy nhiên, hỗ trợ vốn cần đi kèm với hướng dẫn sử dụng hiệu quả và giám sát chặt chẽ để tránh tình trạng sử dụng sai mục đích. Đồng thời, cần khuyến khích tinh thần khởi nghiệp tại địa phương, tạo điều kiện để người dân chủ động phát triển kinh tế thay vì phụ thuộc vào trợ cấp.

Hạ tầng giao thông, điện, nước và viễn thông nếu được đầu tư đồng bộ sẽ

mở ra nhiều cơ hội phát triển cho người dân. Khi đường sá thuận lợi, người dân có thể dễ dàng vận chuyển hàng hóa, tiếp cận thị trường và các dịch vụ thiết yếu. Đặc biệt, trong thời đại số, việc phát triển hạ tầng internet sẽ giúp người dân tiếp cận thông tin, học hỏi kiến thức và tham gia vào các hoạt động kinh tế trực tuyến.

Giáo dục giúp nâng cao trình độ dân trí, tạo tiền đề cho phát triển lâu dài, trong khi y tế đảm bảo sức khỏe để người dân lao động và sản xuất hiệu quả. Cần có chính sách hỗ trợ học tập cho trẻ em nghèo, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ y tế cơ sở để giảm thiểu rủi ro do bệnh tật - một trong những nguyên nhân dẫn đến tái nghèo. Đặc biệt, để các giải pháp trên phát huy hiệu quả, cần chú trọng thay đổi nhận thức của người dân. Do đó, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, khuyến khích tinh thần tự lực, tự cường và ý chí vươn lên. Việc nhân rộng các mô hình thoát nghèo thành công sẽ tạo động lực và niềm tin cho người dân noi theo.

Trong bối cảnh hiện đại, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số cũng là một hướng đi cần được quan tâm. Việc hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng trực tuyến để quảng bá và tiêu thụ sản phẩm sẽ giúp mở rộng thị trường, tăng thu nhập. Đồng thời, áp dụng công nghệ vào sản xuất sẽ nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương. Nhân rộng các mô hình sinh kế đạt hiệu quả trong công tác giảm nghèo, ưu tiên các mô hình ít vốn, dễ áp dụng, có khả năng tạo việc làm thường xuyên, thu nhập bền vững như chăn nuôi quy mô phù hợp, trồng cây có giá trị kinh tế, nghề phụ, dịch vụ nông thôn. Đồng thời gắn mô hình sinh kế với thị trường tiêu thụ, tránh tình trạng "được mùa mất giá".

Chính quyền cần xây dựng chính sách phù hợp, sát thực tế và tổ chức thực hiện hiệu quả. Đồng thời, cần huy động sự tham gia của các tổ chức xã hội và doanh nghiệp để tạo nguồn lực tổng hợp cho công tác giảm nghèo. Sự đoàn kết và hỗ trợ lẫn nhau trong cộng đồng cũng sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả thoát nghèo.

Phần thứ năm

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Từ những căn cứ và yêu cầu nêu trên, có thể khẳng định việc thành lập các phường thuộc tỉnh An Giang là phù hợp với yêu cầu khách quan của quá trình phát triển, chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về tổ chức không gian phát triển và xây dựng hệ thống đô thị quốc gia; đồng thời thống nhất với các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc thành lập các phường không chỉ đáp ứng yêu cầu hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền đô thị, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, mà còn tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của từng địa phương và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân. Đồng thời, việc thành lập các phường sẽ góp phần đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa của tỉnh theo hướng bền vững, đồng bộ và hiện đại; từng bước hình thành mạng lưới đô thị liên kết chặt chẽ, phát triển các đô thị động lực, đô thị thông minh, tăng cường kết nối giữa các đô thị trong tỉnh với các trung tâm kinh tế, đô thị của khu vực và cả nước. Đây cũng là

cơ sở để tập trung đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu theo quy hoạch được phê duyệt, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn của đơn vị hành chính theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; phù hợp với nguyện vọng, mong muốn của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân địa phương; góp phần củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, tạo nền tảng để nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, hướng tới mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và văn minh, hiện đại.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang kính trình Chính phủ, Bộ Nội vụ Đề án thành lập các phường thuộc tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- BTV Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH